SỐ 150 &151 • THÁNG 10 &11 NĂM 1998

VĂN HỌC • SỐ ĐẶC BIỆT

VĂN NGHIỆP VÕ PHIẾN

Võ Phiến

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số đặc biệt 150 & 151
Tháng 10 và tháng 11.1998

Văn nghiệp Võ Phiến

● Thư tòa soạn / **Văn Học**, trang 2 ● Niên biểu Võ Phiến, trang 3 ● Tác phẩm Võ Phiến, trang 5 ● Đến với Võ Phiến / **Nguyễn Hưng Quốc**, trang 14 ● Võ Phiến, Nhìn và Thấy / **Võ Đình**, trang 21 ● Khởi lên từ ngọn bút / **Triều Hoa Đại**, trang 33 ● Võ Phiến: Tâm và Cảnh / **Trần Hữu Thục**, trang 34 ● Nhà văn và Cuộc sống / **Trần Doãn Nho** phỏng vấn Võ Phiến, trang 44 ● Võ Phiến: Tình nghĩa giáo khoa thư / **Nguyễn Hoàng Văn**, trang 52 ● Đọc lần 1, lần 2 và...tùy bút Võ Phiến / **Lê Minh Hà**, trang 60 ● Đọc tạp luận Võ Phiến / **Nguyễn Hữu Lê**, trang 64 ● Lại đôi lời / **Trúc Chi**, trang 70 ● Ám ảnh thời gian trong thơ Võ Phiến / **Minh Nguyệt**, trang 75 ● Nhân vật / **Hoàng Nga**, trang 80 ● Võ Phiến những năm 60 / **Nguyễn Vy Khanh**, trang 87 ● Từ Đoàn Thế Nhơn đến Võ Phiến / **Tạ Chí Đại Trường**, trang 103 ● Võ Phiến (thơ, thơ họa) / **Huệ Thu-Hà Thượng Nhân**, trang 109 ● Võ Phiến với chúng ta / **Quỳnh Giao**, trang 110 ● Đọc lại Võ Phiến / **Ngự Thuyết**, trang 116 ● Võ Phiến: Một đời để tùy nghi / **Trần Long Hồ**, trang 123 ● Vài cảm nghĩ nhân đọc "Hoan ca" của Võ Phiến / **Ngô Nguyên Dũng**, trang 137 ● Nhà văn thích xuề xòa mà viết tinh tế / **Trần văn Nam**, trang 143 ● Gợi hứng từ Võ Phiến / **Sử Mặc**, trang 148 ● Viễn / **Hoàng Xuân Sơn**, trang 149 ● Cây đa bên cầu / **Trần Hoài Thư**, trang 153 ● Chân dung Võ Phiến (và bà Võ Phiến) / **Nguyễn Bá Khanh**, trang 154 ● **Trích văn Võ Phiến**: Cái còn lại, trang 168 ● Thời gian, trang 173 ● Văn phong, Nhân cách, trang 174 ● Xong cả, trang 182 ● Thơ dịch, trang 199 ● Tạp ghi / **Nguyễn Quốc Trụ**, trang 208 ● Hộp thư / **Văn Học**, trang 221.●

Thư Tòa soạn
Văn Học

Theo dự kiến, Ban Chủ biên định dành trọn số 150 (tháng 10 năm 1998) làm số đặc biệt về *Văn nghiệp Võ Phiến*. Nhưng vì bài vở của văn hữu xa gần gửi về quá nhiều, vượt quá dự kiến ban đầu, chúng tôi phải biến số báo đặc biệt này thành số đôi 150 & 151, cho hai tháng 10 và 11.1998. Chẳng những thế, tất cả các bài trong các mục thường xuyên như tiểu luận, sáng tác, giới thiệu sách mới...đều phải gác lại mới đủ trang để in tất cả các bài cần thiết. Điều đó có gây bất tiện cho một số bạn đọc, nhưng xin quí bạn thông cảm: Đây là cơ hội hiếm hoi để chúng tôi giới thiệu tương đối đầy đủ về một nhà văn hàng đầu của văn chương Việt Nam, giúp các bạn trẻ có cái nhìn tổng quát về Võ Phiến, từ đó thế hệ mới có hành trang tìm hiểu thêm về văn chương thế hệ đàn anh.

Hơn bốn mươi năm đã trôi qua kể từ ngày Võ Phiến cho xuất bản tập truyện ngắn đầu tay. Thời gian ấy đã đủ để một văn nghiệp chịu thử thách khắc nghiệt của luật đào thải. Không có nhà phê bình văn học nào nghiêm khắc và công bình cho bằng thời gian. Có nhiều tác giả tạo được những rúng động khủng khiếp trong dư luận và thị hiếu một thời, nhưng khi thời thế đổi thay (mà Việt Nam chúng ta đổi thay quá nhanh, quá nhiều trong lịch sử hiện đại), họ bị đào thải không thương tiếc. Lâu lâu, đọc lại những tác phẩm một thời nổi tiếng của một tác giả ăn khách, chúng ta cứ tự hỏi tại sao lúc ấy chúng ta lại yêu thích một tác phẩm nhạt nhẽo vô vị như vậy.

Võ Phiến là một trong số hiếm hoi những nhà văn đã "đứng" được với thời gian. Chẳng những "đứng" được, tác phẩm của ông "đứng được toàn phần". Toàn bộ những gì ông viết đều qua được thử thách gay go của bốn mươi năm đầy xao động, biến đổi. Vì sao như vậy?

Những bài viết trong số báo đặc biệt này, từ nhiều góc độ khác nhau, trả lời câu hỏi ấy.❐

Niên biểu Võ Phiến

(Trích trong cuốn *Võ Phiến* của Nguyễn Hưng Quốc,
nxb Văn Nghệ, 1996)

1925 Theo giấy tờ ngày sinh là 20 tháng 10 dương lịch tại làng Trà Bình, tổng Trung Bình, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Thực ra thì ngày sinh là 13 tháng 9 năm Ất Sửu âm lịch (tức 30-10-1925 dương lịch).
Tên thật: Đoàn Thế Nhơn.

1932 Lần đầu tiên biết mặt cha. (Cha từ Nam Kỳ về, sau nhiều năm bặt tin).

1932 Em ruột, Đoàn Thế Hối (nhà văn Lê Vĩnh Hoà) sinh tại làng Trà Bình.

1934 Mẹ theo cha vào Nam (Rạch Giá) làm ăn, mỗi năm một lần về. Sau 1945, cha mẹ bị kẹt, không về được.

1938 Học ở Qui Nhơn.

1942 Học ở Huế.

1943 Bài tuỳ bút đầu tiên đăng trên tạp chí *Trung Bắc Chủ Nhật* (Hà nội)

1944 Ông Đào Duy Anh đem về nhà, nuôi, giúp cho ăn học.

1945 Nhập ngũ. Làm tuyên truyền xung phong. Về Bình Định.

1946 Ra Hà Nội, học. Ông Đào Duy Anh tiếp tục giúp đỡ.

1946 Tháng 12, về lại Bình Định.

1947 Làm Bình dân học vụ. Làm thuế quan.

1948 Đầu năm. Cưới vợ. Dạy học.

1948 Cuối năm. Có con đầu lòng.

1952 Ngày 17-10-1952 bị bắt vì hoạt động chính trị chống chế độ cộng sản.

1953 Bị toà án Liên khu V xử 5 năm tù, giam ở trại Phú Nhiêu.

1954 Tháng Chín, được phóng thích, theo Hiệp định Genève.

1954 Cuối năm. Trốn ra Huế. Gặp lại Đỗ Tấn.
Làm việc ở nha Thông tin Trung Việt.
1955 Đầu năm, làm Trưởng ty Thông tin Quảng Trị.
Viết cho báo *Mùa Lúa Mới*.
1955 Cuối năm 1955 đến 1959, làm Trưởng Ty Thông tin Bình Định. Viết cho các báo *Mùa Lúa Mới, Bách Khoa, Sáng Tạo*... Xuất bản *Chữ tình, Người tù*...
1956 Gặp lại cha mẹ ở Trà Vinh. Đưa về đoàn tụ ở Bình Định.
1959 Cuối năm, vào Sài Gòn. Làm việc ở Bộ Thông tin.
Cộng tác với nhiều tạp chí và báo tại Sài Gòn.
1960 Được trao tặng Giải thưởng Văn chương Toàn quốc với tác phẩm *Mưa đêm cuối năm*.
1961-74 Giám khảo Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Toàn quốc hàng năm.
1962 Lập nhà xuất bản *Thời Mới*.
1964 Gặp Lê Vĩnh Hoà lần chót tại nhà riêng, Sài Gòn.
1970-74 Hội viên Hội đồng Văn hoá Giáo dục Việt Nam.
1975 Ngày 22. 4, di tản khỏi Sài Gòn.
1975 Ngày 3 tháng 9, rời trại tị nạn Pennsylvania, đến Minneapolis (Minnesota).
1977 Ngày 7 tháng 4, dời gia đình đến ở Santa Monica (Los Angeles, California).
1978 Chủ trương tạp chí *Văn Học Nghệ Thuật*, tờ tạp chí văn học nghệ thuật đầu tiên của người Việt Nam ở hải ngoại (ra được 13 số, từ 4/78 đến12/79).
1979 Làm việc ở quận Los Angeles.
1980 Ngày 12 tháng 12. Dời nhà đến Highland Park (Los Angeles).
1983 Ngày 30 tháng 3. Thân phụ (Đoàn Thế Cần) qua đời tại Việt Nam.
1985 Tục bản *Văn Học Nghệ Thuật* cùng với Lê Tất Điều và Nguyễn Mộng Giác, từ tháng 5/1985 đến tháng 1/1986.
1985 Ngày 5 tháng 10. Mổ tim lần đầu
(Nhà thương Saint Vincent, Los Angeles).
1989 Ngày 6 tháng 11. Thân mẫu (Ngô Thị Cương) qua đời tại Việt Nam.
1992 Ngày 1 tháng 4. Mổ tim lần thứ hai
(Nhà thương Good Samaritan, Los Angeles).
1994 Tháng 7. Về hưu. Hiện, Võ Phiến và gia đình đang sống tại Los Angeles, California, Hoa Kỳ

Tác phẩm của Võ Phiến

(Trích trong cuốn *Võ Phiến* của Nguyễn Hưng Quốc, nxb Văn Nghệ, 1996. Có bổ sung)

TIỂU THUYẾT:

1. *Giã từ* (Bách Khoa, Sài Gòn, 1962)
2. *Một mình* (Thời Mới, Sài Gòn, 1965)
3. *Đàn ông* (Thời Mới, Sài Gòn, 1966)
4. *Nguyên vẹn* (Người Việt, Hoa Kỳ, 1978)

TRUYỆN NGẮN:

1. *Chữ tình* (Bình Minh, Qui Nhơn, 1956)
2. *Người tù* (Bình Minh, Qui Nhơn, 1957)
3. *Mưa đêm cuối năm* (Tự Do, Sài Gòn, 1958)
4. *Đêm xuân trăng sáng* (Nguyễn Đình Vượng, Sài Gòn, 1961)
5. *Thương hoài ngàn năm* (Bút Nghiên, Sài Gòn, 1962)
6. *Về một xóm quê* (Thời Mới, Sài Gòn, 1965) (1)
7. *Truyện thật ngắn* (Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1991; tái bản có bổ sung 1995)

TÙY BÚT:

1. *Thư nhà* (Thời Mới, Sài Gòn, 1962)
2. *Ảo ảnh* (Thời Mới, Sài Gòn, 1967)
3. *Phù thế* (Thời Mới, Sài Gòn, 1969)
4. *Đất nước quê hương* (Lửa Thiêng, Sài Gòn, 1973)
5. *Thư gửi bạn* (Người Việt, Hoa Kỳ, 1976)
6. *Ly hương* (in chung với Lê Tất Điều; Người Việt, Hoa Kỳ, 1977)
7. *Lại thư gửi bạn* (Người Việt, Hoa Kỳ, 1979)
8. *Quê* (Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1992)
9. *Sống và viết* (Văn Mới, Hoa Kỳ, 1996)

TIỂU LUẬN:

1. *Tiểu thuyết hiện đại* (ký tên Tràng Thiên, Thời Mới, Sài Gòn,1963)
2. *Văn học Nga Xô hiện đại* (ký tên Tràng Thiên, Thời Mới, Sài Gòn, 1965)
3. *Tạp bút 1* (Thời Mới, Sài Gòn, 1965)
4. *Tạp bút 2* (Thời Mới, Sài Gòn, 1965)
5. *Tạp bút 3* (Thời Mới, Sài Gòn, 1966)
6. *Tạp luận* (Trí Đăng, Sài Gòn, 1973)
7. *Chúng ta qua cách viết* (Giao Điểm, Sài Gòn, 1973)
8. *Viết* (Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1993)
9. *Đối thoại* (Văn Nghệ, Hoa Kỳ, 1993)

PHÊ BÌNH:

Chủ yếu tập trung trong bộ *Văn học Miền Nam*, nhiều tập, do nhà Văn Nghệ tại California, Hoa Kỳ xuất bản. Các tập đã in:

1. *Văn học Miền Nam, tổng quan* (1986; in lại 1988)
2. *Thơ Miền Nam*, tập 1 (1991)
3. *Thơ Miền Nam*, tập 2 (1995)
4. *Truyện Miền Nam*, tập 1 (1992)
5. *Truyện Miền Nam*, tập 2 (1993)
6. *Truyện Miền Nam*, tập 3 (1995)
7. *Bút Ký Kịch Miền Nam*, tập 1 (1993)
8. *Bút Ký Kịch Miền Nam*, tập 2 (1995)

DỊCH THUẬT:

Tất cả đều ký dưới bút hiệu Tràng Thiên.

1. *Hăm bốn giờ trong đời một người đàn bà* (của Stéfan Zweig; Thời Mới, Sài Gòn, 1963)
2. *Các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại* (của André Maurois; Thời Mới, Sài Gòn, 1964)
3. *Truyện hay các nước*, tập 1 (cùng dịch với Nguyễn Minh Hoàng; Thời Mới, Sài Gòn, 1965)
4. *Truyện hay các nước*, tập 2 (cùng dịch với Nguyễn Minh Hoàng; Thời Mới, Sài Gòn, 1965)
5. *Ông chồng muôn thuở* (của Féodor Dostoievski; đăng trên nhật báo Tiền Tuyến tại Sài Gòn năm 1973, chưa in thành sách)

THƠ:

Thơ thẩn (gồm 51 bài, sáng tác từ năm 1943 đến 1995), An Tiêm, Paris, 1997 (2)

VÕ PHIẾN TOÀN TẬP:

Hầu hết những tác phẩm của Võ Phiến xuất bản trước năm 1988 (trừ sách dịch) đều được Võ Phiến chọn và in lại trong *Võ Phiến Toàn Tập*. Toàn Tập được nhà Văn Nghệ tại California, Hoa Kỳ ấn hành, sắp xếp theo thể loại như sau:

Tuỳ bút 1

336 trang, gồm 1 bài chọn từ cuốn *Ảo ảnh*: "Hội An";

39 bài từ *Đất nước quê hương*: "Chiếc áo dài", "Lại chiếc áo dài", "Ăn uống sự thường", "Chè và văn minh", "Cái rét đô thị", "Nhàn và nhã", "Đạo và đời", "Ông và cháu", "Bệnh tật và chữ nghĩa", "Mưa và thơ", "Anh Bình Định", "Xem tướng nhà", "Thành tích trên đầu lưỡi", "Bánh tráng", "Hạt bọt trà", "Mình với ta", "Thơ lục bát Chàm", "Huế, đối với trong Nam ngoài Bắc", "Giọng Huế", "Người Huế", "Rụp rụp", "Đất của con người", "Đất và người", "Sa kê", "Khi quần chúng du lịch", "Thương gái miền Trung", "Lễ bái hiện đại hoá", "Mắm và dân tộc", "Của mắm và người", "Những đám khói", "Một làng biên giới", "Từng khối bên nhau", "Mẹ bồng con", "Người thượng trang nghiêm", "Của chuột và người", "Đô thị hoang sơ", "Chuyện cá trên núi", "Cha cậu Thuột";

5 bài từ *Ly hương*: "Cỏ bồng phất phơ", "Lạnh", "Một mùa thu", "Giã biệt mùa nắng", "Một mùa xuân an lành";

và 9 bài chỉ mới đăng báo, chưa in vào sách nào cả: "Mùa xuân con én", "Ăn...mùi", "Theo chân một món ăn", "Người Bình Định", "Gắn, gùa và gụ", "Chửi", "Chửi tục", "Không cười", "Không cười thế mà hay").

Tuỳ bút 2

369 trang, gồm

3 bài từ *Thư nhà*: "Ngày xuân êm đềm", "Thư nhà", "Lại thư nhà";

4 bài từ *Ảo ảnh*: "Xem sách", "Cái còn lại", "Ế ị", "Giọt cà phê";

3 bài từ *Phù thế*: "Một ngày để tuỳ nghi", "Lúc dừng nghỉ", "Một chỗ thật tịch mịch";

4 bài thơ từ *Tạp bút 2*: "Tâm sự", "Đọc thơ Đường", "Mộng", "Về";

12 bài từ *Thư gửi bạn*: "Thư gửi bạn đọc", "Xuất trại", "Cái chìa khoá", "Đứng ngồi không yên", "Lữ khách bơ vơ", "Buổi chiều tịch mịch", "Đâu người tri kỷ", "Run một tí nào!", "Ngày về", "Lại ngày về", "Tuyết", "Tên đất tên người", "Ổi tàu";

1 bài tuỳ bút chỉ mới đăng báo: "Mười giờ"; và

12 bài thơ chưa in ở sách nào cả: "Những đứa trẻ", "Thu ca", "Đọc sách", "Dừng chân", "Chiều sương", "Tàn niên tâm sự", "Tia nắng", "Tạ từ thân xác", "Cười", "Tiếng gọi", "Nhà em", "Đêm").

Tạp bút

453 trang, gồm:

11 bài từ *Tạp bút 1*: "Cá tính văn học miền Nam", "Từ Thức bơ vơ", "Đông và Tây", "Chi tiết trong truyện", "Lại chi tiết trong truyện", "Chiều rộng trong truyện", "Nhân vật tiểu thuyết", "Chàng và nàng", "Lại chàng và nàng", "Nghĩ về vài thể thơ Việt Nam", "Câu thơ tám chữ";

2 bài từ *Tạp bút 2*: "Thời đại tính trong văn học", "Một đề tài của Tolstoi: cái chết";

2 bài từ *Tạp bút 3*: "Bể dâu trong tiếng nói", "Tờ báo";

5 bài trong *Tạp luận*: "Tác phẩm lớn tác phẩm nhỏ", "Ăn và đọc", "Yêu và đọc", "Yêu và ăn", "Bài chòi";

2 bài viết chỉ mới đăng báo: "Vài ghi nhận về văn học lưu vong", "Cuống rún chưa lìa";

1 bài điểm sách, sau, được dùng làm tựa cho tập thơ của Cao Tần: "Đọc Thơ Cao Tần";

4 bài tựa cho 4 tác phẩm: *Hợp Lưu* (Hồ Trường An), *Mùa hè một nơi khác* (Phan Thị Trọng Tuyến), *Một chút riêng tư* (Mai Kim Ngọc), *Ký* (Nguyễn Hữu Nghĩa); và

4 bài phỏng vấn: "Nói chuyện với Văn" (Sài Gòn), "Nói chuyện với Bách Khoa", "Lại nói chuyện với Bách Khoa", "Nói chuyện với Làng Văn").

Tiểu luận

363 trang, gộp chung hai cuốn *Tiểu thuyết hiện đại*, *Chúng ta qua cách viết* và một bài viết chỉ mới đăng báo: "Chúng ta qua tiếng nói").

Tạp luận

350 trang, gồm

13 bài từ *Tạp luận*: "Bắt trẻ đồng xanh", "Dù có bao giờ", "Kẻ ác người thiện", "Tiếng cú", "Người hiền của quần chúng", "Sau cuộc lựa chọn", "Từng lớp cách nhau", "Tuổi trẻ như một giai cấp", "Tuổi trẻ như một phát giác", "Tuổi trẻ và cách mạng", "Cách mạng và cách mạng", "Cách mạng và truyền thống", "Quê một cục";

4 bài từ *Tạp bút 3:* "Cá tính địa phương", "Người đổi giống", "Cách yêu mỗi thời", "Lối yêu hôm nay";

6 bài từ *Lại thư gửi bạn*: "Người Mỹ cô đơn", "Người Mỹ trang trọng", "Người Mỹ lắm lời", "Người Mỹ bạc tình", "Người Mỹ dứt khoát", "Người Mỹ gốc Việt"; và

2 bài chưa in vào sách nào cả: "Chuyện gì đang xảy ra", "Nông dân, một cố nhân").

Truyện ngắn 1

317 trang, gồm

2 truyện từ *Người tù*: "Dung", "Người tù";

5 truyện từ *Mưa đêm cuối năm*: "Mưa đêm cuối năm", "Lỡ làng", "Thị thành", "Băn khoăn", "Anh em";

2 truyện từ *Về một xóm quê*: "Về một xóm quê", "Thác đổ sau nhà";

2 truyện từ *Phù thế*: "Đêm trăng", "Chim và rắn"; và

2 truyện chỉ mới đăng báo: "Hoạt cảnh 1", "Hoạt cảnh 2").

Truyện ngắn 2

344 trang, gồm

1 truyện từ *Mưa đêm cuối năm*: "Kể trong đêm khuya";

1 truyện từ *Về một xóm quê*: "Tuổi thơ đã mất";

3 truyện từ *Đêm xuân trăng sáng*: "Đêm xuân trăng sáng", "Tâm hồn", "Lẽ sống";

3 truyện từ *Thương hoài ngàn năm:* "Thương hoài ngàn năm", "Viết thư buổi trưa", "Đến khi ma chết";

2 truyện từ *Ảo ảnh*: "Người chồng bất thường", "Để ý" - tên cũ là "Năm ba lá thuỡ";

1 truyện từ *Phù thế:* "Thân xác"; và 2 truyện chỉ mới đăng trên báo: "Yêu đương", "Quanh mình".

Tiểu thuyết 1 (315 trang, gồm 2 truyện: *Giã từ* và *Một mình*)

Tiểu thuyết 2 (400 trang, gồm 2 truyện: *Đàn ông* và *Nguyên vẹn*)

CHÚ THÍCH:

1. *Về một xóm quê*, thoạt đầu vốn là một phần của cuốn *Đêm xuân trăng sáng* do Nguyễn Đình Vượng xuất bản năm 1961, mấy năm sau, khi nhà Thời Mới tái bản, Võ Phiến tách ra làm đôi, thành hai cuốn khác nhau: *Đêm xuân trăng sáng* và *Về một xóm quê*.

2. Liên quan đến các tác phẩm của mình, trong một lá thư gửi tôi vào tháng 7.1995, Võ Phiến cho biết thêm: Ngày 20.8.1975, bộ trưởng bộ Thông tin Văn hoá nước Cộng hoà Miền Nam là Lưu Hữu Phước ra thông tri số 218/CT-75 về việc cấm lưu hành sách báo xuất bản tại Miền Nam. Sau đó cũng bộ này lại ra thông tri số 15/TTVH/MCTH ngày 8.3.1976, và Sở Thông tin Văn hoá thành phố Hồ Chí Minh ra thông tri số 12030/STTVH/XB ngày 3.5.1977 về vấn đề trên. Ba văn kiện đều có kèm theo một bản danh mục sách cấm. Trong cuốn *Văn hoá, văn nghệ Nam Việt Nam 1954-1975* (do nhà xuất bản Thông tin tái bản ở Hà Nội năm 1993), ông Trần Trọng Đăng Đàn đã "đối chiếu các tên sách và tên tác giả trong các bản danh mục này với từng cuốn sách cụ thể" mà ông có thể tìm được "để được chính xác hơn". Trong danh mục của ông Trần, sách Võ Phiến bị cấm toàn bộ. Ngoài ra, ở phần liệt kê tác phẩm Võ Phiến (trang 720) có cuốn *Bơ vơ*: thực ra, V.P. không hề có tác phẩm ấy. Cũng trong sách nói trên (trang 283) ông Trần Trọng Đăng Đàn ghi rằng tập *Đêm xuân trăng sáng* của V.P. do nhà xuất bản "Tuổi mới" in lần thứ nhất năm 1961, lần thứ hai năm 1965. Thực ra, tác phẩm ấy in lần thứ nhất do nhà *Nguyễn Đình Vượng*, lần thứ hai do nhà *Thời mới*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO VỀ VÕ PHIẾN

(Trích trong cuốn *Võ Phiến* của Nguyễn Hưng Quốc, nxb Văn Nghệ, 1996)

* Trước năm 1975, tại Miền Nam, hình như quyển sách mới nào của Võ Phiến cũng được phê bình hoặc giới thiệu trên báo chí. Điểm sách Võ Phiến thường xuyên nhất có lẽ có hai người: Đặng Tiến và Vũ Hạnh (dưới bút hiệu Cô Phương Thảo hoặc Tràng Thiên khi Tràng Thiên còn là bút

danh chung của Ban biên tập tạp chí Bách Khoa). Hiện nay, ngoài số *Văn* đặc biệt về Võ Phiến (tháng 8.1974), tôi chỉ tìm được có hai bài:

1. bài Cô Phương Thảo điểm quyển *Tiểu thuyết hiện đại* đăng trên Tin Sách số tháng 9. 1963, tr. 3-7 và bài

2. Tràng Thiên điểm quyển *Đêm xuân trăng sáng* đăng trên Bách Khoa số 99 ra ngày 15.2.1961, tr. 113-114.

* Trong số Văn đặc biệt về Võ Phiến dẫn trên, có các bài:

3. Toà soạn Văn, "Tiểu sử và tác phẩm Võ Phiến", tr. 1-2.

4. Cao Huy Khanh, "Kết cấu tiểu thuyết Võ Phiến: Tiểu thuyết tân truyền kỳ", tr. 3-17.

5. Doãn Quốc Sỹ, "Nghĩ về Võ Phiến", tr. 18-21.

6. Nguyễn Mộng Giác, "Thế giới của Bốn Thôi", tr. 41-51.

7. Đặng Tiến, "Đọc Thư nhà", tr. 52-62.

8. Ngoài ra, còn mục "Đọc Võ Phiến", gồm những trích đoạn từ bài viết của các nhà văn: Phan Lạc Phúc, Mai Thảo, Đỗ Tấn, cô Phương Thảo, Huỳnh Phan Anh, Viên Linh, Nguyễn Quốc Trụ, và Nguyễn Đình Toàn về một tác phẩm nào đó của Võ Phiến. Tất cả các bài viết này đều đã được đăng báo, đâu đó.

* Sau 1975, ở Việt Nam, cũng có một số người viết về Võ Phiến trong chiến dịch phê phán cái gọi là "văn học phản động và đồi trụy", tuy nhiên, tất cả đều là những bài viết nặng tính chất chính trị, nên không đáng quan tâm.

* Tài liệu về Võ Phiến tôi tìm được nhiều nhất là các bài viết tại hải ngoại sau 1975, chủ yếu tập trung trong hai số báo đặc biệt về ông: Làng Văn và Thế Kỷ 21.

LÀNG VĂN số 43 (3.1988), số đặc biệt về Võ Phiến, gồm có các bài:

9. Nguyễn Hữu Nghĩa, ỏViết về Võ Phiếnõ, tr. 12-17.

10. Võ Đình, "Sao có tiếng sóng ở Võ Phiến", tr. 28-33. (Bài này, sau in lại trong quyển S*ao có tiếng sóng*... của Võ Đình, Văn Nghệ xuất bản, 1991, tr. 43-57).

11. Nguyễn Mộng Giác, "Thế giới của Bốn Thôi", tr. 34-37 (Bài này trước đã đăng trên Văn (Sài Gòn, số dẫn trên), sau in lại trên Văn Học số 19 ra tháng 8.1987, tr. 69-77).

12. Thế Uyên, "Võ Phiến và tôi", tr. 38-42; sau, in lại trong *Con đường qua mùa đông của Thế Uyên*, Xuân Thu, 1990, tr. 127-147.

13. Ngô Nguyên Dũng, "Đất trời và chim én", tr. 43-46.
14. Hồ Trường An, "Chuyện phiếm về nhà văn Võ Phiến", tr. 47-49.

THẾ KỶ 21 số 78 (10.1995), gồm có các bài:

15. Phan Lạc Tiếp, "Võ Phiến: một cây thông lúc nào cũng xanh tươi", tr. 27-31.
16. Nguyễn Xuân Hoàng, "Võ Phiến, ông anh; Võ Phiến, người thầy", tr. 32-33.
17. Lê Tất Điều, "Khắc trong tâm người", tr. 44-47.
18. Trần Long Hồ, "Chân dung Võ Phiến", tr. 48-52.
19. Hà Thúc Sinh, "Những ngày ở Alhambra...", tr. 69-71.
20. Trúc Chi, "Về một người bạn", tr. 76-77.
21. Nguyễn Ngọc Tuấn, "Võ Phiến, nhà phê bình văn học", tr. 78-84.

NHỮNG BÀI ĐĂNG TRÊN CÁC SỐ BÁO KHÁC
(Sắp theo thứ tự chữ đầu tiên của tên hoặc bút hiệu):

22. Bùi Bảo Trúc, "Đọc Tuỳ bút 2 của Võ Phiến", Văn Học số 26 (3.1988), tr. 146-151.
23. Bùi Bảo Trúc, "Đọc Tiểu thuyết Võ Phiến", Văn Học số 32 (9.1988), tr. 95-97.
24. Bùi Vĩnh Phúc, "Điểm quyển Văn học Miền Nam, tổng quan" đăng trên Làng Văn, số 28 (2.1986).
25. Đặng Tiến, ở"õ Phiến đối thoại về thịt cầy", Thông Luận số 35 (2.1991), tr. 17-19; sau in lại trong tập *Đối thoại* của Võ Phiến, Văn Nghệ, 1993, tr. 155-168.
26. Đặng Tiến, "Võ Phiến, điệu nhạc thầm và Truyện thật ngắn", Diễn Đàn số 2 (11.1991), tr. 23-25.
27. Đỗ Quý Toàn, "Đọc Truyện ngắn 1 của Võ Phiến", Làng Văn số 36 (8.1987), tr. 51.
28. Hồ Trường An, "Võ Phiến" trong tập *Chân trời lam ngọc*, nxb Minh Văn, 1993, tr. 23-46.
29. Hoàng Khởi Phong (1994), "Trong cõi riêng buồn thấy lại ta", Thế Kỷ 21, số 67 (11.94), tr. 52-58; và số 68 (12.94), tr. 31-37.
30. Lockhart, Greg, *Điểm quyển Văn học Miền Nam, tổng quan qua bản dịch tiếng Anh của Võ Đình Mai*, Journal of Vietnamese Studies, N. 7 (1994), tr. 97-100 (bằng tiếng Anh).
31. Mai Thảo, "Những buổi trưa ở Chinatown của Võ Phiến", Văn số

3 (9.1982), tr. 5-12; sau in lại trong tập *Chân dung 15 nhà văn nhà thơ Việt Nam* của Mai Thảo, Văn Khoa, California, 1985, tr. 113-120.

32. Nam Chi, "Anh Bình Định, con chim én và những đám khói", Đoàn Kết số 389 (3.1987), tr. 28-31 và số 390 (4.1987), tr. 28-30.

33. Nam Chi, "Về thể văn tuỳ bút", Đoàn Kết số 390 (4.1987), tr. 29.

34. Nguyễn Thị Sông Hương, "Đọc Văn học Miền Nam, tổng quan của Võ Phiến", Văn Học số 11 (12.1986), tr. 8-19.

35. Quỳnh Giao, "Qua kính chiếu hậu, đọc Tiểu luận của Võ Phiến", Văn Học số 40 (5.1989), tr. 104-112.

36. Thế Giang, "Cuộc gặp gỡ muộn màng", Làng Văn số 44 (4.1988), tr. 22-31.

37. Thế Uyên, "Biên khảo văn học của Võ Phiến" (điểm các cuốn *Thơ Miền Nam*, tập 1 và *Truyện Miền Nam*, tập 1 của Võ Phiến), Thế Kỷ 21, số 51 (7.1993), tr. 90-92.

38. Thuỵ Khuê, "Võ Phiến", Văn Học số 55 (9.1990), tr. 89-105.

39. Thuỵ Khuê, "Võ Phiến, Văn học Miền Nam, tổng quan", Văn Học số 56 (10.1990), tr. 75-90.

40. Võ Đình, "Cái nét bất thường trong truyện Võ Phiến", Văn Học số 45 (11.1989), tr. 100-115; sau, in lại trong *Sao có tiếng sóng...*, sđd,tr. 81-101.

Đến với Võ Phiến

Nguyễn Hưng Quốc

Mãi đến năm 30 tuổi, tôi mới đọc Võ Phiến, lần đầu.

Cho đến bây giờ, tôi vẫn không hiểu lý do tại sao có cái sự muộn màng như thế. Tôi mê sách từ nhỏ. Ngay trong những năm đầu của trung học, tôi đã ngốn ngấu hầu như toàn bộ sách của Tự Lực văn đoàn cũng như của những tác giả thường được gọi là "tiền chiến", từ Nguyễn Tuân đến Nam Cao, Tô Hoài, Vũ Trọng Phụng, Bùi Hiển, Trần Tiêu, từ Xuân Diệu, Thế Lữ, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương đến Nguyễn Bính, Huy Cận, Hồ Dzếnh, v.v... Sau khi "nuốt" hết các tác phẩm được coi là kinh điển đối với học sinh trung học, tôi "tấn công" dần sang các tác giả nổi tiếng của miền Nam thuở ấy. Tôi đọc nếu không hết thì cũng gần hết tác phẩm của Mai Thảo, Chu Tử, Tuý Hồng, Nhã Ca, Thuỵ Vũ, Duyên Anh, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Mạnh Côn, v.v... Nhiều vô kể. Chỉ riêng Võ Phiến, tôi chưa đọc quyển nào.

Không phải lúc ấy tôi không biết ông. Có. Trên các tạp chí xuất bản tại Sài Gòn thời bấy giờ, tôi gặp tên ông hoài. Rồi trong các tập Giảng văn dùng ở trung học, tôi vẫn thường đọc nhiều đoạn văn trích từ tác phẩm của ông để làm mẫu cho học trò về nghệ thuật tả cảnh, tả vật, tả người. Nhiều đoạn, các thầy cô giáo bắt phải học thuộc lòng và tôi nhớ, tôi cũng rất vui vẻ học thuộc lòng những đoạn văn ấy. Vì thích. Vì phục. Có đoạn, đặc biệt là đoạn ông tả tật tham ăn của Bình trong truyện "Dung", nhiều năm sau tôi vẫn còn có thể đọc lại từng chữ:

Vừa đối diện với mâm cơm, bằng một cái liếc rất nhanh, hắn đã định ngay được giá trị từng món ăn, chọn ngay được món ăn ngon nhất. Và từ đầu đến cuối bữa ăn hắn tấn công vào trọng tâm một cách kiên nhẫn, tàn bạo, nhưng khôn ngoan lạ kỳ... Hắn tính toán chu đáo, gắp khắp các đĩa,

nhưng tổng kết lại thì thế nào hắn cũng gắp được món ngon nhiều hơn cả. Và hắn theo dõi ngọn đũa của tất cả các thực khách, không dung thứ cho một người nào hơn mình. Hắn cạnh tranh kín đáo nhưng ráo riết... Bình thường thì ngọn đũa trí trá của hắn thu lại đầy ý thức chuẩn bị, rồi đột nhiên vụt phóng ra nhanh nhẹn lạnh lùng như một con cò già lão luyện phóng mỏ bắt ruồi, trăm lần không sai đích một lần...

Thích và phục như thế, vậy mà, không hiểu tại sao, tôi lại không bao giờ nghĩ đến chuyện tìm sách của ông để đọc. Hình như, tự thâm tâm, tôi thấy, qua các đoạn văn trích ấy, hay thì thật là hay, nhưng có cái gì cổ kính và xa xôi, như văn chương của cái thuở Tự Lực văn đoàn mà tôi đã đọc rồi và đã chán rồi. Hình như, lúc ấy, tôi đã ngầm xếp ông vào loại những tác giả "cổ điển", nghĩa là những người mình sẵn sàng nhắc đến như những tên tuổi tiêu biểu và đầy thẩm quyền trong lãnh vực văn học để chứng tỏ trình độ học thức uyên bác của mình, nhưng trên thực tế thì mình lại không bao giờ cần đọc tác phẩm của họ cả. Như kiểu người ta vẫn thường nhắc đến Nguyễn Du, đến Victor Hugo, đến Leon Tolstoi, đến Shakespeare vậy mà...

Sau năm 1975, lên đại học, tôi ngạc nhiên thấy nhiều thầy giáo của mình từ miền Bắc vào - phần lớn đều là những người viết lách ít nhiều - khen Võ Phiến nức nở hoặc chửi bới Võ Phiến thậm tệ. Trong cả lời khen lẫn tiếng chê, tôi đều thấy thấp thoáng có chút gì như thán phục. Vì thán phục nên mới nghĩ là ông nguy hiểm, mới phong cho ông cái "chức" là "tên biệt kích văn nghệ hàng đầu". Một lần, tôi nghe chính Chế Lan Viên khen ngợi tuỳ bút của Võ Phiến sau khi kể chuyện Võ Phiến, từ Mỹ viết thư về cho người thân ở Việt Nam, đã dẫn hai câu Kiều: "Thôi thì còn nói chi con / Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người." Với tôi lúc ấy, mới ngoài 20 tuổi, đang rất mê Chế Lan Viên, hiểu ngay là lời khen ngợi ấy hẳn là có giá trị đáng kể. Tôi ghi nhận lời khen ngợi ấy như ghi nhận một thứ tư liệu quý. Về Chế Lan Viên. Và về Võ Phiến nữa. Vậy mà, không hiểu tại sao, tôi lại vẫn không hề tò mò tìm sách của ông để đọc dù điều đó, ngay sau 75, cũng khá dễ dàng: nghiền sách, tôi có thói quen thường xuyên la cà ở các bãi sách cũ dọc hè phố Sài Gòn và không phải không từng thấy sách ông bày bán ở đó với giá rẻ mạt.

Mãi đến năm 1986, khi đã vượt biển và định cư tại Pháp, một hôm, bước vào một tiệm sách Việt ngữ tại Paris, giữa mớ sách lèo tèo, tầm thường, không gợi lên được chút xíu hứng thú nào trong tôi, mắt tôi dừng lại cuốn *Tuỳ bút 1* của Võ Phiến vừa được nhà Văn Nghệ xuất bản tại California: chắc chắn đó là cuốn sách khá nhất trong cái bầy sách thưa thớt buồn xo ấy. Bèn mua. Một cách khá uể oải. Như là một sự chọn lựa

miễn cưỡng. Vì không có cái gì khác nữa.

Về, định đọc nhẩn nha. Nhưng ngay ở mấy trang đầu, tôi đã bị cuốn hút. Đọc một lèo từ đầu đến cuối. Vừa thích vừa sững sờ thán phục. Suốt cả mấy tuần lễ liên tiếp, tôi cứ đọc đi đọc lại, vầy vò hoài một cuốn sách ấy. Có khi đọc vài bài, có khi đọc một bài và cũng có khi chỉ đọc nhảy lóc cóc từng đoạn, từng đoạn. Đọc để nghe một hơi văn cực kỳ duyên dáng. Để thích thú với một vài nhận xét thông minh và dí dỏm của tác giả. Từ đó, tôi trở thành một độc giả chăm chỉ và chăm chú của Võ Phiến. Cuốn sách nào của ông in ra, bài viết nào của ông đăng báo, tôi cũng đều đọc cẩn thận. Có cái đọc đi đọc lại nhiều lần.

Rồi năm 1989, nhân từ Pháp qua Mỹ tham dự một hội nghị được tổ chức tại Chicago; từ Chicago, tôi đi cùng với Nguyễn Mộng Giác về California chơi. Con gái anh Giác ra phi trường Los Angeles đón chúng tôi, và trước khi về nhà anh Giác, chúng tôi ghé thăm Võ Phiến. Chừng hai, ba tiếng đồng hồ gì đó. Thật ngắn ngủi. Câu chuyện quanh quẩn trong các đề tài văn nghệ. Võ Phiến hỏi thăm tôi vài điều về chuyện viết lách, rồi ông kể chuyện Hoài Thanh, chuyện Chế Lan Viên, những tên tuổi lớn từ trước năm 45 mà ông quen biết từ thuở còn là học trò. Cách nói chuyện của ông thoải mái và chân tình khiến cho tôi, nhỏ hơn ông hơn một phần tư thế kỷ và lần đầu tiên gặp ông, không có chút xíu gì là bỡ ngỡ.

Không bỡ ngỡ, nhưng lại đầy cảnh giác. Võ Phiến có dáng người hơi thô, nụ cười hiền lành, giọng nói thật thà, nhưng đôi mắt, đôi mắt của ông thật lạ lùng: nó nhìn như xoi mói, lâu lâu lại ánh lên một tia sáng tinh nghịch ngấm ngầm, làm cho tôi đôi lúc có cảm giác như là ông vừa mới phát hiện điều gì đó không đẹp ở mình. Tôi đâm hoang mang. Tự nhiên lại nhìn xuống vạt áo mình, nhìn xuống đôi giày mình. Cực.

Thực tình, tôi không thích cái đôi mắt ấy. Bởi vậy, sau lần nói chuyện ngắn ngủi ấy, tôi không hề có cảm giác gần hơn với Võ Phiến. Thỉnh thoảng tôi vẫn viết thư cho ông và nhận được thư của ông, nhưng cả thư đi lẫn thư lại đều ngắn. Thư tôi thường dừng lại trong khuôn phép. Riêng thư Võ Phiến, tuy ngắn, lại khá thân tình. Ông thường nhận xét về một bài viết hay quyển sách nào đó của tôi mới in một cách cởi mở. Dần dần, mặc dù không gặp ông lần nào nữa, chỉ qua thư từ, ấn tượng của tôi về ông khác đi. Tôi quên ánh mắt của ông. Mà chỉ nhớ đến nụ cười. Nụ cười thật lành. Và giọng nói nữa. Cũng thật lành.

Nhưng khi tôi đọc, có khi đọc lại, tác phẩm của ông, ánh mắt ấy lại hiện ra. Có điều, đó không phải là cái ánh mắt lâu lâu liếc quét lên người tôi mà là một ánh mắt khác lấp lánh trên từng dòng chữ, long lanh trên

từng trang sách. Cái ánh mắt ấy, oái oăm thay, lại làm cho tôi vô cùng sảng khoái. Đọc, cứ bần thần. Trước, tôi thích văn ông. Sau, tôi nghiện văn ông. Lâu, không đọc ông, có cái gì như thể là nhớ nhung. Cuối năm 1990, sau khi hoàn tất chuyên luận Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản, tự dưng có lúc tôi nôn nao muốn viết về ông.

Trong dự định ban đầu, việc phê bình Võ Phiến nằm trong một "dự án" lớn hơn: phê bình văn học hải ngoại nói chung. Có lúc, trước sự khuyến khích của bạn bè trong giới cầm bút, tôi đã suýt viết một cuốn tổng luận về văn học hải ngoại, trong đó, hai bài mở đầu, "Mười lăm năm văn học lưu vong: sự hình thành và phát triển" và "Mười lăm năm văn học lưu vong: bản chất và đặc điểm" đã được đăng tải trên tạp chí Văn và Văn Học, hình như, nếu tôi không lầm, được một số người thích, lâu lâu lại nhắc nhở và khen ngợi, đây đó, trên báo chí. Sau hai bài ấy, tôi không viết được gì thêm. Lý do là vì tôi đột nhiên khám phá ra là cách viết như thế, cũng như cái cách tôi viết quyển *Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản* hay cách Võ Phiến viết quyển *Tổng quan văn học miền Nam*, có cái gì hơi hơi không ổn: viết tổng quan hay tổng luận là viết về những đặc điểm chính, những khuynh hướng nổi bật, những trào lưu chủ yếu, những cái chung nhất và phổ biến trong nhiều nhà văn, nhiều nhà thơ trong cùng một thời kỳ, trong khi diện mạo thực sự của một thời kỳ văn học lại được hình thành từ những tác giả lớn, chỉ từ những tác giả lớn; và diện mạo thực sự của những tác giả lớn ấy lại nằm ở những cái riêng của họ, những chỗ họ không giống với bất cứ ai khác. Như thế, viết tổng quan hay tổng luận theo kiểu cũ, chúng ta đối diện với một nghịch lý: bàn về văn học, nhưng chúng ta lại loại trừ những tài năng văn học lớn và đích thực, chỉ tập trung vào những cây bút trung bình hoặc dưới trung bình, những người khiêm tốn "làm ăn" trên cái vốn chung, cái ý thức hệ chung, cái phong cách chung của cả một thời kỳ. Cách viết như thế, tuy có thể là bổ ích, có thể cung cấp cho người đọc một số kiến thức căn bản về phương diện văn hoá và xã hội, lại chẳng giúp được gì cho ai khi muốn tìm hiểu về văn học theo cái nghĩa là một cái gì mang tính chất sáng tạo: nó chỉ tái hiện được những cái cặn chứ không phải là những tinh hoa; nó chỉ vẽ lại nên được cái nền chứ không phải là những cái đỉnh.

Phê bình văn học một thời kỳ là phê bình những tinh hoa của thời kỳ ấy. Phê bình những tinh hoa là phê bình những cái chỉ một mình nó có, những cái nó không bắt chước ai và cũng không chia sẻ với ai cả. Trong ý nghĩ như vậy, tôi có ý định phê bình một số người. Mỗi người một cuốn sách, cỡ vừa thôi, một hai trăm trang gì đó. Điều này, ngoài lý do liên

quan đến phương pháp luận như vừa trình bày, còn có cái lợi là thích hợp với điều kiện viết lách ở hải ngoại: quá ít thì giờ. Thì giờ để viết thường là thì giờ ăn cắp của gia đình: trốn những sinh hoạt chung với vợ con vào các buổi tối hay các ngày cuối tuần. Tập trung vào một số tác giả, do đó, trước hết, là một cách khoanh vùng tư liệu để khỏi phải đọc quá nhiều, quá rộng, quá lan man. Hơn nữa, cũng là một cách giảm bớt nguy cơ thiếu sót. Viết một tuyển tập phê bình cho cả thời kỳ, người ta đòi hỏi phải viết đầy đủ những gương mặt tiêu biểu. Thiếu một là hỏng một. Chọn cách viết mỗi người một quyển sách coi bộ khoẻ hơn. Viết được đến đâu hay đến đó. Không viết được nữa thì nghỉ. Chẳng sao cả. Và cũng chẳng ai phiền hà gì.

Chọn Võ Phiến là người đầu tiên, ngoài lý do là tôi thích văn ông, tôi còn một số lý do khác nữa. Thứ nhất, với sáng kiến in Toàn tập Võ Phiến của nhà xuất bản Văn Nghệ, tài liệu cần thiết trong quá trình nghiên cứu về Võ Phiến hầu như đều có sẵn. Với một người làm công việc phê bình hay nghiên cứu văn học, không có đề tài nào khác thuận lợi hơn. Thứ hai, vì tôi đọc ông một cách say mê và liên tục cả mấy năm liền, tôi hơi tự tin là có thể nói được vài điều mới mẻ về ông. Cuốn sách hy vọng là không đến nỗi nhảm.

Khi quyết định như thế, tôi liền viết thư cho Võ Phiến, hỏi xin ông thêm một ít tài liệu, chủ yếu là liên quan đến cuộc đời của ông. Ông trả lời ngay, rất vồn vã. Tôi cũng mừng. Nhưng ngay sau đó, do một sự tình cờ, tôi quyết định dời nhà sang định cư tại Úc. Thủ tục tiến hành cực nhanh: chỉ trong vòng mấy tháng sau là tôi đã rời Paris sang Melbourne. Xứ sở mới, công việc mới, văn hoá mới, ngôn ngữ mới... bao nhiêu cái "mới" ấy đòi hỏi tôi phải tập trung toàn bộ thì giờ và tâm sức để hội nhập, để thích nghi. Bận đến phát ngộp. Tôi chẳng còn tinh thần đâu mà nghĩ đến chuyện văn chương, chữ nghĩa. Sách báo bạn bè gửi tặng, tôi để nguyên phong bì cất lên kệ. Thư từ bạn bè từ xa gửi tới, tôi liếc sơ qua rồi cất vào ngăn kéo. Giữa lúc ấy, ngay giữa lúc ấy, tôi nhận được những bức thư gọi là "cung cấp tài liệu" của Võ Phiến. Đều đặn, thường là mỗi tháng một bức, có khi ông cao hứng, một tháng hai bức; chỉ khi nào ông bận bịu hay bệnh hoạn lắm mới hai tháng một bức. Bức nào cũng dày sáu trang giấy chi chít chữ. Sáu trang, đúng sáu trang, không hơn. Võ Phiến giải thích: để dễ dán tem, không cần phải chờ nhân viên bưu điện cân thư và tính tiền. Là người nghiên cứu văn học, quí tài liệu hơn cả một đứa keo kiệt quí tiền bạc, tôi biết rõ giá trị của những bức thư mình đang cầm: có bức kể về gia thế, có bức kể về bạn bè, có bức kể về tuổi thơ, có bức kể về những bước chập chững trên con đường đi vào nghệ thuật, có bức nói về một tác phẩm Võ

Phiên tâm đắc, v.v... Tôi biết. Biết, nên tôi làm ngay bản sao từng bức thư để cất, phòng trường hợp rủi ro có thể thất lạc. Nhưng biết thế mà tôi vẫn không sao lăng mình để đọc cho kỹ, để toan tính một kế hoạch viết lách nghiêm chỉnh về ông. Có thời gian, tôi cứ nín thinh, bẵn bặt, không thư từ gì với Võ Phiến cả. Như kiểu trốn nợ.

Mãi đến ba năm sau, tâm hồn mới tạm bình yên, tôi lại thập thò đến với văn thơ. Trước hết là thơ. Dù sao thì tôi cũng yêu thơ hơn văn. Viết về thơ bao giờ tôi cũng thấy "đã" hơn là viết về văn. Bài đầu tiên tôi viết là bài về "Thơ con cóc" đăng trên *Hợp Lưu* số 17 ra vào tháng 6 và 7 năm 1994. Từ việc đánh giá lại bài "Thơ con cóc", tôi loé thấy nhiều vấn đề khác: ý nghĩa của bài thơ, quan hệ giữa bài thơ và tác giả, giữa thơ và hiện thực, vấn đề phê bình văn học, v.v... Tôi viết miên man. Và quên bẵng Võ Phiến.

Khoảng tháng 6.1995, nhân đọc *Thế Kỷ 21*, thấy trong Thư toà soạn có thông báo sẽ làm số đặc biệt về Võ Phiến, tôi chợt thót mình nhớ lại lời hứa dạo nào, nhớ lại những thân tình ông dành cho tôi; nhớ lại những con mắt lấp lánh trên từng dòng chữ trong tác phẩm của ông mà tôi từng say mê, thích thú; nhớ lại những tư liệu quý báu mà ông gửi cho suốt mấy năm qua. Tôi quyết định tạm xếp loạt bài về "Thơ con cóc" lại để viết trước một bài gì đó về Võ Phiến. Coi như một cách trả nợ.

Dạo ấy, tôi đang say mê nghiền ngẫm về các vấn đề liên quan đến lý thuyết văn học, cho nên, nghĩ đến chuyện viết về Võ Phiến, tôi liên tưởng ngay đến khía cạnh tư tưởng văn học của ông. Tôi viết bài "Võ Phiến, nhà lý luận văn học" khá nhanh. Chỉ trong hai, ba ngày gì đó. Viết xong, lại ấm ức. Bèn viết thêm bài "Nhà phê bình văn học". Cũng rất nhanh. Lại vẫn ấm ức. Viết thêm bài "Nhà tạp luận". Đến đây, không còn ấm ức nhưng tôi biết là mình không thể dừng lại được nữa: Võ Phiến đã trở thành một nguồn cảm hứng mới dạt dào, một cơn ngứa ngáy trong tâm hồn và một sự bứt rứt ở đầu ngón tay. Tính tôi vốn yếu đuối: không bao giờ tôi chống lại nổi một đam mê. Mỗi ngày, đi làm về, cơm nước xong, chờ con cái đi ngủ hết, tôi lại chong mắt lên mà đọc mà viết. Say sưa. Chỉ sáu tháng sau, trong lúc vẫn tiếp tục viết mấy chương cuối cùng của cuốn *Thơ, v.v... và v.v...*, tôi đã hoàn tất cuốn *Võ Phiến*.

Khi cuốn *Thơ, v.v... và v.v...* được xuất bản, Võ Phiến viết thư ngay cho tôi, trong đó ông nêu ra nhận xét, đại khái: giọng văn của tôi trong cuốn sách ấy tếu, trẻ trung, nghịch ngợm và táo bạo khác hẳn mấy cuốn sách trước. Tôi băn khoăn. Một số bạn văn khác, sau đó, viết thư cho tôi, cũng nêu nhận xét tương tự. Tôi càng băn khoăn tợn. Tếu... trẻ trung...

nghịch ngợm... những thứ ấy ở đâu thò ra vậy cà? Văn của tôi từ trước đến nay, tôi biết, tuy có chút xíu thơ mộng, như thường thì nghiêm trang đến phát chán lên được. Làm gì có nụ cười nào, dù thấp thoáng, trong những cuốn *Tìm hiểu nghệ thuật thơ Việt Nam*, *Nghĩ về thơ* hay *Văn học Việt Nam dưới chế độ cộng sản* chứ? Tôi giật mình: hay là... hay là... tại trong lúc viết cuốn *Thơ, v.v... và v.v...*, ngoài việc đọc thơ, các sách lý luận về thơ, tôi còn phải đọc đi đọc lại nhiều lần các tác phẩm của Võ Phiến? Chả lẽ cái cười cợt của ông nhiễm vào trong tôi lúc nào tôi không biết? Chả lẽ?

Bất kể sự phỏng đoán ấy đúng hay sai, tôi cũng mừng thầm: may mà tôi không đọc Võ Phiến lúc còn quá trẻ.

Melbourne 27.8.1998

Võ Phiến: Nhìn và Thấy

Võ Đình

Thỉnh thoảng đọc hay nghe nói về người họa sĩ (như một người ngoài đời hay như một nhân vật hư cấu) tôi lại tủm tỉm một mình: mười lần như một, ông hay bà họa sĩ nào đó được mô tả như kẻ có khả năng rất đặc biệt về cái nhìn cái thấy. Làm như cứ họa sĩ là hơn người về mặt này. Con mắt họ tinh lắm! Họ biết nhìn những cái thiên hạ không để ý đến, và thấy được những gì kẻ phàm phu không thấy được. Hình như chưa có một họa sĩ nào, bên Đông cũng như bên Tây, lên tiếng cải chính và... từ chối cái vinh hạnh mình không xứng đáng được hưởng này.

Xin nói rõ: Tôi không khiêm tốn hão. Tôi không cố tình hạ giá "nghiệp dĩ" tay phải của tôi. Tôi chỉ không muốn vơ bừa cái biệt tài đó vào cho giới cầm cọ chúng tôi. Tôi chỉ nghĩ rằng (hay nghi – không có dấu gã – rằng) có lẽ bởi vì đã lâu chúng ta bị ám ảnh bởi danh từ *mỹ thuật*. *Mỹ* là đẹp. Họa sĩ làm mỹ thuật, tức là làm cái đẹp. *Làm* còn được, huống chi *nhìn* và *thấy*. Sự lý quả có như vậy. Nhưng nói hay viết rằng người họa sĩ có khả năng đặc biệt sâu sắc về cái nhìn và cái thấy (dù có mang kính thuốc đi nữa) là một sự ca ngợi... vô bằng.

.....

Bác thợ mộc rành rọt về nghề của mình, biết cưa, biết xẻ, biết khoan, biết đục, biết đóng tủ đóng bàn, v.v... Bác biết gỗ trắc cứng mà dễ nứt, mít không cứng bằng nhưng "nhuyễn" hơn, thông tuy mềm lại hay tướt... Bác thợ mộc rành lắm. Nhưng biết và rành như vậy không có nghĩa là khi bước vào cánh rừng già thì tai bác nghe được âm vang của những gốc đại thụ. Hay ngồi trong xưởng gỗ mà thấm thía cái ẩn lực của một khối kiền kiền.

Cũng thế, người họa sĩ có thể rành về chuyện vải, chuyện giấy, chuyện sơn, chuyện cọ, chuyện vẽ xa vẽ gần, chuyện màu xanh màu đỏ. Nhưng

không phải cứ họa sĩ là nhìn ra và thấy được những nét những màu đặc dị của thế giới chung quanh, là nắm được cái chân tướng của sự vật đằng sau dáng dấp ngoại hình của chúng. Không phải cứ họa sĩ là nhìn ra và thấy được cái lạ cái đẹp đâu (Chưa nói đến việc *vẽ* ra được).

Ngược lại, có người tuy không ở trong ngành mỹ thuật lại có con mắt cực kỳ tinh nhạy, thấy được cái khó thấy ở những nơi thường ít được lưu tâm. Họ không rành về ngón nghề riêng của cái vẽ. Nhưng họ tinh về nỗi cảm chung của cái thấy. Tuy thế họ vẫn bị người trong nghề (mỹ thuật) coi như những kẻ "ngoại đạo". Một trong những kẻ "ngoại đạo" đó là nhà văn Võ Phiến.

Mấy tháng trước đây, cũng trong *Văn Học*, tôi có viết:

"Đã đôi lần, tôi viết về văn Võ Phiến. Có khi tôi nói về sự mất mát. Có khi tôi nói về sự bất thường. Đến khi Nguyễn Hưng Quốc cho ra cuốn *Võ Phiến* (Văn Nghệ, 1996) tôi mừng quá cỡ. Mừng có người nói giùm mình nhiều điều mình muốn nói mà chưa chắc mình có khả năng nói đủ và nói hay cho bằng" (1)

Rồi mới đây, nhà phê bình Đặng Tiến, theo Nguyễn Hưng Quốc là người "theo dõi sáng tác của Võ Phiến đều đặn kỹ lưỡng, nhạy bén và chí tình" gửi cho bài viết về tập *Thơ Thẩn* của Võ Phiến (2). Đọc Võ Phiến đã thú mà đọc những người như Đặng Tiến, như Nguyễn Hưng Quốc viết về Võ Phiến lại càng thú. Thích thú là một diễm phúc và một quyền lợi. Tuy nhiên, thích thì cứ thích, chẳng nên lạm bàn. Viết về văn về thơ, tôi vốn chỉ là một người "ngoại đạo". Có lẽ vì thế mà trong bài viết này, tôi muốn nói về một kẻ "ngoại đạo" khác. Ông "ngoại đạo" này, chỉ "ngoại" ngành mỹ thuật mà thôi, tuy rằng cái nhìn cái thấy của ông có một tầm quan trọng rất lớn lao, liên quan đến cái viết của ông, đến cái "đạo" của ông.

.....

Đã từ lâu, dễ đến ba chục năm rồi, tôi vẫn lấy làm lạ, lạ đến độ ngẩn ngơ, về cái nhìn của Võ Phiến. Tôi nói *cái nhìn của Võ Phiến*; tôi không nói *cái nhìn của nhân vật Võ Phiến*. Ông Nguyễn Mộng Giác đã có lần nhận xét: "Không có chút gì thái quá nếu chúng ta bảo nhân vật của Võ Phiến (...) đã dồn tất cả sinh lực vào thị giác" (3). Đúng vậy. Thật khó mà tách rời *cái nhìn của nhân vật của Võ Phiến* ra khỏi *cái nhìn* của Võ Phiến. Làm gì có được cái nhìn của nhân vật nếu không có cái nhìn của tác giả. Tác giả săm soi nhìn nhân vật của mình trong khi nhân vật tha hồ nhìn và làm như là không biết rằng mình đang bị nhìn bởi... đấng tạo hóa của mình. Tôi vẫn ngờ rằng chúng ta không thể đồng nhất hai cái nhìn ấy. Nhân vật nhìn vì tác giả cho nhân vật cái nhìn. Nhưng một khi, trong toàn

bộ văn cảnh, cái được nhìn di chuyển ra khỏi tầm nhìn của nhân vật, thì nó chỉ có thể được nhìn và thấy bởi... tác giả.

Ví dụ:

Trong truyện *Lỡ Làng*, Thông và mười thanh niên khác bị còng tay đem ra xử án ngoài trời... Sau đó, toán lính áp giải họ đi.

"Đường hãy còn lờ mờ tối. (...) "Đi như thế cho đến bảy giờ sáng thì đến chân đèo Ô phi" (...) "Khói núi ùn lên trong sương mai. Hai bên con đường đá long lở là um tùm cây cối: cây giấy, cây gáo, cây chòi mòi, cây mừng mực, cây măng lăn, cây cò ke, cây cơm nguội, cây muồng tàu và những cây ké hoa rơi trắng lác đác trên rẫy tranh, với một vài bông hoa lẹo đỏ một màu hoe hoét mà buồn rầu. Một con quạ đậu trên cái rỏ rẻ ở miệng giếng của một nhà bên đường vùng cất cánh bay sà sà vào núi." (4)

Một quang cảnh như vậy, tuy rằng dựa theo văn cảnh thì có thể hiện hữu trong mắt Thông, nhưng tôi, trước, như một người đọc, sau, như một người vẽ, lại cho rằng quang cảnh ấy, con mắt Võ Phiến nhìn và thấy được, không phải chỉ như người tạo tác nên Thông mà, quan trọng không kém, có thể còn quan trọng hơn, như một con người. *"Khói núi ùn lên trong sương mai"... "hoa rơi trắng lác đác"... "đỏ một màu hoe hoét mà buồn rầu"... "con quạ* (dĩ nhiên là đen thui!) *vùng cất cánh bay sà sà vào núi"*... Những hình ảnh rất Võ Phiến: xa vắng, đìu hiu mà lại bất thần, tiềm tàng một nỗi bất an mông lung.

Trong cuốn *Võ Phiến* Nguyễn Hưng Quốc có viết rằng: "Nếu Võ Phiến ít nhiều dè dặt trong việc xóa mờ ranh giới giữa một tâm trạng và những biểu hiện bên ngoài của nó thì ông lại có vẻ tin tưởng hơn vào quan hệ giữa ngoại hình và cá tính con người." (5) Tôi đồng ý. Và nói thêm: Võ Phiến cũng tin tưởng sâu sắc vào quan hệ giữa ngoại cảnh và tâm trạng con người.

Đương nhiên, "người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Đương nhiên, nội tâm phản ánh lên ngoại cảnh. Trong một đoạn văn không có núi, không có quạ, nhưng lại có *"bắp chân tròn và trắng như một con cá thu nằm phơi ngửa bụng dưới nắng"* (6) Bạn đọc nghĩ coi: bắp chân ấy, ai nhìn? Trần Hùng hay là tác giả *Thị Thành*? Trần Hùng lủi thủi đi một mình: *"Trên một cây bồm trước mặt y cách vài mươi thước, một con chích chòe chổng đuôi lên trời kêu một hơi dài, vừa kêu vừa nguây nguẩy cái đuôi. Dứt tiếng kêu, nó bay vù một mạch thật xa. Y nhìn theo cái bóng con chích chòe nhỏ bé lao vào khoảng rừng núi tăm tăm. Một mình y lủi thủi đi trên khúc đường đèo. Xung quanh vắng tanh."* (7)

Cái bóng con chích chòe "lao vào khoảng rừng núi tăm tăm" của *Thị*

Thành, hơn ba mươi năm sau nó đầu thai trở thành một con chim khác, không biết chim gì, trong *Khách Xá Qui Tâm*: *"Chợt một cánh chim từ đỉnh cao lao xuống vực sâu thăm thẳm. Trong cái nắng tàn, một cánh chim rớt xuống như chiếc lá, chao qua chao lại hồi lâu, rớt xuống tận chỗ mù mịt nào dưới lòng đất xa tít..."* (8)

Cái nhìn và thấy như vậy của một người cầm bút xói sâu vào trong tôi, một người cầm cọ. Tuy độc đáo, nhưng hình ảnh đó không phải là cái quan trọng nhất vì hình ảnh mới chỉ là ngoại cảnh. Cái quan trọng nhất là cảm xúc, là tâm trạng. Một cảm xúc tê tái, bàng hoàng. Một tâm trạng heo hút, hoang mang.

Con chim trong *Thị Thành* là con chích chòe, một con chim Việt Nam. Trong *Khách Xá Qui Tâm*, con chim Mỹ nó không có tên, "rớt xuống như chiếc lá". Đến *Buổi Sáng Giữa Đồng*, tuy viết ở Mỹ, nhưng chuyện xảy ra ở Việt Nam, một con chim khác lại có tên:

"Quanh tôi vẫn ánh sáng tràn đầy. Ủa? Lúa chín hồi nào? Lúa vàng khắp đồng mà tôi không kịp để ý đến. Đồng rộng vẫn không một bóng người. Có tiếng con chiền chiện vừa bay vừa kêu tít trên trời cao, không trông thấy nó đâu". (9). Cảnh vắng vẻ, không người. Chỉ có một cánh chim khi thì "lao vào khoảng rừng núi tăm tăm", khi thì "lao xuống vực sâu thăm thẳm", khi thì "vừa bay vừa kêu tít trên trời cao". Ở chốn quạnh quẽ, mà lại có "chuyện" xảy ra một cách cực kỳ đột ngột. Phải chăng đó là một nét đặc dị Võ Phiến? Méo mó nghề nghiệp!! Tôi nói "nét" trong nghĩa đen. Nhà văn có tiếng viết kỹ, viết chậm, "chẻ sợi tóc làm tư..." nhà văn ấy thỉnh thoảng vung bút, tóe ra một hình ảnh thật nhanh, thật dữ, như một nét bút mực xạ sắc, nhọn, dứt khoát. Tôi có cảm tưởng xem một người múa Thái cực quyền, chậm rãi, đều đặn, ung dung, thư thái, bỗng nhiên người đó nhảy vút lên, phóng một cước gọn bân!

.....

Chim muông, cây cỏ, cả trời đất đều bị (được) Võ Phiến nhìn và thấy như vậy. Cái quan hệ giữa ngoại cảnh và nội tâm đó không phải hiếm hoi. Hiếm hoi chăng là mức độ tuyệt kỹ nó được Võ Phiến đưa lên. Cái *nhìn và thấy* của Võ Phiến có thể thế chỗ cho cái *nghĩ và biết* của ông. Nói thế có cường điệu chăng? Nhưng thật là như vậy, với tôi. Vì, với tôi, *nhìn và thấy*, nghĩ cho cùng, là một thứ *nghĩ và biết*, nhưng không nói ra. Một thứ "vô ngôn". Ví dụ: "bông hoa lẹo đẻo một màu hoe hoét mà buồn rầu". Hình ảnh thoạt trông có vẻ tầm thường ấy, có một sức gây xúc động dị thường. *Nhìn* và *thấy* thôi, không ai "nói ra" vì sao, thế nào.

Không ai "nói ra" cả. Chúng ta phải tìm đến một đoạn văn của Atsuo Imaizumi, phó giám đốc Viện Bảo Tàng Quốc Gia, Hội Họa Hiện Đại ở

Đông Kinh, viết về họa sĩ Nhật-Mỹ Yasuo Kuniyoshi: (...) *"Với tôi, hiển nhiên là Kuniyoshi sử dụng những màu sắc tươi sáng (trong giai đoạn đầu thập niên 50) không phải như một khúc hoan ca của niềm vui tìm lại được, trong nghĩa thường được hiểu ở Tây Phương mà là để, một cách sâu sắc hơn nhiều, diễn tả nỗi sầu muộn của cuộc nhân sinh (...) Chúng tôi, ở Đông phương, biết rằng (...) cái nét biểu hiện càng tươi thắm rạng rỡ chừng nào thì đằng sau niềm xúc cảm lại càng tối tăm buồn bã chừng ấy"* (10)

Tuy rằng cuốn sách về Kuniyoshi được xuất bản ở Đông Kinh năm 1954, và truyện *Thị Thành* ra đời ở Sài Gòn hai năm sau, tôi không nghĩ rằng có một liên hệ nào đó giữa hai sự kiện ấy cả. Tôi chỉ tin rằng, là một người Việt Nam, một nghệ sĩ, người duy nhất trong toàn giới văn học nghệ thuật Việt Nam xưa nay, Võ Phiến đã tự nhiên nắm bắt được cái nguyên lý "sáng tối" ấy.

"Bông hoa lẹo đẻo một màu hoe hoét" ấy, nó không lẻ loi. Rải rác khắp các tác phẩm của Võ Phiến, chúng ta tìm thấy nét và màu như thế, nhìn và thấy như thế: (...) *"Gió càng mạnh nữa, và cơn mưa tới gấp, mặt bể nhàu nát; giữa màu đục của nước mưa, lá cờ rực rỡ trên một chiếc ca-nô run rẩy tuyệt vọng" (11). Khi khác: "Chàng đạp xe đi quanh đi quẩn. Đi ngang qua trước cửa thảo cầm viên: Những người bán mũ giấy đỏ xanh nhọn đầu đang thu dọn ra về. Đi ngang qua công viên Vạn Xuân: Sương mù đùn lên trong các tàn cây xanh biếc như khói."* (12)

Mù, khói. Có nhiều mù, nhiều khói trong tác phẩm của Võ Phiến. Có mù, có khói, ắt phải có mây. Có nhiều, rất nhiều, mây.

Mù, khói, mây lại là những nét đặc dị trong tác phẩm Võ Phiến. Không phải vì đó là mù, là khói, là mây, mà lại là vì cái nhìn và thấy của ông.

Ở Võ Phiến không có cảnh "Yên ba giang thượng" của Thôi Hiệu. Hay "Vân thâm bất tri xứ" của Giả Đảo. Không có cảnh "Mây hồng dừng lại sau đèo" của Thế Lữ. Cũng không phải cảnh "Lớp lớp mây cao đùn núi bạc" của Huy Cận hay "Mây trắng ngang hàng tự thuở xưa" của Xuân Diệu. Và nhất định không có cảnh "Hôn quê theo ngọn mây Tần xa xa" của Nguyễn Du...

Ở Võ Phiến, lâu, lâu lắm rồi, có ba đám mây... đứng nhìn nhau. Ba trong những đám mây đẹp nhất trong văn chương:

"Tôi đứng cách xa mười dặm ruộng trông vào xóm tôi trong buổi chiều vắng vẻ. Ở phương Tây có một đám mây đậm màu lặng lẽ nhìn một đám mây đậm màu lặng lẽ ở phương Đông. Cuối xóm, lại một đám mây

đỏ bầm đứng im lặng bên cạnh dăm cái tàu dừa cũng im lặng, không phe phẩy một lá nhỏ. Hai bên định đương đầu nhau hàng giờ. Nhưng rồi đám mây buồn bã xịu màu xuống, tái dợt dần, chuyển ra xanh lạt, rồi xanh đậm. Trên đầu dãy núi tím, mây vẩy tê tê, màu xám. Dần dần bao nhiêu vẩy tê tê đều hóa ra lông chim phơi phới, mà trở màu thẫm đen..." (13)

Những đám mây đó, chúng nó ở đâu về với Võ Phiến đã từ lâu, từ thuở ông mới ngoài ba mươi. Cũng ở thuở đó có người ngồi bên đường chờ xe:

"Trời đã nhẹ hột mưa. Khắp bốn phía mù mù, đục đục, những đám mây hơi đậm hơn màu trời một chút, im lặng trôi đi, rã dần ra" (...)

"Chúng tôi quay lại chào người hành khách ngồi bên đường chờ xe. Chỉ còn lại ông ta, còn lại chiếc xe hơi ngã nằm, còn lại một ít máu phọt từ chỗ sọ vỡ của ông Bốn Tản, một ít đồ lót của "con đĩ già", ngọn tháp trên đỉnh đồi cỏ non, và mưa bay mây mù giữa đồng." (14)

Mưa bay mây mù giữa đồng... Lần nào đọc lại đoạn này, tôi cũng... xuýt xoa. Chỉ có mấy chữ, sao mà thê thiết! Lần nào đọc lại đoạn này tôi cũng lại càng tin tưởng rằng cái nhìn và thấy, dù có phải nhờ vã đến ngôn ngữ vốn là phương tiện của người viết, vẫn là sự nhận thức "không lời". Người "ngoại đạo" Võ Phiến là nhà văn, cho nên ông dùng đến chữ. Đó là chuyện tự nhiên, chuyện chẳng đặng đừng. Nhưng cái nhìn và thấy của ông, thâu tóm, đãi lọc, chuyên chở một mớ "nhân gian sự" cực kỳ rối rắm và nặng nề.

Trong một tùy bút dài gần năm mươi trang chữ in, sau bao nhiêu chuyện này chuyện nọ vô cùng phiền phức, "tôi" đọc lá thư nhà của người em viết từ quê đầy nhóc tin tức người nọ người kia:

"Đọc xong bức thư hồi lâu, tôi ngẩng lên, trời đã mưa từ hồi nào. Lúc đó vào khoảng sáu giờ rưỡi chiều. Nửa bầu trời u ám một cách hiền lành, mây đen mà vẫn còn phơn phớt xanh. Trời mưa bên này trong khi một phần ba trời phía bên kia vẫn sáng sủa, chân trời đã có nắng, như thể là nửa bầu trời bên kia điềm tĩnh thản nhiên giương mắt nhìn nửa bên này mưa gió. Bên kia có những vẩn mây hồng, và những áng mây vàng: vàng đậm, vàng lợt, vàng màu da cam, màu mỡ gà, và ở cho giáp ranh với phía trời mưa thì mây chuyển sang màu xanh đậm buồn bã. Giữa khoảng trời rực rỡ màu sắc, phía bên kia, lâu lâu một hai con én bay lẻ, liệng đảo, nhào vút trong mênh mông". (15)

Những đám mây, đám mù chiếm một vị trí quan trọng như vậy trong nhận thức của Võ Phiến, thảo nào chỉ hai năm trước ngày phải rời bỏ quê hương (Việt Nam) di tản ra nước ngoài, ông đã viết những câu tuyệt bút cho những... đám khói:

"Đồng không mông quạnh, ở chân trời, vài đám khói ùn lên, chậm chạp, tỏa cao và rộng. Khói đốt cỏ: Nông dân phát cỏ, dồn lại đốt, để chuẩn bị làm mùa. Chao ơi, những đám khói đốt ở chân trời trong nắng trưa, sao mà xúc động, cảm hoài. Những đám khói kể lể nỗi niềm bao la cuối một chân trời mênh mông." (...) "vừa đặt lưng xuống nằm ngủ, những đám khói ấy lại ùn lên trong giấc mơ. Và trong giấc mơ, không gian mênh mông càng vắng lặng, khói tỏa càng chậm, càng bát ngát..." (16)

.....

Những đoạn văn vừa được trích ra trên, Võ Phiến viết trước 1975, ở Việt Nam. Đâu ngờ những đám mây, đám mù, đám khói ấy chúng bám riết lấy ông, chúng theo ông di tản ra nước ngoài. Cuối tiểu thuyết đầu tiên của Võ Phiến ở Hoa Kỳ là một chuyện tình trong cảnh "long trời lở đất, nước mất nhà tan". Tội nghiệp cô Dung! Tác giả bắt cô ấy *nhìn và thấy* những gì ông *nghĩ và biết*:

"Nàng trông theo: trước mặt hai người mây vẽ lên nền trời những hình thù dữ dằn. Mây màu tro, màu xám đậm, màu tím bầm, màu xám nhạt, màu hồng sẩm, mây màu nọ cứ đùn lên, chồng chất lên màu kia, mây từng khối sừng sững, thật to lớn, chất ngất một phía chân trời, trông hung tợn đến khiếp." (17)

Trên, tôi có nói rằng ở Võ Phiến không có cảnh "yên ba giang thượng..." vân vân. Nhưng những đám mây Việt Nam của Võ Phiến, kể cả những đám mây Hoa Kỳ cô Dung nhìn thấy trong trại tị nạn, chúng gần gũi với những đám mây trong thơ Đường, trong thơ tiền chiến. Những đám mây "sử nhân sầu". Hình ảnh của niềm đau nỗi nhớ, nỗi mất mát, tiếc nuối, nỗi trắc trở, lỡ làng. Có khi chúng lại mang dáng dấp của sắt máu, hận thù, của chia lìa, chết chóc. Những đám mây "vân cẩu".

Đùng một cái, trôi dạt qua lục địa Mỹ Châu, chúng bị tước bỏ sạch trơn những tình huống rắc rối ấy. Chúng trở thành một thứ mây khác, trần trụi, gọn ghẽ, *no nonsense*. Tỉ như con mắt nhà văn, xưa nay quen nhìn cái mái chùa cong lợp ngói âm dương, rui cột chạm trổ vòng vo, nay bỗng nhiên đụng phải những đường thẳng tắp, những hình thù kỷ hà của kiến trúc hiện đại.

"Lại tung cửa chạy ra. Và nhìn xuôi trông ngược vẫn chẳng có gì. Chỉ có ngọn gió vừa lướt qua. Chỉ có cây gòi già độ một mảng mây trắng to tướng đứng trân trân trên ngọn đồi..." (18)

Đây có lẽ là lần đầu tiên trong văn chương thế giới, có một đám mây ngồi trên đọt gòi! Hình ảnh lạ lùng, kỳ quái, nhưng thật. Thật một cách bất thường. Và đầy đe dọa. Hãy so sánh mảng mây trên đầu cây gòi này (trong *Mười Giờ*, 1987) với đám mây "vẩy tê tê, đều hóa ra lông chim

phơi phới" của ba mươi năm trước (trong *Về Một Xóm Quê*, 1957) So sánh là thấy được sự chuyển biến trong cái nhìn và thấy của nhà văn.

Cái nhìn ấy, không phải chỉ để ngày nay thấy trời đất ở Hoa Kỳ, mà còn để *thấy lại* trời đất ở Việt Nam. Trong một truyện ngắn đầu thập niên này, nhân vật Phụng, ở Hoa Kỳ, kể chuyện về mình hồi còn ở Việt Nam:

"Nhớ có những lần như thế mình đứng giữa cánh đồng, trên một bờ ruộng hẹp, ngẩng nhìn, ngơ ngẩn, hoặc dừng chân ở khúc quanh của một bờ suối, chợt nhìn lên khối mây khổng lồ xuất hiện sừng sững trước mặt mà sững sờ. Buổi sáng hôm đó, cũng một buổi sáng sững sờ như thế (...) Một khối mây thật nặng nề, màu bầm tím, nằm trên đầu núi, nằm im lặng hàng giờ." (19)

Trước, ở Hoa Kỳ, ta có cây gòi đội một "mảng mây trắng to tướng đứng trân trân trên ngọn đồi." Bây giờ, ở Hoa Kỳ, nhớ lại Việt Nam, lại thấy "khối mây khổng lồ xuất hiện sừng sững trước mặt". Toàn là những thứ gây hoang mang. Mây đâu mà cứ hiện ra, đột ngột, bất thần, một hiện diện dữ dằn không thể tránh né. Cứ tưởng ảo ảnh là mơ hồ, lãng đãng. Ảo ảnh có thể hiện ra, thù lù một đống, như một quái vật, như một hung thần. Một thực tại khiên chế.

Trong một truyện khác, cũng được viết ở Hoa Kỳ, chúng ta tìm thấy cái nhìn lại, thấy lại này. Nghĩa là nhà văn ngồi ở Hoa Kỳ, viết về một chuyện xảy ra ở Việt Nam, nhưng cái nhìn và thấy khác đi với cái nhìn và thấy trước kia. Trần trụi hơn, "tàn bạo" hơn:

"Trời nắng đậm, thời gian ngưng lại sững sờ, mây trắng từng đám lặng lẽ không di chuyển (...) Từ dưới lòng sông bên này nằm trông lên bờ sông bên kia, xa tít, ngược chiều nắng: một người đàn bà nhỏ bé vung tay, ngoác miệng, giẫy giụa trên cao, sau lưng là tảng mây trắng sáng lòa". (20)

Chúng ta, người đọc hôm nay, chia sẻ với "đứa bé ngờ nghệch" ngày xưa cái "cảm giác vừa ngao ngán vừa kinh hãi" đó.

Chúng ta, người đọc hôm nay, chúng ta là ai? Chúng ta là những ông những bà gốc Việt trung niên, hay lớn tuổi hơn, những cụ ông, cụ bà... Một người như nhà văn Trần Vũ, năm chưa tới ba mươi đã *biết* đọc Võ Phiến là một ngoại lệ. Như vậy có nghĩa là cái "thời" của Võ Phiến đã qua rồi chăng? Những đề tài đã thành xưa cũ quá chăng? Bút pháp đã cổ, tình tự đã nhàm chăng?

Tôi không nghĩ thế.

Cái nhìn cái thấy của Võ Phiến còn nhiều điểm đáng bàn nhưng hãy tạm ngừng đây, chờ một dịp khác. Chỉ xin thêm đôi lời về cái viết của Võ

Phiến ngày nay.

Tôi nghĩ rằng những đề tài của Võ Phiến xưa nhưng không cũ. "Về Một Xóm Quê" là xưa. Nhưng "những điều dâu bể cũng tầm thường nhạt nhẽo" không phải là cũ. Anh Bốn Thôi, anh Hữu, cô Lộc, chị Lê là những người xưa. Nhưng ngày nay đâu có thiếu những người như họ, chẳng những giữa người gốc Việt chúng ta mà còn giữa người Pháp, người Mỹ bản xứ. Họ vẫn còn cả đấy. Những người vừa kể tên, họ có những tính cách đặc thù Việt Nam, dĩ nhiên. Nhưng tính nhân loại, tính thế gian trong con người họ có bị giới hạn bởi không, thời gian đâu. Vả lại, đó cũng là một trong những giá trị vững bền của nghệ thuật cây bút Võ Phiến. Tôi tin rằng ở New York, ở Chicago, ở Los Angeles, có thiếu gì những anh chàng ăn mặc chải chuốt, lái xe Porsche, BMW cả đấy, nhưng có lúc cũng tần mần muốn chui vào một xó xỉnh nào đó, ngước mặt lên nhổ cái lông mũi chơi!

Những tình tự trong truyện Võ Phiến nhàm thì có nhưng không chán. Nhàm vì đó là những "nhân gian sự" của muôn đời. Chuyện đời vốn nhàm. Cổ kim Đông Tây, quanh đi quẩn lại cũng chừng ấy chuyện. Tuy nhiên, cái lá cây, cái ngọn cỏ, có gì mới lạ đâu mà thiếu gì kẻ vẫn mê tít. Huống hồ con người. Chán hay không chán là do ở ta. Không do ở đời và không do ở người nghệ sĩ, nhất là một nghệ sĩ cứng tay "nghề" như Võ Phiến.

Thật ra, những tác phẩm thuần sáng tạo của Võ Phiến, đầu thập niên này, có khác trước. Chúng mang một phong thái mới: cô đọng, ngắn gọn, đặc quánh. Câu văn cứng cỏi hơn. Ý tưởng quyết liệt hơn. Đối thoại dứt khoát hơn. Phải chăng đó là cách Võ Phiến giải quyết vấn đề viết lách trong thời đại mới? Thời đại được mệnh danh là "kỹ điện" (*the "technotronic" era*), thời đại của TV và máy vi tính. Thời đại mà Marshall McLuhan đã từng gán cho một câu bất hủ: "Môi trường, đích thị là thông điệp đó" (*The medium is the message*). Môi trường đây cũng có thể hiểu như phương tiện, như dụng cụ. Hình ảnh chớp nhoáng thay thế cho chữ viết, cho ý nghĩa, v.v... Phải chăng vì vậy mà Võ Phiến viết câu văn ngắn hơn, xô đẩy sự kiện dồn dập hơn, để cho tình tiết chuyển biến trực tiếp hơn? Phải chăng có sự dụng công? Tôi nghĩ là không.

Tôi nghĩ rằng cách viết mới của Võ Phiến là một thích thú mới. Nhấn mạnh: thích thú. Ta cứ xem: trẻ nít thì uống sữa, uống nước ngọt, nước cam. Lớn lên, tập tành uống cà phê, uống bia. Cái gì uống được mà kích thích là uống. Từng trải hơn thì nhâm nhi ly rượu ngon. Về già thì tì tì chung rượu thuốc. Hay chén trà thơm. Phải nói ngay: Không phải *Con Chim* hay *Mười Giờ* là rượu ngon, trà quí, mà *Lẽ Sống* hay *Đàn Ông* là

nước ngọt, là bia hơi. Ở tuổi ba mươi, Võ Phiến đã biết chọn lựa rượu ngon trà quí, không phải bạ cái gì uống cái đó. Cho nên có thể nói rằng cái viết mới của ông nối tiếp cái viết "cũ" của ông. Chỉ có điều, cao tuổi hơn, ông... tiết chế hơn đó thôi.

Nói thế không phải để phủ nhận những cố gắng – nếu có – của nhà văn để đáp ứng hoàn cảnh mới. Những cố gắng đó – nếu có – đáng được ca ngợi. Nói thế để dứt khoát tự nhủ rằng giá trị nghệ thuật, rốt cuộc, như nhan đề một tùy bút của Võ Phiến hơn ba mươi năm về trước, là *Cái Còn Lại*. Và những "cái" của Võ Phiến còn lại nhiều lắm. Vấn đề là chúng ta, và con cháu chúng ta, có biết "xài" những "cái" đó không? Biết thì hưởng, không biết là dại, là thiệt thòi.

.....

Tiếng Việt của những cây bút Việt Nam ở hải ngoại vừa là một lợi khí vừa là một chướng ngại. Các nghệ sĩ tạo hình không phải quan tâm đến vấn đề ấy. Nhưng họ lại phải đương đầu với một hoàn cảnh khác hết sức phức tạp. Trong một bài viết mới đây, bàn về hội họa, tôi có nói rằng: (...) *"Hiện đại chưa đủ. Phải hậu hiện đại kia. Hậu hiện đại chưa đủ. Phải thương mại hóa và đại chúng hóa nữa kia"* (21). Cái vẽ như vậy thì cái viết làm sao tránh khỏi, hỡi các "văn hữu" đang cố mở "con đường máu" để bước vào "giòng chính" (*mainstream*) của văn học nghệ thuật thế giới!

Đã nói chuyện viết thì phải nói chuyện đọc. Một ngày – ngày đó hình như nó đã lấp ló đâu đây rồi – có thể người ta sẽ không đọc sách nữa. Cũng như không ngồi một mình lắng nghe một bản nhạc nữa. Có thể người ta sẽ bỏ hẳn cái thú treo bức tranh lên tường rồi ngồi ngắm hàng giờ. Có thể lắm. Nhưng nghĩ cho cùng, trong lịch sử mịt mùng của nhân loại, những cái thú ấy chúng cũng chỉ mới có mặt đây thôi, lâu lắc gì đâu. Trước, đâu có chúng. Nhưng rồi hoàn cảnh xã hội, văn học, kinh tế, kỹ thuật, thương mãi sinh ra chúng. Cũng những hoàn cảnh ấy, thay đổi, sẽ dần dà triệt hạ chúng.

Viết văn và đọc văn là chuyện rắc rối hơn, chẳng hạn, chuyện viết thư và đọc thư. Ngày xưa, năm thì mười họa các cụ sai trẻ đi bộ cả ngày đường đem một lá thiếp thăm "quý hữu nhã giám". Nhưng rồi khi có nhà bưu điện ("sở dây thép"!), con cháu các cụ viết thư, đọc thư rối rít. Đến khi có cái máy điện thoại, người ta gọi nhau ơi ới, chứ không ngồi xuống viết chữ lên giấy nữa. Ngày nay, cái điện thoại coi mòi đã lẹt đẹt rớt lại phía sau rồi. Ngày nay, người ta i-meo, i-miếc tùm lum, vừa tiện, vừa rẻ, vừa lẹ, vừa le.

Cái viết cái đọc thường tình còn thay đổi như vậy, huống hồ chuyện "viết văn" và "đọc văn". Trong một truyện thật ngắn của Võ Phiến có nhà

văn nọ phân vân: *"Vài ba chục năm sau có còn ai xem sách nữa không? Thể loại tiểu thuyết có còn tồn tại không? Thơ, có còn ai đọc nữa không? Có còn cái gọi là văn chương nữa không?"* (22)

Vâng, có thể một ngày nọ cuốn truyện, bức tranh sẽ được coi như những đồ vật của một thời đã qua. Ngộ nghĩnh, hay hay, gây nên sự tò mò, nhưng không được dùng tới nữa. Chúng nằm hứng bụi như những di vật trong viện bảo tàng.

Bản thân tôi, tuy suốt một đời sống với cây bút cây cọ, tôi tưởng tượng cái ngày đó đến mà sao trong lòng chỉ thấy... nhẹ nhõm lạ thường. ừ, cái ngày đó nó đến, thì đã sao?

Thì đã sao? Mấy tiếng này, thường tình nghe cứ như có vẻ bất cần. Tệ hơn, lỗ mãng, trâng tráo. Nhưng cũng ba tiếng ấy, nếu được phát âm một cách từ tốn, chậm rãi, thì lại nghe như thanh thản, nhẹ nhàng. Nghe kỹ hơn nữa, lại có chút gì gần như ngậm ngùi, ngậm ngùi mà không buồn bã, giông giống cái giọng cụ Yên Đổ Nguyễn Khuyến thuở nào một mình thơ thẩn với chiếc thuyền "bé tẻo teo" trên mặt "ao thu lạnh lẽo nước trong veo"...

Ở trang đầu cuốn *Võ Phiến* của Nguyễn Hưng Quốc có in một bài thơ của Võ Phiến, viết mùa thu 1995. Bài thơ gồm ba đoạn; mỗi đoạn kết thúc với câu "Chuyện gì rồi cũng bỏ qua thôi". Câu ấy được lập đi lập lại mấy lần, như một nhắn nhủ, một nhắc nhở, như một an ủi, một vỗ về. Vâng, chuyện gì rồi cũng bỏ qua thôi. Kể cả chuyện viết và đọc. Kể cả chuyện nhìn và thấy.

Hoa Bang, 6/1998

CHÚ THÍCH:

(1) Võ Đình, *"Mặn" và "Chay"*, Văn Học số 146 (6/1998)

(2) Đặng Tiến, *Thẩn Thơ Võ Phiến*, Diễn Đàn số 73 (4/1998) và 74 (5/1998)

(3) Nguyễn Mộng Giác, *Tìm Hiểu Thế Giới Nhân Vật Của Võ Phiến*, Văn Học số 19 (8/1987)

(4) Võ Phiến, *Lỡ Làng*, Truyện Ngắn I, Văn Nghệ, 1987

(5) Nguyễn Hưng Quốc, *Võ Phiến*, Văn Nghệ, 1996

(6) Võ Phiến, *Thị Thành*, Truyện Ngắn I, Văn Nghệ, 1987

(7) như (6)

(8) Võ Phiến, *Khách Xá Qui Tâm*, Quê, Văn Nghệ, 1992

(9) Võ Phiến, *Buổi Sáng Giữa Đồng*, Truyện Thật Ngắn, Văn Nghệ,

1991, 1995

(10) Loyd Goodrich & Atsuo Imaizumi, *Yasuo Kuniyoshi*, Bijutsu-Shuppan-Sha, Tokyo, 1954 (đoạn trích: VĐM dịch từ Anh ngữ)

(11) Võ Phiến, *Một Mình*, Tiểu Thuyết I, Văn Nghệ, 1993

(12) Võ Phiến, *Đàn Ông*, Tiểu Thuyết II, Văn Nghệ, 1988

(13) Võ Phiến, *Về Một Xóm Quê*, Truyện Ngắn I, Văn Nghệ, 1987

(14) Võ Phiến, *Lẽ Sống*, Truyện Ngắn II, Văn Nghệ 1989

(15) Võ Phiến, *Lại Thư Nhà*, Tùy Bút II, Văn Nghệ 1987

(16) Võ Phiến, *Những Đám Khói*, Tùy Bút I, Văn Nghệ, 1986

(17) Võ Phiến, *Nguyên Vẹn*, Tiểu Thuyết II, Văn Nghệ 1988

(18) Võ Phiến, *Mười Giờ*, Tùy Bút II, Văn Nghệ, 1987

(19) Võ Phiến, *Xong Cả*, Truyện Thật Ngắn, Văn Nghệ, 1991, 1995

(20) Võ Phiến, *Quê*, Văn Nghệ, 1992

(21) Võ Đình, *Lại Nói Chuyện Vẽ*, II, Hợp Lưu số 36 (8-9/1997) và số 37 (10-11/1997)

(22) Võ Phiến, *Em Đây*, Truyện Thật Ngắn, Văn Nghệ, 1991, 1995

Hầu hết những tác phẩm Võ Phiến viết trước 1975 đã được nhà xuất bản Văn Nghệ (PO Box 2301, Westminster, CA 92683, USA, 714-527-5761) in lại trong *Võ Phiến Toàn Tập*. Trong những chú thích trên đây, chỉ những ấn bản Văn Nghệ được liệt kê để tiện bề tra cứu.

Khởi Lên Từ Ngọn Bút

TRIỀU HOA ĐẠI

Kính gửi nhà văn VP

Khởi đầu là ngọn bút
trời dã rộng mênh mông
dất dã ngời xanh ngát
hiểu dược ra. Mất, còn

thấy dược và biết dược
chiều lên cỏ, lên cây
phù sinh đời hoa nở
chẳng đi cùng ta đâu

mang theo vừng trăng tỏ
dong duổi dặm dường xa
về dược không quê cũ
nơi đâu mới là nhà

khởi đầu lên ngọn bút
ta muốn cùng cỏ hoa
ta muốn ta. nhật, nguyệt
sáng mãi một ngày kia

về dược không quê cũ
tiếng chim lẻ chiều phai
cá trong ao quẫy bóng
gió thổi đùa áo ai

ở lại một ngày vui
ta cùng ta chậm bước
lá trong vườn xào xạc
chim kêu lẻ. chiều nay!

Võ Phiến: Tâm và Cảnh

Trần Hữu Thục

Người người bị bắt buộc đối diện nhau thường trực, bao vây nhau, ám ảnh nhau. Người bị ngộp vì người.
Võ Phiến

Thế giới trong tác phẩm của Võ Phiến là thế giới bề bộn chi tiết: việc có, sự việc có, vật có, sự vật có, rồi những ý nghĩ thoáng qua, những nhớ, những tiếc, những trạng thái tâm lý tủn mủn tỉ mỉ, chợt buồn chợt vui, chợt băn khoăn, chợt xao xuyến. Đọc văn ông, chúng ta sốt ruột đợi một chuyện gì đó đáng đồng tiền bát gạo xảy ra: một cuộc tình, một tấn thảm kịch hay ít nhất cũng là một biến cố có ý nghĩa nào đó. Nhưng không. Ông nhẩn nha, nhẩn nha kể chuyện "trong nhà ngoài phố" y như thế giới này cứ thế, chẳng có gì quan trọng lắm, ghê gớm lắm. Võ Phiến bắt ta nhìn vào vật này, rồi nghe thứ âm thanh gì ở một xó xỉnh nọ. Ông bắt ta rờ cái này, thoắt cái, nhớ đến chuyện khác. Chuyện con kiến, tiếng thở, cái hắt hơi, tờ báo nằm trên đỉnh mùng, bàn tay đè trên sống muỗi, mấy cái hủ mắm... Ông kể chuyện một anh chàng dẫn mẹ đi khám bịnh, gặp cô y tá. Ta những tưởng sẽ có một mối tình lớn chi đây. Ấy thế mà , chẳng có gì cả. Chỉ thấy anh chàng nhìn, rồi nghe, rồi ngẫm nghĩ, rồi nhơ nhớ, rồi...Chẳng đâu ra đâu hết. Không hề có một mối tình da diết nào. Ông nhắc đến cái chéo áo bà mẹ vướng nơi cửa xe, mấy sợi lông măng trên tay cô gái...Hầu hết các "chuyện" của ông đều như thế, là thế.

Trong Võ Phiến, dường như mọi chi tiết đều được tận dụng tối đa. Các giác quan đều rộng mở để tiếp nhận mọi ngóc nghách của cuộc sống chung quanh. Thêm vào đó là những hồi tưởng, liên tưởng, suy gẫm. Chúng ta đọc thử vài trích đoạn, nhặt ra một cách tình cờ từ các bài viết của ông:

"Chán rồi anh nghiêng đầu tò mò nhìn qua lỗ hở của sàn gác, trông thấy người chủ nhà của tầng dưới, một người đàn ông xấp xỉ năm mươi, mập mạp, tóc hớt "cua", mặc cái quần đùi rộng thông thềnh và dài tới đầu gối, nằm ôm đứa con nhỏ ngủ trên đi-văng, tay không rời chiếc quạt giấy thỉnh thoảng được phất một cái để đuổi muỗi. (Đèn ở nhà tầng dưới vẫn sáng vì ông chủ nhà có người con trai thường học khuya, chuẩn bị thi trung học năm nay). Có lúc, Mạnh nằm yên nghe tiếng xe chạy rêm rêm trên khắp các nẻo đường đô thành, nghe như thế rất lâu." (TB II tr. 48)(*)

"...Trở lại tiếng rao nhật báo. Nó gọn lỏn không ngân nga, nó lớn hơn những tiếng rao khác, nổi bật trên những tiếng rao khác. Người bán báo vừa chạy vừa rao, vừa đạp xe đi vừa rao, vừa ngồi trên chiếc xe gắn máy cũ kỹ nổ vang tai vừa rao. Nói cho đúng thì là họ la lên một cách bất thình lình. Trong tiếng rao nhật báo đã có sẵn cái ý khẩn cấp, hối hả, gợi lên một cái gì thảng thốt." (TB II, tr. 120)

Không phải sự vật nằm đó để ta quan sát, suy gẫm , mà chúng cũng tự bày tỏ về chúng:

"Chàng bắt đầu lật. Trang 164. Có ngừng ở đây được. Vâng, được lắm. Trang này thật là hấp dẫn. Ở góc bên trái phía dưới trang sách, một chữ O nhoẻn cười, vui ra phết. Nó chú ý đến chàng hay chàng chú ý đến nó trước tiên? Dù sao cũng thích: hôm nào cũng gặp lại nó. Cái chữ O này láu lỉnh lắm nhá. Giữa trang, một chữ N ngúc nga ngúc ngắt. Nó làm như vẫy gọi chàng thật gấp. Phải đến ngay với nó chớ. Nó lại làm như dãy đành đạch. Im nào! Nó vẫn còn như là run. Chàng biết: vờ thế chứ run gì!" (TB II, tr. 153)

..."Cà phê rụng xuống không vội vã, ồ không! Một giọt cà phê biết tự trọng không bao giờ vội vã. Dù cho giữa khung cảnh sinh hoạt hấp tấp tơi bời của đô thị văn minh ngày nay, giọt cà phê chân chính vẫn bình tĩnh thong thả tụ hình, đắn đo, đủng đỉnh lắc lư, suy tư, chán chê rồi bấy giờ mới chịu buông mình xuống tách." (TB II, tr. 174) **

Thực ra, cái thế giới tủn mủn tẩn mẩn ấy, thế giới của những cái "không đâu vào đâu" ấy, của những lời nói, cử chỉ vu vơ ấy tương quan mật thiết một thế giới khác: *tâm giới*. Một chi tiết đời sống tự nó chỉ là chi tiết. Nhưng khi chi tiết này nối kết với các chi tiết khác để tạo thành "cảnh" thì đồng thời chúng cũng tạo ra "tâm cảnh". Tâm cảnh, hiểu như thế, là cách con người tiếp nhận hiện thực. Cảnh - tức là tổng hợp các chi tiết - mà Võ Phiến chọn đưa vào trong văn ông không thuần là cảnh, mà hầu hết là tâm cảnh. Trong đoạn văn sau đây, Võ Phiến tả một anh chàng háu ăn, đang tìm cách tóm hết những món ngon trên mâm cơm vào bụng mình. Với lối diễn tả cụ thể, chi li từng cử chỉ, thái độ, ông muốn nêu bật

lên mối tương quan cũng như sự mâu thuẫn khá điển hình giữa hành vi, cử chỉ bên ngoài và các trạng thái tâm lý bên trong . Mâu thuẫn đó khiến cho có lúc, nhiều hành vi, cử chỉ dường như không ăn khớp nhau ở nơi cùng một người:

"Tôi đã thấy những cái liếc trộm lanh lẹ của hắn có ý nghĩa canh giữ phòng thủ trên mâm cơm, những thủ đoạn giả vờ vô tâm, đãng trí của hắn, sự chọn lựa cân nhắc tỉ mỉ của hắn v.v...Nhưng đáng ghét nhất vẫn là đôi đũa và cái miệng của hắn. Cặp mắt thì biểu lộ cái gì hắn muốn biểu lộ, còn bàn tay và cái miệng thường vô tình phản ảnh cả cái phần vô ý thức mà hắn quên kiểm soát giấu giếm. Người ta thấy đôi đũa của hắn dụm lại trong lòng chén như hai chân trước của một con ngựa chấp chới sắp sửa nhảy qua rào, và mép trên của hắn run nhấp nháy lúc nào cũng đang sửa soạn. Cái bình tĩnh bề ngoài của hắn mâu thuẫn với những nét run run khe khẽ nóng nảy ở bàn tay, những giậm giật nhấp nháy của đôi đũa và mép , những ham muốn ti tiện dồn ép bên trong" (Dung, truyện ngắn I, tr. 36)

Nguyên nhân của những mâu thuẫn xuất phát từ sự tác động thường xuyên của phần vô thức vào các hành động của con người trong cuộc sống thường nhật. Đó cũng là mâu thuẫn giữa ý thức và vô thức trong tâm thức mỗi người. Hay nói cách khác, có nhiều trạng thái tâm lý cũng như hành động thoát ra ngoài sự kiểm soát của ý thức. Rải rác trong nhiều bài phỏng vấn, Võ Phiến cho biết, bằng văn chương và qua văn chương, ông muốn khám phá chiều sâu tâm thức qua những hành vi, cử chỉ tưởng như rất vô nghĩa của con người.

"Người viết truyện ngày nay cũng nhìn vào tâm lý nhân vật bằng thứ kính hiển vi riêng, họ đòi trông thấu suốt cái thế giới đen tối, rộng lớn và vô cùng phong phú của tiềm thức. Mỗi một cử chỉ, một lời nói phát lộ ra bên ngoài là kết quả của bao nhiêu hoạt động phiền toái bên trong. Một mùi vị miếng bánh ngậm vào mồm đánh thức một dĩ vãng mênh mông xa xôi" (Tạp Bút, tr. 200)

Quan niệm này được ông nói rõ hơn trong một cuộc phỏng vấn:

"Bên dưới cuộc sống ý thức của mỗi người vẫn duy trì liên lỉ cuộc sống tiềm thức đầy mộng mị"..."Tôi tò mò, bị thu hút về những hoạt động của tiềm thức, và về cái thi vị, cái bí ẩn bao trùm chung quanh cuộc sống con người, cuộc đời mỗi người"(Tạp Bút, tr. 392, Nói chuyện với Bách Khoa)

Mặc dầu không nói hẳn ra, nhưng rõ ràng là Võ Phiến chịu ảnh hưởng của phân tâm học. Hầu hết các tác phẩm của ông đều không ít thì nhiều nhuốm màu sắc tâm lý vô thức. Ông chi li với vật, với việc, với cảnh, chỉ vì chúng là những biểu lộ rất đa dạng bên ngoài của những trạng thái tâm

lý vô thức phức tạp bên trong.

Ta tự hỏi, Võ Phiến đã chịu ảnh hưởng phân tâm học đến mức nào ?

Theo tôi, mức ảnh hưởng tương đối nhẹ nhàng. Ông đã không dùng văn chương như phương tiện để chứng minh một quan niệm có hệ thống nào của phân tâm học, đặc biệt là của Freud. Như chúng ta biết, phân tâm học trường phái Freud có xu hướng giải thích mọi hoạt động vô thức lệ thuộc vào các dồn ép tính dục. Trong các tác phẩm của Võ Phiến, vai trò của tính dục lại khá mờ nhạt. Ngay cả trong truyện về một anh chàng bị bệnh bất lực là Bốn Thôi, Võ Phiến cũng mô tả anh như một người bình thường, hết sức bình thường. Những nhân vật của Võ Phiến, dù bị ám ảnh bởi các kỷ niệm quá khứ nào đó, một giấc mơ nào đó, hoặc bởi một quan điểm đạo đức nào đó, cũng đều có cuộc sống bình thường như thế. Theo tôi, qua tâm lý học vô thức, ông muốn khám phá cái bí ẩn thi vị đằng sau những hoạt động thường nhật của con người bình thường hơn là đi tìm các ám ảnh đầy chất bệnh lý của những người bất thường. Nhận định này giúp ta hiểu rõ hơn phương pháp sáng tác của ông cũng như hiểu rõ hơn cái thế giới sự vật, sự việc bề bộn trong văn ông. Những hiện thực ngoại giới tồn tại trong một tương quan bất khả cách ly với các trạng thái tâm lý con người.

Với nhiều nhà văn khác, việc tả cảnh thường chỉ có mục đích làm nền, tạo không khí, tạo chỗ đứng cho một số sự kiện chính làm nòng cốt của câu chuyện. Ngay cả việc mô tả các trạng thái tâm lý nhân vật cũng để phục vụ cho những sự kiện chính, những "cao trào", những "cao điểm", "gút thắt" của câu chuyện. Võ Phiến, ngược lại, tập trung cái nhìn sắc bén của ông trong tương quan "tâm - vật" từng lúc. Mỗi cái nhìn, tiếng thở, mỗi cái huơ tay, nhịp bước chân chẳng hạn đều không hề "vô nghĩa". Nó phải phản ánh một cái gì đó bên trong con người. Và vì thế, đối tượng vật chất của chúng (vật, con vật, việc, sự việc) từng cái một - vốn không hề tương quan gì với nhau - lại nối kết trong một cụm thống nhất để biểu lộ các trạng thái tâm lý nào đó.

"Rồi ông nằm ngẩn ngơ trong ngôi nhà sáng choang. Rồi ông ngồi dậy đốt một điếu thuốc, khói xanh tỏa chầm chậm qua những tia ánh sáng. Rồi ông mở cửa bước ra hiên. Ông trở vào pha cà phê uống. Ông mở cửa ra vườn sau, nghếch mặt nhìn nghiêng nhìn ngửa, đến bên cây này cây nọ, lại nghếch mặt nhìn đàn sáo đậu trên dây điện, nhìn con quạ trên cây thông sau lưng căn nhà trên ngọn đồi bên kia đường, có khi nhìn lên trời xanh trống không. Rồi ông bước đến đứng một lúc dưới bóng cây long não. Rồi ông cảm thấy mình lơ ngơ, không có việc gì giữa ngôi vườn vắng vẻ, ông lại vào nhà, ông đốt một điếu thuốc nữa v.v...Ông nằm

xuống, cầm lấy cuốn sách. Một lát, ông lại nhổm dậy, úp sách xuống mặt thảm." (TB II, tr. 216)

Nhân vật gì mà kỳ lạ! Đi vào, đi ra, nghếch mặt nhìn chỗ này, chỗ nọ. Ta có cảm giác như nhân vật này đang bị bệnh tâm thần. Không phải. Ai trong chúng ta cũng đã từng trải qua nhiều lần, rất nhiều lần tình huống trông rất dớ dẩn đó: không biết phải làm gì, muốn gì, thậm chí không biết mình là ai. Có những lúc, hoặc do những xung động tâm lý hoặc do ngoại giới kích thích, con người bỗng nhiên bị lạc, bị chìm vào một miền vô thức mênh mông. Từ đó, những hoài vọng triền miên, những ước ao không thỏa, những vướng mắc siêu hình, hay một cõi quá khứ trùng trùng xa khuất bỗng bừng bừng sống dậy. Nhân vật trong đoạn văn trên là một người đàn ông bình thường, đang bâng khuâng trước khung cảnh đất trời vào khoảng thời gian đẹp nhất, hạnh phúc trong một ngày mùa xuân là mười giờ sáng. Khung cảnh đó đẩy ông vào một vùng ký ức xôn xao kỷ niệm thời thơ ấu, của một cuộc tình, rồi một cuộc chia xa. Chính vì thế, ông có những cử chỉ vu vơ, vô cớ. Những cử chỉ mà các nhà phân tâm học gọi là những "hành vi lỡ" (actes manqués), nghĩa là những hành vi nhỏ nhặt hàng ngày không kiểm soát được.

"Mười giờ, ông bỗng dưng như thể một kẻ lẽnh lãng: ở trong nhà thì nghe như có tiếng réo gọi đâu đó xa xa, tung cửa ra ngoài không thấy ai, không thấy gì cả. Trông bên nọ ngóng bên kia dáo dác một lúc, cảm thấy tưng hửng bèn quay vào. Quay vào, thì nghe réo gọi bên ngoài. Văng vẳng, mơ hồ, mà khẩn trương, hối hả. Thoạt tiên mình còn ngờ vực lấy mình, về sau càng lúc càng nhốn nháo cả ruột gan. Tiếng gọi thiết tha quá, cấp bách quá, không sao không đáp ứng được. Lại tung cửa chạy ra. Và nhìn xuôi trông ngược vẫn chẳng có gì. Chỉ có ngọn gió vừa lướt qua. Chỉ có cây gồi già đội một mảng mây trắng to tướng đứng trân trên ngọn đồi..."(TB II, tr. 227)

Vậy thì cách mà con người truy nhận hiện thực lệ thuộc vào những trạng thái tâm lý (ý thức và vô thức) của con người. Và ngược lại , chính hiện thực đó tác động vào tâm thức con người và thay đổi các trạng thái tâm lý.

"Vài ba món đồ lót, một chiếc khăn lau mặt phơi trên sợi dây giăng ngang chỗ chàng nằm. Chậu xương rồng bụi bặm khô khắc. Và con chó nằm bên. Dưới đường, những chiếc xe hơi, xe ba gác, xích lô đạp và xích lô máy xếp dọc bên lề. Những thùng rác, trụ điện. Hai con chó trửng giỡn đuổi nhau, vờn nhau. Con chó nằm bên chàng nhìn xuống thèm thuồng. Thỉnh thoảng nó không cầm lòng được, cuống quýt, cào chân trên ván gác và hực lên một tiếng. Ngoại trừ sự rạo rực của con chó, tất cả không

gian rỗng tuếch, không một tình cảm. Trăng vằng vặc mà vô tình. Các vũng bóng tối lạnh lẽo, mà khắp vùng ánh sánh cũng lạnh lùng, sáng không nhiệt liệt. Cuộc sống ngưng lại, nghỉ ngơi. Đường dầu trông như nguội đi không phải vì nhiệt độ ban đêm hạ thấp mà vì vắng ngớt bước chân rộn ràng, bánh xe xuôi ngược. Cảnh vật trút hết mọi bận rộn. Hư tâm" (TB II, tr. 203)

Cái thế giới sự vật, đồ vật ấy không phải là hiện thực ngoại giới thuần túy, vô tâm mà dính kết không rời vào tâm giới của con người. Chúng can dự vào cuộc đời, can dự mạnh mẽ, đêm ngày, trưa sớm. Chúng là biểu lộ bên ngoài của những bất an, trăn trở, thao thức trong tâm thức . Chúng có mặt y như thể chúng thoát thai từ cái ám ảnh bất an đó.

"Giữa chừng giấc ngủ, chợt tỉnh dậy. Có tiếng xe gầm gừ trước nhà. Chiếc xe đang cố gắng nhích tới nhích lui, trở đầu một cách khó khăn. Đêm đêm vẫn có mấy người tới đánh bạc ở nhà bên cạnh, bây giờ họ ra về. Ánh đèn xe của họ chiếu sáng tận trong phòng anh Tư. Trước ánh đèn xe, mưa lại rơi lai rai từ lúc nào. Bây giờ có lẽ đã quá giờ giới nghiêm một chút, chiếc xe mấy người đánh bạc đi xa rồi, cả xóm vắng lặng. Anh Tư chẳng còn được bao nhiêu thì giờ nữa, anh vội vã ngủ lại. Lần khác, anh thức giấc, bốn trái hỏa châu cùng sáng rực một lúc, treo lơ lửng giữa trời về phía Tân cảng. Ánh sáng rọi tận trong mùng. Anh bỡ ngỡ nhìn rõ những đường may ráp hai lá mùng, nhìn thấy tờ báo trải nằm trên trần mùng. Bốn trái hỏa châu trừng trừng sáng rực một lát rồi tắt. Bên ngoài còn lại thứ ánh trăng xanh mát. Mưa lại đã ngưng tạnh. Anh không còn thì giờ nữa . Lần khác nữa, thức giấc, nghe có tiếng xích lô máy nổ lẻ loi ở xa. Hết giới nghiêm. Gần lắm rồi, không còn thì giờ. Anh cần nghỉ thêm một chút" (TB II, tr. 189)

Đoạn văn trên trích từ "Một ngày để tùy nghi". Truyện ngắn này, theo tôi, là một trong những truyện ngắn đặc sắc của Võ Phiến. Tôi độ chừng rằng truyện này ông triển khai từ ý tưởng về sự trói buộc của thời gian đối với cuộc sống con người trong một xã hội kỹ nghệ. Ý niệm triết lý thú vị này được ông mặc vào chiếc áo của đời sống, biến thành một chuỗi hình ảnh văn chương sinh động. Càng đọc, càng nghiền ngẫm, tôi lại càng cám cảnh cho thân phận của mình hôm nay trong xã hội Hoa Kỳ. Cuộc sống của anh chàng Tư, một công nhân trong một xã hội đang trên đà công nghiệp hóa thời VNCH, nào có khác gì cuộc sống vồ vập hôm nay trên đất Hoa Kỳ của một người mới đến định cư.

"Ngày nào cũng là ngày của công việc, việc nọ tiếp tục việc kia, giờ khắc đun đẩy nhau liền liền suốt tới chiều".

Cũng như nhân vật Tư, tôi "cúi đầu chịu trận sáng hôm nay, sáng

hôm qua, ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác", chẳng có ngày nào là ngày của tôi, thuộc về tôi. Cũng như Tư, "nhìn về phía tương lai xa tít tắp", tôi không thấy đến bao giờ tôi có thể gặp những ngày mà tôi có thể làm chủ, thời gian của tôi. Thời gian vô tình, tàn nhẫn. Tìm cho ra một "khe hở" của nó "để tuỳ nghi", đúng như Võ Phiến nói, trở thành một điều huyền hoặc, giả tưởng trong cuộc sống của một người đã lỡ hội nhập và bị cuốn trôi vào xã hội năng động này.

Nhân vật của Võ Phiến không hành động một cách tiểu thuyết, nghĩa là không mang nhiều kịch tính. Kịch tính là gì ? Kịch tính là sự bố trí những tình huống và sự kiện làm sao để có thể dẫn đến các biến cố bất ngờ, có khả năng gây xúc cảm. Điều đó bó buộc phải giản lược, thu gọn những tình tiết làm sao để biến cố chính nổi bật một cách đặc biệt. Võ Phiến không khoái tạo nên những biến cố trong truyện. Thay vì tập trung mô tả biến cố để gây sửng sốt, ngạc nhiên, xúc động - Võ Phiến rỉ rả mô tả chi tiết đời sống càng lâu lắt càng tốt, càng nhiều càng tốt. Vì thế mà, nhân vật của ông trông chẳng khác gì một bộ máy quan sát và trầm tư. Rất nhiều khi, nhân vật của ông đi đứng nói năng như bị ma ám. Anh ta nghe ngóng, ngắm nghía, tra vấn, thắc thỏm, nghi ngờ, băn khoăn. Mọi thứ dường như đều có thể bị nhân vật của "chộp bắt" vào mạch văn: "cái lưng đầy mỡ suông đuột từ trên xuống dưới, không eo", "cái gối mềm kê dưới đầu lạnh", tiếng rao nhật báo, vũng nước tiểu, "lỗ chân lông to ", nhổ lông mũi, "ngón tay trỏ của bàn tay trái", "tro giấy đậu trên mặt bàn, trên tóc", "cà phê rụng xuống không vội vã", "cát văng vào cuốn sách kê dưới đầu gối kêu rắc rắc'. Rồi những là "tận hồi mùa đông năm Dậu", "nán lại cho đủ ba trăm sáu mươi lăm ngày để chờ cái Tết năm Hợi", "Bà Tám, nhà số tám mươi chín", "cô Thu nhà số bảy mươi tư", cảnh ông Quách chăm chú theo dõi nhà láng giềng tìm cách cứu mấy cây đu đủ khỏi bị chết vì nước lụt"...

Ấy, văn Võ Phiến nhiều chi tiết "thừa", nếu không muốn nói là "quá thừa". Thực ra, chúng thừa *một cách rất võ phiến*, nghĩa là thừa một cách "văn chương". Chúng thừa để tạo nên cái nét đặc sắc riêng của văn phong Võ Phiến. Sở dĩ chúng thừa là vì người ta trông chờ một cái gì khác của câu chuyện, được bố trí một cách tiểu thuyết, nghĩa là đầy kịch tính. Chúng không hề thừa trong cuộc sống, nếu không muốn nói là còn quá thiếu so với muôn vàn đường nét tế vi của cuộc sống sinh động chung quanh ta. Khi trả lời câu hỏi: "Người ta thường nhắc đến Võ Phiến như một nhà văn ưa chẻ sợi tóc làm tư", Võ Phiến quả quyết: "Tôi buồn vì không chẻ được làm tám" (Nói chuyện với Văn, Tạp Bút,tr. 375). Ông cho biết trong *Chiến Tranh và Hòa Bình*, Tolstoy theo dõi tới từng cử chỉ thật nhỏ nhặt của

Napoléon trong một lễ gắn huy chương, tới từng cái chết khó khăn của mỗi nhân vật, có cái chết kéo dài hàng chục trang" (tr. 375). Nhân đó, ông than phiền trong văn chương Việt Nam, người ta "chết nhanh chóng, ăn uống nhanh chóng mà những cuộc ái ân giao hoan của chúng ta cũng quá ngắn ngủi" (Tạp Bút, Tr. 376). Cuộc sống, trong văn chương Võ Phiến, là mối tương quan bất tuyệt giữa muôn vàn chi tiết chung quanh với tâm giới của mỗi người, mọi người trong từng lúc, mọi lúc. Chúng tạo nên và cũng là niềm vui, nỗi buồn, băn khoăn, ray rứt, nỗi bình an, niềm khắc khoải...của con người.

"Mỗi lần một gia đình nào trong khu phố toan thay đổi nếp sống, cả phố đều giật mình theo dõi hiện tượng đó với một thái độ dè dặt e ngại, như là một triệu chứng bất thường, khó hiểu. Rồi chúng tôi bàn tán thì thầm để tìm ra lý do sự biến đổi ấy, như tất cả đều có nhiệm vụ giải thích cho nhau. Từng người một như cũng được canh giữ ràng buộc để khỏi bước chệch ra ngoài cách sống bình thường đã được công nhận làm cách sống chính thức của mình. Đôi khi tôi có cảm tưởng như một chi tiết nhỏ nào khác thường cũng không thể lọt qua con mắt canh giữ của khu phố" (TB II, tr. 27)

"Từng chi tiết một, chúng đối với tôi thành thân thiết quá, thân thuộc quá, thực không còn có gì quen thuộc hơn được nữa, quen như màu ánh sáng mỗi sớm chiếu trên nữa bức tường trước nhà và mỗi chiều dọi lên nửa tấm cửa lá sách sau nhà của tôi. Và chính sự quen thuộc ấy làm cho tôi bỗng sinh ra một cảm giác sợ hãi. Tôi tự trấn tĩnh: "Ớ kìa! Có gì mà sợ hãi? Tất cả đó là sự sống nó đang vươn mình đó mà. Có gì đáng sợ hãi đâu?" Tuy thế mà trong lòng tôi vẫn cứ còn một cảm tưởng hoang mang thất lạc"(TB II, tr. 35)

Ta có cảm giác như mỗi một cá nhân chúng ta bị bắt buộc phải sống, hay nói theo kiểu của Sartre, *bị kết án phải sống* (être condamné à livre) và vì thế luôn luôn khắc khoải, loại khắc khoải hiện sinh (angoisse existentielle). Trả lời cho câu hỏi: "Cuộc đời không biết đi "về đâu"? với những "đàn ông" đàn bà trong một tương quan khắc khoải, lửng lơ, không đi tới đâu? Với cảm tưởng lo hãi trước tuổi già, "một mình", bơ vơ?", Võ Phiến khẳng định:

"Phải. Tôi nghĩ đó mới là những ám ảnh tự thủy chí chung trong tâm hồn mình. Thắc mắc chính trị chỉ là cái bất thường do một biến cố đưa đến" (Tạp Bút, tr. 392).

Một trong những ám ảnh sâu sắc, bàng bạc trong văn chương Võ Phiến là ám ảnh về thời gian:

"Tiếng ngân nga của một cái chuông đồng hồ treo tường trong gian

nhà vắng làm cho tôi chợt ngỡ ngàng trước sự đều đặn phi thường kinh lạ của đời sống chúng tôi" (TB II, tr. 36)

"Anh đã giật mình rời bỏ Quy Nhơn như rời bỏ những ngày hôm nay giống nhau để chạy đi tìm một ngày mai. Nhưng chẳng may người ta không thể đi tới cái ngày mai của mình được. Ngó tuy gần nhưng vốn thực xa xôi. Sờ tay với, tưởng có thể đụng nhằm, mà quờ quạng mãi không sao bắt được" (TB II, tr. 54)

Từ Quy Nhơn, nơi ông ở, với người với vật, với kỷ niệm, cọng với một thôi thúc ra đi, Võ Phiến đã đi đến một nhận định cực kỳ sâu sắc, cực kỳ hình tượng về cõi tương lai, về một cuộc đuổi bắt thời gian vô vọng, và xa hơn về mối mâu thuẫn triền miên giữa khả năng và ước vọng của con người. Khát vọng thì vô cùng mà khả năng thì quá bé, quá khiêm tốn. Thật thấm thía cái cô đơn khắc khoải của đời sống trong văn chương Võ Phiến. Những trang văn của ông đầy dẫy những chi tiết sinh động của cuộc sống và những suy gẫm triền miên về chúng. Đọc ông, ta vừa như nghe một bà già lắm chuyện kể chuyện, hết chuyện này tới chuyện nọ, vừa sống trong tâm thức của một nhà nghệ sĩ trước những buồn vui cuộc đời, lại vừa thưởng thức những suy nghĩ tỉnh táo, tinh tế mà hồn nhiên của một triết gia.

Trong Võ Phiến, dường như ta rất ít thấy bi kịch. Hoặc giả, chúng có - nhưng chúng được đề cập đến như những chuyện bình thường . Chúng bình thường, tầm thường. Chúng nằm chen chúc với mọi thứ khác trong cuộc sống thường nhật. Nói cách khác, bi kịch không phải chỉ là những biến cố độc đáo, đơn lẻ gây nên bởi chết chóc, chia lìa, phản bội, tan tác, mà là nỗi khắc khoải vô biên của con người trong cuộc nhân sinh. Con người khắc khoải của Võ Phiến không phải chỉ vì những biến cố, mà vì mọi hiện hữu chung quanh mình. Con người bất an ngay cả với những gì bình an nhất.

"Anh cứ bình an mãi, hôm nay cũng bình an y như những ngày hôm qua" (TB II, tr. 55)

Một bình an khắc khoải! Tại sao?

"Có gì đâu. Chỉ nhìn thôi, kẻ khác đã khiến ta bất an. Xã hội mỗi ngày mỗi đông đảo, sự gặp gỡ, tiếp xúc, đụng chạm với đông loại mỗi ngày mỗi nhiều, mỗi chặt chẽ. Ai nấy luôn luôn bất an" (TB II, tr. 204)

Đoạn văn trên nằm trong tuỳ bút ngắn "Lúc dừng nghỉ". Tôi xem đó là tùy bút mà cũng là tâm bút của Võ Phiến. Nó cô đọng được hầu như hết thảy những suy gẫm triền miên về cuộc đời, được tìm thấy rải rác, tản mạn trong nhiều tùy bút , truyện ngắn, và kể cả trong tạp luận của ông. Mạch văn dào dạt, xôn xao, lôi cuốn. Ông hướng về cuộc nhân sinh để nói, để

hình dung, luận bàn.

"Cuộc nhân sinh! Một cuộc quay cuồng từ đầu năm tới cuối năm, từ năm này qua năm khác. Mỗi người bị bao vây, bị tràn ngập. Không quay về phía nào, không ngoảnh đi đâu mà không gặp đồng loại, không gặp những vấn đề do cuộc sống chung với đồng loại đặt ra. Người là một ám ảnh thường trực của nhau" (TB II, tr. 201)

...Phải chăng vì thế, mà theo Võ Phiến:

"Trong nhiều trường hợp người ta chỉ muốn nhìn một chút từ phía lưng. Phía sau của con người, của cuộc sống, của cuộc nhân sinh bề bộn. Con người, lắm khi ta đâm sợ hãi, e ngại"(TB II, tr. 204)

Nhưng dễ gì người ta có thể trốn tránh thực tại. Rốt cuộc, Võ Phiến nhận ra một điều thê thảm:

"Người người bị bắt buộc đối diện nhau thường trực, bao vây nhau, ám ảnh nhau. Người bị ngộp vì người" (TB II, tr. 205)

Vậy chẳng lẽ cuộc sống cứ thế sao?!

"Trong tình cảnh ấy, chàng lại tìm thấy cảm tưởng yên ổn trong cái lững hờ lạnh nhạt của thiên nhiên vô tình: của vầng trăng đối diện với mặt đất, của trời rộng đối diện với sông dài...không một chút gay cấn sôi nổi, không cả một chút gì tương quan với nhau. Cùng nhau tồn tại, thản nhiên, trang nghiêm, vô sự"(TB II, tr. 205)

Đoạn văn phảng phất chút phong vị thiền, điều xuất hiện không nhiều trong văn chương Võ Phiến. Phải chăng đó là tâm thức về hạnh phúc của con người mà ông ghi nhận được giữa cuộc đời đa đoan, phiền trược.

Hạnh phúc hiếm hoi quá, phải không, thưa ông Võ Phiến!❐

Trần Hữu Thục
9/1998

(*) Ghi chú của tác giả bài viết: Bài này là những suy nghĩ tản mạn nhân đọc hai tập sách hiện có trong tay là *Tạp Bút* và *Tùy Bút II* (viết tắt TB II).

Để kịp chuẩn bị cho Văn Học số Tết Kỷ Mẹo 1999,
Xin quí văn hữu bắt đầu viết bài và gửi cho chúng tôi trước ngày **15 tháng 12 năm 1998**. Cũng như mọi năm, Văn Học số Tết sẽ phát hành một tháng trước ngày Tết Âm lịch.

Nhà văn và Cuộc sống

Lời Toà Soạn: *Trong chuyến về chơi Cali cuối tháng 7 và đầu tháng 8/1998 vừa qua, nhà văn Trần Doãn Nho có ghé thăm nhà văn Võ Phiến tại nhà ở Los Angeles. Trong dịp này, anh TDN muốn thực hiện một cuộc phỏng vấn nhà văn Võ Phiến về vấn đề sáng tác. Thay vì trả lời phỏng vấn, nhà văn Võ Phiến đã viết cho TDN một lá thư dài. Nhận thấy rằng lá thư đề cập đến nhiều vấn đề thú vị về việc viết lách, nên TDN đã xin phép nhà văn Võ Phiến được đăng tải nguyên văn lá thư này trên Văn Học số đặc biệt về Võ Phiến để bạn đọc và văn hữu cùng chia sẻ. Tựa đề do tòa soạn đặt.*

Trần Doãn Nho

Anh Trần Doãn Nho ơi,

Anh tha lỗi cho tôi nghe. Thế này là bậy quá: Thoạt tiên không dứt khoát, để anh mất công chờ đợi, rốt cuộc lại không đáp ứng đầy đủ. Nhảm ơi là nhảm! Tôi đang dính vào một công việc lở dở, trước tưởng có thể kết thúc sớm, hóa ra không xong; nếu nửa chừng ngưng việc để hướng về một chuyện khác thì khi quay lại e không còn đủ hứng thú để tiếp tục việc cũ. Mà như vậy lúc nào cũng lụp chụp vội vã, không cái nào ra cái nào.

Các vấn đề anh nêu ra liên quan đến việc sáng tác – kinh nghiệm hay kiến thức, cảm hứng hay suy tưởng, bên nào quan trọng hơn? Nhân vật hay cốt truyện hay tư tưởng, cái nào trước cái nào sau? Vai trò của kỹ thuật dựng truyện v.v... – các vấn đề ấy trong mấy chục năm qua tôi cũng có những lần nghĩ tới. (Vả lại chắc hầu hết các anh chị em cùng viết lách thỉnh thoảng đều có nghĩ tới, sao cho khỏi.)

Nghĩ đi rồi lâu lâu nghĩ lại, lúc này có giải đáp này, lúc khác, dăm ba năm sau, cùng một vấn đề ấy lại có ý khác. Hoàn cảnh thay đổi, những kinh nghiệm tiếp nhận thêm, sách báo đọc thêm, những dạy bảo thêm của nghề nghiệp... làm chúng ta thay đổi thái độ. Thành thử mỗi lần phát biểu lại phải mỗi lần soát xét, cân nhắc không thể xài ý cũ. Do đó, lần này xin

anh cho tôi khất nợ. Lúc nào thư thả rồi chúng ta sẽ suy nghĩ dông dài về từng vấn đề anh đã nêu ra. Còn bây giờ, tôi xin được lảng sang một ý kiến chung chung.

Chung chung, tôi có cảm tưởng đối với người viết lách thì *một thái độ về cuộc sống* là quan trọng hơn cả. Có thiết tha, có say mê, có nồng nàn với cuộc sống, bấy giờ hãy nghĩ tới chuyện viết.

Thiết tha với cuộc sống là thế nào? – Đó không phải là ham sống, là yêu đời; không phải là hăng hái hưởng lạc hết mình, là cắn soàm soạp vào trái ngọt trần gian; cũng không phải là ưu thời mẫn thế, cúc cung tận tụy lo cho đời, dốc lòng cải thiện xã hội v.v... Tôi không có ý nói đến những cái thiết tha như thế. Ý tôi muốn nói... Nhưng mà giãi bày bằng lời lẽ e chỉ gây thêm rắc rối. Chi bằng lấy một số thí dụ cụ thể.

Chẳng hạn trong trường hợp Tolstoi, có người đã đếm được trong một pho truyện hàng trăm biểu thị khác nhau trên khuôn mặt nhân vật Anna Karénine. Ngoài nét mặt ra, người đàn bà đẹp đẽ ấy còn bao nhiêu chỗ đáng chú ý khác. Cậu bé Serge, sống xa mẹ, có lần nhớ đến bờ vai khỏe mạnh của người mẹ trẻ. Hôm Anna tới Oblinski để dàn xếp vụ vợ chồng nhà này giận nhau, lúc thiếu phụ lột chiếc mũ trên đầu xuống, một sợi dải mũ dính vào lọn tóc, nàng ngửa mặt lắc lắc đầu để lọn tóc bung ra, người chị dâu đau khổ lúc ấy đứng bên cạnh nàng buột miệng kêu là trông nàng cứ rực lên cả hạnh phúc lẫn sức khỏe... Người đọc có cảm tưởng ông tác giả này hau háu theo dõi Anna đêm ngày không lúc nào rời, không bỏ qua một cử chỉ nhỏ mọn, vô nghĩa nào. Anh coi, thế này có quá quắt không? Anna Karénine đến nhà, gặp anh chồng tội lỗi rồi, gặp chị vợ khốn đốn rồi, gặp đám trẻ con rồi, phút chờ đợi bắt đầu: độc giả chờ xem nàng xoay trở kiểu nào để bắt vào câu chuyện đổ vỡ. Tolstoi kể: Cà-phê được mang ra phòng khách, Anna đưa tay định lấy một tách bỗng đẩy tách cà-phê ra, nói: "Dolly này, mọi sự cậu ấy đã kể với tôi cả rồi." Ấy là về một cái đẩy tay. Lần khác, về cái hơi thở. Lúc bấy giờ đối với Vronski thiếu phụ đã mến nặng, nhưng một bên chồng còn một bên tình nhân nàng chưa dứt khoát. Trong một đêm thao thức bên cạnh ông chồng già, nàng nghe ông phát tiếng ngáy yên lành đều đặn, thình lình tiếng ngáy chợt dứt ngay như thể ông ta giật mình, sau đó lại khò khò đều đều yên lành. Thiếu phụ nằm yên lặng hồi lâu, nhận thấy là sự thể đã rõ ràng, nàng không còn lui bước được nữa. Muộn mất rồi: Hình ảnh Vronski đã choán đầy tâm trí nàng. Trong bóng tối, bên cạnh tiếng ngáy đều đều của chồng, nàng tưởng chừng đôi mắt mình long lanh hai điểm sáng.

Không phải gái đẹp trai hùng mới được ngắm kỹ tả kỹ. Các con chó

trong tác phẩm Tolstoi cũng được đãi ngộ tử tế hết sức. Con Crac của Oblonski, nhất là con Mignonne của Levine linh động quá trời. Lúc thì nó sủa om sòm và nhảy múa nhắng nhít để bày tỏ sự tán thưởng quyết định về chuyến săn của chủ; lúc nó sốt ruột hướng cái nhìn khiển trách vào cửa phòng những ông khách rề rà chậm trễ; một ông khách mở cửa bước ra, nó phóng tới hoan nghênh và ngước mõm nóng nẩy tỏ ý dò hỏi: "Còn các ông kia? Sắp ra chứ gì?" Đến "chiến trường" lúc thì nó thận trọng lúc hớn hở, có lúc nhận một mệnh lệnh mà nó nghi ngờ, cho là sai lầm, nó ngần ngừ phản kháng, rồi vâng lời miễn cưỡng, làm qua quít, xong bướng bỉnh quay về với ý riêng. Lúc khác, nó nhóng tai nghe ngóng, thấy có dấu hiệu chim sắp đến mà chủ lại trò chuyện khua khuống, nó quất về phía chủ một cái nhìn bất bình. Lần nọ Levine đi Mạc Tư Khoa cầu hôn, thất bại. Giữa đêm chàng về tới trang trại, con chó già mừng quýnh. Chủ bận việc, nó xông ra ngoài, chạy tứ tung, nó lại ào vô, dúi đầu vào tay chủ kêu ư ử. Bà vú già bảo cho Levine hiểu là con Mignonne vừa mừng chủ vừa biết chủ đang buồn phiền. Levine chăm chú nhìn con chó, chủ và chó trao đổi cho nhau sự an ủi, mỗi bên theo cách riêng. Tình cảm, cử chỉ, âm thanh phong phú biết bao. Người trăm vẻ người, chó cũng mấy chục vẻ chó khác nhau chứ ít sao!

Chó như thế, bò cũng thế, thua gì. Con Paonne đến ngày nở nhụy khai hoa được chủ cưng không ngại sớm khuya. Rồi con bê con, bé gái sơ sinh của nó càng quí càng cưng hơn nữa. Thậm chí bé bỏng vô nghĩa như một con ong nhỏ trong buổi sáng tinh mơ trong trẻo vắng lặng ở một vùng đầm lầy nọ bỗng đâu lạng quạng chạm vào vành tai của Levine kêu véo một tiếng như viên đạn bay qua cũng được ghi nhận tức khắc.

Người, với chó, với bò, với ngựa, ong, chim chóc... là sinh vật. Vào truyện làm... nhân vật, hoặc được, hoặc tạm được cả. Còn rong rêu, con suối nhỏ tuyết vừa tan nước khe khẽ róc rách, lá khô cựa mình vì băng rã vì cỏ non đội nẩy lên... những máy động kín đáo trong rừng sâu vào một chiều đầu xuân, những cái đó Tolstoi chiếu cố cũng kỹ càng quá lắm.

Như vậy là vì lẽ gì? Một chút ngập ngừng của bàn tay, một vấp váp của hơi thở, một cái tai chó, một tiếng lá khô cựa mình... cũng không thoát khỏi bị rình rập đón bắt. Vì lẽ gì?

Lập được thành tích ấy, thiết tưởng có hai cách: Hoặc quan sát tận lực, quan sát không ngừng, vừa xông pha hết mình vừa khổ luyện mọi giác quan cho rất mực tinh tường. Hoặc tình cờ tự dưng thừa hưởng một niềm say mê cuộc sống, từ thuở khai sinh mở mắt ra đã "phải lòng" ngay cuộc sống, bất cứ giờ phút nào cũng bị cuộc sống thu hút, lấy sự cảm nhận mọi diễn biến của cuộc sống xung quanh làm cái sinh thú cho mình. Một

đàng là lương tâm chức nghiệp, là sự tận tụy với nghề; một đàng là cái nồng nàn đối với cuộc sống.

Anh Doãn Nho ơi, trong hai trường hợp không biết ý anh thế nào; riêng tôi, tôi thấy nếu sa vào trường hợp thứ nhất thì văn chương là một công việc chán ngán không biết chừng nào. Ngày ngày đi xục xạo vào xưởng này sở nọ vào khắp các địa bàn hoạt động của xã hội, trông và nghe, và ghi ghi chép chép, đưa vào sách, có chọn lựa cân nhắc, tất nhiên tài liệu ấy có làm phong phú sách; nhưng kẻ kém tay nghề có thể đưa ra những bản liệt kê làm nhụt chí thưởng thức của độc giả đa! Hít vô cái phì thở ra cái phò, duỗi tay ra co tay vào, chó nguẩy đuôi, bò đẻ bê v.v..., ngày ngày vẫn xảy ra, cái nào hay ho cái nào lảng nhách, sự biện biệt khó ơi là khó. Tôi nghĩ Tolstois không ở vào trường hợp ấy.

Tôi tưởng tượng ông như một tình nhân say mê đắm đuối cuộc sống, tự động vô ý thức bám riết lấy cuộc sống. Mọi dạng vẻ của cuộc sống, mọi máy động của sự sống quanh mình đều khích động ông. Các giác quan của ông chúng luôn luôn tỉnh thức, chúng tở mở đón nhận, ghi khắc mọi biến hiện, từ một con ong bay, một nét giận dữ, từ giây phút quằn quại của người hấp hối, đến những run rẩy đợi chờ của lúc tỏ tình v.v... Cái ông có trong trí, ông viết ra trên giấy, cái đó không phải là những ngón nghề tập dượt thành thạo, là kết quả săn tìm; mà là cái tình nó sôi nổi trong ông. Là do cái bẩm sinh nơi ông.

Sao có thể bảo ông thuộc trường hợp này không thuộc vào trường hợp kia, ông là thế này mà không là thế khác? Lý sự cũng vất vả, chi bằng đưa ra tí chút sự kiện cụ thể.

Chẳng hạn về lá cỏ non mới nhú, về chiếc lá già cựa mình dưới tuyết, về con ong bay chạm vành tai đánh véo..., những cái ấy đâu phải nhân một chuyến hay dăm bảy chuyến về nông thôn sống "ba cùng" với dân mà ghi nhận được. Tolstoi bảo nhân vật Levine tiếp nhận cái tình yêu nông thôn từ dòng sữa của chị vú vốn là thôn nữ; thế còn ông? Cái say mê thôn dã của chính ông, ông không nói nó vào máu huyết từ bầu vú nào; nhưng trong một lá thư gửi cho bà nhà, ông viết: "Anh chỉ mong sao em cảm thấy được lấy một phần mười thôi cái tình yêu của anh đối với đồng quê." *Tình* anh mà đến thế thì *tài* (quan sát) của ai dám bì?

Lại chẳng hạn ảnh đám cưới của cặp Levine - Kitty, cái đám cưới chiếm hơn mười trang sách, Strakhov kêu là lần đầu tiên trong văn học Nga có được một hôn lễ được mô tả kỹ đến thế. Con người yêu cảnh thôn dã, yêu thiên nhiên, mến nông dân lam lũ, người ấy ngắm nghía cảnh xa hoa lộng lẫy của giới thượng lưu quí tộc đô thị hồi nào? Cố gắng ngắm

nghĩa được bao nhiêu lần mà thu hoạch chi tiết lớn lao vậy: "Là *tài*? Đâu phải! Là *tình* đấy thôi." Vâng, vẫn là *tình*. Bởi vì ông Tolstoi yêu thiên nhiên nọ cũng chính là chàng trai dòng dõi quí tộc cốt cách hào hoa từng một thời quen mặt ở các hội hè đình đám, từng thốt ra với hoàng thân Obolenski câu tâm sự: "Anh xem: trong một bộ trang phục dạ hội có bao nhiêu là thi vị, thậm chí những đóa hoa cài áo cũng ngụ biết bao vẻ cao nhã, biết bao ý tình, biết bao quyến rũ."

Anh Doãn Nho, anh có đọc Hồ Trường An không? Tôi đoán chừng cụ Tolstoi rành rẽ về gấm vóc, lụa là, áo quần, vòng, xuyến, hột xoàn, kim cương v.v.. của phụ nữ cũng gần bằng Hồ Trường An của chúng ta. Dám lắm.

Lại nữa, chẳng hạn trong *Anna Karénine* có mấy cuộc đi săn đều chật ních tình tiết: về chó, về chim, về trời đất, cỏ cây, đầm lầy... Thì săn bắn cũng lại là một say mê của Tolstoi nữa. Về già ông thành tổ sư đạo lý, chừa thói gió trăng, quyết sống thánh thiện từ bi; có độ ông lại bị ám ảnh vì cái chết, để đề phòng những cơn khủng hoảng tai hại, ông xa lánh những phương tiện tự tử (cây súng, dây thừng, thòng lọng); bấy giờ ông không bắn chim bắn thú nữa, những lúc "túng" quá ông cất súng, xua chó chạy không, một người một chó chạy cho đỡ ghiền. Người ấy với chó, với chim muông, mật thiết với nhau quá chừng. Chim hiểu chó, chó hiểu biết động tĩnh của chim; người thông cảm chó, chó cảm thông từng thói quen của người. "Họ" ăn khuôn ăn rập với nhau.

Thành thử mỗi sở trường phô bày ra trên sách tương ứng với một yêu thích "bẩm sinh" nơi con người tác giả. Yêu thích sẵn có nơi con người, không phải tài nghệ trau dồi của nhà văn.

Anh Doãn Nho à, tôi vừa đọc lại từ đầu lá thư, và phát giác thêm một cái nhảm nữa: Ngoài người bạn Hồ Trường An tôi chỉ nói mãi về một cuốn truyện của ông cụ Tolstoi. Muốn chứng minh bất cứ điều gì mà chỉ dẫn ra độc một chứng cứ, một trường hợp thì yếu quá. Lỡ đó là trường hợp hãn hữu, đặc biệt thì sao? Nhưng muộn rồi. Giờ là lúc tôi mệt, tôi bết, tôi nhừ xương rồi, lòng chỉ mong tới chỗ kết thúc, còn dông dài gì nổi nữa.

Dù sao, không nên quá đáng. Tôi nghĩ tới ông Thanh Tâm Tuyền với câu thơ "Vang vang trời vào xuân". "Vào xuân" đây là cả đất trời, càn khôn thiên địa cùng vào; bảo vang vang bảo chấn động khắp nơi là phải quá. Nhưng cái vang vang ấy chừng độ bao nhiêu *décibel*? Chung quanh Thanh Tâm Tuyền đố ai mà biết! Đố ai nghe được! Thế nhưng ông thì ông nghe. Ông nghe, ông tri hô lên, và chúng ta "bắt được" ngay, thấy rõ ngay. Cái nghe ấy của Thanh Tâm Tuyền không phải cái nghe bằng tai, mà là

bằng cả cái nồng nàn đối với cuộc sống.

Tiếng vang vang vào xuân khó nghe, đàn bồ nông ở phá Tam Giang khó thấy. Phá Tam Giang trước ông Nội Tấn đã nổi tiếng, sau ông Nội Tấn càng thêm nổi tiếng khắp dân gian Nam Bắc, nhưng đâu có ai nói về những đàn chim đông đảo vừa bồ nông vừa hạc vừa hải âu bay "nặng nặng, buồn buồn" bay "đầy cả trời". Trời hoang vu lặng gió, phá rộng mênh mông không bờ bãi, bồ nông bay mệt mỏi, "như thở dài, như hấp hối." "Buồn đến rợn người." Những đàn chim như thế từ đời nọ tới đời kia chẳng ai thấy; ông Phan Nhật Nam đến phá Tam Giang một lần, ông thấy (*Quê hương và người Huế*).

Đàn bồ nông bay mệt mỏi của Phan Nhật Nam là thế, con gà mái già tác ầm ĩ trong sân của Lê Minh Hà cũng đại khái là thế. Trai gái hờn nhau, bước đi vung vẩy khiến gà già giận dữ. Gà tác thì ầm ĩ, nhưng đứa trẻ dăm mười tuổi dù thính tai đến đâu đố có trẻ nào bắt được: phải từng có xúc cảm yêu đương mới ghi nhận ghi nhớ một tiếng gà như thế. (*Những triền xưa ai đi*). Tức phải thấy bồ nông bằng tâm hồn, nghe gà mái bằng tấm lòng. Không bằng tai mắt.

("Vang vang vào xuân" của Thanh Tâm Tuyền là thơ, bồ nông phá Tam Giang của Phan Nhật Nam là ký. Như thế cái thiết tha với cuộc sống nó hậu thuẫn bất cứ bộ môn nào. Nó không phải chuyện riêng của các tiểu thuyết gia).

Vừa rồi là chuyện tiếp nhận những âm thanh, hình ảnh, những người vật đất trời... Là cho rằng phải có thái độ thiết tha với sự sống mới bắt được những biểu hiện để xây dựng nên nhân vật này khung cảnh nọ một cách sống động trong tác phẩm. Như vậy e chưa đủ. Vì ngay cả đến đề tài sáng tác, nội dung tác phẩm, lý do sáng tác, cũng do thái độ ấy thôi.

Anh Doãn Nho, anh nghĩ coi: Nếu không say mê, không nồng nàn với cuộc sống thì liệu có gì khiến Tolstoi viết một câu chuyện ngoại tình không? khiến Thạch Lam viết về một cơn giận không? Ơ hay! Giận thì lúc nào quanh mình chẳng có giận hờn? Giận người, giận mình, giận có cớ giận không cớ; giận rồi gây, chửi mắng nhau, đánh chém nhau, rắc rối đã đời. Còn ngoại tình: có cơ hội có điều kiện món ấy vẫn nẩy sinh tốt, gặp trở ngại gay cấn thì không; chuyện như thế xảy ra đều đều, ai khiến mình vắt óc nghĩ ngợi hàng đôi ba năm trời về một vụ rồi cong lưng viết mệt ngất ngư?

Nói thế là nói theo luận điệu những người dửng dưng. Còn đối với kẻ trót "phải lòng" cuộc sống thì mọi động tĩnh xảy ra quanh mình đều làm họ giật mình, xúc động. Cơn giận, cuộc tình, niềm thất vọng, nỗi hân

hoan, trận đau cái chết... của ai đó, thảy đều là những diễn biến của cuộc sống. Thảy đều có thể khiến cho lòng họ xao xộng, phập phồng. Người đời tỉnh bơ; họ thì nhẩy nhổm.

Trong nhật ký của cụ bà Tolstoi có trang ghi đại khái rằng: "Chiều hôm qua nhà tôi bảo có trông thấy một phu nhân quí phái đã có chồng mà sa ngã..." Thế là ông cụ bị ám ảnh mãi, ba năm sau một cuốn truyện về ngoại tình được bắt đầu. Trước khi ông chấp bút một năm có nàng thiếu phụ láng giềng bị tình nhân phản bội, nàng đâm đầu vào xe lửa; ông cụ tới tận nơi, dự kiến cuộc giải phẫu thi thể. Hình ảnh thê thảm ấy bám riết theo trí ông, năm năm sau nó xuất hiện trong cái chết của Anna Karénine.

Như vậy kể từ lúc tâm trí bắt vào câu chuyện ngoại tình cho tới suốt những năm tháng làm công việc kể lại tỉ mỉ từng cái rụt tay, cái ngáy hụt hẫng, nhất nhất mọi sự đều do những dạng vẻ của cuộc sống được tiếp nhận bởi một tâm hồn nồng nàn. Dạng vẻ dù nhỏ nhặt vẫn không sót không mất là do cái nồng nàn ấy. Yêu cây kiểng thì yêu từng chiếc lá từng nụ non từng cành cụt chết khô; không yêu thì đi ngang qua cây đa cổ thụ tỏa rộng cả mẫu đất đầu làng cũng không thấy có gì đáng chú ý.

Ngay trong cái yêu cũng có năm bảy đường yêu. Trông con chó, có người trông thấy cái mừng cái lo ở nét mặt ở cái quẫy đuôi cái nhảy cỡn của nó, nghe ra sự an ủi không lời của nó hướng về người chủ buồn phiền. Cũng trông con chó, có người yêu chó sành sõi lại âm thầm suy tính: con này miếng luộc thì ngon món dồi e kém. Cặp Vronski - Anna đi hưởng tuần trăng mật bên Ý; trong lúc nhàn tản chàng trổ tài vẽ chân dung nàng, họa sĩ Mikhailov ở gần đấy cũng được mời vẽ luôn. Mikhailov làm Vronski sững sờ bỏ tranh bỏ cọ. Tán thưởng cái đẹp của Anna ai tán thưởng bằng chàng? ngắm Anna ai ngắm kỹ bằng chàng? Mikhailov chỉ nhìn nàng qua có mấy buổi, vậy mà... Người tình nhân tự an ủi: "Phải yêu Anna như mình yêu mới có thể nhìn bức vẽ này mà khám phá ra cái duyên vô hình cực kỳ quyến rũ của nàng." Sự thực thì cái nét quyến rũ đặc biệt nọ là chính do Michailov nhận ra, đưa vào tranh, đâu phải do Vronski!

Thành thử... có ba bảy đường yêu: có cái yêu đưa tới bữa cỗ ngon, có cái yêu đưa tới cuộc tình đẹp, có cái yêu làm nên tác phẩm hay. Là cái khiếu cả. Là thiên bẩm cả.

Hơn thua nhau bằng một thái độ đối với cuộc sống, bằng bẩm chất, bằng tâm hồn, thì các cụ ông cụ bà xưa kia mới hơn thua bất khoan nhượng với chúng ta được. Chứ lấy kỹ thuật ngón nghề ra thì ngày nay ta đi đâu cũng mang theo đủ bảy món máy ảnh, máy ghi âm, máy quay phim, thứ trước ngực thứ cầm tay, thứ mang vai, thứ cõng sau lưng..., ta ghi không sót một hình ảnh một tiếng động nào, sức mấy các cụ cách đây nhiều thế

kỷ dám hơn thua với ta? Và chúng ta thì mỗi lúc nghĩ tới các đấng hậu sinh của thế kỷ tới chúng ta mất cả tinh thần còn múa may gì được nữa.

Thừa cái đà khoác lác huyên thiên, tôi tưởng tượng có lẽ cũng vì lẽ ấy mà người ta không có lệ cấp giấy phép hành nghề văn thơ chăng? Học y khoa, nha khoa, công phu là thế, học xong được cấp bằng hành nghề ngay. Xây nhà, cắt tóc, lái xe, địa ốc, kế toán..., nghề khó nghề dễ học xong được chứng nhận có đủ khả năng hành nghề hợp pháp. Trong chúng ta kẻ viết truyện ngắn người truyện dài, kẻ làm thơ người phóng sự..., ai có trong tay giấy chứng nhận khả năng sáng tác, mặc dù không thiếu kẻ được đào tạo nghiêm chỉnh tại trường? Thế là thế nào?

Người ta dễ có cảm tưởng mỗi kẻ có số làm văn thơ hẳn đã cầm sẵn chứng chỉ hành nghề khi từ bụng mẹ chui ra. Do Thượng Đế cấp. Kẻ ấy lớn lên đến trường học nghề sáng tác thì tiếp nhận thêm được vô số điều hay ho, thì tài năng càng tha hồ rực rỡ. Nhưng tấm "lai-xăng" thì phải hờm sẵn từ trước, từ đâu.

Anh Doãn Nho ơi, anh đừng cười tôi nghe. Tôi tiện đâu nói đó, nhớ đâu kể đó, có những điều đã viết đã in từ lâu ở các bài trước, từ các năm xưa, bây giờ lảm nhảm lặp lại, chán muốn chết. Cái đó hết thuốc chữa. Tôi nói chuyện về Tolstoi rồi ngay đấy bắt qua các người quen kẻ biết, qua các văn hữu đang sống đó đây... Thế là loạn! Xáo trộn cổ kim lẫn lộn lớn bé. Lại nhảm nữa. Nhưng tôi tin mình ngay tình không hề có ý so sánh ngạo mạn, mà các đồng nghiệp của chúng ta đều là những vị biết điều phải chăng cả, trên kính dưới nhường, ai có vị trí nấy. Chắc chắn không xảy ra điều lộn xộn, không đến nỗi bác bác tôi tôi tôi với một đấng anh hùng trước mình bảy thế kỷ, không lũy lũy moa moa với Balzac với Dostoevsky v.v...

Dù sao, nếu có điều thất thố, anh bảo tôi sửa chữa, anh đừng cười. Anh cười trước, bà con cười theo, chết tôi.

Mặt khác, nói rằng nghề văn do Trời cấp lai-xăng, anh liệu có thể bị cho là kiêu chăng ? Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh, dưới con mắt nhà Trời mỗi người, mỗi việc ai cũng ngang nhau thôi. Số mệnh cả. Vả lại nghề văn xứ An Nam, dẫu nghề có tinh, thân cũng khó vinh được. Đa số túng bấn thôi, xác xơ thôi: Số ấy ai dám bảo số may?

Thư dài quá, lại xin lỗi anh lần nữa. Phải chi có thì giờ, tôi dọn bớt đi một nửa thì khá hơn. Nhưng lỡ rồi, gấp quá, phải gửi ngay lên anh kẻo trễ.

Thân chúc anh vui vẻ và an lành.❐

Võ Phiến
Los Angeles, 13-9-98

Võ Phiến, tình nghĩa giáo khoa thư

Nguyễn Hoàng Văn

Lần đầu tiên đọc Võ Phiến, tôi đọc trong sách giáo khoa. Cuốn sách với đoạn trích của bài tùy bút như một bài văn khuôn mẫu nói về cái thị xã già nua mà tôi đang ngày hai buổi cắp sách tới trường, cái thị xã với cảnh người khách ngồi bên lề Chùa Cầu (Lai Viễn Kiều) vội vàng co chân mỗi khi có chiếc Landrover nào đó chạy ngang để tránh bị quẹt.

Chùa Cầu ngày đó hãy còn xe cộ thung thăng qua lại, và vẫn còn những ông thầy bói vừa ngồi ủ rũ đuổi ruồi, vừa nghe ngóng khách hàng. Chùa Cầu với hình ảnh mấy con khỉ và chó ngồi trấn yểm mối hoạ của nước Nhật đã là biểu tượng cho những niềm tự hào địa phương về mới giao tiếp với bên ngoài sớm sủa của mình, và niềm kiêu hãnh con trẻ của tôi cũng đã bị tổn thương khi chính nó được dùng để minh hoạ sự chật hẹp và cổ lỗ của phố thị mình đang sống.

Và Hội An, cái thị xã thích hợp cho sự dưỡng già ấy nhỏ thực, nhỏ hơn cái cái đô thị sinh sau đẻ muộn nằm sát nách nó rất nhiều. Ngày nay người ngồi hai bên Lai Viễn Kiều khỏi phải vội vàng co chân nữa vì cầu chỉ dành cho những người đi bộ với hai rào cản bằng gỗ cao ngang gối bịt ngang hai đầu. Móng cầu nghe đâu đã lún. Những ông thầy bói đã bị đuổi đi từ lâu. Và mối giao tiếp bên ngoài của chốn phố buồn trong bài học ngày nào lại có dịp hồi phục với hình ảnh những du khách Tây phương lượn lờ đầy phố. Nhưng Võ Phiến chưa hề có dịp trở lại chốn ấy để một lần nữa "bắt gặp lịch sử, bắt gặp cả cao lầu"; để ngồi đâu đó "bẻ cúc cắc mấy mảnh bánh tráng, ăn từ từ, vừa ăn vừa ngắm nghía những cây cột tròn to tướng và đen bóng.." và suy nghĩ về những ngành ngọn chi li của cái lịch sử cao cả ở vùng đất ấy...

Võ Phiến viết nhiều, và viết với một giọng văn vừa dí dỏm, vừa tinh tế; với những mẩu tóc đã chẻ làm tư làm tám. Ông dàn trải ý tưởng từ những đề tài rộng nhất, lớn nhất đến những cái nhỏ nhất, tinh vi nhất. Như có thể lắng tai nghe ngóng sự lay động của những chồi cây bật mầm giữa những âm thanh hỗn độn của một thời đại đang rầm rập chuyển mình; Võ Phiến có thể bình thản thả hồn mình theo sự lay động của một vạt áo dài, theo đuổi những ý tưởng về mùi hương nước mắm đọng trên đầu lưỡi bà cô già giữa những băn khoăn chính trị, những trằn trọc thời cuộc, giữa những "ý tưởng vô cùng buồn thảm" về số phận của những đứa trẻ đang bị đầu tư cho cuộc chiến tương lai. Nếu diễn tả một cách màu mè rằng sự đa dạng của một nhà văn lấp lánh như một hạt kim cương, thì cái sự khai phá một hay hai facet phản quang bé tí của nó tưởng cũng thú vị lắm rồi. Với tôi, luôn có cái gì đó day dứt trong những dòng tùy bút của Võ Phiến, day dứt và mơ hồ như cơn mưa dai dẳng chiều nào ở tỉnh lẻ có người ngồi chờ mưa ngớt, rồi trông đợi cái gì đó không rõ; day dứt như niềm nhớ về những vùng đất đi qua có bao kỷ niệm đầy gắn bó; day dứt như những ý tưởng nào đó đã từng trăn trở, đã từng hiện lên trong tâm tưởng nhưng sao giờ đây bỗng trở nên phai nhạt, mơ hồ, không thể nào nhớ nổi!

Rời đoạn văn về chốn phố thị buồn thiu trong sách giáo khoa ngày ấy, tôi có dịp đọc Võ Phiến nhiều hơn. Cũng như những con người của mảnh đất được diễn tả trong bài tùy bút, những con người phải rời bỏ mảnh đất chật hẹp để tìm lấy những vận hội mới, tôi cũng đã bao phen xuôi Nam trẩy Bắc tìm sống. Những lúc mệt nhừ sau mấy chặng tàu xe chật hẹp và hôi hám, bước xuống ngơ ngác giữa những bến xe, nhà ga hỗn tạp đầy cảnh kẻ đón người đưa, đầy cảnh ăn xin ăn cướp, đầy dẫy cảnh ăn gian chửi thề; và rồi, nếu có điều gì định thốt lên, Võ Phiến đã nói hết cả rồi:

"Sài Gòn có biết chăng sự chắt chiu của các địa phương khi gom góp chọn lựa gởi về đây những con em yêu quý của mình. Từ đây Sài Gòn rồi sẽ phân phát ... Nhưng những hạt giống vãi ra, tranh nhau tìm sống, có hạt nẩy mầm lớn lên thành cây mạnh mẽ, nở hoa, ra quả, mà cũng có hạt tịt đi, có mầm héo non. Có những cuộc đời tài hoa rồi tàn lụi đi, im lặng, không ai hay biết, đây đó trong đô thành.

Một chiều nào đó, họ xuống máy bay, tay xách chiếc va-li, ngơ ngác bước theo chân cô tiếp viên hàng không, cánh quạt của chiếc máy bay mới đến sau xua gió ào ào thổi tốc áo quần làm cho họ càng chơi vơi trong buổi đầu tiên.... Một xâm xẩm tối nào đó, họ bước xuống bến xe đường Pétrus Ký, mình mẩy ê ẩm, đứng ngước mặt chờ đón lãnh chiếc va-

li nặng từ trên trần xe đưa xuống...." (1)

Vậy đó, hình ảnh một công chức nhà nước đang thi hành sự vụ, chứng kiến cảnh kẻ chết nằm chờ thân quyến về chịu tang mà có thể nghĩ ngợi xa xôi đến tình cảnh phiêu bạt, chìm nổi của biết bao đứa con từ một vùng đất chật hẹp có cái gì đó thật cảm động. Đứng ngoài cuộc mà có thể thấu tận tim gan, làm sao người "qua cầu" không se sắt, bồi hồi? Bởi vậy, cứ mỗi lần lật một trang sách của Võ Phiến, tôi không khỏi lâng lâng một cảm giác tựa như thứ tình nghĩa giáo khoa thư. Hai nhân vật của Sơn Nam tranh nhau đọc nốt phần còn lại những bài tập đọc mình đã thuộc lòng và trở nên thâm tình. Còn Võ Phiến, khởi đi từ bài văn trong trang sách giáo khoa, những gì mà tôi từng day dứt, từng ấm ức hay định nói ra; ông đã nói hộ cả rồi!

Võ Phiến, giữa đất và người.

Đất ở đây cũng có thể là con đất, cũng có thể là một tổng thể hoà hợp những yếu tố nhân văn và tự nhiên của một địa phương nào đó. Đất thế nào thì người thế ấy. Xưa Khổng Tử đã từng đoan quyết về tính tình cứng cỏi của người sống trên đất rắn, sự nhút nhát của người sống trên đất mềm, nét đẹp của người sống trên đất nở, sự xấu xí của người sống trên đất thưa mỏng, sự tỉ mỉ của người sống trên đất rắn đen vv... (2) Dĩ nhiên đất rắn, nở hay thưa mỏng hoàn toàn không phải là nguyên cớ duy nhất và trực tiếp hình thành tính nết con người, đó chỉ là một trong những biểu hiện của biết bao yếu tố tự nhiên và nhân văn đã tạo thành những đặc điểm kinh tế và văn hoá của "đất".

Đất của Võ Phiến có thể là đất Bình Định có những cô gái biết múa roi đi quyền, có những người dân chiều nào nhìn én lượn mà cảm thương cho chú Lía đang bị vây khổn. Nhưng Võ Phiến còn miên man đến những giọng nói ngăn cách bởi núi đèo, đến tình cảnh những đoàn lưu dân thời nào, đến lý do tại sao họ lưu lạc, đến nguyên cớ tại sao người Bình Định thương kẻ Phú Yên trong khi Nghệ - Quảng lại hững hờ cách biệt. Bởi trong lịch sử trùng trùng những cuộc Nam tiến ấy, đâu có cuộc xuôi Nam nào giống cuộc xuôi Nam nào? Có những đoàn lưu dân gồng gánh ra đi "hoặc tuân theo chiếu vua kêu gọi, hoặc mang án lưu hình vv..., đã đi là đi luôn, đi để lập nghiệp ở các miền đất mới, không tính ngày về...". Có những kẻ cũng ra đi nhưng không phải "từ bỏ một quê hương để nhận lấy cho mình một quê hương mới" như "anh Bình Định" lưu lạc đất Phú Yên trong những cuộc di dân tự động, anh còn gắn bó với nơi chốn "có cha

mẹ, có mồ mả tổ tiên, có cả những dính líu về tài sản ruộng đất nữa." (3)

Đất có thể là Đồng Nai Lục Tỉnh mênh mông một dải ngày nào mới khai phá, con người bơ vơ giữa trời đất bao la nên hiếu khách vô cùng. Và những con người từ muôn phương về đây "lập chí" trở nên hào sảng theo khuôn mẫu của những hảo hán đầy tiết nghĩa, trọng nghĩa khinh tài trong những tiểu thuyết chương hồi một thời phổ biến, hay theo khuôn mẫu của những hảo hán Thiên Địa Hội ngày nào mới ngơ ngáo tỵ nạn và còn chăm chăm phản Thanh phục Minh. Cái hào sảng, cái tấm lòng hiếu khách ấy lại được Võ Phiến tô điểm với một cái nhìn đầy ý vị. Vùng đất hoang sơ cho những kẻ "lập chí" một thời ấy còn nhung nhúc những "Gấn, guà và gụ" đầy mời mọc, làm sao con người trên những xóm làng thưa thớt buồn teo "cầm lòng" cho đặng? Và cuộc vui nào cũng sặc sụa hơi men, và ai cũng trở thành cao đồ của Lưu Linh. (4)

Đất đó cũng có thể là đất ven một cửa sông cửa biển ngày nào từng tấp nập thuyền bè, và bây giờ chỉ còn lại một phố thị buồn hiu. Có ai ngoài Võ Phiến lặng ngắm những hàng cột đá ngày nào được chở từ bên Tàu sang mà nghĩ đến lý do đã khiến người bạn nhu mì của mình "trong khi ngồi lơ mơ nặn mụn" không chỉ "nghĩ tới người bạn trăm năm", mà còn nghĩ ngợi đến những chuyện chính trị cách xa ngàn dặm để có thể "hỏi tới đâu vanh vách tới đó". Có ai đã nối được những dấu gạch nối giữa những cột đá với những gánh sách tân thư đem về từ những vùng đất xa xôi cho những sĩ phu đất này để rồi truyền lại dòng máu "chính trị luân lưu" cho cả mấy thế hệ "ba sinh hương lửa"? (5)

Đất cũng có khi là đất thần kinh có cái ăn "dồi dào nhất miền Trung", có cái mặc "tục ngữ còn xếp hạng trên xứ Bắc", và cả những "lời dịu dàng dễ nghe" của những "người khôn...Họ còn đi xa hơn sự dịu dàng một bậc nữa: họ nhỏ nhẹ". Huế dưới cái nhìn của Võ Phiến là Huế của một xã hội thư lại, nơi "lời nói sống sượng của nông dân được ca ngợi là chất phác" sẽ có thể "làm hỏng một tương lai nghề nghiệp"; nơi những gì "hồn nhiên bộc trực v.v... là những cái cấm kỵ", nơi "người đàn ông tập quên những cơn phẫn nộ, người đàn bà tập dằn nén tình cảm, dìm nó xuống thật sâu nơi đáy lòng". (6)

Con mắt tinh tế của Võ Phiến quả đã soi rõ từng ngóc ngách của số phận hay đặc tính con người mà đất đã in hằn. Nhưng đó không chỉ là con mắt với cái nhìn thuần lý, không những Võ Phiến nhìn ra sự gần gũi với những hoạt động thương mãi đã làm những con người miền Nam vốn không xuất sắc lắm về đức cần cù lại có thể "chịu thương chịu khó" ở những đốt mía róc sẵn cắm que (7); ông còn "thương gái miền Trung" suốt đời ru rú vì thiếu hội hè, thiếu những hội bà Chuá Xứ, thiếu những

hội chùa Thầy, chùa Hương hay ngày viá đức Phật Thầy, đức bà nào đó để mà khoe màu áo mới; còn nhìn ra những gắn bó cố tri của mấy tâm hồn già nua qua những hạt bọt trà, giữa chiếc om đất và những bát nước chè (9).

Nghe Võ Phiến lan man về những miền đất đi qua, chúng ta có cái cảm giác ấm cúng của một tối mùa đông ngồi nhẩn nha bên ấm trà bốc khói hóng chuyện người khách giang hồ, chúng ta cảm thấy cái mát rượi của một trưa hè giăng võng nằm mơ mộng dưới bóng cây râm và thả hồn theo những trang sách phiên lưu. Đọc Võ Phiến chúng ta bắt gặp cái hương vị "đã cay lại thơm" của bún bò Huế, bắt gặp âm thanh "cúc cắc" của những mảnh bánh tráng hay vỏ đậu đang vỡ tan, bắt gặp những đám bọt chè "ập tới, bám riết quanh mép" của người nông dân, bắt gặp những giọng nói cách biệt núi đèo của miền Trung và những kênh rạch chằng chịt nối liền giọng hò một cõi miền Nam. Và chúng ta nhận ra sự gắn bó giữa nết đất và nết người, cảm thấy được cái tình đất-người thắm thiết của hằng trăm địa danh quê hương mà không cần viện đến những phán ngôn cả quyết và hách dịch như Khổng Tử, không phải viện đến những "lý khí" thật nặng nề như Lê Quý Đôn, không phải cần đến những con số thống kê rườm rà với những sinh suất, năng suất...

Võ Phiến, giữa thế cuộc và người

Võ Phiến bị xếp vào loại chống cộng "hăng say và thâm độc". Cách đây gần hai mươi năm tôi đã đọc những kết luận như thế trong một mớ những bản cáo trạng về sự xâm lược văn hóa. Căn cứ vào mức độ mạt sát, những đại từ nhân xưng bao giờ cũng *y* hay *hắn ta*, tôi tin là họ đã thực sự bị chạm nọc, đã bị trị xoáy thẳng tim đen. Và, dĩ nhiên, ông được xếp loại "cực kỳ phản động", đứng hẳn trong trận tuyến "đối lập với nhân dân" vv... Hẳn là đối thủ đã ngấm đòn! Và người bị phản kích có quyền hãnh diện về mình! Và lý do của thái độ chính trị ấy? Người này có thể vì ăn tiền của CIA, người kia có thể vì những băn khoăn ý thức hệ, nhưng khi Võ Phiến có những lời cay độc - nghĩa là thâm thuý - đó cũng chỉ vì những thâm thù cá nhân; những nhà phê phán biệt kích văn nghệ đã kết luận như thế. Nhớ láng máng trong "Cuộc xâm lăng của chủ nghĩa thực dân mới trên mặt trận tư tưởng văn hóa", Lữ Phương đã trích dẫn một đoạn đăng trên Bách Khoa làm bằng; đại khái ở đó Võ Phiến kể lại lúc bị bắt cải tạo, rồi sống trong cảnh quản chế "cực khổ trăm đường", nhân khi đi bán gà "gồng gánh chợ xa, thừa cơ trốn thoát...".

Có thực Võ Phiến chống lại những giáo điều này nọ chỉ vì những thâm thù cá nhân, chỉ vì bị hành hạ "cực khổ trăm đường"?

Vâng, những nạn nhân của những kẻ cay cú trên cũng xuất hiện đâu đó trong những dòng chữ của Võ Phiến, những kẻ "đầy thiện chí", những tội nhân vô duyên nhất của một hệ thống tư tưởng muốn biến con người thành những công cụ biết nói, chỉ biết vận hành theo những giáo điều, những mạng lệnh và những nghị quyết. Võ Phiến đã xoáy vào kẻ hở nhức nhối nhất của cái guồng máy chà đạp và hủy hoại phẩm cá nhân ở mỗi con người trên địa hạt ý thức hệ, cái ý thức hệ đã dám hy sinh hằng bao nhiêu thế hệ cho những mục đích cuồng dại của nó. Guồng máy đó có vị lãnh tụ "không biết lòng dạ ra sao, tim óc ra sao", và "cái gì cũng đáng trách,đáng giận quá"(10); có những thuộc hạ "lòng dạ như sắt nguội" (11) đang "ra công tu luyện để trút bỏ những tình cảm và phân nhân tính" (12). Làm người, không ít thì nhiều, khó mà tránh được những hệ luỵ của sân si nộ ố; tuy nhiên, ở Võ Phiến, tôi tin rằng điều khiến ông viết nên những trang, những chữ để cho phía bên kia cay cú chính là phần người. Võ Phiến có căm giận, có hờn ghét cũng chỉ vì ông ta rất người. Ông chống lại một hệ thống những giáo điều nhắm vào việc huỷ hoại con người bởi chính ông là một người rất... *người!* Võ Phiến nhìn ra chân tướng hiếu sát phi nhân đó ở những khía cạnh sâu kín nhất, và lời ông trở nên thâm thuý và cay độc.

Đó là một người đang trầm lặng với "những ý nghĩ vô cùng buồn thảm, đen tối", người đã bỏ qua một bên những tin tức đang chế ngự dòng tít của các tờ báo lớn, những đề tài chế ngự chương trình nghị sự của các vị bộ trưởng, các nhà đạo đức tự phong để lặng lẽ suy tưởng về bước chân của những đứa "trẻ đồng xanh" đang bị đẩy tư vào cuộc chiến tương lai ngay cả khi cuộc chiến này vẫn chưa chấm dứt.

Đó là con người, trong cái chập chờn giữa tỉnh và mê trong những ngày đầu ngơ ngác trên đất lạ đã thấm cảm ơn người hàng xóm:

"Trái lại, tôi hoàn toàn thông cảm cái nhằm nhí của người hàng xóm đa đỏ, một khuya mùa hè, hơi men bốc lên, to tiếng gây gổ làm huyên náo cả khu phố. Hãy tưởng tượng: Nửa đêm hè, nằm trong nhà mà tất cả đều mở cửa để đón mọi cơn gió, để mắt có thể trông thấy mấy cành lệ liễu phất phơ ở bên hè phía này, bụi tử đinh hương ở góc vườn bên kia, có thể trông thấy cái tán lá đỏ sộ của cây sôi đầu xóm..., đêm hè như thế đang ngon giấc bỗng giật mình thức dậy, thần trí còn hoang mang, nghe có tiếng lè nhè cãi cọ, lại nghe có tiếng quát nồng nặc hơi men ở hàng xóm, nghe tiếng đàn bà léo nhéo, có tiếng bà con can thiệp, có tiếng bát đĩa khua lẻng kẻng trên bàn nhậu bày giữa vườn, một cảnh tượng như thế

quen thuộc biết chừng nào! Trong lúc tâm thần bất định, cứ tưởng chừng như anh Tư Tắc-xi đang cự nự với chú Năm Ba-Gác ở chỗ quán nhậu đầu con hẽm bên Sài Gòn...." (13)

Làm sao có thể tin được rằng một người chỉ mới lần đầu ngơ ngác trên cảnh đẹp xứ người đã tiếc rẻ:

"Phải chi cảnh đẹp đẽ và thanh bình này mà "ở ta" thì cái thú thưởng ngoạn mới đậm đà ngây ngất đến đâu!" "Ở ta" thì có cảnh lại có tình, có cái lộng lẫy của hiện tại còn có các kỷ niệm của quá khứ lẩn quất...là người đã sống trọn đời người với những "thâm thù cá nhân"? Cái con người, cũng trong cảnh vật ấy, đã miên man:

"Thế nhưng, nghĩ đến một này kia, khi chúng ta đã thâm nhập vào cuộc sống xứ này đến cái độ không còn mỗi lúc mỗi hồi tưởng về những kỷ niệm ở quê hương... Có cái ngày ấy chăng? Dù sao chỉ nghĩ tới đã thấy xót xa." (14)

Chất người của Võ Phiến bàng bạc khắp, và chỉ với yếu tố này thôi, chúng ta hiểu rằng ông không chọn một con đường lý tưởng chỉ vì thù hận. Nếu con người ấy có hằn học, có nói những lời cay độc, hay khiếm nhã ấy là vì không ai - với một tầm nhìn xa rộng và tinh tế như thế - có thể nói khác hơn.

Võ Phiến có những phân tích chính trị hết sức sắc bén và tách bạch nhưng đôi lúc cũng có "tiên tri" sai lầm, dẫu vậy sai lầm của ông cũng chính là những bi kịch từng trĩu nặng trên số phận của đất nước với một lô những thế hệ lãnh đạo bất tài và thiển cận. Cái sai lầm của những ngày đầu tin tưởng "cứ để chúng yên trên núi, chúng sẽ hoá thành khỉ" cho đến khi cuộc chiến tràn lan để cho những "nam phụ lão ấu", những nhà "đạo đức không có nhiệm kỳ" tự trao cho mình "trách nhiệm che chở cái lương tâm nhân loại" cau mày khó chịu (15).

Bao nhiêu mùa thu đã trôi qua, cái tình cảm "mỗi lúc một hồi tưởng về kỷ niệm của quê hương" vẫn còn y nguyên hay đã phai lạt dần? Tôi nhớ lại những tranh luận ồn ào quanh cái tên xưa của chốn phố thị trong trang sách giáo khoa ngày ấy. *Faifo là Phải Phố, Hải Phố hay Hoài Phố?* Người ta hãy còn cãi nhau ra rít. Và chỉ có Nguyễn Tuân mới yên tâm với cái tên Hoài Phố, bởi nếu vậy thì "Chao ơi, chỉ có đất nước ta mới có những địa danh gợi cảm như thế: Một con sông chảy ngang qua Phố Nhớ để rồi đổ về biển Đợi"(16). Con sông ấy, cái phố thị đứng Nhớ và cái cửa bể nằm Đợi ấy Võ Phiến đã đi qua. Còn vô số những địa danh khác, ở những dòng tuỳ bút miên man hoài niệm của ông rồi cũng hoá thân thành nỗi nhớ triền miên; còn biển, dĩ nhiên, từ bao giờ biển vẫn cứ mãi đợi chờ

vì nếu xưa người có ra đi, cũng ra đi từ biển!❐

Nguyễn Hoàng Văn
Melbourne tháng 8.1998

CHÚ THÍCH:

1. "Hội An", Tuỳ Bút, Võ Phiến. Văn Nghệ 1986.
2. "Lý Khí Loại", Vân Đài Loại Ngữ, Lê Quý Đôn
3. "Anh Bình Định", Tuỳ Bút, sđd.
4. "Gắn,Gùa và Gụ". sđd
5. "Hội An", sđd
6. "Giọng Huế", sđd
7. "Của mắm và người", sđd
8. "Thương gái miền Trung". sđd
9. "Hạt bọt trà", sđd
10. "Bắt Trẻ Đồng Xanh", Tạp luận, Văn Nghệ, 1987
11. Tiếng Cú
11. Thác Đổ Sau Nhà.
13. "Giã biệt mùa nắng", Tuỳ Bút, sđd.
14. "Một mùa thu", sđd
15. "Dù có bao giờ", Tạp luận, sđd.
16. Một bài báo của Nguyễn Tuân, người viết ghi lại theo trí nhớ.

Cửa Đợi: Cửa Đại

Đọc lần 1, lần 2 và... tùy bút của Võ Phiến

Lê Minh Hà

"Chưa! Ra gì không?"

Đấy là câu trả lời của hầu hết bạn đọc người miền Bắc ở hải ngoại. Tôi tin đấy cũng là câu trả lời của hầu hết bạn đọc ở lứa tuổi ngoài ba mươi trở xuống, buồn thay, ở cả hai miền Nam Bắc bây giờ, cho một câu hỏi: *Đã đọc (Võ Phiến) chưa?*

Giả dụ tôi là mẹ Đốp của làng Văn... Tôi sẽ mời Võ Phiến ngồi vào chiếu nào đây? Chiếu "tùy bút"? Hay chiếu "phê bình văn học"? Hay...? Dù ông có thể phân thân, người đối ẩm với ông ở từng chiếu cũng không có nhiều.

Lịch sử văn học Việt Nam hiện đại có không ít những nghệ sỹ tài ba, xông xáo vào nhiều lĩnh vực, cả những lĩnh vực ngoài văn học. Và đã thành công. Nguyễn Đình Thi của triết thời trẻ trai cũng là một Nguyễn Đình Thi của nhạc, của tiểu thuyết, và chín ở thơ. Văn Cao nhạc sỹ luôn cưu mang một nỗi thơ. Nguyên Sa thơ còn là Nguyên Sa tiểu thuyết... Bản chất của nghệ sỹ là khám phá, là chấp nhận những gieo neo và luôn cả thế chông chênh trong sự khám phá. Do đó, đã hẳn là hầu hết những nhà văn nhà thơ được đời biết đến đều từng thử bút ở nhiều loại hình nghệ thuật, nhiều thể loại trong mỗi loại hình, rồi mới định được phong cách.

Phong cách Võ Phiến phát lộ ở đâu?

- Rất nhiều thể loại. Vấn đề không phải là ông có thể đối ẩm cùng ai trên chiếu làng Văn, mà ở chỗ khi đã phân thân, con người văn chương của Võ Phiến hoàn toàn bình đẳng với nhiều cá nhân nổi tiếng khác trong văn học Việt Nam hiện đại. Đọc Võ-Phiến-phê-bình-văn-học, phải nhớ tới Hoài Thanh thời bình văn chưa tới thủa bạc đầu, vẫn còn nhiều thể tất, và đặc biệt tinh tế, để nhận ra rằng sự sắc sảo, đôn hậu, tinh tế trong phê bình văn học của Võ Phiến là của Võ Phiến. Mở một trang bất kỳ, thấy

ngay:

"Vả chăng ở đây cái chính là chỗ thương tâm, không phải là cái say, dù dữ hay không dữ. Ngay trong những lúc chưa kịp say, Hoàng Hương Trang đã có những ý nghĩ độc đáo một cách thê lương: có ai nhìn một chén rượu vơi trũng mà liên tưởng đến một huyệt mộ!

Chén đầy soi mặt tần ngần
Chén vơi thăm thẳm mộ phần đấy ư?
Câu thơ đẹp đến ghê rợn"

(Hoàng Hương Trang - *Thơ miền Nam*, tập 1 - Văn nghệ - 1991)

Những ngòi bút phê bình theo lối kinh viện thường thiếu cái tinh như thế này, lại càng không có lối biểu đạt giản dị như thế.

Cái tinh, cái giản dị này Võ Phiến bộc lộ ở một mức độ đậm đặc trong *Tạp luận, Tạp bút*. Những vấn đề thời sự chính trị một thủa qua ngòi bút của ông có một sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với những độc giả thường chỉ biết thẩm định những vấn đề như thế qua sự định hướng của tư tưởng chính thống, không cứ ở một miền Bắc. Tuy nhiên, nếu khoanh vùng, có thể nói ngay rằng ở miền Bắc từ trước tới nay chưa thấy xuất hiện một ngòi bút chính luận với cách tiếp cận vấn đề, lý giải vấn đề sắc sảo, trung thực như Võ Phiến. Khi viết những dòng này, tôi không chỉ dừng ở những bài phê phán chế độ cộng sản của Võ Phiến.

Ở phê bình văn học, ở nghị luận chính trị, Võ Phiến bộc lộ một cá tính sáng tạo nhất quán. Với riêng tôi, phong cách Võ Phiến kết tinh thành tùy bút. Đọc *Thơ miền Nam, Truyện 1,2, Văn học miền Nam tổng quan*, đọc *Tạp luận, Tạp bút*, luôn luôn cảm ra hơi hướng *tùy bút* của ông.

Tùy bút Nguyễn Tuân thời vang bóng mang hơi lạnh của sự ngông nghênh, khinh bạc, làm ta khoái, cũng như khoái bởi cái lạ ẩn chứa trong từng chi tiết: từ một cách chém treo ngành tới một cách thưởng trà, từ một thú thả thơ cho tới một đam mê chữ, bởi lối chối bỏ hiện thực của một tâm hồn gió. Đọc Vũ Bằng lại thắt ruột thắt gan vì những hoài nhớ của một người đi dành cho một miền đất đầy những đỏng đảnh của thời tiết, dành cho một nếp sống, một gia đình, và một người vợ tấm mẳn. Võ Phiến trong tùy bút lại mang tới nồng ấm, mặc dù...

Phải chăng vì những điều ông chọn để "tùy bút" gần với đời thường, vẫn còn trong thực tại chứ không hoàn toàn là hồi niệm. Ông viết về chiếc áo dài chứa gió của người đàn bà Việt nam, về mắm, về bánh tráng Bình Định, về lối uống trà của đại chúng ở một miền đất nước, về cách chửi của dân tộc, về cái địu trên lưng một cô giáo người Thượng giữa giờ lên lớp, về cái rét đô thị, về những đám khói ở đồng trong một ngày chiến tranh...

Ngay cả khi ông "tùy bút" về những điều chỉ còn vang bóng, những không còn, chẳng hạn những dụng cụ cần để nấu một om trà Huế cho đúng cách, hoặc giả một lối thưởng mắm dân giã, chỉ dùng tới mũi và lưỡi, hay sự cạn kiệt của tình bà con lối xóm nơi đô thị... tùy bút Võ Phiến vẫn không gợi ai oán, u uất như tùy bút của Nguyễn Tuân, Vũ Bằng. Võ Phiến không nghiệt, không khinh bạc, không rưng rưng. Võ Phiến đôn hậu, hóm hỉnh, và không dừng ở sự trình bày một hiểu biết về phong tục, tập quán, hay bày giãi những khía cạnh tâm cảm. Do đó, viết về món ăn, cũng là món ăn dân giã nhưng Võ Phiến khác Vũ Bằng, khác Tô Hoài. Viết về một lối thưởng trà, Võ Phiến không nằm trong bóng Nguyễn Tuân.

Tại sao? Lối biểu hiện của Võ Phiến khác! Đồng ý. Tùy bút của Võ Phiến tạo được đối thoại liên tục với người đọc do cách đặt vấn đề, thường bất ngờ, cách hành văn giản dị. Nhưng không hẳn chỉ là vậy. Tùy bút của Võ Phiến chứa đựng cái nhìn thời gian đặc biệt của ông. Không phải là thời gian của hoài nhớ, hồi cố như Nguyễn Tuân hay Vũ Bằng mà là thời gian lịch sử. Ông luôn luôn nhìn các hiện tượng như một yếu tố văn hóa, đặt chúng trong sự phát triển của lịch sử xã hội, từ đó đưa người đọc tới những hiểu biết (nhiều khi cuốn hút bởi chỉ là những giả định đòi hỏi tìm hiểu chứng minh) về phong tục học, dân tộc học, về kiếp người v.v... Võ Phiến nhìn những biến cố xảy đến cho chiếc áo dài của đàn bà một thời, vào thời điểm phương Tây nhộn nhạo như là một mục tiêu (vô nghĩa và có thể) để tranh đấu của tuổi trẻ Việt Nam một thời. Khảo sát một hiện tượng mắm, Võ Phiến buộc ta giật mình vì khả năng có thể vong thân trên chính quê hương. Theo chân một món ăn (bún bò), nhà văn chỉ ra triệu bất thường của chiến tranh (đang lan rộng). Từ một món bánh tráng chẳng có gì là đặc sắc đối với dân ở những miền đất khác, từ một câu ca cũ càng, Võ Phiến đặt ra những giả thiết lịch sử, văn hóa, văn học hết sức thú vị (*Anh Bình Định, Bánh tráng, Thơ lục bát Chàm*). Luôn luôn là thế, Võ Phiến nhìn sự dịch chuyển của thời gian lịch sử trong sự vận động của những yếu tố văn hóa, văn hóa chữ nghĩa, văn hóa ẩm thực, văn hóa ứng xử... Sự suy vi của đạo thờ cúng ông bà hàm chứa sự suy vi của xã hội nông nghiệp tồn tại ở Việt Nam hàng ngàn năm; Cả một quá trình di dân chinh phục đất dài dằng dặc của ông bà xưa kết tụ lại thành một mối tình ca dao *"Anh về Bình Định thăm cha - Phú yên thăm mẹ Khánh Hòa thăm em"*; Võ Phiến nhìn ra những đặc điểm lịch sử của miền đất mới của Tổ quốc từ những khác biệt trong quan hệ giữa tên đất và người ở miền Nam miền Bắc..Trong nghĩa đó, ta có thể dừng lâu ở bất kể tùy bút, viết về bất kể điều gì và viết bất kể lúc nào của Võ Phiến. Trong nghĩa đó, những tùy bút Võ Phiến viết trong những "mùa xuân an lành. An lành một cách xót

xa... cái an lành của những cuộc đời không tương lai" (Một mùa xuân an lành - viết 1976) đau đớn, khắc khoải không kém tùy bút ly hương của, đơn cử Vũ Bằng, mà vẫn hàm chứa trong nó sự điềm đạm riêng, bắt nguồn từ một thế nhận thức cuộc đời.

Ở tuổi xưa nay hiếm, Võ Phiến vẫn còn trong dự phóng tương lai những cuốn sách chưa viết. Một sự nghiệp văn chương như thế thật đáng kính phục. Một phần sự nghiệp đó - tùy bút - đã đủ để một nhà văn mơ ước. Tôi tin một điều: khi văn học miền Nam trước 1975 và văn học Việt Nam hải ngoại được dành một vị trí xứng đáng trong bộ lịch sử văn học Việt Nam hiện đại (chính thống, viết lại), Võ Phiến sẽ được coi như một Tác Gia. Tác phẩm của ông sẽ thay ông về đất mẹ. Nhưng nói ra điều này, cũng hệt như nói Trung quốc đông dân. Có gì mới đâu.

Còn may, khi viết những dòng này, người viết chưa đọc *Võ Phiến* của Nguyễn Hưng Quốc.❐

Tháng 8, 1998
Lê Minh Hà

Đọc tạp luận của Võ Phiến

Nguyễn Hữu Lê

Hầu hết các bài viết trong tập *Tạp luận* đã được viết và công bố cách đây ngót trên dưới ba thập niên. Điều đó cũng có nghĩa là, tôi đang được tiếp xúc với một Võ Phiến của ba mươi năm trước. Khi Võ Phiến viết những dòng này, biến cố sôi động vào bậc nhất của lịch sử Việt Nam thế kỷ này đang ở cao trào. Còn hôm nay, khi đọc lại Võ Phiến, lịch sử đã sang lối rẽ khác. Công chúng tâm đắc Võ Phiến ba mươi năm trước đã trải qua bao sóng gió cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng để làm lại cuộc đời. Còn lịch sử thì từ chỗ hung hăng phi nước kiệu vì những đích phiêu lưu xa vời để bây giờ mệt mỏi, biếng lười trùm chăn ngủ gật.

Tạp luận của Võ Phiến tái bản có thể không còn được nồng hậu đón tiếp như lần xuất bản đầu. Điều đó dễ hiểu. Và quy luật nghiệt ngã này không chỉ thiếu công bằng với mỗi mình Võ Phiến. Mấy năm nay, các nhà xuất bản giống chuông báo động. Lịch sử vẫn ngái ngủ như công chúng hay nói ngược lại công chúng vẫn ngái ngủ như lịch sử.Cả hai, tiếc thay đều là sự thật. Đã qua rồi cái thời nửa này hay nửa kia của cái dân tộc Việt chỉ hướng về một mục tiêu lớn. Đọc Võ Phiến trong bối cảnh như thế của hôm nay càng chia sẻ được nhiều hơn với tác giả.

Nhưng nói như thế không có nghĩa là Võ Phiến đã thuộc về quá khứ.Cái thuộc về quá khứ chỉ là cái đối tượng công chúng mà ông đã đổn hết bút lực và tâm lực cho họ.

Bản thân tôi, khi viết những dòng này tự thấy có rất nhiều lỗ hổng về kiến thức thực tế của xã hội miền Nam thời đất nước ta còn tồn tại hai chế độ chính trị đối lập. Ngược lại, tôi lại có một kinh nghiệm không tồi về cái nửa trong đó tôi sinh ra và lớn lên.Đọc *Tạp luận* Võ Phiến, tôi có cái hứng thú của phần kinh nghiệm khác giới tuyến. Tôi cũng tin rằng, nếu công chúng hiện nay trong nước được tiếp xúc với những bài bình luận chính

trị xã hội trong *Tạp luận* Võ Phiến họ cũng tìm ra cái hứng thú đặc biệt, cái mà những ai đã quá quen Võ Phiến có thể không nhận ra.

Võ Phiến có sở trường đặc biệt về bình luận chính trị từ tầm bao quát tổng thể của Văn hóa- Xã hội. Chính trị trong ông được soi từ góc độ văn hóa. Có thể coi Võ Phiến là cây viết chính trị hiếm hoi của nửa phía Nam có vốn văn hóa uyên bác. Văn bình luận chính trị của ông hấp dẫn vì:

1- Cùng một lúc có thể đưa vấn đề soi sáng trên nhiều "bảng định giá" văn hóa- xã hội khác nhau. Trong Võ Phiến không tồn tại cái gọi là "chính thống chính trị". Ngay cả lúc giọng văn ông có vẻ dành phần ưu ái cho cái chế độ mà ông đang bảo vệ thì ông vẫn tìm được cho mình một chỗ đứng khách quan.

2- Có biệt tài trong việc sử dụng cái tầng trệt tâm lý-xã hội để diễn đạt những vấn đề trừu tượng thuộc hình thái ý thức xã hội của tầng thượng.Ông không thuần túy tư duy bằng logic, luận lý mà chủ yếu là tư duy bằng hình tượng, bằng kinh nghiệm tâm lý hoặc kinh nghiệm xã hội.

3- Biết khai thác những vấn đề xã hội lớn lao từ những sự kiện tầm thường. Từ những tình huống không đáng chú ý trong đời thường phẳng lặng, ông phát hiện ra những quy luật chính trị xã hội hoặc nhân sinh hấp dẫn.

1-Trong bài "Kẻ ác người thiện", Võ Phiến phân tích khá sâu cái nghịch lý của những chuẩn mực và giáo điều. Chuyện thiện ác trong đời thường đã khó phân định rạch ròi, huống chi trong đời sống chính trị. Đứng trên bảng định giá này hay bảng định giá khác để soi xét cùng một vấn đề, con người đã thấy chồng chất đầy mâu thuẫn. Hơn thế nữa, các tình huống có vấn đề cũng không chịu ngồi yên một chỗ cho các hệ giá trị cân đo đong đếm:

"Nhân loại xưa nay nhúng tay vào máu đã nhiều lần.Nhưng không phải vì vậy mà dễ dàng kết luận rằng con người độc ác hiếu sát.Cứ coi cái cách con người kiểm điểm những hành động chiến tranh của mình, nhận định phán xét kịch liệt và dai dẳng về những hành động ấy, thì đủ rõ đức nhân từ cũng mênh mông lắm đâu phải vừa?

Có điều nhân từ hay ác độc không hẳn tùy ở bản tính mỗi người, mà còn tùy thuộc rất nhiều vào cái cương vị, trách nhiệm của mỗi người. Hơn hai mươi năm trước đây, chính L.B.Johnson, chính ông Johnson ấy, hồi còn làm nghị sỹ, đã đứng ra nhất định ngăn cản tổng thống Eisenhover và ngoại trưởng Dulles đem bom Hoa Kỳ thả xuống Điện Biên Phủ.Hồi đó ông ta là người phản đối chiến tranh. Ông ta đã thành công.Ông ta rút được một kinh nghiệm để hai mươi năm sau đem ra dùng, nhờ đó lần này ông ta cũng thành công nữa: quyết định dội bom Bắc Việt mà không để

cho nghị viện kịp ngăn trở." (TLVP Tr.51-52)

Chính sự so sánh thông minh bao giờ cũng bật ra cái chất dí dỏm đặc biệt trong các pha bình luận của Võ Phiến:

"Và những người đạo đức ấy sẽ còn đó, mãi mãi,để làm công việc bất bình, chê trách, phản đối: họ không có nhiệm kỳ" (Tr.55)

Phân tích những vấn đề chính trị xã hội bằng cách đứng trên nhiều điểm nhìn khác nhau của những thang bậc giá trị nhân sinh khác nhau là chỗ khác biệt căn bản của văn *Tạp luận* Võ Phiến so với những cây viết cùng thời ở phía Bắc. Ở bên này sông Hiền Lương, những bài bình luận chính trị "nẩy lửa" được viết một cách trơn tru về những loại chân lý vĩnh cửu không được phép ngờ vực xuất hiện nhan nhản. Cá tính sáng tạo của người viết chỉ còn chăng trong những ẩn dụ bay bướm để minh họa cho hệ tư tưởng chính thống bất diệt. Ở đây, vai trò phân tích khách quan lùi hẳn vào hậu trường, nhường chỗ cho những tưởng tượng phong phú nhằm tô đậm ranh giới địch, ta, chính nghĩa, phi nghĩa, cao cả, thấp hèn...Và điều thú vị là công chúng bên này sông Hiền Lương một thời cũng nghiện ngập kiểu tư duy cũng như văn phong lả lướt một chiều này.

Và hình như lối viết câu nệ chính thống không chỉ xẩy ra đối với hệ thống chính trị cộng sản.

Tôi đã có dịp được đọc những bài tụng ca "chính nghĩa quốc gia" mà nếu xét về văn phong, không khác gì lối văn tụng ca cung đình ở phía Bắc. Chỗ khác biệt có chăng là ở phía Nam do thể chế chính trị tương đối cởi mở hơn nên không có dòng phái ý thức hệ nào có thể triệt tiêu các đối thủ tư tưởng để trở thành chính thống được, kể cả thời kỳ cứng rắn của thuyết "cần lao nhân vị" gắn với gia đình ông Diệm.

Trên bối cảnh đó, kiểu bình luận chính trị xã hội của Võ Phiến đã kích thích tinh thần độc lập suy luận của mỗi cá thể hơn là cổ súy phong trào một chiều."Bắt trẻ đồng xanh" đối lập giữa "cận cảnh" và "viễn cảnh",(tai họa hiện xảy đến cho các em cũng là tai họa về sau cho xứ sở" Tr.28);giữa tiến bộ xã hội nói chung xét từ góc độ toàn cầu với tình trạng man rợ của một giải đất thường xuyên hăm hở với cảnh "nồi da nấu thịt" (*Còn ba mươi hai năm nữa chúng ta bước sang thế kỷ XXI... Các dân tộc, bất cứ da đen hay da đỏ, đều có thể nô nức hy vọng ở thế kỷ XXI. Riêng chúng ta, chúng ta chỉ có mỗi một điều để đón đợi:là hết chiến cuộc này đến chiến cuộc khác*...(tr.28); giữa hai hệ thống chính trị: một bên dân chủ, nhân đạo kiểu học đường, một bên túc kế đa mưu, xảo trá, lật lọng miễn là tìm được cách "nốc ao" đối thủ. Có thể nói hầu hết các bài viết bình luận chính trị của Võ Phiến đều có cách nhìn phân tích nhiều chiều như thế. Viết kiểu này, Võ Phiến bắt gặp sự chống đối không chỉ từ thể

chế chính trị cộng sản. Tôi tin chắc rằng các nhân vật chính trị chóp bu ở phía Nam thời đó cũng không ưa Võ Phiến. Lý do căn bản là Võ Phiến không bận tâm đến điều mình viết ra "có lợi" hay "không có lợi" cho một thể chế chính trị nào đó. Khi cần, ông cứng đầu và gàn bướng mổ xẻ không thương tiếc kể cả các chính khách nổi tiếng nhằm diễn đạt tư tưởng của mình:

"Xem trường hợp ông Nixon thì biết.Nixon lớn tuổi, xấu xí,lại tranh với Kennedy trẻ mà bảnh trai. Kennedy thách nhau ra trước ống kính vô tuyến truyền hình, để đánh vào nhược điểm của địch.Nhiều người nghĩ rằng nếu hôm ấy mà ông Nixon khéo hóa trang hơn, nghĩa là có tí phấn ở chỗ này chỗ nọ để chữa lại khuôn mặt cho ăn ảnh chút nữa, thì ông ta đã cứu vãn được thất bại".(TLVP Tr.71)

Lối xê dịch điểm nhìn trên các bảng giá trị khác nhau này đưa đến cái dí dỏm sắc sảo của Võ Phiến. Kiểu viết này không thể tồn tại trong xã hội có chính thống chính trị.Đó cũng là điều may mắn của Võ Phiến: được hưởng môi trường chính trị tương đối tự do.

2- Tạp luận Võ Phiến hấp dẫn mọi tầng lớp công chúng, không phân biệt trí thức hay người bình dân.Lý do căn bản: Võ Phiến suy luận phân tích bằng trực giác nhạy bén. Lối tư duy trừu tượng kinh viện không thích hợp với "tạng" viết của ông.Hãy nghe ông bình về nội tình "các nước anh em" cộng sản thời đó bằng khẩu ngữ đời thường:

"Chỉ xem cái cảnh tượng họ xỉa vào trán nhau mà nhiếc:"Đồng chí quả tang có đầu óc quốc gia, xấu lắm nhé"cũng thấy rõ sự tình. Gạt bỏ hết những rắc rối tròng tréo trong lý luận quốc gia, quốc tế, chúng ta có thể diễn nôm như sau các lời tố cáo:Tùy theo địa vị kẻ tố cáo là ở nước đàn anh hay ở nước đàn em, việc gán cho đối phương danh nghĩa quốc gia có nghĩa hoặc là một tiếng kêu cứu:"Ối! nó đè đầu tôi!", hoặc một lời quở phạt:"Bướng thật! Nó không cho tôi đè đầu"...(Tr.42)\

Hoặc ở một chỗ khác cũng trong bài vừa dẫn, tác giả dùng ca dao để diễn đạt một ý tưởng chính trị:

Ví dầu tình bậu muốn thôi
Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra
Bậu ra cho khỏi tay ta
Cái xương bậu nát cái da bậu mòn (Tr.42-43)

Bên cạnh những câu bình uyên bác mà chỉ vài dòng có thể tóm lược hết đặc thù của một thể chế chính trị chính thống trong chế độ cộng sản như:

"Trong xã hội cộng sản, kẻ trị người lớn lao vĩ đại quá, còn người bị

trị nhỏ bé hèn mọn quá, cơ hồ vô nghĩa lý. Tất cả chân lý chui trốn vào đầu óc một người, cố thủ trong ấy; không ai được phép tìm tòi chân lý ở đâu khác.Người người sống khóm róm, thảm hại, lố bịch."(Tr.43)

Võ Phiến còn dùng những cách diễn đạt hóm hỉnh khác:

"Một cái vẫy tay quan trọng đến thế. Nếu cô vợ bé thứ tư của Mao chủ tịch cũng phong phú như giáo sư họ Hồ, ta có thể tưởng tượng cô ta đi xa biết mấy trong địa hạt tư tưởng." (Tr.44)

Ở miền Bắc cùng thời, Hoài Thanh cũng láu lỉnh đâu kém Võ Phiến. Ông cũng nhạy cảm lắm trong việc sử dụng cái kinh nghiệm tâm lý và kinh nghiệm xã hội ở tầng trệt để bình giá những vấn đề lý luận trừu tượng. Nhưng Hoài Thanh không thể đi xa hơn Võ Phiến vì ông chẳng có cái gì nữa để mà tìm tòi cả. Hay nói cách khác, cái "nửa đời sau lại vị người ngồi trên"(*Chân dung nhà văn*) đã cướp đi con người thật của Hoài Thanh.

3-Hình như cách tư duy trừu tượng của Võ Phiến thường bắt đầu từ sự nghiền ngẫm các biến cố có vẻ "vô nghĩa lý" hoặc không đáng bận tâm của đời thường. Đây không thuần túy là một cách diễn đạt (Xem mục 2) mà chủ yếu là một cách nghiền ngẫm.

Quả thật, Võ Phiến thường suy luận bằng cái cá biệt ít có vấn đề đối với số đông để từ đó làm bệ phóng để xuất phát. Trong "Người đổi giống" Võ Phiến bắt đầu bằng: "một bác xích lô", kế đến là "cái hang con kiến, cái ổ tinh vi của loài ong, loài yến..." để suy ngẫm về "giống người". Trong "Cách yêu mỗi thời" bắt đầu từ "phần xác" và "phần hồn" trong quan niệm yêu đương của Nguyễn Du để bàn mối quan hệ mọi thời giữa "bộ phận duy trì nòi giống" và "tình yêu thuần túy". Trong "quê một cục" thì chỉ bằng cái đề tựa ta đã thấy cách xuất phát để suy ngẫm của Võ Phiến bắt đầu từ đâu. Trong "cách mạng và truyền thống" bắt đầu bằng cách nằm ngủ của Khổng Tử.

Nếu như ở phần trước (Xem phần 2) Võ Phiến chú ý cách diễn đạt cho dễ hiểu một vấn đề trừu tượng thì ở đây Võ Phiến lại bận tâm đến cách suy ngẫm một vấn đề khái quát nhân sinh lớn lao từ một hiện tượng cá biệt. Một bên Võ Phiến xích lại gần giới bình dân và bên khác Võ Phiến làm cho giới hàn lâm phải kinh ngạc. Ở đây các lý thuyết gia tìm được trong cách suy ngẫm của Võ Phiến phương pháp tiếp cận những vấn đề triết lý phức tạp từ cách nghiền ngẫm cái cụ tượng đơn giản gần gũi thân thiết quanh ta.

Tạp luận Võ Phiến đặt ra và giải quyết những vấn đề chính trị xã hội

cụ thể của một giai đoạn lịch sử cụ thể. Đây chưa phải là một kiểu công trình nghiên cứu xã hội hoàn chỉnh mà chủ yếu mới dừng lại ở cách nhìn; cách giải quyết vấn đề hoặc cách nêu vấn đề.Cái thú vị là mối quan hệ giữa Võ Phiến nhà văn và Võ Phiến lý thuyết gia đã đưa đến cho công chúng mọi thời một cá tính sáng tạo độc đáo cho thể loại văn bình luận chính trị xã hội. Tôi tin rằng Võ Phiến sẽ được đánh giá một cách công bằng như vị trí xứng đáng của ông trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại.❐

BÙI GIÁNG

ĐI VÀO CÕI THƠ

CUỐN MỘT

THI CA TƯ TƯỞNG

tức Đi Vào Cõi Thơ - Cuốn Hai

"Ông chọn cách nhận định thơ thật độc đáo, không theo một chọn lựa hệ thống nào cả mà nhiều khi đọc lên thật bàng hoàng. Với nhận xét tinh tế, độc sáng về một khía cạnh nào đó của một tác giả thơ nào đó..."

AN TIÊM XUẤT BẢN
Nhà Văn Nghệ Phát Hành

Lại đôi lời

Trúc Chi

Cách đây tròn bốn năm, tôi đã có đôi lời về văn sĩ Võ Phiến, nhân một nguyệt san ở California (*) ra một số đặc biệt về cây bút tài hoa và già dặn này của miền Nam Việt Nam. Bây giờ lại có đôi lời nữa, tôi hơi ngại. Bởi vì việc đời hai với hai thường không phải là bốn. Đôi với đôi e lại quá nhiều lời, vốn là điều cấm kỵ những lúc muốn nghịch ngợm với chữ nghĩa.

Nay, nhân *Văn Học* ra số đặc biệt về anh, tôi sực nhớ một chuyện: Thơ anh Võ Phiến. Anh làm thơ không nhiều, nhưng có những câu thật thấm thía. Nhưng có lẽ, thay vì đi thẳng vào thơ anh, tôi nghĩ cần phải vòng vo qua cái lớp người trạc tuổi anh để thấy cái duyên nợ của họ đối với thi ca, thấy ảnh hưởng chiến tranh trong đời họ.

Thời ấy, họ là những chàng trai trên dưới hai mươi tuổi. Những chàng trai may mắn được đi học. Thời ấy, người ta gọi họ là những người có học thức, có ăn học. (Đại nạn lạm phát danh từ *trí thức* chưa xẩy ra). Tiếng Pháp của họ, có người nói giọng mũi như Tây thật, có người bỏ đủ các dấu sắc huyền hỏi ngã nặng khi nói chuyện với người Pháp. Kệ, miễn là câu nói không sái văn phạm hắc búa của tiếng Phú Lang Sa, miễn là người Pháp biết họ muốn nói gì, miễn là họ diễn đạt được mọi điều họ muốn nói bằng tiếng Pháp là đủ. Họ học tiếng Pháp, đầu óc bị nhồi văn hóa Pháp từ tuổi còn đánh bi đánh đáo, nhưng mà không có ai mất gốc cả.

Bên cạnh cái vốn Pháp văn vững vàng giúp họ hiểu hết những câu thườn thượt, lê thê mà vô cùng linh động, uyển chuyển của Marcel Proust, cũng như lối hành văn gọn gàng, trong sáng mà hàm súc của André Gide, thường họ lại có thêm ít chữ Hán nữa, dù rằng họ không nhớ hết mặt chữ. Nhất là những người ở Thanh Nghệ Tĩnh và Nam Ngãi Bình Phú: không thuộc hết *Ấu Học Ngũ Ngôn Thư* thì họ cũng có thể đọc một tràng dài

trong *Tam Tự Kinh* hoặc *Ngũ Thiên Tự*. Chữ quốc ngữ trong người họ là *Quốc Văn Độc Bản* và *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* ở cấp tiểu học. Lên trung học, họ ghiền tiểu thuyết của nhóm Phổ Thông Bán Nguyệt San và sáng tác của Tự Lực Văn Đoàn.

Đi học, họ mặc áo dài đen, quần dài trắng, chân mang guốc gỗ hoặc xăng-đan đế *crêpe*, đầu dầu hoặc đội mũ cối trắng được đánh phấn bột nước hằng tuần. Một vành vải đen trên chiếc mũ cối cho biết người đội cái mũ bốn mùa ấy đang có tang cha, tang mẹ. Những ngày mưa gió lụt lội, lũ lượt trên đường đến trường là lớp người tơi nón, nam cũng như nữ. Người khá giả, có cái xe đạp. Thường họ cuốc bộ, có khi năm sáu cây số. Ai có diện lắm thì chải đầu bằng *brillantine* nội hóa. Cuối tuần, họ rủ nhau đi ăn quà vặt, tắm sông, tắm biển, đi xi-nê, xem thắng cảnh trong tỉnh. Có người học gạo, ngồi lì ở nhà với sách vở trong những ngày thứ Bảy, Chủ nhật. Những chàng trai ở thế hệ này theo một tà áo năm này qua năm kia mà không nói một lời. Khi *nói*, lại chỉ là một bức thư, một bài thơ nhờ một người bạn làm *chim xanh*, làm *nhà dây thép*.

Đến năm 1945, có người đã bí mật vào đảng Việt Minh, Việt Nam Quốc Dân Đảng hoặc một đảng khác. Tình hình chính trị trong và ngoài nước có người không am tường lắm, nhưng lòng ái quốc thuần túy, không pha trộn của họ, lúc ấy chưa bị chính trị đảng phái làm cho ô nhiễm. Giành độc lập cho đất nước lúc ấy là chuyện xa xôi, nhưng mà đầu quân để đánh thực dân Pháp, chuyện ngay trước mắt, tôi nhận thấy ai cũng hăng say cả. Cái lớp thanh niên có học thức này, đa số là dân tiểu tư sản thành thị cũng như nông thôn. Trong giai đoạn đầu của cuộc chiến chống Pháp, phần xương máu của họ không phải là nhỏ. Trên những chuyến xe lửa chở bộ đội vào Nam, (kể cả những đại đội của Việt Nam Quốc Dân Đảng), tại sân ga Huế, tôi lúc bấy giờ là một đứa bé mười một tuổi, đã thấy rất nhiều những trung đội trưởng, đại đội trưởng trò chuyện với nhau, thỉnh thoảng còn chêm tiếng Pháp, dù rằng lúc ấy đã có kẻ bị giết oan, bị cho là "Việt gian", chỉ vì trên y phục có mấy đường chỉ hay là một mảnh vải có mang ba sắc xanh trắng đỏ của lá cờ tam tài của Pháp! Họ hát vang những câu *Một ra đi là không trở về* hoặc *Ra đi ra đi thà chết không lui*.

Tôi đã nhớ đến lớp người ấy - nay không còn lại bao nhiêu - khi nghĩ đến anh Võ Phiến, khi nghĩ đến chuyện viết vài hàng về một người bạn mà tôi quen biết cũng đã hơn hai mươi năm. Bởi vì anh Võ Phiến thuộc lớp thanh niên ấy.

Ở các tỉnh khác thì tôi không biết, nhưng riêng ở Huế, cho đến niên khóa 1944-45, các trường trung học tư thục cũng như công lập có khá nhiều những chàng trai từ nhiều tỉnh khác ở "Trung Kỳ" đến học. Thường

họ trọ ở Thuận Xương, đường Hộ Thành trong Thành Nội và số đông vẫn kiếm được một chỗ dạy học trong một gia đình tương đối khá giả. Ban ngày họ đến trường, tối tối, họ kềm bài vở cho lứa trẻ sau họ chừng năm bảy lớp. Tôi được biết anh Võ Phiến đã từng làm cái nghề *précepteur* này tại nhà học giả Đào Duy Anh ở Huế, hồi anh còn học trường Thuận Hóa.

Tôi cũng được biết rằng những chàng thanh niên này từ Thanh Hóa, Nghệ An , Quảng Nam, Quảng Ngãi Phú Yên và Bình Định rất sính thơ. Cái chất thơ bẩm sinh luân lưu trong huyết quản họ? Cái tuổi nhìn cuộc đời qua lăng kính thơ? Thơ trong sông nước ở Huế? Khó mà vạch rõ ranh giới giữa mấy yếu tố trên đây trong thi hứng của lớp người này, vốn có duyên nợ với giòng Hương, với đỉnh Ngự. Nhưng rõ ràng là không ít thì nhiều, anh nào cũng có dăm bài chép bằng mực tím: cái màu tím Huế bất diệt ấy! (Thời ấy, không phải là ai cũng có được một cây bút máy Waterman hoặc Parker). Họ làm thơ với phong cách của người đời trước. Thơ, trước thời kỳ mà mọi sinh hoạt trong nước bị xáo trộn vì ảnh hưởng của văn minh Tây phương, chở đạo hay là chở cái gì đi nữa thì thời ấyvốn chỉ là một thú tiêu khiển, một *nghề ăn chơi*.(*) Lớp thanh niên này làm thơ mà không ôm mộng trở thành thi sĩ.

Có vẻ như anh Võ Phiến không phải là một trường hợp ngoại lệ. Anh đã bắt đầu làm thơ ở cái tuổi mà Huy Cận cho là nó *đến có ai ngờ*. Tôi đã gặp một cái tứ thơ là lạ của anh Võ Phiến, trong tập *Ảo Ảnh*:

Rung rinh một giọt cà phê
Cà phê một giọt trăm bề bâng khuâng

Đây là một giọt cà phê thong thả rơi từ cái lọc, xuống ly thủy tinh - một loại bộ sậu của dân nghiện cái chất đắng do người Pháp đưa qua Việt Nam vào thời kỳ mà gót sắt của họ đang dẫm lên nhiều vùng trên địa cầu với mục đích truyền bá văn minh của...Đại Pháp !. Cái lối pha cà phê này, nó khác hẳn với cách tiêu thụ cà phê được pha hàng lít, hiện thịnh hành ở nước Mỹ. Bởi vì thường thường cà phê lọc nó đậm lắm, nó mang đủ ba yếu tố mà người ta nói rằng nhạc Franz Schubert đã đòi cho kỳ được trong ly cà phê của ông: *"nó phải đen như bóng đêm lao la, đắng như cuộc đời mà nóng bỏng như một cái hôn nồng cháy."* Phấn thừa hương cũ trong một thời vàng son của mấy ông tây bà đầm này, bây giờ vẫn còn vương vất trong một đôi tiệm Việt Nam ở California. Cái lối dùng cà phê lọc này, mà sau 75 người ta tặng cho nó cái mỹ danh là *cái nồi ngồi trên cái cốc* (Không lấy gì làm thơ mộng lắm nhưng thôi, cũng được. Thế nào gọi là tả chân?) là một phần trong phong cách của người nhàn hạ.

Cái người ngồi nhìn giọt cà phê ấy lúc đầu chỉ thấy nó trăm bề bâng khuâng thôi. Và người ấy nhìn mãi cho đến lúc cái ly thủy tinh nọ biến thành một chiếc quan tài. Người ấy thấy mình là cái tử thi nằm trong chiếc quan tài đó mà cái lọc trên ly cà phê là lớp đất phủ lên trên quan quách. Cái hình ảnh đượm tang tóc ấy, lạ thì có lạ, độc đáo thì có độc đáo, mà chưa thành thơ. Phải đợi đến một ngày mưa, nước thấm qua đất, qua gỗ, thấm vào tử thi đem chuyện trên đời này xuống mà rỉ rả , hai câu lục bát sau đây mới mang cái chất mênh mông mà sâu sắc của thơ, của triết :

Rung rinh một giọt trần gian
Trần gian một giọt miên man sự đời

Cái nhìn vừa hướng nội vừa hướng ngoại của hai câu trên đã mất hẳn cái hồn nhiên của tuổi học trò rồi. Bởi vì nó được viết ra sau khi tác giả của nó đã sống, đã suy nghĩ về cái sống của mình, điều mà Saint John Perse gọi là những rung chuyển đã được suy tư thấu đáo (*ces tremblements réfléchis*). Cái chất xúc tác khiến cho cái sống của tác giả chín muồi đó, vâng, chính là chiến tranh. Không có một người Việt Nam nào hiện đang đang hiện hữu khi tôi viết những hàng chữ này, vâng, không có một người Việt Nam nào thoát khỏi ảnh hưởng của chiến tranh cả. (Cho đến bây giờ, hơn gần 60 năm sau khi cuộc nội chiến ấy chấm dứt, người dân Tây Ban Nha vẫn chưa nguôi ngoai, vẫn còn loáng thoáng nhiều câu hỏi về trang sử đẫm máu của họ trong nhiều sáng tác văn học, điển hình là một số bài viết gần đây lấy cái KHÔNG trong tư tưởng thời trung cổ bên Tây Phương của Thérèse d' Avila, của Jean de la Croix ... làm bối cảnh).

Chiến tranh làm cho tâm hồn mình nó cằn cỗi đi, nó làm cho con người già trước tuổi. Và cái người học trò trường Thuận Hóa của những năm đầu thập niên 40 cũng không thoát nổi ảnh hưởng của chiến tranh, anh đã già đi nhiều khi đã thấy cảnh giết chóc, khi đã bỏ phiếu bằng đôi chân, nói như Lê Nin, để giã từ vùng cộng sản mà qua miền quốc gia, khi ngồi ở Saigon mà nghĩ về cái *miên man* của *chuyện đời*.

Cái *miên man* đa dạng ấy của *chuyện đời* nó trải rộng ra từ *Mưa Đêm Cuối Năm, Giã Từ, Ảo Ảnh*... cho đến những sáng tác gần đây nhất của anh, *Chuyện Thật Ngắn, Thơ Thẩn*. Nhưng mà cũng chưa hết. Bởi vì con người ngày trước ngồi ở Saigon nhìn giọt cà phê rơi xuống cái kiếp người với mọi vui buồn sướng khổ của nó, con người ấy bây giờ, xa quê hương, nhìn hoàng hôn đang đổ dần xuống trên cuộc đời mình, lại lẩn thẩn nhớ đến một tiếng ăng ẳng của một con chó sủa ở nơi chôn nhau cắt rốn mà tự hỏi rằng *mai kia, khi mình đã đi xa, đêm đêm tiếng ủng ẳng của trần gian*

rồi có đuổi theo sang thế giới bên kia, như thể tiếng kêu tuyệt vọng của một nhân thế tuyệt vời? (***)

Dĩ nhiên, đó là một loại câu hỏi mà mỗi người có một câu trả lời riêng của mình. Nói cách khác, nó không có câu trả lời. Nó là cái *bạch vân thiên tái không du du* của Thôi Hạo mà anh Võ Phiến đã đặt vào câu cuối trong một bài lục bát của anh...*ngàn năm mây trắng lê thê*. Cái không hết của bài lục bát đó nó nằm ở nơi chỗ bài thơ không kết bằng câu tám.

Chính *tiếng kêu tuyệt vọng của một nhân thế tuyệt vời* mà anh bỏ vào một bài thơ viết theo lối văn xuôi, kiểu *petits poèmes en prose* của Baudelaire, nó tiêu biểu cho cái nhân bản trong toàn bộ tác phẩm của anh, hay ít ra trong những tác phẩm của anh mà tôi đã đọc. Cái nhân bản mà lại được viết ra với một trình độ nghệ thuật cao, thường là cái trường tồn trong văn chương. Trong thơ cũng như trong văn, anh Võ Phiến không hề la hét, bản thân anh không phải là một cái loa phóng thanh.

Tôi không muốn làm chuyện phê bình văn học (có muốn cũng không nổi!) vì không đủ uyên bác, không đủ kiên nhẫn, sắc sảo để thận trọng khi phân tích và thông minh khám phá khi tổng hợp, nhưng mà đến chín mươi phần trăm tác phẩm của anh mà tôi đã đọc - nhiều truyện đọc đi đọc lại nhiều lần như *Giã Từ, Ảo Ảnh, Về Một Xóm Quê* - tôi thấy cái nhân bản trong con người anh nó toát ra, nó tỏa ra mà trùm lấy, mà thấm vào chữ nghĩa của anh.

Chữ nghĩa của anh, nó bình thản trầm lặng như con người anh Võ Phiến mà tôi quen biết đã ngoài hai mươi năm nay, nó không "cả tiếng" nhưng mà nó "dài hơi". Hơi dài thì thường vẫn có âm vang.Tôi nghĩ rằng dư hưởng của toàn bộ tác phẩm của anh sẽ con dội mãi cho đến nhiều thế hệ sau.❐

(*) Thế Kỷ 21, số 78, tháng 10 năm 1995

(**) Cầm kỳ thi tửu
Nghề ăn chơi mỗi vẻ một hay, (Nguyễn Công Trứ)

(***) Thơ Thẩn, Võ Phiến

Ám ảnh thời gian trong thơ Võ Phiến

Minh Nguyệt

Tập *Thơ thẩn*, được nhà An Tiêm xuất bản vào năm ngoái, là tập thơ đầu tay và cũng là tập thơ duy nhất của nhà văn Võ Phiến cho đến nay. Tập thơ này đã cho chúng ta thấy một con người khác, con người - nhà thơ của một tác giả nổi tiếng là tài hoa bậc nhất của Việt Nam trong nhiều lãnh vực khác nhau như tiểu thuyết, truyện ngắn, tuỳ bút, phê bình, tạp luận v.v...

Tập thơ gồm tổng cộng 51 bài, được xếp theo thời gian sáng tác, từ năm 1943 đến năm 1995, tức là trong vòng hơn nửa thế kỷ. Bài thơ mở đầu là bài "Những đứa trẻ" có mấy đoạn như sau:

Tôi thương những đứa trẻ
Sống bên cạnh người già
Hiền như dòng năm tháng
Lặng như cánh đồng xa.

...Tôi thương những đứa trẻ
Sống bên cạnh người già
Âm thầm như chiếc bóng
Ngày mù và sông xa.

Bài thơ kể lại quãng đời thơ ấu của tác giả khi sống với ông bà nội ở miền quê Bình Định. Bằng những câu thơ đơn giản, Võ Phiến đã bộc lộ nỗi ám ảnh của ông về thời gian và về tuổi tác ngay từ lúc ông còn rất trẻ, chỉ mới bước vào lứa tuổi 17.

Bài "Thu ca" kế tiếp, được sáng tác một năm sau đó, chịu ảnh hưởng

thơ Trần Tử Ngang đời Đường và thơ Huy Cận thời tiền chiến, cũng chất chứa một nỗi niềm tương tự:

Ta về quạnh quẽ trước sau
Người đi đất hút thấy đâu bóng người
Trời cao xóm nhỏ
Vườn trống ngõ trơ
Mình ta với một mình thu
Thu nghiêng tai ngóng bước thu chìm chìm
Tay say vắng vẻ im lìm
Nghiêng tai nghe rớt tiếng chim lưng trời.

Hai bài thơ trên vô tình đã tạo ra một đặc điểm chung cho cả tập thơ của Võ Phiến. Từ đó về sau không lúc nào ông thoát ra được sự ám ảnh khủng khiếp này. Khi "Đọc thơ Đường", Võ Phiến cũng nhắc đến yếu tố thời gian: "Ôm từng giây phút tôi buồn rũ / Lặng lẽ Thời Gian chẳng gọi kêu". Đặc biệt, vào năm 1975, lúc cùng với nhiều người lên tàu bỏ nước ra đi, ông càng khắc khoải hơn trước thời gian:

Ra đi tuổi chẵn năm mươi
Năm mươi tuổi nữa nào nơi ta về
Ngàn năm mây trắng lê thê.
(Về)

Ngoài ra, Võ Phiến còn có bài thơ nhan đề là "Anh đến anh đi" nhại lại một bài thơ nổi tiếng của Trần Tế Xương. Nhưng, trong khi thơ của Tú Xương là thơ bông đùa thì bài thơ của Võ Phiến lại nặng tâm sự về sự ngắn ngủi của kiếp người:

Ngày nào "anh đến chơi đây
Giày dôn anh diện ô tây anh cầm"
Nay xuôi về cõi xa xăm
Tóc răng rơi rụng anh nằm chơ vơ
Hỏi mây mây biếc hững hờ
Hỏi trăng hỏi gió ậm ờ không thưa
Đến đi: rày nắng mai mưa.

Cũng tương tự như vậy, trong bài "Đáp bạn Chu Ly", Võ Phiến đã mô tả hình ảnh của chính bản thân mình:

Bạn rằng nhớ buổi tiễn đưa
Kinh Kha, bạn hỏi, bây giờ ra sao?
- Kinh Kha bước thấp bước cao
Kéo lê kiếm bạc đi vào Hư Vô.

Chúng ta thấy hình ảnh của một Kinh Kha hào hùng trong văn liệu Trung Hoa thường được giới văn nghệ sĩ Việt Nam nhắc nhở và sử dụng, khi đi vào thơ của Võ Phiến, lại trở thành hình ảnh thê lương của tuổi già bóng xế.

Trong những bài thơ được sáng tác những năm gần đây, ám ảnh về thời gian của Võ Phiến dần dần biến thành nỗi ám ảnh về hư vô và về cái chết. Bài "Kiếp người" của ông chỉ vỏn vẹn có 4 câu đã nói lên được cái vô nghĩa của đời sống cũng như cái kết cuộc bi đát nhưng tất yếu của kiếp người:

Hai triệu năm rồi đứng mỏi lưng
Nhìn quanh lạc lõng giữa mông lung
Nghĩa đời tám hướng tìm đâu thấy
Cuối mắt đen ngòm lỗ huyệt không.

Ám ảnh về thời gian và về hư vô của Võ Phiến càng về sau càng nặng đến nỗi khi nghe tiếng mưa rơi, ông cũng nghe ra một cái gì khác. Ngày trước, Huy Cận nghe "Đêm mưa làm nhớ không gian / Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la", còn bây giờ, Võ Phiến nghe:

Nỉ non mưa suốt đêm dài
Giọt trong ngõ hẹp giọt ngoài mông lung
Phút giây nài nỉ Vô Cùng
Mong manh nài nỉ Thuỷ Chung Muôn Đời
Ỉ ôi mưa khóc đêm dài
Đời ai mòn mỏi van nài Hư Vô.

(Mưa đêm)

Bài thơ trên cũng lại kết thúc bằng chữ *hư vô*. Võ Phiến nhìn thấy hư vô ngay cả trong những lúc đang vui:

Bạn hữu vui vầy gặp nhau lắm lúc
Quàng vai bá cổ đầu hót tùm lum

Bạn đâu ngờ giữa cao hứng bạn ôm
Nửa phần mộ trong vòng tay ấm áp.
(Vẫn còn)

Từ nỗi ám ảnh về thời gian và cái chết như vậy, Võ Phiến có một tứ thơ hay trong bài "Tạ từ thân xác". Đối với ông, mối quan hệ giữa linh hồn và thể xác giống như mối quan hệ giữa đôi tình nhân trong ca dao ngày xưa: "Mình với ta tuy hai mà một". Trong ý nghĩa này, linh hồn bày tỏ với thể xác:

Ta có Mình khi ta có đời
Có Mình, ta có luôn trời đất
Đã tuyệt vời chưa Thân Xác ơi
Một hớp trà thơm, dăm cánh bướm
Là ơn đôi mắt với vành môi.

Và mặc dù nhiều người hay trách móc thân xác, như Huy Cận từng so sánh thân xác với "một cái bình tội lỗi", Võ Phiến lại dành cho thân xác những lời đề cao rất nồng nhiệt:

Thân xác tha hồ bao nhiếc móc
Mỗi phân da thịt một linh hồn
Có ai ngửa cổ cười sung sướng
Cổ trắng ngần, ôi... muốn chết luôn
Có ai hất tóc qua vai ấy
Mà đây xao xuyến cả tâm hồn
Bâng quơ một nụ cười ai nở
Làm người ngồi đứng mãi bôn chôn
Ơi gót chân son từng bước đỏ
Ơi búp tay quỳnh ngón ngón thon
Nõn nà một khối: toà hoan lạc
Nuốt lấy nguồn vui, hôn lại hôn.

Tuy nhiên, đến một lúc nào đó linh hồn lại phải rời bỏ thân xác ra đi mang theo cả một niềm nhớ và nuối tiếc khôn nguôi:

Rồi đây cách biệt, muôn đời biệt
Bỏ tai bỏ mắt ta đi xa
Ta đi xa tít ngoài nhân thế

Ta gửi Mình nơi lòng đất già
Hình hài không có, đời không có
Ta có gì chăng để gọi ta?
Rồi ta sẽ nhớ về mây nước
Nhớ trời đầy bướm đất đầy hoa
Nhớ con suối lượn con chim hót
Nhớ giọt sương mai ánh nắng tà
- Lang thang đâu đó ngoài vô tận
Một mảnh linh hồn nhớ thịt da.

Có thể nói, khác với con-người-nhà-văn rất linh động, dí dỏm và tinh nghịch của Võ Phiến, con-người-nhà-thơ của ông lại là một con người lúc nào cũng trầm tư trước thời gian, hư vô và cái chết. Thơ của ông, với những nỗi thao thức sâu lắng như vậy, đúng như nhận định của nhà thơ Đỗ Quý Toàn trong bài "Thơ thẩn và thơ thơ " trên tạp chí *Thế Kỷ 21* số tháng 6/1997, đã "đi vào lòng người đọc nhanh, thẳng, sâu và bền hơn, để lại dư vị đượm đà như chung trà quí".❐

(Bài viết này được sửa lại từ một bài phát thanh trong chương trình Văn Học Nghệ Thuật của đài Radio Australia vào ngày 27.5.1997)

Nhân vật

Hoàng Nga

Trận lụt năm Thìn, một chín sáu tư, tôi còn nhỏ xíu. Nên trong trí tôi, từ lúc ấy cho đến bây giờ, chỉ lờ mờ sót lại hình ảnh của những trận mưa dầm ròng rã nhiều ngày. Mưa ướt ngập cái sân tráng xi măng trước cửa. Mưa tràn lan ở ngoài đường. Rồi nước lên, ít nhất là đến nửa ống quyển. Con nít, người lớn đi đâu ra khỏi nhà, cũng đều phải lội bì bõm như nhau. Dĩ nhiên con nít, thì được. Mà người lớn là bị. Bị đủ thứ. Quán tiệm, phố phường đóng cửa. Đường xá, cầu cống tắt lối, nghẹt ngòi. Công ăn việc làm đình trệ. Tiền bạc thất thu trăm bề. Người lớn rầu rĩ. Nhưng lũ con nít chúng tôi, ngoài những "tiết mục giải trí" dầm mưa lội nước, đua thả thuyền giấy trên dòng nước cuộn ngoài đường, v.v..., lại còn thêm một cái được nữa. Là được nghỉ học.

Năm đó gia đình tôi đang xây nhà. Nóc mới vừa dỡ ra phải vội vã lợp lại một cách rất ẩu tả khiến cả nhà phát sốt rét mỗi bận nghe cơn gió tạt mạnh, cơn mưa lớn ầm ì. Phía trong nhà gạch mới vừa bóc lên phải hấp tấp xếp xuống, chỗ cao chỗ thấp gập ghềnh. Tất cả mọi thứ, mọi nơi đều nham nhở, bẩn thỉu không tả được. Khi không, xém tí nữa cả nhà tôi đã phải chịu cảnh màn trời chiếu đất như người ta chạy nước lụt.

Gia đình cậu út tôi chạy nước lụt kèm thêm bầu đoàn thê tử của một ông cậu khác đã bỏ nhà vô bưng theo tiếng gọi tuyên truyền cứu quốc trước thời mồ ma Ngô tổng thống. Ông cậu út tôi, ốm yếu, gầy nhom, tưởng lo cho vợ con còn chưa xong, ai dè lại giải giá được cả bà chị dâu và lũ cháu thoát cảnh lụt lội một cách anh dũng, ngon lành. Hết đưa lên đồi cao, lại chuyển qua sườn núi, hết non lại đến ngàn. Cuối cùng về đến trại tiếp cư, chẳng một nhân mạng nào sơ sảy.

Như vậy đó, mà ông cậu lớn, vốn cao lớn vạm vỡ nhất trong mấy anh em của mẹ tôi, gia đình chỉ gồm một vợ hai con, loay hoay thế nào lại

không di tản được. Loay hoay thế nào mà người quen lại đưa tin tức đến cho gia đình tôi, là cả nhà cậu đã mất tích. Có người còn cả quyết chính mắt họ chứng kiến cảnh thương tâm, cậu mợ tôi cùng các con đã bị nước kéo trôi đi.

Cái thuở tôi bé tí teo, tình quyến thuộc không hiểu xuất phát từ nơi nào, đến từ đâu, *"where are you from?"*, mà lại chỗi lên một cách rất mãnh liệt trong huyết quản. Tôi nhớ cả lũ chúng tôi đã khóc nức nở với mẹ khi biết tin cậu thất lạc. Ngày nào cũng vậy, hễ ba tôi "lỡ" nghe được và "lỡ" loan báo ra một điều chẳng lành về chuyện bão lụt này, là y như rằng ngày đó cả nhà tôi xuống đường, đình công, không ai buồn rớ tới một hạt cơm.

Nước lụt. Rồi hết lụt, gia đình cậu út và gia đình bà mợ tôi định cư luôn tại Đà Nẵng. Cậu Hai tôi, ơn trời, không như tin đồn nhảm, vẫn bình an vô sự, có điều cậu nhất quyết bám chặt lấy ruộng vườn, không chịu tản cư. Mãi đến sau năm Mậu Thân, lúc chiến trận diễn ra rất ác liệt khắp nơi trên đất nước, cậu tôi mới dẫn thê nhi về thành. Thật ra, cậu tôi không tự ý ra đi mà như cậu nói, là gia đình cậu bị máy bay Mỹ "xúc". "Xúc", tôi nhớ tôi đã hỏi đi hỏi lại cậu nhiều lần về cái từ ngữ lạ hoắc lạ huơ này, bắt cậu diễn tả nhiều lần cái cảnh bị "xúc" ra làm sao, nhưng mãi cho đến bây giờ, tôi vẫn không thể nào hình dung, vẫn không hiểu một cách chính xác được.

Tôi hay tưởng tượng, không lẽ một chiếc máy bay bay rà rà gần sát đất, hả... bụng thật lớn, rồi "xúc" đám người ở dưới đất, y hệt như người ta vẫn xúc đất xúc cát bằng xe ủi của nha công chánh? Hay trực thăng, phi cơ thả càng thả gọng xuống như cua như tôm để xúc? Thường phim action của Mỹ có những pha giải cứu bằng máy bay, vẫn hay cho thả một sợi thang dây tòng teng để anh chàng hay cô nàng diễn viên gan dạ nhảy lên chụp được, rồi từ từ leo lên một cách hết sức hồi hộp.

Nhưng tính tới tính lui, cái hành động thứ nhất phải được gọi là "gắp", hành động thứ hai là "đu", hoặc hay hơn nữa là... gì gì đó, chứ nhất quyết chẳng thể nào là "xúc" được.

"Xúc", khổ thân tôi, mấy chục năm sau, đọc đủ loại tiểu thuyết, truyện ngắn truyện dài của các vị bên này giới tuyến, rồi đến các vị bên kia trời, chỉ thấy chém vè, ở cứ, đi khu v.v... Chưa thấy ai nói tới "xúc", mặc dầu có rất nhiều vị gốc Quảng Nam, hoặc cư ngụ tại Quảng Nam, nơi cậu tôi bị "xúc", đã lâu đời.

Mỗi bận có dịp đọc một bài viết nào đó dính dáng tới chiến tranh, hay nói đúng hơn là dính dáng tới những người dân thường sống giữa

những vùng giao tranh ác liệt, tôi vẫn hay chú ý đọc tới đọc lui nhiều lần, vẫn cố "mở mang trí tuệ", tìm cho ra cái chữ "xúc" oái oăm đó. Gần đây, bắt gặp một đoạn trong"Nhớ Làng" của Võ Phiến, "Đến đây, tôi chợt hiểu: có lần tôi đã được nghe nói đến một người chết vì 'mọt thụt'. Moọc chê tức súng cối. 'Cối vào' hay 'moọc thụt', cùng nghĩa như nhau. Còn 'câu ra' cũng nói về hoạt động của trọng pháo nữa.", trời ơi, tôi đã mừng rơn, mừng hết lớn. Mừng kiểu mừng "tha hương ngộ cố tri". Mừng gặp gỡ. Mừng trùng phùng. Mừng tao ngộ. Mừng "welcome" một cái kiểu nói mà tôi tin chắc chỉ có "người ngoài mình", người miền Trung mới xài!

Tôi đinh ninh thế nào ông Võ Phiến cũng có biết và cũng có viết về "xúc". Tôi hớn hở lùng sục trong số sách (rất ít so với những gì ông đã xuất bản) hiện có tại nhà tôi. Tôi đọc. *Tùy Bút I. Tùy bút II. Truyện ngắn I. Truyện ngắn II*... Đọc sang *Truyện thật ngắn*. Đọc *Quê*. Đọc *Đối thoại*. Hớn hở đọc. Có điều, hoàn toàn chẳng phải vì lòng yêu văn chương nghệ thuật, chẳng phải vì đang đứng trước một thái sơn, đang chiêm ngưỡng những công trình lớn của một nhà văn lão thành, mà chỉ vì náo nức... truy tìm một hy vọng! Hy vọng cái ấm ức lâu nay của mình thế nào cũng sẽ được giãi bày.

Tôi đọc hết một lượt, rồi đọc lại.

Cái hớn hở dần dần hạ xuống. Cái ngắc ngứ, cái trúc trắc dần dần tăng lên. Cuối cùng, tôi thôi không đọc nữa mà dừng lại. Ở ông Bốn Thôi, ông Thập Tam, ông Năm Hà. Quên lửng mất cái hy vọng mình đang truy tìm.

Sau năm Mậu Thân, cậu tôi bị máy bay Mỹ "xúc" về một trại tị nạn nhỏ, sau đó được đưa ra Đà Nẵng. Ba mẹ tôi đón gia đình cậu về ở bên cạnh nhà ông cậu út và gia đình bà mợ. Cậu tôi làm việc ở bến tàu. Ngày ngày đi làm mặc áo quần công nhân cảng, mang dép Bình trị Thiên, một loại dép làm bằng vỏ xe cao su, rất "thịnh hành"sau ngày ba mươi tháng Tư, nhưng vào thuở đó thì hoàn toàn chẳng bình thường chút nào. Ở Đà Nẵng, cái loại dép có quai hậu, hình thức giống hệt đôi sandal này, có lẽ ngoài cậu tôi ra, còn được nhiều người khác nữa chiếu cố mua về mang, nên vẫn thường thấy bày bán trên con đường Ông ích Khiêm, trên những sạp lộ thiên ở chợ Cồn. Lý ra với cái kiểu *"recycling"*, vật liệu chế tạo chỉ từ đồ dùng phế thải, trong một đất nước nghèo, chiến tranh liên miên như vậy, thì nó đã phải được triệt để hưởng ứng mới đúng. Nhưng đằng này có lẽ do... sinh bất phùng thời, đầu thai lầm thế kỷ, "lý lịch" của nó chẳng may không được "rõ ràng trong sạch" cho lắm, nên chẳng những đã không

được tán dương tí nào, mà e người mang nó trên chân, còn bị thiên hạ nghi ngờ nữa là khác! Mỗi bận năn nỉ cậu đổi kiểu dép, giày mà không được, ba tôi vẫn hay than thở với mẹ, "anh Hai 'tư tưởng' lắm đó nghe!".

Đôi dép, trước người ta gọi dép Bình Trị Thiên, sau gọi dép râu, không thấy các ông Bốn Thôi, ông Thập Tam, ông Năm Hà của nhà văn Võ Phiến mang, hay thích mang như cậu tôi. Cuộc đời của cậu, cũng không mấy giống so với cuộc đời của những nhân vật ấy. Nhưng tôi cứ ngắc ngứ mãi ở những tùy bút này. Ngắc ngứ mãi ở những nhân vật này. Cậu tôi lúc sinh tiền, tính tình cũng lành, cũng hay e thẹn như ông Bốn Thôi trong "Lại Thư Nhà", nhưng cậu không có cơ hội để cưới tới sáu bà vợ. (Mặc đầu coi bộ chỉ vì tình hình "trục trặc kỹ thuật", nên ông Bốn Thôi mới phải cưới đi cưới lại vợ, và ở với bà nào là bà ấy bỏ đi - trừ một người chết trước khi cái chân lý giang hồ lấy bốn phương làm bạn mây nước làm nhà thành hình trong trí). Ba tôi hay kể ông phải đi "tán" giùm bà mợ tôi, rồi cậy mai cậy mối cưới hỏi cho cậu.

Nói như kiểu các ông ngày nay, thì cậu tôi rõ ràng là một người nhát gái. Nhát kiểu đó, so lại với ông Thập Tam của Võ Phiến, theo lời nhà văn giải thích, "Thập" là một chức vị nhỏ trong hàng lính lệ phục vụ ở huyện đường, nhưng khi về làng thì thầy Thập cũng là một kẻ đáng kể; thì tội nghiệp cậu tôi, chẳng những đã không bằng về "địa vị xã hội", mà cái khoản vợ lớn vợ nhỏ, cậu càng chịu nhiều phần thua thiệt. Mẹ tôi lúc nhắc nhở về cậu, vẫn hay bảo từ khi ba tôi đi "tán" giùm và cưới hỏi vợ cho cậu, đến lúc cậu hóa ra người thiên cổ, nhất nhất bên cạnh cậu, chỉ là người ấy. Một và chỉ một mà thôi! Có thể nói là mợ tôi hên vì cậu tôi chung thủy. Hay cũng có thể nói là cậu tôi không xui xẻo. Không gặp những bà vợ như bà vợ thứ sáu của ông Bốn Thôi. Hay như ông Năm Hà, phải chứng kiến tận mắt cảnh liên hệ giữa bà Năm với cấp chỉ huy của mình.Chao ơi, đọc không cũng đủ thấy lạnh người. *("Anh Năm Hà thấy bàn chân một người đàn bà đang nằm, bàn chân của chị ấy. Trên mặt chiếu, bàn chân xuôi xuống, cố hết sức chúc mũi xuống, như kiễng chân nhón gót. Bốn ngón chân quắp xuống, còn ngón chân cái thì rướn cong lên. Nó rướn cong, Ôi chao, quá sức nó, làm nổi cao một sợi gân. Trời, ngón chân cái, nó rướn cong...".)*

Ông Năm Hà, thời kháng chiến là cán bộ, sang đến thời cộng hòa là ấp trưởng, cuộc đời đầy dẫy những ngổn ngang*"lý lịch của anh sao mà kỳ cục, đáng ngờ: lúc phục vụ bên này lúc lại hoạt động cho bên kia; thái độ hành tung mập mờ, khó hiểu, mâu thuẫn...".* Ông Năm Hà, ôi, cái ông Năm Hà lận đận lao đao, sống giữa hai lằn ranh, không biết nghiêng bên

nào, ngả bên nào. Ông Năm Hà tội nghiệp. Nhưng tính ra, coi bộ cái khoản này thì ông Năm Hà không... ngon lành như cậu tôi! Không... quang minh chính đại, không trắng đen rõ ràng, hắc bạch phân minh. Ông không giữ vững lập trường. Không kiên định đấu tranh. Không dám... thiên tả quá xá cỡ như ông cậu của tôi!

Hồi bảy ba, sau khi hiệp định Ba Lê ký xong, cậu tôi nằng nặc đòi về quê. Đi thăm cậu, thấy quần áo, đồ đạc cậu sắp xếp vào rương kỹ lưỡng, gọn gàng; cả nhà tôi ai cũng hết hồn. Con nít như tôi mà cũng biết rõ ràng như hai với hai là bốn, là dẫu đàng trong đàng ngoài hô hào đình chiến, ngưng bắn tùm lum, nhưng tin tức chiến sự mỗi ngày vẫn loan chỗ này ỳ xèo đạn bay, chỗ kia súng nổ, chỗ nọ vi phạm! Quê ngoại tôi, nơi cậu đòi về, vốn là vùng oanh kích tự do; khi các ông Kissinger, ông Xuân Thủy... ngưng bắn ở Paris, thì cái chốn chôn nhau cắt rốn của các cậu và mẹ tôi vẫn giữ nguyên si mức độ đánh đấm, mooc thụt, cối vào không thay đổi gì cả. Hiệp thương, hiệp ước, Genève, Paris, hoàn toàn chẳng có "tiếng nói", chẳng có ký lô gờ ram nào ở nơi này!

Ba tôi, sau khi năn nỉ cậu mãi không được, phải làm bộ dọa nếu cậu về, thì việc học hành của ông anh họ tôi, trưởng nam của cậu, chắc chắn sẽ dở dang. (!). Cậu tôi làm thinh. Sau đó, không biết có phải cậu sợ con không hơn cha nhà không có phúc hay chăng, mà cậu trở lại đi làm bình thường. Tuy nhiên, trông cậu có vẻ rất ư là khổ sở, đòi đoạn. Mỗi lần chúng tôi ra thăm cậu, nói chuyện vớ vẩn một hồi, thế nào cậu cũng chỉ cây ớt, cây ổi cậu trồng bên cạnh nhà, bảo ở quê cậu, trồng cây nào là ra cây nấy. Loại lá nào ra lá nấy. Xanh mướt. Nõn nà. Chứ không như cây ớt, cây ổi của cậu ở thành phố, trên vùng đất cát pha ven biển, trời ơi, tưới tắm muốn hụt hơi, mà ngoảnh tới ngoảnh lui, cứ thấy chẳng khác gì trẻ em còi ăn, ốm đói. Cậu than cây trồng ở thành phố giống hôn nhân miễn cưỡng. Cành hẹt như cành khô, lá hẹt như lá giả!

Cậu tôi, tới giai đoạn này, thì có lẽ mới "đụng" với ông Thập Tam của Võ Phiến! Cũng trong "Lại Thư Nhà", nhà văn cho biết ông Thập Tam bị "tụi nó" gửi giấy dọa giết vì trót làm phó thôn trưởng; chạy trốn vô tận Sài Gòn, nhưng "mới non mấy tháng chứ mấy. Vậy mà bây giờ chịu không nổi nữa, còn có mấy ngày là Tết mà cứ nhất định đòi về, không nói thế nào cầm lại được. Già rồi, tính khí nhiều lúc buồn cười. Khi cậu mới vô, nhà tôi đưa đi coi các nơi trong đô thành. Ban đầu cậu tôi vui vui, thích ý được năm hôm. Rồi cậu không muốn đi chơi nữa. Nhớ nhà, lúc đó là bắt đầu nhớ nhà". Ông Thập Tam mới ở thành đô được năm hôm thì đã nhớ nhà, đã khăn gói đùng đùng về quê, không còn ngán "đứa" nào kiếm mình để

mần thịt. Ông cậu tôi ở Đà Nẵng được mấy năm trời, thuộc nhiều con đường, nhiều phố xá, không cần phải có người dẫn mới biết chỗ đi chơi; đến lúc chỉ vừa nghe ngưng chiến, vừa nghe hứa hẹn sẽ có hòa bình lập lại, là đã vội vã chuẩn bị hành trang trở về.

Ông Thập Tam nhớ làng. Ông Thập Tam ngày hết Tết tới, "bồn chồn nóng nảy, không chịu được, bảo nhất định là phải về: ra sao thì ra". Trời ơi, cái làng của ông Thập Tam, cái quê của ông Bốn Thôi lúc bị thương, *"xe cứu thương tới chở đi, bác ta cứ xin ở lại... Người ta nhất định đem đi, và khi lên xe trông bác ta buồn hiu!"*, cái thôn, cái ấp của ông Năm Hà, và cái chòm xóm, cái nơi về của ông cậu tôi, nhiều lắm là có vài ba chục mái tranh, một mái đình, dăm chục bụi tre, một khúc sông hay một dãy núi; mà chắc chắn trong chiến tranh, có chỗ đã bị san bằng thành bình địa, có chỗ lở lói, hoang tàn, nhưng cái sức kêu gọi trở về, cái sức níu kéo của nó mới là ghê gớm. Viên phó xã Ngô Xuân H., tức Năm Hà, khi bị điều tra, bị bắt và sắp sửa ra tòa lãnh án, mà báo chí thời đó mô tả là hung thần vì đã xử tử nhiều dân làng, thì ở ngay tại quê hương ông, *"chung quanh anh, cộng sản đầy dẫy. Hành quân đến, chúng trốn chạy tan biến; hành quân xong chúng lại xuất hiện, khủng bố. Có lần chín giờ mai, ba tên kéo đến văn phòng xã quất một băng AK, ném hai trái lựu đạn. Lần khác nửa đêm, hai tên ập vào nhà, tóm được anh Năm, lôi đi; giữa đường anh thoát chạy, bị một phát đạn làm gãy mất cánh tay trái..."*. Ông Năm Hà điêu đứng với chính quyền cách mạng, khổ sở với chính phủ cộng hòa, vậy mà ông vẫn nhất định "bám trụ".

Chao ơi, ông Năm Hà! Ông Năm Hà đã nhất định *"không chịu bỏ làng, nên ra nông nỗi"!*

Giữa tháng Tư năm bảy lăm, lúc nhân dân ta sục sôi tiến về Sài Gòn, "hoàn thành công cuộc giải phóng đất nước", có nghĩa là ở ngay tại thành phố tôi, vẫn còn đang khét lẹt mùi súng đạn, dân chúng vẫn còn đang bàng hoàng vì sự đổi thay lịch sử, thì cậu tôi đã hăng hái treo bảng bán nhà để chuẩn bị dọn về quê.

Cậu tôi, gắn bó với xóm làng vườn tược là thế. Hăng hái với chính sách công nông là thế. Suốt đời trung thành với những gì đã được học từ hồi kháng chiến, qua một khóa chỉnh huấn vẫn nhất định không thay đổi lập trường. Về đến quê, hệt như cái số phận loại dép cao su cậu bền bỉ mang trong nhiều năm trời, thay vì được tuyên dương công trạng, khi không cậu thành ra một tay Việt gian. Thì ra, ở nhà quê, người ta "chính kiến" hơn thành thị. Người ta không chấp nhận được một kẻ đã đào tẩu khỏi xóm làng, "chạy theo Mỹ ngụy", làm... công nhân tay sai cho chế độ

cộng hòa. Cậu tôi đâm ra bơ vơ. Một năm sau ngày trở về, cậu tôi mất vì chai gan cổ trướng, một biến chứng từ bịnh sốt rét ngã nước, đúng vào lúc cả nước chỉ còn xử dụng một loại y dược thần diệu, mà các viện bào chế thuốc dân tộc cùng hội đồng y khoa đã thống nhất khẳng định có thể trị bá bịnh, từ đầu đầu đau cổ đến ung thư, hoại huyết: xuyên tâm liên -hay còn được gọi tên một cách hoa mỹ, "khoa học kỹ thuật" là... xuyentacyline!

Cuộc đời của cậu tôi, của ông Bốn Thôi, ông Thập Tam, ông Năm Hà..., kể ra cũng khá dài, cũng khá nhiêu khê phức tạp, vậy mà cứ như được gói gọn lại trong một câu viết ngắn, một câu than thở bùi ngùi, tuyệt vọng, mà nhà văn Võ Phiến đã viết trong "Lại Thư Nhà": *"Thôi, thế là cuối năm, một người nữa lại quay về, gắn liền vận mệnh mình với số phận làng mạc"*.

Khi đọc tùy bút của Võ Phiến, tôi nghĩ viết tùy bút cũng dễ; vẽ lại những nhân vật có đời sống dưới mức bình thường, không ai buồn biết đến trừ những người đã sống ở gần bên cạnh, kể ra cũng chẳng khó khăn gì. Thấy gì viết nấy. Nhớ gì ghi lại nấy. Không cần phải hô hào một tư tưởng, một triết lý bí hiểm nào cả.

Phục sinh vừa rồi, con gái tôi đi Anh về, tặng tôi cuốn sách *"best seller"* của một nhà văn nữ người Ấn Độ, Arundhati Roy, được giải Booker Prize 1997 *(The God of Small Things)*. Đọc qua loa vài chương đầu, tôi tự hỏi không hiểu sao người ta lại chọn cuốn này để trao giải. Đọc đến chương cuối, tôi nhủ thầm, hay là tôi sẽ không viết nữa.

Mới đây, đọc lại tùy bút của Võ Phiến, nghiền ngẫm lại một loạt nhân vật của Võ Phiến. Một lượt. Lượt nữa. Tôi xếp sách cất vào tủ. Rồi tôi tự nói với tôi. Hay là tôi sẽ thôi, không viết nữa vậy, ở bất cứ thể loại nào.❐

Võ Phiến những năm 60

Nguyễn Vy-Khanh

Về mỗi tác giả, người đọc và cả "nhà phê bình" vẫn thường có thái độ tổng quát hóa, như Nhất Linh là tác giả *Đoạn Tuyệt*, Nguyên Sa chỉ là nhà thơ tình yêu, Thanh Tâm Tuyền nhà thơ tự do, Nguyễn Mộng Giác tác giả *Mùa Biển Động*, Võ Phiến là nhà văn "chẻ sợi tóc làm tư" (và làm tám), v.v. Tuy nhiên, một sự nghiệp văn chương trong thực tế không thể chỉ là một hào quang cũng không thể đóng nhãn, đóng hộp. Văn chương và con người của một tác giả nếu sự nghiệp lâu dài về thời gian, đều có những thay đổi, những thăng trầm, biến động, nếu không như lửa với nước thì cũng như những tiếng sóng. Thanh Nam và Lê Tất Điều chẳng hạn sau khi ra khỏi nước đã có những tác phẩm khác nhiều so với những gì đã xuất bản trước 1975. Tìm cho ra cái động trong một sự nghiệp đòi hỏi nhiều công phu, tuy nhiên việc điều nghiên từng tác phẩm đặt trong khung cảnh thời gian, cũng có thể khiến ta hiểu biết hơn về tác giả đó. Trong bài này chúng tôi xin thu hẹp vào một giai đoạn viết của Võ Phiến, với những tác phẩm của ông xuất bản trong thập niên 1960.

Miền nam vĩ tuyến thứ 17 sau 1954 vốn quen với hai luồng văn học từ hai thủ đô văn nghệ, một mới, Sài Gòn và một cũ, Hà Nội, đã ngạc nhiên đón nhận một nhà văn từ miền Trung là miền đến lúc ấy vẫn nổi tiếng về thơ hơn là văn: nhà văn Võ Phiến gây chú ý ngay từ những tập truyện ngắn đầu tay xuất bản ở Qui Nhơn vào đầu nửa cuối thập niên 1950: *Chữ Tình* xuất bản năm 1956 và *Người Tù* một năm sau đó. Lúc đó ông cộng tác thường xuyên với tạp chí văn chương *Mùa Lúa Mới* ở Huế và gửi bài đăng trên *Bách Khoa* và *Sáng Tạo* ở Sài Gòn. Hai tập truyện ngắn *Chữ Tình* và *Người Tù* ra đời hợp không khí chính trị những năm đầu của nền đệ nhất cộng hòa, về văn chương không có mới lạ, có thể nói bình

thường, hơi quê, văn theo tiêu chuẩn chung, chưa đặc sắc. Không khí văn chương trong các "tác phẩm" xuất bản sau ngày chia đôi đất nước là của thời kháng chiến chống Pháp trước đó, không khí đấu tranh chính trị, tâm tình người dân yêu nước, cuộc sống khó khăn trong những vùng cộng sản. Võ Phiến từng sống và tham gia cuộc kháng chiến đó, ở liên khu V, nhưng ông cũng đã từng ly khai và bị tù tội vì bất đồng quan điểm chính trị. Một nền cộng hòa dân chủ mới được thiết lập ở miền nam. Trong bầu không khí chính trị mới , tự do và dân chủ đó, văn chương Võ Phiến, cũng như của Đỗ Tấn, Mai Thảo, Nguyễn Mạnh Côn, Doãn Quốc Sỹ,..., những con người từng theo kháng chiến, đã gặp cả ba yếu tố "thiên thời, địa lợi, nhân hòa"! Văn chương đó đã góp phần xây dựng chính trị miền đất mới trong giai đoạn đắp nền của thời đệ nhất cộng hòa. Tác phẩm của Võ Phiến đã đáp ứng những chờ đợi của con người thời đó. Những đấu tranh chính trị với cộng sản, những nhân vật như đồng chí Thọ, cán bộ Lung, Hạnh, Dung, v.v. Những chuyện xảy ra ở Bình Định và liên khu V, đã cũng như ở các liên khu kháng chiến khác. Đấu tranh con người và chính trị là một! Con người trong *Chữ Tình* và *Người Tù* là những con người bị thời cuộc lôi kéo và "con tạo" cán nát. Những con người sống trong tù hãm, tâm hồn muốn được bình thường đã phải bị động, xô đẩy theo phe, phải có thái độ.

Các truyện trong hai tập đầu Võ Phiến lấy đề tài và chất liệu trong những biến cố chính trị xã hội tác giả từng sống qua, chứng kiến, kể cả việc đấu tố, lao tù. Từng thủ thế, từng "biết" sống với một kẻ thù cực kỳ nguy hiểm, khi đặt bút viết, Võ Phiến đã cho thấy có một cái nhìn thông suốt, có "bùa chú" đàng hoàng. (Sau 1975, có cả một chiến dịch bôi xấu văn nghệ sĩ miền Nam cộng-hòa trong số có Võ Phiến. Người đọc sẽ "thích thú" lây với ông khi đọc những "tác phẩm" tố cáo những cái họ gọi là "thủ đoạn" chống Cộng bằng văn chương của ông). Những cảnh đời quá khứ gần, những nhân vật và tình tiết được đào sâu, tỉ mỉ và nhà văn thường lộ nụ cười hóm hỉnh, tỏ lộ một số dặc điểm của địa phương, rất địa phương, một địa phương "mới" cho văn học Việt Nam cho đến đó. Các tác phẩm sau này của Võ Phiến sẽ xác nhận thêm địa phương tính này của ông với đủ chi tiết và cách nhìn. Đặc điểm này ông liên tục bận tâm, qua mỗi lời nói, nhân vật và khung cảnh câu chuyện, và qua nhiều tác phẩm nếu không muốn nói là hầu hết.

Vì an sinh của miền Nam cộng hòa, nơi tập hợp mới của con người không cộng sản, văn chương chống cộng, tố cộng, đề cao tự do, cảnh tỉnh người dân về hiểm họa cộng sản là thiết yếu, là những viên gạch không

thể thiếu trong hoàn cảnh. Nhiều biến cố dồn dập đến từ miền Bắc như Cải cách ruộng đất, như vụ án Nhân văn giai phẩm (3-1956, nhưng 1-1960 mới xử) xuất từ chiến dịch Trăm hoa đua nở ở Trung quốc, và cả từ thế giới như biến cố tân bí thư đảng Liên xô Khruschev tố khổ Staline, rồi dân chúng Budapest (Hung Gia Lợi) theo làn gió "xét lại" nổi dậy tháng 10-1956 bị chiến xa Liên xô đè bẹp một tháng sau đó: bức màn sắt buông xuống một phần nhân loại. Quách Thoại giương cao ngọn cờ dân chủ :

"Đến lúc phải tỉnh thức
(...) Hỡi các lực lượng dân chủ
Chúng ta phải gây lại sức mạnh hùng cường
Vì độc tài thì vô lượng
Âm mưu, lý thuyết, tổ chức, thủ đoạn
Hành động thì dã man vô lường
Ôi chao! đau thương không thể tưởng
Hỡi các lực lượng dân chủ
Hãy thận trọng đoàn kết và dũng mãnh bước lên đường"
(Hỡi Các Lực Lượng Dân Chủ)

Doãn Quốc Sỹ dứt khoát vai trò của người trí thức, phải bỏ chủ nghĩa cộng sản, đề cao dân tộc tính và tình người khi còn có thể. Tháng 10-1956, tạp chí *Sáng Tạo* ra mắt. Trong bài "Sài Gòn, Thủ Đô Văn Hóa" mở đầu, Mai Thảo đã mạnh mẽ lên tiếng:

"Sài Gòn, thủ đô văn hóa Việt Nam. Không phải là một danh từ, một câu nói suông nhạt. (...) Sài Gòn đã đứng vào vị trí, đã nhận nhiệm vụ mình, sau khi Hà Nội đã từ bỏ nhiệm vụ của Hà Nội. Lửa văn hóa vượt tuyến đã sáng lên ở đây hôm nay. Sự tê liệt, sự hủy diệt, sự đổ ngã một nơi nào đẩy những sức sống trẻ mạnh về Sài Gòn, hợp làm một với những sức sống trẻ, mạnh sẵn có. Thành phố hòn ngọc của châu Á, tinh hoa của đất nước - đã chứa đựng cái sắc thái của một mảnh đất màu, trên đó đua nở những cỏ hoa tươi tốt của một mùa văn hóa, mà những thành tích, kết quả cụ thể đang được thu lượm dần dần, đang được sắp thành biểu đồ hệ thống" (Sáng Tạo số 1, 1-10-1956).

Khẳng định của Mai Thảo là một diễn dịch khác của một cơ cấu xã hội và chính trị bị-động, phải đối phó tức thời với kẻ thù cộng sản. Đảng Cần Lao được tổ chức như cơ cấu của kẻ thù, đòi hỏi hy sinh và một lòng, một mục đích. Với những phương tiện tương đương. *Sáng Tạo* không đi ra ngoài quỹ đạo đó! (Về lý thuyết và hoàn cảnh chính trị lúc bấy giờ, tổ chức đảng phái như đảng Cần Lao là đúng - tài liệu sau này của cộng sản

Việt Nam cũng đã xác nhận những lo sợ của họ đối với Cần Lao nhất là ở miền Trung; nhưng về sau, nhiều vị ở hàng lãnh đạo của chế độ đã đi quá đà, xa dân, và đối lập nội bộ cũng thiếu tổ chức dân chủ, khiến miền Nam rơi vào hỗn loạn để rồi thua cuộc chiến)

Đúng như Mai Thảo đã viết, *"những cỏ hoa tươi tốt của một mùa văn hóa (...) thành tích, kết quả đang được thu lượm dần dần, đang được sắp thành biểu đồ hệ thống"*, trong đó có Võ Phiến với *Chữ Tình, Người Tù* rồi *Mưa Đêm Cuối Năm*. Tập *Mưa Đêm Cuối Năm* do nhà Tự Do xuất bản ở Sài Gòn năm 1958, được giải thưởng Văn chương toàn quốc 1959-1960 đã xác định vị trí của ông đối với người đọc lúc bấy giờ.

Miền Nam đến cuối thập niên 50 đã có được những cơ cấu chính trị và xã hội nền tảng của một chế độ dân sự hiện đại. Nhưng từ năm 1960, đã bắt đầu có những tiếng nói khác nhịp với chính quyền. Nhóm Caravelle (4-1960), rồi đảo chính ngày 11-11-1960, rồi hai phi công thả bom dinh Độc lập 2-1962, những nỗ lực chính trị của một số người của chế độ muốn cứu nền đệ nhất cộng hòa không kết quả, bàn cờ domino khiến "đồng minh" Hoa Kỳ thiếu kiên nhẫn muốn đi nước cờ theo ý mình, bèn cấu kết đưa đến đảo chính 1-11-1963, rồi chỉnh lý, biểu dương chính trị, tôn giáo, v.v. Miền Nam bốc lửa, nếp thanh bình tương đối của thời ngưng chiến sau 1954 dần mất. Nhà văn cũng như bao người dân khác, bị thời cuộc xáo trộn, phải đối phó. Sinh hoạt văn hóa cũng bị biến cố thời thế ảnh hưởng, và ảnh hưởng nặng nề. Những *Sáng Tạo, Hiện Đại, Thế Kỷ Hai Mươi*, ... đề xướng văn nghệ "hôm nay" thì sau 1960, những tạp chí *Văn Học, Nghệ Thuật, Văn*, v.v. đã "hiện đại" mạnh mẽ hơn! Rồi sự góp mặt của một thế hệ nhà văn trẻ hơn như Lê Tất Điều (*Khởi Hành*, 1961), Nguyễn Đình Toàn (*Chị Em Hải*, 1961), Dương Nghiễm Mậu (*Cũng Đành, Gia Tài Người Mẹ*, xuất bản cùng năm 1963). Người hiểu biết sẽ thấy khi chế độ đệ nhất cộng hòa bị lật đổ, chống Cộng sẽ hết còn dễ dàng. Và một tuổi trẻ năng động trong hành trình trí thức và tâm cảm, nhiều khắc khoải, ưu tư, nhưng họ lại có thể không cùng kinh nghiệm kháng chiến hay chống Cộng.

Vẫn tiếp tục chống cộng sản độc tài, áp bức nhưng khởi từ cuộc sống mới của thập niên 60, Võ Phiến sẽ đi sâu vào những phân tích tâm lý và con người phổ quát qua con người của quê hương Bình Định của ông. Năm 1959, ông vào ở hẳn Sài Gòn, xuất bản *Đêm Xuân Trăng Sáng, Giã Từ, Thương Hoài Ngàn Năm, Thư Nhà, v.v.*

Đến ĐÊM XUÂN TRĂNG SÁNG, xuất bản năm 1961, tập truyện ngắn đồ sộ về số trang (370 trang, sau tách thành hai cuốn *Đêm Xuân Trăng Sáng* và *Về Một Xóm Quê* khi tái bản), Võ Phiến được người đọc nhìn như một tác giả điêu luyện, có tính chất "thời đại" với những phân tích tâm hồn và quan sát con người rất tinh tế. Nhân vật của ông thêm sức mạnh và "bản lĩnh".

Đêm Xuân Trăng Sáng gồm 8 truyện ngắn Lễ Sống, Tâm Hồn, Anh Em, Đêm Xuân Trăng Sáng, Thị Thành, Thác Đổ Sau Nhà, Về Một Xóm Quê, Tuổi Thơ Đã Mất đến với người đọc như một đảm bảo văn tài của tác giả Võ Phiến. Nhìn chung, qua các truyện ngắn này, Võ Phiến chứng tỏ tài quan sát và phân tích tâm lý con người, tận cùng sâu thẳm của con người, tài xây dựng nhân vật vừa điển hình vừa đặc thù. Các nhân vật sống động với bề mặt diện mạo cử chỉ và bề sâu tâm tình xúc tích. Họ là những người dân quê, là những ông phó lý, chủ tịch Liên Việt, những quân nhân hay ông tướng Hùng Sơn hoang đường. *Đêm Xuân Trăng Sáng* là một tập truyện ngắn đúng nghĩa, xúc tích về bề dày, về nghệ thuật viết của tác giả. Cái tinh tế từ ba tập truyện đã xuất bản nay thành cay chua tàn nhẫn hơn. Chủ nghĩa hoài nghi trở nên thường trực hơn qua các dòng chữ. Như S.A. Kierkegard từng sống với ám ảnh trọn đời theo đuổi, Võ Phiến không muốn tin để khỏi mất mát, cứ hoài nghi để tiến xa trí thức, nhất là chống những sự thật chủ quan đóng khuôn. Con người hiện hữu là cái cớ để tương phản, đau khổ và lo âu tự do hoành hành. Cứ bi quan thì sẽ khỏi bị cuộc đời chơi phỗng tay trên. Võ Phiến, con người từng nếm mùi tù cộng sản, từng nếm những tranh luận hơn thua liên hệ đến sự sống còn mà không là những tranh luận trí thức suông! Võ Phiến đã nhìn thấy rõ tâm hồn của con người, ít ra là qua những nhân vật quen thuộc của ông, ông đã thấy cả những bế tắc và phức tạp của cuộc đời. Nhân vật Thảo chẳng hạn ngoại tình thường trực dù luôn tự kết án là "Bậy! Bậy vô số!".

Tâm sự tha hương bắt đầu rõ nét. *"Tôi muốn kể chuyện dâu bể của xóm tôi. Nhưng quả rằng xóm quê tôi tầm thường chẳng phải là nơi linh địa. Cho đến những điền dâu bể cũng tầm thường nhạt nhẽo, chẳng thành chuyện ra hồn. Chỉ nghe một cái gì buồn rả rích từng giọt từng giọt của trận mưa dai dẳng kéo dài, kéo dài qua ... qua cái gì? Qua suốt mười mấy năm dài chưa dứt sao?* (VMXQ).

Một số truyện ngắn trong tập này như Anh Em, Tuổi Thơ Đã Mất đưa người đọc vào một thế giới hoang đường rùng rợn. Trong Tuổi Thơ Đã

Mất, nhân vật Bành mới bốn mươi hai tuổi đời đã khoác hình dong già nua mà lại đầy mặc cảm ám ảnh về sự héo hắt của mình. Con ma quấy rầy đeo đuổi có thể là chính ông ta, ma sẽ cho ông lại xúc giác và sống lại dĩ vãng với người yêu và tuổi thơ. Truyện Anh Em gây khiếp hãi về một thế giới hoang đường mơ hồ, qua một ngôi nhà ma và thời buổi chiến tranh, trong khung cảnh tình cảm anh em họ. Ma quỷ đến quấy nhiễu gia đình người chú đang gặp vận đen, khiến quên cả lo cho con cái. Con ma phải chăng vẫn tiếp tục khấy phá tâm sự nhân vật "tôi" như "một bàn tay thóc mách từ dĩ vãng đưa về", dai dẳng, qua cái cảm giác "rêm rêm" "như còn rung đến da thịt" và trong trí tưởng, "hình ảnh một cổ tay trắng tròn" của em Hạnh?

GIÃ TỪ (1962):

Truyện dài đầu tay của Võ Phiến. Nhân vật "tôi" muốn dứt khoát với quá khứ, đã chôn sâu quá khứ trong lòng đất quê hương, thị xã Qui-Nhơn, để bỏ đi đến một nơi thật xa làm lại cuộc đời. Một bữa tiệc chia tay, có nhiều người bạn và có ông Ba Thê Đồng Thời. Câu chuyện xoay quanh ông Ba Thê Đồng Thời, gia đình với vợ ông ta, hai thằng con tên Toàn và Phong và đứa con gái tên Loan. Ba Thê Đồng Thời choán hết chỗ. Ông này cũng như ông bác Đại Cuộc cùng giỏi nói dai nói nhiều, từng hoạt động cho phía bên kia. "Tôi" ẩn khuất nhưng đẩy đưa câu chuyện. Giã từ quê hương, "tôi" đi lính vì Loan, người yêu, đi làm cứu thương, ra chốn trận mạc, lại gặp Toàn con ông Ba Thê Đồng Thời về sau chết trận. Rồi các con ông Ba Thê Đồng Thời mỗi người một ngả, Loan bồng con theo chồng tập kết, vợ Toàn chắp nối với một hàng binh Lê-dương, Phong làm kẻ cướp giật. "Tôi" hóa ra trơ trọi, trở về sống với những người già cũ quen xưa: ông bác già và (lại) vợ chồng Ba Thê Đồng Thời, suốt ngày cứ rỉ rả chuyện quê nhà và cuộc đời. Ông bác Đại Cuộc về già hay lẫn, vui như trẻ nít, quên cả quá khứ. Chị Toàn biệt tăm bên Áo quê chồng - *"thêm một người nữa trong bọn dứt khoát giã từ quá khứ"*. *"Tôi nhìn từng vết thương trên cây cối, từng dấu tích tàn phá sửa đổi trong vườn cố đoán ra những hoạt động xảy ra trong những năm tôi vắng mặt, lòng bùi ngùi"*. "Tôi" chán họ, những kẻ cũ già hoặc "bỏ đi", muốn sống một giai đoạn mới, thoát khỏi "thời buổi bây giờ"! *"Quá khứ của chúng tôi gầy đi nhiều quá"* Thôi đành phải giã từ! *"Tôi tưởng như mình cũng đang cúi hôn trên cái dĩ vãng gồm toàn những chuyện đau lòng ngớ ngẩn. Vừa hôn vừa ngạc nhiên không hiểu tại sao mình làm như thế"*. Năm 1959, Võ Phiến cũng đã giã từ Qui Nhơn vào sống ở thủ đô.

THƯƠNG HOÀI NGÀN NĂM (1962) gồm 3 truyện ngắn với khung cảnh làng quê An Quí : Thương Hoài Ngàn Năm, Viết Thư Buổi Trưa, Đến Khi Ma Chết. Chuyện những con người bình thường, tầm thường là khác, nhưng họ sống những thảm kịch lớn và những đời sống nội tâm sôi nổi. Thương Hoài Ngàn Năm kể chuyện yêu đương không bình thường của Bạch, có lẽ vì nàng là đứa con thật của ông bà Nghĩa trong khi ba cô chị của nàng là con do lang chạ của bà mẹ với ông lý trưởng. Viết Thư Buổi Trưa là chuyện tình sôi nổi qua thư từ hơn là qua gặp gỡ. Đến Khi Ma Chết thì chính con ma chuông cũng muốn yên mà không được, sau khi đã quyết theo vợ chồng Hải Thọ lên chốn thị thành để quấy phá trả thù.

Ở những năm đầu thập niên 60 này, Võ Phiến đã thành công bắt người đọc theo ông vào những ngõ ngoắt của nội tâm con người, những chỗ u ẩn nhất. Bằng những chi tiết cuộc đời, những mảng tâm linh huyền hoặc. Bằng khả năng biểu tỏ những cảm thức của mình trước sự vật và biến cố. Bằng tính bi quan như cố hữu của mình. Bằng cách đả động đa phần đến những khía cạnh hoặc sự việc tiêu cực, tầm thường.

THƯ NHÀ (1963) gồm những chuyện mà *"hình ảnh những nhân vật rầu rĩ lố lăng, không hứa hẹn một vinh dự gì cho chỗ quê hương* (LTN), nhưng thêm một lần tác giả trãi bầy tình yêu quê hương làng An Quí của ông cũng như thị xã Qui Nhơn hình thù như "hình quả tim rất xinh" - nơi ông trải qua tuổi học sinh. Truyện thứ nhất, Ngày Xuân Êm Đềm, tả đời sống ở thị xã Qui nhơn, chuyện những người láng giềng thân thiết. Những tình cảm quê mùa nhưng tha thiết, hội nhập. Một cuộc sống địa phương, ngày nay khó tìm thấy. *"Nghe kỹ mà xem. Vui biết chừng nào, tiếng nước rụng từng giọt rả rích"*. Đến Thư Nhà là chuyện Qui Nhơn và Sài Gòn: dĩ vãng, cũ, xưa. Ở trong ni lạc lõng nhớ ngoài tê xa lắc, qua những lá thư trao đổi, lòng yêu quê hương làng mạc thắm thiết, đã đi mà không xa vì xa mà chưa chắc đã "lãm liệt"!

Lại Thư Nhà đặc sắc hơn cả, "mắm cua chua" được dùng làm đầu câu chuyện để tác giả viết về quê hương Bình Định, xoay quanh anh nông dân Bốn Thôi người xấu trai nhưng có đến sáu đời vợ trong đó bốn bà bỏ nhà trốn đi vì ông bất lực về sinh lý. Chị Lộc người vợ thứ hai có tài làm mắm cua chua, chị chịu đựng cảnh có chồng như không, nhưng chị chết sớm vì mụn nhọt độc trên mặt. Người vợ cuối thì chịu ở chung nhưng ngoại tình và có con với người khác. Tác giả tả chị Lộc *"Trên thân người nở nang ấy, mọi hình nét đều có vẻ rộng rãi, dịu dàng. Ngửng tầm mắt lên*

một thân người như thế người ta cảm thấy một cảm tưởng yên ổn trong tâm trí. Mặc dù khoảng ngực của chị có thể mở rộng và đầy, người nhìn thấy không hề bị khích động mà chỉ cảm thấy một thích thú thoải mái như là nghỉ ngơi. Trong âm thanh của tiếng nói, trong cái ngước mặt chậm chạp mà chắc chắn không ngập ngừng có một vẻ gì vừa hiền dịu vừa nhẫn nại, vừa vững chải vừa ổn định..."

Một người nữ dịu dàng hiền lành hiếm hoi, có thể đem lại hạnh phúc cho bất cứ người đàn ông nào, thương chồng dù bất lực, khiến anh Bốn Thôi "lần hồi tin cậy ở cuộc sống". Tình vợ chồng - dù sao đi nữa - càng rõ nét hơn khi chị Lộc chết , anh Bốn Thôi đã đêm hôm khuya khoắc vác cuốc đi thăm nước ngoài đồng, nhìn con đom đóm bay lập lòe rồi "gõ ngón tay vào cán cuốc kêu loong coong" mà hát ngêu ngao nho nhỏ một mình hiu quạnh - anh là người vẫn hay lẩn trốn cô đơn với thói vặt lông mũi như một cách "lặng lẽ tự xóa mình", cũng là lúc anh có thể mơ mộng triền miên.

Rồi chiến tranh, anh Bốn Thôi tầm thường trở thành biểu tượng. *"Trong đời anh đã trầy lên trật xuống, nhục nhã nhiều phen vì vợ con, rốt cuộc là để gầy ra cái tập thể nhỏ bé trong đó anh cảm thấy yên tâm không cần biết đến cuộc sống mênh mông. Thế rồi mãi anh ta vẫn không được yên. Ngót hai mươi năm trời rồi, gần như hồi nào anh cũng cầm vũ khí trong tay; anh né viên đạn của bên này, tránh viên đạn của bên kia, đỡ ngọn roi của bên nọ... và anh cũng lại đánh trả nữa. Và nét mặt anh thì lúc nào tuồng như cũng rầu rầu, nguội lạnh như một người ngoại cuộc..."* Trời, làm sao anh Bốn Thôi ở ngoài cuộc chiến được, một cuộc chiến tranh ác ôn, mà ác ôn nhất vẫn là ở chốn nhà quê! *"Vậy mà hoạt động của anh đã làm ra tình hình của xứ sở (...) Ở khắp các nơi trên thế giới, người ta theo dõi anh, bàn tán về anh..."*. Đáng chớ, vì Bốn Thôi chiến đấu và bị thương. Võ Phiến mỉa mai cay độc thời đại của ông, cuộc sống của ông: *"Mà như vậy mới phải chứ, việc anh làm là nằm trong khuôn khổ cuộc tranh chấp giữa những lý thuyết lớn lao và cao đẹp mà (...) Thời kỳ này quan trọng. Công việc của những người như Bốn Thôi có ảnh hưởng tới mai sau. Nói một cách văn hoa, anh ta đang làm lịch sử đấy chứ; lâu nay anh ta vẫn rầu rầu làm ra lịch sử với một vẻ hững hờ, nhẫn nại"*. Võ Phiến tiếc rẻ một người Nho học như ông tú Từ Lâm uống cà phê theo cách uống trà: *"Trong hai bên Đông Tây gặp nhau tình cờ ở nơi cái già nua lẩm cẩm, ở những ngày tàn rất tiêu điều của ông tú Từ Lâm, người ta nghĩ thà rằng nó đừng gặp gỡ nhau lại hơn"*. Một Khổng Ất Kỷ (Lỗ Tấn) Việt Nam tàn lụi với thời thế, ở đường cùng, hành cử tồi tệ đến đáng thương hại! Võ Phiến còn đi xa hơn nữa, nghi ngờ cả cuộc đời, đạo lý, thấy Bốn Thôi

phải nuôi lũ con ngoại tình của bà vợ thứ sáu, ông phán *"Không hẳn là vui vẻ sung sướng"*, và khi thấy vợ Bốn Thôi đi ăn hàng nhưng chối là đi xin nước bún về cho con: *"Kỳ thực ai cũng biết chị đã mất rất nhiều tiền lúc vào lò bún, mà không phải để uống nước cho khỏe. Bởi nước bún chẳng ai bán bao giờ"*.

Đấy là thế giới của "bà tôi", của kỷ niệm, của thế giới lờ mờ của dĩ vãng, của thế giới "mọi lần". Tập Thư Nhà chấm dứt trong bi quan, chăm chán, có cười thì cũng đắng cay: *"Chiều vẫn còn mưa nửa trời. Những con én chiều bay lẻ đã lặn mất vào bóng tối"*. Đêm, bóng tối, cũng như mưa, những cơn mưa dai ngắn, được Võ Phiến liên tục dùng đến khi viết cũng như những ám ảnh và tâm sự của kẻ tha hương bằng bạc trong nhiều tác phẩm của ông. Thôn làng An Quí và thị xã Quí nhơn, những nơi tác giả đã sống, trải dài trong nhiều tác phẩm của ông, truyện, tiểu thuyết cũng như tạp bút.

Cho đến khi Võ Phiến xuất bản *Thư Nhà*, miền Nam thanh bình, Võ Phiến bằng lòng với chế độ chính trị và xã hội, do đó ông hăng say về văn hóa, làm văn chương, đưa vào tác phẩm mình "một" sứ mạng văn chương nào đó; tuy ông không ồn ào như các nhà văn thuộc nhóm *Sáng Tạo* và *Quan Điểm*!

Từ đầu thập niên 60, Võ Phiến đã có những tác phẩm văn chương trưởng thành, tinh tế và điêu luyện. Và cũng từ thời gian này, ông nghiên cứu các trào lưu văn nghệ hiện đại mới ở các nước Âu Mỹ, cả Nga Sô; ông viết *Tiểu Thuyết Hiện Đại* (1963) và dịch nhiều tác phẩm hiện đại trong số có truyện của S. Zweig, ..với bút hiệu Trăng Thiên cũng như mở nhà xuất bản *Thời Mới*. Và người đọc chứng kiến một Võ Phiến mới, rõ nét hơn. Nếu tìm ảnh hưởng của việc nghiên cứu này vào nghệ thuật viết của ông thì chỉ thấy ông phân tích tâm lý kỹ hơn, quá kỹ là khác và bi quan đại đăng hơn. Có thể nói khó tìm thấy những tâm tình, cảnh vật và nhân vật hiện sinh trong tác phẩm của ông, khác với nhiều nhà văn đồng thời. Lối tả tỉ mỉ "lẩm cẩm" những vật tầm thường có thể hiểu như lối tả của Jean-Paul Sartre trong *Buồn Nôn*, thật ra gần với tâm tính con người Bình Định của ông hơn! Ông có bi quan, lạnh lùng nhưng thực chất tha thiết, có hậu, không như nhiều nhà văn theo khuynh hướng "tiểu thuyết mới" hay hiện sinh. Những năm cuối thập niên 60, Võ Phiến có hai ám ảnh: một văn chương và một thời đại. Về văn chương, ông ngưng viết truyện ngắn, xoay qua viết tùy bút hoặc nâng tùy bút như *Ảo Ảnh*, *Phù Thế*, *Thư Nhà*. Về thế sự, ông viết những nhận định về xã hội, văn hóa mà ông gọi là "tạp bút" (*Tạp Bút 1,2,3*).

MỘT MÌNH (1965) là tiểu thuyết được viết vào năm 1963 nhưng xuất bản 2 năm sau, được coi như đánh dấu quật văn nghiệp Võ Phiến. Khung cảnh địa lý Sài Gòn thay vì làng An Quí và thị xã Qui Nhơn quen thuộc, và không khí tiểu thuyết nặng nề khó thở như cuộc sống của Hữu, nhân vật chính. Con người trở thành đối tượng của ngòi bút Võ Phiến. Một con người cuộc đời tầm thường công chức nhưng sống xa lạ một phần như anh chàng Grégoire Samsa trong *Métamorphose* của F. Kafka, phần khác như anh chàng A. Roquentin trong *La Nausée* của Jean-Paul Sartre và Meursault trong *L'étranger* của Albert Camus. Những cử động tầm thường của mỗi ngày trong công sở, những đợt xếp mới xếp cũ. Mỗi cử chỉ, mỗi đồ vật được Hữu gán cho đủ mọi lý luận và quan sát, nhất là từ những người đàn bà của đời chàng như Yến, Thúy Mẫn, Cúc, những người yêu công khai và lén lút, như Quỳnh, người vợ, như Châu, "cô bé", con ông ký Ngà, người bạn già, mà chàng yêu, cứ tưởng hết yêu rồi có lúc thấy như hãy còn yêu, như Nga, gái đĩ. Con người cuối cùng ra là bất khả cảm thông, kẻ này là "địa ngục" cho kẻ kia. Với Nga, Hữu "loay hoay vô ích" tìm cách *"xông vào cuộc sống của kẻ khác. Dù nỗ lực thế nào chàng vẫn loanh quanh bên ngoài, trong sự lạnh nhạt. May lắm, là trong một thái độ lạnh nhạt ôn tồn, phải chăng, như của Nga đối với chàng (...) Nàng vẫn dễ dãi, buông thả, tử tế - mà dửng dưng, hờ hững, lãnh đạm, bất khả xâm phạm, bất khả kích động. Nàng vẫn cứ nguyên vẹn (...) nguyên vẹn mãi như nàng là khoảng không"*. Nhưng hình như trong trí tưởng, khi tâm hồn Hữu hạnh phúc, hân hoan thì chàng cũng đã cảm nghiệm rõ sự cảm thông *"giữa chàng và người và cảnh xung quanh có một cảm thông tin cậy, có một hòa đồng khẳng khít"*. *Những giây phút ấy không nhiều, nhất khi chàng đã ra đời và bắt đầu bệnh hoạn, yếu đuối. "... bây giờ thì chàng tha hồ quấy động... vẫn không có tiếng vang dội nào. Lạnh lùng, im ỉm. Giữa chàng và bên ngoài, và người chung quanh, chỉ còn có những liên hệ vụ lợi, thực tế, cần thiết"*. Nhiều đồ vật ngày nhỏ, hột mụn nặn được ở vành tai, vết thẹo nơi xương bả vai cô đĩ, v.v. với Hữu, đều là *"những kỷ niệm thân thiết lạ lùng"*! Chàng, một con người quen *"lặng lẽ chuẩn bị chu đáo"*, quen *"thiết tha đeo dính vào cuộc sống, không chịu lỏng tay buông rời"*! Một mình và cái tôi đáng sợ như câu nói của Jean Cau mà tác giả trích ở đầu tiểu thuyết: *"Je suis seul et j'ai peur de moi. De moi! De moi!"*.

Đến giai đoạn cuối của thập niên 60, thời của trực diện, có các tạp chí *Đất Nước* (11-1967), *Tin Văn* (6-1966), *Đối Diện* (7-1969), *Trình Bày, Vấn Đề, Tiếng Nói*, v.v. Nguy cơ đang đến với miền Nam khi chiến tranh

đang lún sâu vào bế tắc và thất bại với một đồng minh ngày càng lộ thâm ý dùng miền Nam như một con cờ trao bán. Võ Phiến chuyển sang viết nhiều tạp bút và tùy bút nghiêng hẳn về chính trị và cộng tác với đài Mẹ Việt Nam. Xã hội đang thay đổi nhiều, văn hóa đang mất giá trị, Võ Phiến phải lên tiếng. Nhà văn và giới trí thức hoang mang, bối rối trong một cuộc sống buồn vì chiến tranh triền miên không lối thoát, không khí buồn thảm của những cái chết, người dân ở thôn quê phải bỏ làng mạc chạy lên đô thị hoặc vào các trại tị nạn. Rồi đồng đô la của đồng minh tràn ngập xã hội miền Nam khiến đời sống và văn hóa phải đảo lộn, xáo trộn. Không lối thoát, mất tự tin. Thảm kịch của con người trí thức đứng trước con đường một chiều, không U-turn, cũng không thể chạy trốn thực tại, sai trái với "thiên chức" của mình.

ĐÀN ÔNG (1966): Thế giới đàn ông qua những người đàn bà Lê, Thục. Thường trực bị *"sự đè nặng của cá tính đàn ông lên cuộc đời mình"*, chị Lê bỏ Qui Nhơn theo chồng tên Khảo, vào sống ở Sài Gòn, rồi có thai với nhân tình, rồi cặp với nhân ngãi khác. Chị luôn bị đàn ông ám ảnh; những cử chỉ thân mật hay một chi tiết nhỏ nhặt trên thân thể một người đàn ông cũng làm cho chị lo trước một chân trời mới và định mệnh của mình. Biết phải mất cuộc sống tự chủ nhưng lại thích bị khuất phục, thu hút. Cuối cùng vì quá tin cậy và thụ động trước số mệnh, vả lại thường bị dĩ vãng ám ảnh, chị rơi vào tay "vụng về" của ông tú Từ Lâm người làng chị cũng tìm vào đô thành. Chị bị ông làm *"chuyện không đẹp, đáng giận"* như bao đàn ông khác cuối cùng đều đi đến đó, nhưng ông tú già và dở, *"không có gì cả, không có được chút gì... Sự cố gắng thất bại, cố gắng để tạo một mối liên quan gần gũi thực sự với kẻ khác"*. Thục, bạn giang hồ của chị Lê thì khác, vì đàn ông, Thục tự tử nhiều lần, tự tử như xúc máy vì sau mỗi lần, nàng như sống lại. *"Đàn ông có thất bại chăng chỉ là sự nghiệp đổ vỡ, danh dự lem luốc: bề ngoài cả. Còn họ (đàn bà), mỗi lần họ thất bại là mỗi lần con người họ bị tổn thương, tâm hồn họ ê chề đau đớn; thân xác họ bị xúc phạm tới chỗ kín đáo nhất, thâm thiết nhất, trọn vẹn hồn và xác họ bị mất mát"*. Thân phận đấy chăng?

ẢO ẢNH (1967) gồm 7 bản văn được tác giả gọi là "đoản văn". Xem Sách lướt qua cuộc đời của một thi sĩ già với những chi tiết tầm thường của cuộc đời như mất người yêu, bút chiến nhưng tác giả đã ngừng lại lâu ở nơi "an tâm" của nhà thơ bên tủ sách. Khắc khoải trong một không gian lạnh lẽo nhưng có những cái mờ nhạt nhất của sự sống, gây phấn khởi nơi con người . *"Giã từ cái dạ non của mẹ để ra ngoài đời, con người vẫn*

luôn luôn mơ hồ nhớ về cái quê hương nguyên thủy của mình, nơi mình đã trải qua một thời cô đơn trong ấp ủ ấm áp. Một nghệ sĩ già, thỉnh thoảng ngắm nghía mấy nhúm tóc bạc óng ánh như cước của mình, cần được ngắm nghía trong khung cảnh an toàn như thế chứ. Một nghệ sĩ già không vợ, không con, không còn cha mẹ, không còn liên hệ nào với làng quê của mình nữa. Một nghệ sĩ già sau ba mươi năm vất vả với những cảm nghĩ của chính mình, những đòi hỏi của kỹ thuật thể hiện, những khen chê của đời... Gian phòng, hãy tối lại một chút cho gần với cái ấm cúng trong lòng mẹ thủa nào...".

Người Chồng Bất Thường vì hình như thừa hưởng tính của tổ tiên hay ghen tương quá độ, ghen có thể vũ phu khiến gia đình tan vỡ. Thảm kịch qua người vợ, bỏ chồng xong lại thấy cuộc đời mình mất ổn định. *"Những cái tát ấy làm cho tôi thấy trên đời có một ý chí xác quyết không phân vân. Ngày nào còn sống bên chàng, bên cạnh sự hung tợn dữ dội lôi cuốn của chàng tôi có cảm tưởng thế giới quanh tôi có vẻ vững vàng ổn cố. Bao giờ chàng cũng đi quá mức một chút, thật đáng tiếc. Phải chi chàng đừng chém, đừng có ý định giết tôi, tôi sẽ vui lòng ở mãi với chàng"*. Vì *"sự đe dọa của một ý chí, không đáng lo hãi bằng sự đe dọa của trống rỗng, của cái khoảng không, không chiều hướng, trước mặt mình"*. Võ Phiến đã hiểu tâm lý những bà vợ bị chồng đánh nhưng vẫn vui sống bên cạnh!

Truyện Cái Còn Lại là một đào sâu quá khứ và vô thức, để tìm thấy và nhận chân những cái vụn vặt rườm rà tạo thành sự sống và nó thường nằm lẫn lộn đâu đó tưởng đã khuất trong khi có thể là ngọn đèn vàng cạch tầm thường, khuất lấp trong cái thường nhật vô danh như thế, vẫn sáng đâu đó nơi chàng suốt ba mươi năm". Nhưng tác giả đang triết lý "vụn" bỗng vội vàng nói đến những chuyện quan trọng của đời người : *"Bây giờ là ba mươi năm sau ... bây giờ mẹ chàng đã qua đời trên mười lăm năm, tóc trên đầu chàng, mười phần bạc đến bảy tám... sau khi chàng có người vợ thứ hai, người này gian díu với một thằng bạn khiến chàng nhúng tay vào một vụ sát nhân"*.

Năm Ba Lá Thư là những lá thư tình được hờ hững đọc lại, như cuộc đời buồn bã, không ý nghĩa. Truyện Ế ị đưa người đọc đến với thế giới âm thanh lạc lõng một buổi trưa trong xóm nơi đô thị vốn ồn ào. Đó là tiếng rao mơ hồ, *"giọng của một người xẩm, trong trẻo... Nó cất lên giữa khu phố như tiếng con chiền chiện ngoài đồng nọ. Cả hai đều làm cho trời thêm xanh, nắng thêm sáng, mây bạc phiêu phiêu thêm cao"*. Tiếng rao khiến anh công chức tên Đỗ cảm động và đồng thời nhớ đến sự thoải mái tươi mát của làng quê xưa, quá khứ đang *"tiếp tục sống trong lòng hiện*

tại". Nhưng theo tác giả, *"chờ đợi tiếng rao ngân nga nọ, như là đang vuốt ve một ảo tưởng thanh bình"*. Truyện Hội An khoác vẻ vừa nghiên cứu vừa triết lý, cũng là một khởi điểm để con người lắng nghe tiếng thở dài của thời gian và những xao xuyến của thời đại. Đoản văn cuối, Giọt Cà Phê, gây nơi người đọc nhiều cảm xúc tột cùng. Chỗ ngồi nhìn phin cà phê nhỏ giọt là "chỗ u cốc ẩn cư tư tưởng của người đô thị". Và những giọt cà phê "rụng chậm" như là cái cớ để "chàng" nhớ dĩ vãng và cả những điều "nhảm nhí". Marcel Proust "đi tìm lại thời gian đã mất" khởi từ mẩu bánh quả bàng (madeleine) thời tuổi nhỏ. "Chàng" ở đây, từ những giọt cà phê chảy chậm nhớ lại những kỷ niệm, cả cuộc đời và cậu Bảy nghệ sĩ hay "nói" Vân Tiên, khiến chàng dù không sợ chạm trán với cái chết đã đi đến kết luận không thể *"ghét bỏ cuộc đời này (...) Đó là chỗ nhược căn bản của con người (...) Mai sau khi chàng đã nằm kỹ dưới ba tất đất, áo quan lâu ngày - dù là thứ áo quan tốt của cửa tiệm danh tiếng bên kia lề đường - sẽ mục rã, chàng nằm yên tiếc rằng từ ngày chàng rời mặt đất sự chuyển biến trong thân thể chỉ xảy ra có một chiều, ngày mai mềm đến hai môi, ngày kia sập mất cái mũi... Cứ thế. Chán quá đi mất. Suốt mùa khô ráo thời gian dài bất tận, không có bình minh, hoàng hôn, không có đêm ngày, không có gì nhắc nhở đến cuộc sống trên kia. Thế nhưng khi mùa mưa đến thì khác. Nước mưa thấm vào đất, âm thầm len lỏi qua nhiều lớp đất, như qua một cái phin vĩ đại. Cuối cùng đến mặt áo quan, nó dừng một chút, lưỡng lự, ngập ngừng, thăm dò. Nhưng áo quan đã mục: nó được phép. Bèn có những giọt nhỏ xuống: một giọt bên phải, một giọt bên trái, một giọt... Thôi, đúng rồi! đúng vào cái nơi trước kia vốn là trái tim của chàng"*. Ý thức sáng suốt lẫn với hoang mang đau đớn của thân phận làm người. Như vậy ở cuối tập Ảo Ảnh, Võ Phiến tỏ lộ lòng tha thiết yêu thương con người, vì tình yêu đó mà ông đã không bỏ qua những chi tiết dù nhỏ nhặt của cuộc đời, những kỷ niệm dù kỳ quặc của kiếp người. Giọt cà phê mà lại soi sáng thấy rõ cái kiếp người!

PHÙ THẾ (1969): Với Phù Thế, Võ Phiến đi sâu chuyện thế sự và thể văn tùy bút mà xa lần thể truyện ngắn hay tiểu thuyết thông thường. Những đoản văn xen lẫn những suy tư miên man về những vấn đề hôm nay, về cuộc đời bị động, mơ tỉnh trộn lẫn với quá khứ và những hy vọng, chờ đợi cho ngày mai. Trong Một Ngày Để Tùy Nghi là suy nghĩ từ những tiếng động của chiến tranh và mưa rơi không dứt. Lúc Dừng Nghỉ khởi từ cuộc đời quay cuồng cũng phố xá ồ ào và chiến tranh, đưa tư duy đến những quan hệ với người khác, quan hệ như một ám ảnh thường trực. Một Chỗ Thật Tịch Mịch cần đến để lắng nghe cuộc đời đang tàn tạ, cái tàn tạ cũng

là để dĩ vãng vùng lên, để những khắc khoải của tâm hồn day dứt. Thao thức trong vắng vẻ, một trực diện với mình "không nồng nàn". Không tha nhân, mà vật thì vô tri, xa vời!

Nụ cười dí dỏm, lối nói duyên dáng và con mắt tinh tế chính trị của nhà văn Võ Phiến buổi đầu văn chương, đến đầu thập niên 60 đã biến thành cay chua một cách sáng suốt và hài hước hậu ý giáo dục như Socrate ngày xưa khi bị chế độ xử án đã dám "làm hỏng" thanh thiếu niên. Sáng suốt nhìn thẳng, nói thẳng, đối đầu với vấn đề trước mặt, đi tới cùng tinh túy của sự thật. Từ châm chọc, bông lơn đưa đến bi quan tột độ chuyện thế sự, nhưng mà một bi quan có văn hóa, thâm trầm, không lộ liễu. Năm 1968, sau vụ tấn công tết Mậu Thân, ông viết hai bài tạp bút gây chú ý : Bắt Trẻ Đồng Xanh cảnh cáo hiểm họa kẻ thù vì nhu cầu chiến tranh sẽ bắt cóc trẻ con trong Nam đưa ra Bắc huấn luyện rồi gửi trả về chiến trường miền Nam. Bài Tiếng Cú cảnh giác cách giải quyết chiến tranh của miền Nam sẽ đến từ áp lực và công luận mệt mỏi. Cộng sản với Võ Phiến là một ám ảnh đời, một kinh nghiệm sống chết của riêng ông và vì thế ông biết là thảm họa chung.

Võ Phiến muốn thuyết phục bằng lý luận và chi tiết của sự việc hơn là bằng tuyên truyền và khẩu hiệu của các chính trị gia. Thâm trầm, tinh tế nhưng bi quan và hoài nghi thường trực, đồng thời đôi khi cũng từ bi, khoan dung với kẻ thấp và khinh miệt, uy dũng, lãnh cảm với kẻ cao. Và đến một lúc nào đó không thể đồng lõa với chính quyền - ông là một công chức cao cấp, ông đã lên tiếng : ngày 5-3-1969, cùng một trăm văn nghệ sĩ khác, ông đã ký kiến nghị yêu cầu chính phủ bãi bỏ chế độ kiểm duyệt đối với ngành xuất bản. Hậu quả ông đã bị bãi chức chánh-sự-vụ ở bộ Thông Tin. Võ Phiến, một nhà văn không tai tiếng, cần mẫn với văn chương, một công chức gần trọn đời, một giám khảo các Giải thưởng Văn học Nghệ thuật toàn quốc và hội viên Hội đồng Văn hóa Giáo dục trước và sau đó. Lên tiếng vì Võ Phiến nghi ngờ cái tuyệt đối, tuyệt mỹ. Cái đẹp đối với ông là những cái bình thường. Võ Phiến tiêu biểu cho con người bất mãn, với những kẻ tàn độc trong kháng chiến, trong cuộc sống; tóm, ông bất mãn với thực tại. Anh Bốn Thôi tầm thường, xấu trai, bất lực sinh lý, chỉ mong có được một cuộc sống bình thường mà không được, anh không theo thời, cuối cùng anh vẫn bị lôi kéo, cho nhập cuộc, nhập phe! Thao thức, ước vọng, hay Võ Phiến góp tiếng nói trách nhiệm của mình! Trong một hoàn cảnh bi đát, đã trễ!

Đọc Võ Phiến không dễ, vì đọc ông không phải để cho qua thì giờ. Đọc xong thường người đọc bàng hoàng, nghi ngờ, có thể ý thức mệt mỏi, lo âu hơn, dằn vặt hơn: những cuộc đời quê mùa, những kẻ bình thường nhưng sao phải khốn cùng, khắc khoải? Nhân vật của Võ Phiến là những con người cục mịch, quê mùa, với những cái tên gợi hình như chị Bốn Chìa Vôi, anh Bốn Thôi, Ba Càng Cua, Ấm Sứt, Hai Mỏ Gảy, Tư Huệ Héo, gợi cảm như ông tú Từ Lâm, anh Nam Hà, Thập Tam... Họ, nhiều người nét mặt "rầu rầu, nguội lạnh như một người ngoại cuộc", một rầu rầu bình thản hoặc rầu rầu vì lạc loài, phải sống âm thầm nhưng tâm hồn thì sôi sục đầy khắc khoải, khát vọng thường cũng rất bình thường, có khi là một nỗi cô đơn hiu hắt, có khi là những mất quân bình đáng thương hại. Họ sống cho kỳ vọng của mẹ cha hoặc sống vì người khác. Võ Phiến không dựng những nhân vật lạc quan hoặc có cuộc sống hạnh phúc từ đầu đến cuối. Không chiến tranh thì cũng ai đó trong gia đình giòng họ xóm làng làm rối cuộc đời lặng lẽ. Mà cái lặng lẽ này cũng đầy nghi ngờ vì ngầm chứa những oán thù, nợ nần, truân chuyên... chỉ đợi lúc bùng vỡ. Làm người dân thường như những nông dân của Võ Phiến cũng không dễ, mà những nông dân cục mịch đó cũng ngày càng biến dạng trong văn chương Việt Nam, và ở ngoài đời, họ cũng đô thị hóa tại chỗ với TV, ca nhạc, vật dụng thường nhật và y phục. Nhưng tâm hồn họ ? Trong tình cảnh lưu vong của nhiều người Việt hiện nay, nhất là lưu vong dứt khoát không ơm ờ, đọc chuyện nông dân của Võ Phiến lại càng thấm thía hơn, một thâm thía trong bất lực, như một dĩ vãng đã quá tầm tay với!

Cái bi quan của Võ Phiến, cái không khí buồn tột cùng hay bất lực tột cùng trong tác phẩm ông, như đã lây đến thế hệ viết văn trẻ hơn ông như Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Mộng Giác (*Đường Một Chiều*), Hoàng Ngọc Tuấn, Trần Thị NgH., v.v. Ở hải ngoại sau 1975, Võ Phiến sẽ đẩy cái bi quan khi nhẹ khi mạnh thời trong nước thành một loại bi quan bi đát, ông cười cợt cả số mệnh, và hình như ông cũng ở trong các đối tượng cười cợt đó. Và ông bảo thủ như chưa từng! Ở đường cùng, tối tăm, bơ vơ, bức tường đã chắn, như thân phận thật sự "lưu dày" của người Việt tự do sau ngày 30-4-1975. Quá đau khổ chăng, tuyệt vọng chăng ?

Phải chi Võ Phiến tiếp tục dùng tài điêu luyện tâm linh và bén nhậy để viết về con người hôm nay ở những năm cuối một thế kỷ, khi mà âm khí nặng nề và tâm linh thể hiện dưới nhiều hình thức và ảnh hưởng nhiều đến người Việt nhất là ở hải ngoại! Những chị Lộc, chị Lê, Hữu, Khảo, anh Bốn Thôi, ông tú Từ Lâm, ... cũng nhiều mà những Trần Hùng, Trần

Kỳ Vỹ, Phùng Văn Nước, Hoàng Gia Lộc, bác Đại Cuộc, ... cũng không thiếu! Nhưng đa số nay mặc đồ lớn, thắt cà-vạt, lái xe hơi, mà nếu có lâm vào tình trạng như chị Lộc cũng đã có trả lời sẵn của ... xã hội ! Võ Phiến là một nhân chứng của thời ông và là một nhân chứng can đảm và bi quan. Hôm nay nhìn lại, ông đã không phải không có lý: 30 tháng 4, trại cải tạo, những con người mất nhân tính, tù đày vì lời nói, lương tâm, v.v.❐

Montréal, 9-9-1998

Từ Đoàn Thế Nhơn đến Võ Phiến

Tạ Chí Đại Trường

Tôi biết Đoàn Thế Nhơn trước khi biết Võ Phiến. Dùng chữ "biết" cho oai chứ một mặt, tôi là đàn em, mặt khác chỉ biết sơ sơ, cả Đoàn Thế Nhơn lẫn Võ Phiến.

Cứ tưởng tượng một thằng bé chín, mười tuổi ở trong một ngôi nhà từ đường rộng lớn với hai người đàn bà goá, bà nội và bà bác dâu, mẹ anh Tạ Chí Diệp / Nguyễn Phan Châu. Không một người đàn ông. Chỉ gần như thường xuyên có người tá điền già, "lão Rồng", mà cung cách ứng xử chịu "bóc lột" khiến tôi còn nhớ đến nay để đem vài dòng vào bài viết của mình. Nhà từ đường rộng lớn mênh mông dưới mắt tuổi nhỏ, với mươi cái khám thờ chạm trổ cầu kì, có cửa bàng khoa khép lại giấu kín mấy ông thần chủ hình như vẫn đủ sức nhìn qua khung gỗ hù dọa thằng bé bậm gan lên thắp nhang vào buổi chiều lúc trời chạng vạng. Ấy vậy mà một buổi tối hồi khởi đầu chiến tranh, khu nhà âm u đó bỗng ồn ào hẳn lên: Ông cháu đích tôn ăn từ đường hương hoả, "anh Năm" tôi đó, đã mang cả tiểu đội Tuyên truyền xung phong số 5 về nằm lăn ra đó. Thằng bé lên thắp nhang đỡ sợ hơn, nhưng bây giờ thì thay vào nỗi sợ người chết là sự e dè người sống. Người lớn nghe nói lên tận Tây Nguyên, oai thiệt! Chuyện chẳng phải nói lại ở đây làm gì, nếu trong đó không có anh Đoàn Thế Nhơn.

Chuyện người lớn, trẻ nhỏ biết gì mà xen vào! Vậy là chỉ biết tên mà không biết mặt. Nhưng tôi lại nhớ đến anh qua người bà con: anh Đoàn Thế Khuyến, nổi tiếng hơn - ít ra là đối với tôi. Ở cái xứ loạn lạc như xứ mình, "danh tiếng" phải được đánh đổi bằng cái chết, bằng tù ngục. Mà chẳng phải riêng đâu đâu, tính *cynic* của con người đòi hỏi ai đó muốn được nghe đến tên phải đánh đổi danh phận bằng đoạ đày, bằng thân xác. Mình tự do mà có người trong tù mới có đối tượng để bày tỏ lòng thương

cảm; mình còn sống mà có kẻ chết mới có người để mình nhắc nhở. Anh Đoàn Thế Khuyến bị Toà án quân sự Liên khu 5 kết án tử hình cùng với bốn người khác trong vụ Mặt trận Liên tôn chống Cộng ở Bình Định năm1950. (Những người bị tử hình khác là Nguyễn Hữu Lộc, Võ Minh Vinh, Đoàn Đức Thoan; Tạ Chương Phùng bị kết án tử hình vắng mặt).

Ông anh khôn lanh của tôi khởi đầu nghề chọc trời khuấy nước từ đó đã tiên đoán lời đức Trần Hưng Đạo nên dong buồm ra khơi từ trước để vài năm sau "quậy" thêm trên chính trường Miền Nam cho tới khi tàn mộng lãnh tụ dưới rạch Cát năm 1962. Còn anh Đoàn Thế Nhơn thì may mắn hơn người cháu, chỉ chui vào tù để lấy kinh nghiệm thêm, thành anh Võ Phiến. Có phải thế không? Đâu có phải chỉ người cộng sản mới được quyền huênh hoang về trường đại học chính trị đó?

Vậy là tôi chỉ biết Võ Phiến khi có người nhắc: "Đoàn Thế Nhơn đấy!" (Chữ "đấy" của dân Phù Mĩ,Bồng Sơn lạ thật, trong lúc chúng tôi chỉ ở xê về phía nam chút xíu lại dùng chữ "đó".) Và cũng chưa từng gặp anh Võ Phiến tuy có gặp chị, một lần. Và tất nhiên có đọc Võ Phiến. Không nhiều. Không phải vì chê. Cả đời tôi hầu như chỉ đọc tiểu thuyết kiếm hiệp, trinh thám, chỉ đi xem phim chưởng, cao bồi thôi. Vả lại từ khi có chút chữ nghĩa thì, xin lỗi quý vị, tôi chỉ coi thứ văn chương chính thống như là phương tiện, chỉ "đọc" nghĩa bên lề, moi móc ra ý nghĩa "ngoại sử" trên các trang giấy đó mà thôi. Cho đến khi gặp "Ba bà đi bán lợn sề..." trong Dinh Độc lập năm 1970 thì cũng chỉ nghe đến *Giải khăn sô cho Huế*", hay đại khái: "Bà là... con ông Đốc phủ sứ..", "Mấy mẹ Huế viết văn *dữ* lắm.." Ấy thế mà hình như vì cuộc đời lang bang tôi lại quen biết các ông bà đó nhiều hơn những người đồng đạo khác.

Nhưng hình như tôi có đọc anh Võ Phiến nhiều hơn. Chắc là vì nhiều lí do, nhưng lí do chính, vì bàiviết của anh đăng ở *Bách khoa*, tạp chí có mặt trong nhà tôi thường xuyên thời gian đầu, thời ông Huỳnh Văn Lang làm chủ nhiệm, có lẽ bởi ông anh "quậy" của tôi cũng thọc một tay ngứa ngáy vào đó. Còn phân tích những lí do khác thì lại là chuyện ngoại đạo văn chương.

Quần chúng văn học vốn không thuần nhất đã đành, mà với thời hỗn mang chính trị, tập đoàn người như ở Miền Nam sau 1954, thì hiện tượng chia xé không những chỉ nhiều hơn mà còn có tính cách thù nghịch nữa. Tập đoàn Bắc di cư mang vào Sài Gòn cả một dòng văn học mà ngày trước người ta chỉ biết nhờ ông bưu điện thôi. Tính cách Nam tiến đã trở thành truyền thống, cộng với nhu cầu chống Cộng cấp thời khiến tập đoàn đó thấy mình có thế giá, kiêu ngạo hẳn lên. Cho nên ông Trần Thanh Hiệp vào một lúc nổi hứng, quên mất tính chất luật sư của mình - nghĩa là phải

chiều thân chủ, ăn nói tinh tế, đã tuyên bố:"*Miền nam* (Nam Kì!) *không có văn học*. (chỉ có khi chúng tôi đem vào!)" Nhưng quần chúng chống Cộng không phải chỉ có người di cư. Và vì thế, *khởi đầu*, Võ Phiến có chân đứng, Võ Phiến có quần chúng - không phải quần chúng nói chung nhưng đã mở rộng được tính cách địa phương hơn. Không gì minh chứng điều này rõ hơn khi *nhìn về phía bên kia*, nơi người ta coi việc nhắc đến Võ Phiến như một *tabou*, uý kị, coi Võ Phiến như một tội đồ lỡ để sống. Không gì rõ hơn khi người ta đem đối chiếu một Lê Vĩnh Hoà-Đoàn Thế Hối *cách mạng* với một Võ Phiến-Đoàn Thế Nhơn *phản động*. Không gì rõ hơn khi một nhà văn tiếng tăm hàng đầu Miền Bắc lúc vào Nam tìm mua *Bách Khoa*, đọc Võ Phiến rồi than: "Sao một tên chống Cộng phản động mà lại viết hay thế này!" Ai đời, người ta đang xây dựng những con người trong sáng kiểu mẫu bằng một thứ văn chương nhuần nhuyễn có tính truyền thống của một đám văn nghệ sĩ đã bắt đầu thuần phục, thì lại đâm chen vào một ông Freud phân tích những ẩn ức của người cán bộ, thành phần ưu tú dắt dẫn đồng bào, dân tộc; chống Cộng tinh vi đến thế thì thôi! Nhưng như thế cũng rõ ràng là Võ Phiến viết văn không chỉ với mục đích chống Cộng.

Đứng về một phe phía, sống với vị trí một thời của mình, người viết nào cũng phải có. Điều đó không hại cho thân danh người viết, cho tác phẩm, chứng tỏ là *Darkness At Noon* của A. Koestler được sắp vào hàng hay nhất của thế kỉ XX, và để cho quần bình thì phải nhắc đến Cholokov với giải Nobel. Chống Cộng, thì dù Cộng thắng chửi bới om sòm, đến một lúc nào đó cũng phải thấy *kì quá*. Như trong tạp chí *Xưa và Nay* xuất bản trong nước mới đây có đăng hình những người cộng tác với *Bách khoa*, trongđó có mặt ông Võ Phiến chần vần! Khen một thành phần nào đó của "nguỵ" có thể vì nhu cầu chính trị như khi ông Nguyễn Văn Linh khen Tập san *Sử Địa* "có tinh thần dân tộc" mà lúc chúng tôi còn ở trong nước có "để-nhẹ" với người nói lại: "Nghe khen thì ai cũng khoái, nhưng không khoái từ những người vui thì khen, khen để nâng cao mình, phe mình, còn buồn thì không có thúng nào đựng cho hết những lời chửi rủa." Chưa khen được thì quên đi, *lờ đi*. Tạm quên đi vì đã đến lúc phải công nhận con người, tác giả, tác phẩm *có cái gì đó* không chỉ là phe phía. Không phải là chuyện để muôn đời con cháu mai sau. Không phải là chuyệnvượt thời gian không gian (lớn). Cái đó xin để dành cho các đại phê bình gia. Quen nghiên cứu dân tộc từ những chi tiết "lặt vặt", "tầm thường", tôi muốn nói chuyện địa phương nhỏ, dù người ta đã công nhậnVõ Phiến không phải chỉ là của Bình Định nữa.

Thật ra Bình Định cũng đã nổi tiếng với lịch sử trong ngoài vì có ông

Quang Trung Nguyễn Huệ. Còn phải kể đến Vijaya / Chà Bàn / Đồ Bàn của một vương quốc Chiêm Thành nữa chứ! Tôi không tin tính chất "địa linh nhân kiệt" theo nghĩa phong thuỷ, tôi không tin sự chuyển đổi dân chúng, dù là dân tộc, có thể xoá tan ưu thế của một vị trí quần tụ dân cư, tất nhiên với điều kiện tập đoàn người đến sau còn ở một trình độ tương đồng để thụ hưởng những ưu thế mà tập đoàn trước đã dành chọn lựa cho nơi này. Mexico City tuy đã trở thành một đại tập đoàn dân cư, nhưng là kinh đô cũ của đế quốc Aztec; Đinh, Lê rút về Hoa Lư nhưng Lí phải quay lại với Đại La của thời thuộc trị, vì "nơi của tụ hội bốn phương" này đã từng giành được vị trí lị-sở Giao Châu từ Luy Lâu vốn nằm xa sông lớn hơn, trên vùng Bắc Ninh. Vậy thì Vijaya trở thành phủ Tuy Viễn, cái tên mượn của Trung Hoa chỉ một vùng biên tái, trước khi chịu nhận chữ Bình Định mang tính cách thất bại, bị chiếm đóng, nơi đó đã có những tên mang thực trạng tốt đẹp ẩn dưới các từ hàm súc nỗi ước mong hoà bình (Quy Ninh), sung mãn, nơi của lòng nhân tụ hội về (Quy Nhơn).

Nhưng một địa phương nhỏ dù có ưu thế nào đó cũng không vượt qua được những ràng buộc hạn hẹp của chính bản thân. Dọc Miền Trung, trừ vùng Thanh Nghệ Tĩnh tuy là một thành phần riêng biệt nhưng đã gắn liền với vùng châu thổ sông Hồng từ rất lâu, còn lại là những mảnh đồng bằng vụn, trong giai đoạn tiền-Việt đã làm nên lịch sử của *những nước Chàm* chông chênh, ăn uống thì lấy từ lúa ruộng cũng tạm đủ, nhưng muốn hùng mạnh thì phải làm nghề cướp biển, ví dụ gần nhất là ông Chế Bồng Nga. Vì thế, ông Nguyễn Huệ đã thấy vác dao chém người thì mình có thừa tay chân, nhưng muốn trị nước thì phải "xin ít ông nghè" triều Lê, tuy ông chưa kịp thấy là mớ tay chân mới đó cũng không đủ sức cứu vãn triều đại của anh em nhà ông.

Người Pháp đem lại một mớ liên kết liền lạc mới, từ đó cũng nảy sinh sự phân tán mới. Nam Kì kết tập với người Pháp là một hiện tượng giằng co tinh thần: rất tiên phong, rất bảo thủ, rất phân tán cho nên đi trước mà về sau và tất nhiên cũng tạo được một bản chất riêng biệt. Tìm được bản chất ấy trong văn học, không nói kiểu xuê xoa, vuốt ve hay khinh bạc, không phải là chuyện ở đây. Trung Kì vẫn có ông Bảo Đại cầm đầu tế Giao, một lần, và được coi là vua thần linh cả nước Đại Nam, nhưng Trung Kì bảo hộ dưới quyền người Pháp trở thành gắn liền với Bắc Kì và do đó khuynh hướng văn học đã nghiêng về phía Bắc và dễ được chấp nhận. Quốc lộ 1, đường xe lửa *trans-indochinois* khi nối kết, đã mở rộng những vùng phát triển. Quy *Nhơn* quên tính chất tập họp đức hạnh được gán cho trước kia, nay là nơi *tập họp người*. Ít ra là trong vòng kiến thức mới, trước Thế chiến II, suốt cả chiều dài gần một nửa Trung Kì, Quy

Nhơn đã quy tụ người về học đến bậc Trung học Đệ nhất cấp (cấp II). Cậu bé tác giả *Điêu tàn* (Chế Lan Viên) chỉ mới có 16 tuổi khi in tác phẩm đầu tay. Sao không thể coi trong không khí kiến thức mới đó, những nhà thơ-mới xuất hiện là điều hiển nhiên để hai ông Hoài Thanh và Hoài Chân xếp chung vào một "trường phái": Nhóm Bình Định? Nhưng sự xếp nhóm như thế có một chút gì ngẫu nhiên, tuy thật tình có làm thoả mãn tự ái nhóm địa phương. Nó có phần nào "giả dạng" giống như ông Phan Ngọc Hoan lấy họ Chế để dễ bề khóc dân Chàm vậy. Nó có phần "sượng" tuy ông Xuân Diệu, nghe nói rời xa Bình Định mấy mươi năm mà vẫn còn nói giọng Gò Bồi nước mắm của mẹ ông. Hai người địa phương là ông Yến Lan, tập kết, hình như không chịu tiến bộ lắm, làm việc kiểu Sơn Nam: "Viết cho đủ 200 đồng/tháng rồi thì đi chơi chớ ngồi ở (trụ sở) đó mà làm gì!"; thêm một ông Quách Tấn rủi ro ở lại sau 75 bị tờ *Văn học Nghệ thuật* gọi là "tên thi sĩ phản bội" và sau 79 bị bao vây, bị chê "gốc Tàu" tuy rằng ông không biết ăn xì dầu, bánh bao và với cách tính giòng dõi như thế thì phải đuổi về Tàu luôn cả người ở Bộ Chính trị nữa. Tuy nhiên sự gọi tên nhóm như thế dù có khuyết điểm nào đi nữa cũng nêu được một điều quan trọng: Có một nhóm làm thơ gốc gác, sinh sống ở một địa phương xa lắc, không đợi mong ước lết đến một địa điểm gần trung ương, hay chịu cầu cạnh, nhóm đó đã trở thành *thi sĩ Việt Nam* bằng tài năng, bằng nghệ thuật sáng tạo của chính mình. Làm được điều đó không dễ. Vào thời kì "9 năm" ở đây có ông X cũng được gọi là thi sĩ vì có làm ca dao hò vè, đi tập kết, gần Bác đấy! Thế mà bây giờ đâu mất tiêu! Khác với "Đoàn Thế Nhơn Bình Định" và "Võ Phiến Việt Nam".

Hãy nghĩ đến nỗi khó khăn của Đoàn Thế Nhơn thành Võ Phiến khi so sánh với những nhà thơ đã nổi tiếng kia. Họ mang toàn thể hay một phần xác thân Bình Định nhưng ca ngợi con người với một tâm tình và trí tuệ Việt Nam. Còn Võ Phiến khởi đầu là Bình Định, nhưng xây dựng một nhân vật tiểu thuyết lấy mẫu hình ở địa phương, biến đổi theo tình hình đặc biệt cũng của địa phương, làm sao cho khỏi "quê", làm sao cho người nơi khác không những chấp nhận được mà còn hoan nghênh?

Thành phố mang dạng hình Tây phương nên có một chừng mực chung để một đề tài khai thác ở một thành phố này không bị lạc loài trước độc giả ở thành phố khác. Nông thôn ở hai đầu đất nước cũng vậy. Chính vì sự tương đồng rộng lớn mà anh Chí Phèo không chỉ dừng lại ở làng Vũ Đại để trở thành điển hình cho một tập tính nông thôn Miền Bắc trước Thế chiến II, rồi với chủ nghĩa xã hội maoít nâng cấp, lấn tràn vào thành phố, theo với chiếnthắng, xuôi Nam. Hồ Biểu Chánh dù là với cốt truyện mượn cũng vẽ được nông thôn Lục tỉnh, và được chấp nhận - bởi vì người

ta không thể tin rằng *Ngọn cỏ gió đùa* lại là chuyện "Tây". Trong lúc đó thì hình như đến thời Võ Phiến, không thấy có một truyện nào lấy bối cảnh nông thôn Nam Trung Kì, không phải chỉ nông thôn thời cũ mà còn là nông thôn thời tiếp cận cái mới kinh hoàng sơ khởi xuất hiện ở đây. *Nhân vật Bình Định của Võ Phiến không cầu cạnh để thành Việt Nam như mẫu hình cho đến nay, mà ép Việt Nam nhận Bình Định cho sắc thái Việt Nam dồi dào hơn.*

Thường trong một nước vẫn có những địa phương, những vùng được ưu đãi (ta không nói đến sự gian lận, soán đoạt.) Và người ta e dè, ít nói đến tính cách địa phương. Có nói đến thì cũng là gượng ép, từ quan điểm của mình, vùng đất đào tạo ra mình mà nhìn người khác, chỗ khác, giấu sự coi thường dưới những lời khen ngợi, xuê xoa. Người địa phương thì cố "cương" cái tôi của vùng đất mình lên đến mức lố bịch, nói trái ý thì "giận". Hiện tượng đó thấy rõ trong thời gian, đã thế chất chính trị chen vào làm phức tạp hơn. Hãy thử xét anh em Đoàn Thế Nhơn - Đoàn Thế Hối. Ở trường hợp tình cờ này thì chuyện đối kháng lại chạy ra đến bên ngoài biên giới. Võ Phiến di tản, may còn chút đất nương thân để hôm nay có số báo Văn Học kỉ niệm, nhưng trong nước thì biệt tăm, dù có được đăng hình, có chú thích trên báo trong nước như đã nói thì đám người mới lớn lên cũng ngơ ngác hỏi: "Võ Phiến là thằng cha nào vậy?"

Lê VĩnhHoà chết từ 1967 nhưng được *Tập san Nghiên cứu Việt học* của Đại học Paris 7, số 12, 1996-1997 giới thiệu, tuyển văn dịch y như với một tác giả lớn. Nhưng mà văn chương Lê Vĩnh Hoà thì...! Nghe như bài làm của một học sinh trung học. Đừng so sánh với người ngoài vùng mà bị mang tiếng là có thành kiến. Hãy so sánh với Hồ Biểu Chánh của hơn 30 năm trước khi văn Lê Vĩnh Hoà xuất hiện. Nên nhớ nước Việt thời hiện đạibiến đổi nhanh đến mức qua 5, 10 năm là lớp người chính trị, văn học, nghiên cứu trở thành lạc hậu ngay nếu không chịu thay đổi - hay không có cách thay đổi. Hãy xem Nguyễn Tường Tam với *Nho phong, Người quay tơ,* Nhất Linh thời Tự lực văn đoàn và Nhất Linh Nguyễn Tường Tam thời *Văn hoá Ngày nay* kết thúc bằng cái chết thân xác năm1961 sau cái chết chính trị năm 1946.

Sở dĩ Lê Vĩnh Hoà xuất hiện ở Pháp như thế là vì ở phe "chính nghĩa", phe thắng, và vì ở một tập san văn hoá của Kinh đô Ánh sáng nên không thể kể Tạ Thị Kiều bụng chửa 6, 7 tháng còn leo cây dừa canh chừng giặc,hay Út Tịch chưa mất cái lai quần... như đã được dạy trong nước, nên phải lôi ra một anh văn sĩ có giọng địa phương. Đâu phải chỉ trưng nhãn hiệu nước mắm Phan Thiết là bảo đảm không thúi nếu chủ pha bột ngọt, nếu lấy từ của đám di cư Quảngbình gần đó phơi nắng trong khạp, lu chứ

Võ Phiến
HUỆ THU

Võ Phiến làm thơ, thơ hóa thần,
Thần thơ bỗng hóa những bài thơ...
*Sợ đời bình phẩm nên Thơ Thẩn **
Thao thức canh tàn một giấc mơ !

Thơ Thẩn - *tên tập thơ của Võ Phiến do*
An Tiêm, Pháp, xuất bản 1997

Bài Họa
HÀ THƯỢNG NHÂN

Chuyện lòng dù viết bao nhiêu cuốn
Chưa đủ gom vào một ý thơ
Thơ ngắn. Tình dài, sông, biển cả
Bạc đầu càng hiểu nghĩa đơn sơ...

không phải ủ trong thùng lưu niên như bà Mộng Cầm? Còn nhớ một buổi trưa trên đồi cát phi trường Phan Thiết, giữa bụi mù bốc nắng, một anh bạn khúc khích đọc trong một *feuilleton* ở báo *Hoà Bình*: "Chàng vào sâu trong tôi..." Nghe thật là *người*, nhưng sao cách nói tiếng Việt lại có dáng hơn F. Sagan mà thua xa Jackie Collins? Trong lúc đó thì Lê Xuyên cứ cho mấy cô gái xà quần với *Chú Tư Cầu*, rề tới rề lui trong *Bụi trâm bầu*, thông minh, dí dỏm mà cũng đủ buồn thương, đâu có hổ thẹn với chất Nam Kì của mình? Mà còn nên hãnh diện là khác vì Võ Phiến cũng phải mang nợ nền văn học địa phương đó, như Nguyễn Hưng Quốc đã chỉ ra.

Từ Bình Định ra Hà Nội, vào Sài Gòn, qua Mĩ, anh Võ Phiến có thể an tâm được rồi.❐

Võ Phiến với chúng ta

Quỳnh Giao

Ngôi nhà chúng tôi ở, mặt sau trông ra một cảnh vườn um tùm. Nơi đó có nhiều chim chóc, sóc và một bầy quạ thật đông. Trời vừa chớm Thu, nghe tiếng quạ kêu nhà tôi nhắc đến Quách Tấn, bài *Ô Y Hạng* và một thế giới đã mất. Nhìn bầy quạ đen bay trong chiều vào những tàng cây ngả màu, tôi lại rờn rợn nhớ đến một phim kinh dị của Hitchcock. Truyện phim xảy ra tại California làm tôi nhớ về một vùng đất và những bằng hữu mình vừa xa. Tiếng quạ kêu, cánh chim chiều, địa danh Bình Định, những hồi tưởng miên man từ thơ cổ đến truyện tân... tất cả đều dẫn chúng tôi về Võ Phiến.

Chúng ta có tất cả ngần ấy cảm giác trong văn chương Võ Phiến.

Đang đọc lại Võ Phiến, và mỗi lần đọc lại là một lần khám phá bắt gặp, tôi dừng lại, đọc lại *Vũ Trung Tùy Bút* của Phạm Đình Hổ. Không so sánh về chiều dày mỏng của tác phẩm cũ, viết ra hơn 150 năm về trước, với những tùy bút đời nay của Võ Phiến, mà chỉ nghĩ về nội dung và qua nội dung hiểu được tâm tư tác giả, tôi trộm nghĩ rằng Võ Phiến lớn lao hơn nhiều. Vì vậy mà tôi thầm mong là 150 năm nữa, vẫn còn người Việt có thể được đọc Võ Phiến, như chúng ta đời nay còn ít nhiều được đọc Phạm Đình Hổ, để biết chúng ta qua cách viết, cách nói, cách ăn, cách sống, cách chửi và cả cách nhớ nhà nhớ quê ra sao... Nhất là để biết rằng trong thế kỷ này, Việt Nam đã có Võ Phiến trong văn học, cũng như đã có Phạm Duy trong âm nhạc vậy.

Từ Phạm Đình Hổ, với tác phẩm do chính ông đặt tên là tùy bút, tới thể tùy bút đời nay, mà Nguyễn Hiến Lê giải rất gọn là "tùy hứng mà phóng bút", tôi thấy thể tài không thay đổi. Có chăng là cái hứng và ngọn bút, mỗi thời mỗi khác, mỗi người mỗi khác. Cho nên tùy bút có lẽ là thể

loại ghi nhận được cả bức tranh xã hội dưới con mắt tác giả của mỗi thời, mà được ghi lại với chiều sâu về tâm tư và văn tài của mỗi người. Khác với thể "ký" để ghi lại từng điều mắt thấy tai nghe, tùy bút khởi đi từ cảm hứng, nên được đãi lọc qua tâm hồn tác giả. Tùy bút vì vậy không là phóng sự, mà còn phản ảnh tâm sự của người viết, được gợi hứng từ những điều mắt thấy tai nghe.

Nguyễn Tuân viết tùy bút như người thợ chạm. Người đọc nhìn ra công phu gọt đẽo nên có khi ít rung cảm với nghệ thuật, vì trong cách phóng bút vẫn có chiều đắn đo cân nhắc. Tùy bút Mai Thảo mới rõ cái khí văn của người phóng bút. Nhưng, trước sau vẫn là một sự độc thoại, của con người cô đơn. Đến Võ Phiến, rõ ràng là ông viết tùy bút giữa đám đông, với đám đông. Cầm tùy bút Võ Phiến và đọc lên cho tai nghe đi, mình thấy ngay một câu truyện kể. Những dấu chấm than, chấm hỏi, hai chấm, ngoặc đơn ngoặc kép xuất hiện đầy dẫy, và kéo người đọc vào chỗ phải trả lời, phải suy ngẫm, phải buông sách xuống mà cười khoan khoái, hoặc trầm ngâm bùi ngùi. Võ Phiến viết tùy bút như một người kể chuyện đặc sắc, và ông có tài ở chỗ làm người đọc đang bật cười về một nhận xét hóm hỉnh chợt lại muốn ứa nước mắt, nếu nghĩ xa hơn...

"Nếu nghĩ xa hơn" là một đòi hỏi nơi người đọc Võ Phiến, và điều đó làm tôi thầm lo rằng 150 năm nữa không biết còn ai đọc được Võ Phiến chăng.

Đọc Võ Phiến, người đời sau sẽ học hỏi được rất nhiều về xã hội Việt Nam, nhất là xã hội của miền Nam trong những năm chinh chiến từ 1954 đến 1975, và về tâm tư của người Việt Nam khi phải lưu vong nơi đất khách sau 1975. Nhưng, muốn tiếp nhận được tâm sự ấy, dường như người đọc phải có một trình độ hiểu biết tối thiểu nào đó. Trình độ này, tôi nghĩ rằng là trình độ bình thường của dân thành phố, ở trong Nam, trước năm 75. Thời đó, chúng ta đã tiếp nhận khá nhiều hiểu biết về văn hóa Pháp và Trung Hoa, ngoài văn hoá Việt của mình, nên người đọc không mấy xa lạ với tác giả Daudet hay nhân vật Jourdain của Molière, những bài viết của Phạm Quỳnh hay lời bình của Thánh Thán. Thời nay, tôi e là đã hiếm, thời sau lại còn hiếm hơn nữa. Cả phong thái tự do của miền Nam được mở ra tứ phương, để mình thong dong đọc Balzac, bàn về Camus, luận về Kim Dung, Thánh Thán. Nhờ đó, chúng ta mới có cái vốn tối thiểu hầu có thể góp truyện và hỉ hả cười với những nhận xét tinh tế của Võ Phiến. Giờ đây, những người trẻ hơn mà đọc Võ Phiến, có khi đã mất một phần thú vị mà những người trước đã có.

Nhưng, Võ Phiến nào chỉ loanh quanh trong thành phố và viết từ thành phố ra.

Ông đi nhiều, sống nhiều, ghi nhận rất nhiều và luôn luôn sắc bén trong cách nhìn, nên mới viết về đủ chuyện, đủ nơi, về những miền chúng ta chưa bao giờ đặt chân tới của chính quê hương đất nước. Về mắm và cá, về thuật nếm nước mắm hay pha trà Huế, về đồng bào miền Thượng và lục bát Chàm, về con én Phan Thiết, bánh tráng Bình Định. Thời đó chúng ta yêu quê hương đất nước hơn, một phần chính là nhờ Võ Phiến. Qua đây, đọc Võ Phiến lại càng nhớ nhà da diết. Ông không chỉ đem lại những điều xa lạ đến tới gần cái tầm cảm nhận của người đọc, ông còn phơi lên ý nghĩa kỳ thú trong những điều thường nhật xảy ra mà mình không để ý tới. Đọc Võ Phiến là được học hỏi một cách thú vị về chính mình và xã hội mình.

Đọc Võ Phiến, mình yêu quê hương Bình Định của ông hơn và giật mình khám phá ra nét trầm lặng kín đáo của người Bình Định, qua các cây bút Bình Định. Đọc Võ Phiến, mình mới để ý tới vùng đất Phú Yên và mỉm cười về hình ảnh trai Bình Định một cảnh hai quê, lặng lẽ đi về giữa hai tỉnh, trong cả trào lưu di dân của các tỉnh bạn. Đọc lại Chuyện cá trên núi ông viết vào năm 71, người đọc chẳng những ngạc nhiên về cái tựa mà còn khám phá nhiều điều kỳ thú về đồng bào miền núi. Thế rồi mình chợt lịm đi với đoạn kết. Ông chẳng viết về cá, về núi, về chiến tranh, mà về một ông cụ nhà trọ đã tám mươi tuổi, lẩm thẩm quanh quẩn trong đêm mất ngủ. Võ Phiến kết thúc lửng lơ như vậy về kiếp người, và để lại cho người đọc nỗi u buồn man mác...

Có lẽ, sự tinh tế của Võ Phiến còn giúp chúng ta hiểu rõ miền Nam của mình nhiều hơn sau năm 54. Ông nhận xét về nếp sống sinh động của người dân miền Nam qua cách ăn, nói, qua cử chỉ và cách viết. Cái vẻ hứng chí của người miền Nam trong sự mau mắn, Võ Phiến lột tả thật tài tình trong nhiều bài tùy bút.

Nhưng, ông không chỉ là người nhận xét, một chứng nhân, mà có thể còn là một tác nhân nữa. Sau đợt "Bắc hóa" của văn học miền Nam với sự gia nhập của các cây bút di cư từ miền Bắc vào, văn chương miền Nam đã chứng kiến sự xuất hiện của lối viết mới, viết như nói, với rất nhiều đối thoại sống động đặc thù của miền Nam. Võ Phiến đã nhận ra điều đó, và phát huy sự duyên dáng đó trong bút pháp của mình. Văn học miền Nam trở nên phong phú và đa dạng hơn, kể từ giữa thập niên 60, và tôi nghĩ

rằng Võ Phiến đã góp phần cho trào lưu đó. Trong tác phẩm của ông những nhân vật chân chất và thuần hậu đã gần gũi với chúng ta hơn cô Mùi hay anh Vọi trong văn chương của thế hệ trước. Tôi nghĩ đến ông Tam Khoang với nỗi đam mê về bọt trà, đến anh Bốn Thôi trong truyện viết về mắm cua chua, và đến bàn tay làm mắm của chị Lộc. Những hình tượng đó thật là khó quên.

Tôi vừa viết "trong truyện viết về mắm cua chua"?

Đấy là một bài tùy bút, dưới tựa đề *Lại thư nhà*, nhưng rõ là một truyện ngắn thật dài (hơn 60 trang) và thật tuyệt. Khởi hứng từ mắm cua chua, luận ra mắm cua khai, toàn bài bỗng miên man kể lại truyện thương tâm của con người trong cõi nhân gian bé tí và nghèo khổ của quê ông. Những truyện đó, ngày nay đã có thể khởi đầu bằng câu "mọi lần" của ông, hoặc nói như đời nay là "thời tiền chiến", "trước 75", "thời các cụ mình ngày xưa". Và không hiểu sao, tôi luôn thấy váng vất trong đầu nét nhạc Phạm Duy trong bài *Về Miền Trung* mỗi khi đọc lại những bài tùy bút như vậy của Võ Phiến.

Đọc Võ Phiến là nhớ nhà, và đọc Võ Phiến thời ly hương thì càng lại nhớ quay quắt.

Ông ra đi mà chẳng cầm theo nắm đất quê hương, chỉ ngơ ngẩn nhìn cái tâm hồn Việt Nam lẽo đẽo theo sau như bóng với hình. Và tùy hứng phóng bút trong đời di tản, ông tiếp tục đi theo - không, có lẽ đi trước - bước chân người Việt lang thang khắp chốn, trên vùng đất rất tự do, rất rộng rãi và xa lạ của xứ Hoa Kỳ. Võ Phiến tò mò tìm tên của từng loại hoa dại như dandelion (bồ công anh), daisy (cúc dại), lá maple (phong), lá elm (du) với kiến thức và tình cảm của người Việt xa xứ nhác thấy gì hơi giống với cảnh vậy cũ thì tìm cho bằng được... Kể cả hoa ổi tầu, còn gọi là "cứt lợn" cũng khiến ông sững sờ khi được thấy lại, ở ngoài quê hương nghìn trùng. Ông bỡ ngỡ thấy người ta phơi trần tấm nắng thì không sao, mà người mình trở thành thất lễ nếu rủi gặp khách khi còn mặc bộ đồ bà ba kín mít... Ông gọi Los Angeles là Eo Lẻ, nhất định phiên dịch thành chữ của mình. Ông nói giọng bình dân lờ ngờ về những khám phá của kẻ di dân, nhưng vẻ bình dân đó hàm chứa cả một trí óc sâu sắc và tâm hồn mẫn cảm.

Võ Phiến nói tiếng Mỹ bằng tai, chứ không bằng miệng... và viết ra như mình nói. Đi đâu ông cũng vẫn là một người Việt bình dị, một người khù khờ mà hóm hỉnh bước ra từ vùng đất mờ mờ của dĩ vãng, của anh

Bình Định, của ông Thập Tam... Ông mang theo cái lí lắc hết sức Việt Nam của mình, đôi lúc cực kỳ duyên dáng, thường thì buồn thấm thía. Ra tới ngoài này, ông không bị "Mỹ hoá" trong nhận thức hay cách viết, ông còn Việt hoá cách sống và cách nhận xét của chúng ta trong đời sống Mỹ.

Với sự hiểu biết thật uyên bác và thâm trầm về truyện cổ kim Đông Tây, khi ở quê nhà ông lại không đem truyện nước người - văn học hay triết lý mờ ảo của thế giới hay Trung Hoa xa xưa - để tô điểm truyện nước mình cho thành bác học và thời thượng. Ông soi vào những truyện nhỏ nhặt nhất của đất nước và con người mình để vẽ ra những hình ảnh đẹp, dù hơi buồn, về tâm hồn Việt Nam. Khi ra tới ngoài này, ông cũng lại không đem truyện quê nhà, truyện thời xưa để đối chọi với những vấp ngã hay ngậm ngùi của cuộc sống thời nay. Ông khởi đi từ những điều mắt thấy tai nghe ở ngay trước mắt và suy ngẫm mông lung về dĩ vãng, và cuối cùng, vẫn vẻ ra những hình ảnh thật đẹp, mà còn buồn hơn, về tâm hồn Việt Nam.

Một thế kỷ nữa, nếu có ai muốn tìm hiểu về tâm hồn đó, tác phẩm của Võ Phiến là một kho dữ liệu quý. Với từng chi tiết sắc sảo và nghệ thuật kể chuyện tài tình, ông làm ta cảm được nỗi ức chế và sức chịu đựng của người Việt. Dưới sự bần cùng nghèo khổ, trong tình yêu phẳng lặng như mặt biển dầu mà đầy sóng ngầm ở dưới, giữa chiến tranh như tai trời ách nước chẳng biết tránh vào đâu, và trong kiếp lưu vong mau mắn dung hợp với cuộc sống mới, chúng ta thấy sự cam nín đối chọi của người Việt. Tôi thầm mong là sau này người đọc sẽ không chỉ khám phá ra nỗi ẩn ức lầm lì của một sắc dân can trường, mà còn thấy yêu thương và kính phục họ hơn nữa.

Tôi tự nhiên có ý nghĩ so sánh Phạm Duy với Võ Phiến. Chắc bạn đọc ngạc nhiên khi thấy tôi đem hai ông bên nhạc bên văn ra so sánh. Có gì dính dáng!..

Có chứ, nhiều là đằng khác!.. Cả hai cùng thời và gần như cùng tuổi. Phạm Duy và Võ Phiến cùng tham gia kháng chiến ngay từ thuở thanh xuân, và đều thành công ở trong miền tự do. Phạm Duy viết cho quê hương những tác phẩm đi theo chiều dài và chiều rộng của đất nước, từ Bắc vào Trung và mở tới miền Nam rồi thế giới bên ngoài. Từ nàng ca kỹ cho tới bà mẹ quê. Từ đời sống dân quê đến đời sống thành thị. Từ trường ca, tâm ca đến đạo ca, từ tục ca đến thiền ca... Ra tới hải ngoại ông vẫn

loay hoay với bầy chim bỏ xứ rồi trở lại với áng văn chương mang nhiều Việt tính nhất là *Truyện Kiều*... Võ Phiến cũng thế, ông đi rất nhiều, nhận xét rất tinh và viết cho quê hương theo chiều sâu và chiều cao của tâm hồn người Việt. Từ thôn quê đến thành thị. Từ người công chức đến anh lính và những phụ nữ sôi nổi mà nhẫn nhục. Từ quê nhà ra đến xứ người, luôn luôn Võ Phiến thao thức cái thao thức của người Việt.

Tưởng như một cơn gió heo may, một sự thay đổi nhẹ nhàng của mùa màng cũng làm cho ông nhớ Việt Nam, nhớ đến bần thần quay quắt, khiến ta đọc ông mà lòng thấy rưng rưng và liên tưởng tới nhạc Phạm Duy... Tôi xin phép được gọi Phạm Duy và Võ Phiến là hai nghệ sĩ Việt Nam tiêu biểu nhất của hai thế giới nghệ thuật nhạc và văn. Tác phẩm của hai ông đại diện cho dân tộc Việt, đời sống Việt, tâm tình Việt trong hậu bán thế kỷ này.

Cả hai đã đeo lấy cái "căn cước Việt Nam" như một cái nghiệp, và cả hai đều bị một cái nghiệp còn nặng hơn nữa, đó là phải xa xứ. Với hai chân bám chặt lấy quê hương, Nguyễn Tuân hay Văn Cao có thể có những lúc thèm một chuyến viễn du và ngắm cảnh tuyết bay lá đổ trên vườn Luxembourg, hay đi vào một rừng phong hiu hắt khí thu già ở... Minnesota. Võ Phiến và Phạm Duy đã bao lần đứng dưới cảnh tuyết đổ lá vàng đó mà ứa lệ nhớ về đất nước. Sự cách trở, niềm đau và nỗi nhớ trong sự tài hoa của nghệ thuật khiến tác phẩm của hai ông trở thành những tiêu biểu đẹp nhất về đất Việt và người Việt. Tôi xin mượn lại câu nói của Georges Gauthier (một nhà biên khảo âm nhạc người Gia Nã Đại) khi ông ta viết về Phạm Duy, để nói về Võ Phiến:

Không thể tưởng tượng nổi một Việt Nam không có Võ Phiến, hay một Võ Phiến không có Việt Nam.

Việt Nam hiện không có cả Võ Phiến lẫn Phạm Duy. Cho nên, tôi e là thời nay qua tùy bút Phạm Đình Hổ mình còn lờ mờ biết được Thăng Long thời cổ sống và hát ra sao. Chớ hơn trăm năm nữa, người mình không biết Sàigòn năm xưa đã yêu và sống, viết và hát thế nào.

Quả thật như vậy.❐

Quỳnh Giao
Tháng 9, 1998

Đọc lại Võ Phiến

Ngụ Thuyết

Trước hết tôi xin xác định cái tựa đề nói trên. "Đọc lại" ở đây, tôi muốn nói đọc rải rác một vài truyện ngắn, một vài đoạn cần thiết để viết một vài cảm nghĩ thô thiển của mình về nhà văn lớn này. Là vì, quả thật tôi làm sao có thể tìm đủ thì giờ trong giai đoạn nàyđể đọc lại tất cả tác phẩm của Võ Phiến, một nhà văn có sức sáng tác hết sức phong phú. Ông viết đủ loại. Ngoài truyện dài, truyện ngắn, ông còn viết kịch thuở thiếu thời, và cũng là tác giả của những tác phẩm nghiên cứu, phê bình văn học, tạp bút, tạp luận, tiểu luận nổi tiếng. Gần đây ông lại vừa cho xuất bản một tập thơ. Muốn đọc lại "Võ Phiến Toàn Tập", chắc hẳn tôi phải để suốt một năm trời miệt mài. Trong một cuộc họp mặt mới đây, nhà văn Nguyễn Mộng Giác bảo tôi hãy viết một bài về Võ Phiến, hạn chót nộp bài là tuần tới. Vốn cả nể, tôi hứa liều. Lỡ hứa thì phải ráng làm, và sẽ làm trong cái hạn chế của mình.

Tôi không có tham vọng phê bình Võ Phiến; việc làm này đòi hỏi thời gian và khả năng chuyên môn. Tôi chỉ muốn, với tư cách một độc giả, thử bàn về "Vấn Đề Nhân Vật của Võ Phiến".

Nhớ lại văn học thời tiền chiến trong đó có Tự Lực Văn Đoàn, " nhân vật " bị coi nhẹ. Con người trong hầu hết tiểu thuyết thời ấy thiếu hẳn sức sống, sự linh động, và tính cách trung thực. Họ què quặt, giả tạo, gần như những hình nộm, sống vật vờ không ai biết, chết đi cũng chẳng ai hay, không để lại một dấu vết gì rõ nét. Chính Nhất Linh trong cuốn sách mỏng *Viết và Đọc Tiểu Thuyết* đã tự phê phán:

"... Riêng tôi, tôi thấy cả những vai chính lẫn vai phụ trong các truyện của tôi đều tả lờ mờ; Loan và Dũng trong *Đoạn Tuyệt, Đôi Bạn*, Nhung và Nghĩa trong *Lạnh Lùng*, Thu trong *Bướm Trắng* đều là những nhân vật tôi cho là " tạm được " không có gì đặc sắc. Trong tất cả những nhân vật các

truyện của tôi, nổi bật hẳn lên, chỉ có một nhân vật linh hoạt mà lại là một nhân vật phụ: ấy là cô Hà trong cuốn *Đôi Bạn* (do sự tình cờ mà có, chứ thực ra khi viết truyện *Đôi Bạn* tôi không hề nghĩ đến nhân vật đó). Gần mấy mươi năm sau khi tạo ra vai cô Hà, tôi mới nhận thấy là mình đã không chú ý đến cái đáng lẽ phải chú ý; giá tất cả những nhân vật phụ và chính của tôi đều linh hoạt như vai Hà... nhưng độ ấy tôi quá chú trọng đến những cái khác nên xao lãng việc sáng tạo ra những nhân vật " sống "... Ta không cần tìm đâu xa: hơn một trăm năm trước, cụ Nguyễn Du đã vạch cho ta thấy rõ rằng nhân vật trong tiểu thuyết cần phải sống ; cốt truyện chỉ là cái phụ. "

Lẽ dĩ nhiên trong truyện dài và kịch, nhân vật đóng vai quan trọng hàng đầu, nhưng truyện ngắn thường chỉ tập trung vào một khía cạnh nào đó của nhân tâm, hoặc nhằm để gây một xúc động, tạo nên một ấn tượng, khua lên một âm vang v.v... Thế nhưng trong các truyện của Võ Phiến, truyện dài, truyện vừa, lẫn truyện ngắn, nhân vật đều được mô tả vô cùng kỹ lưỡng, tinh vi, sâu sắc, nghĩa là rất " sống", từ hình dáng, cử chỉ, cung cách đến lời nói, nụ cười; từ cái vẻ bên ngoài hết sức linh động đến đời sống sâu kín thăm thẳm bên trong. Nhân vật của ông " sống " đến nỗi có khi người đọc quên cốt truyện mà chỉ nhớ đến những con người rất thực, rất đặc thù đồng thời mang tính cách rất điển hình. Những nhân vật như ông Ba-Thê-Đồng -Thời trong *Giã Từ*, ông Quận Toàn trong *Thác Đổ Sau Nhà*, hay cô Bạch trong *Thương Hoài Ngàn Năm* v.v... là những nét khắc họa rất sâu đậm không thể nào phai mờ trong lòng người đọc là tôi, là người đã đọc những tác phẩm đó cách đây gần 40 năm khi chúng mới ra đời. Ngay bây giờ đây khi đang viết những dòng này, nghĩ đến những nhân vật đó, tôi tưởng như đang trò chuyện với ông Ba Thê trong buổi giao thời nhiễu nhương đã biến thành ông Ba-Thê-Đồng-Thời trong hoàn cảnh nào, ông Quận Toàn " bọn thợ săn chúng tôi " vừa xỉa răng vừa lim dim mắt nhớ những " a-văng-tuya " ghê gớm, và cô Bạch, cô gái quê ít nói, xinh đẹp, ngực như thế đó, đùi như thế đó, nhưng rất cô đơn, lủi thủi trên con " đường tình". Các nhân vật rất sống đó đang nhìn tôi mỉm cười khuyến khích và sẵn sàng chia sẻ thêm một vài điều tôi có thể ngộ nhận về họ. Ngộ nhận ? Đúng vậy. Nếu vì thì giờ ít ỏi mà đọc vội, đọc nhanh, đọc lướt qua những tác phẩm giá trị, người đọc khó có thể bắt được cái "thần" của câu chuyện và do đó dễ đi đến chỗ hiểu sai ý của tác giả. Đặc biệt truyện của Võ Phiến đòi hỏi đọc kỹ, đọc đi đọc lại nhiều lần. Bởi lẽ ấy, tôi phải đành gác lại " Vấn Đề Nhân Vật " ngang đây, và lại thử tìm một lối đi nữa vào " lãnh thổ " của Võ Phiến, một lối đi nào khác dễ dàng hơn: Giở tập *Truyện Ngắn II* do nhà Văn Nghệ xuất bản tại Hoa Kỳ bạn tôi

vừa cho mượn, đọc một truyện nào có vẻ lạ lạ, thật ra có lạ hay không, hay là tôi đã đọc tất cả tất cả tác phẩm của Võ Phiến từ lâu rồi, và từ đấy tìm hiểu một phương diện khác nơi nhà văn lớn này. Tôi chọn truyện ngắn *Viết Thư Buổi Trưa*, một trong hai truyện ngắn ngắn nhất trong số 13 truyện của tuyển tập. Chọn xong tôi yên tâm, vì tôi biết rằng truyện nào của ông cũng hay, cũng đáng đọc, cũng để lại trong tôi những xúc động lâu dài.

Đây là một truyện ngắn không có cốt truyện kéo dài gần 18 trang sách. Chàng lần đầu tiên nhận được thư nàng, một bức thư thật ngắn ngủi chỉ gồm vài ba dòng và một câu tái bút. Rồi chàng viết thư trả lời, viết vào một buổi trưa sau khi ăn uống xong tại một quán bình dân quen thuộc. Thư của chàng càng ngắn hơn, viết xong loay hoay suy nghĩ mới nhận ra rằng bức thư không thể gởi đi được, là vì "...Đây là cái thư mình viết cho mình chứ không phải viết cho Trang... viết cho nhẹ nhàng cái xôn xao của mình... "Câu chuyện chỉ có thế. Cốt chuyện không quan trọng, tác giả chỉ muốn tả " cái sung sướng tràn ngập lòng chàng... với bức thư của Trang trong túi".

Chàng trong truyện sung sướng tràn ngập, tôi người đọc cũng sung sướng không kém. Tôi như một người tha hương lâu ngày nay tìm ra được quê nhà, thấy mình trẻ lại, yêu đời, thấy cuộc sống với những sinh hoạt quen thuộc hằng ngày tưởng như tầm thường, nhạt nhẽo, nhàm chán, nhưng thật ra vô cùng thân yêu, tha thiết:

"Chàng sẽ thủng thỉnh khoan thai đi về nhà trọ, sẽ thảnh thơi đón gió mát trên đường, phơi đầu dưới nắng, nhìn người qua kẻ lại; chàng sẽ gặp những chiếc xe hai con bò lịch kịch kéo đi, chậm rãi, chân chàng sẽ giẫm lên vũng đất ướt bên cạnh cái giếng công cộng ở ngã ba đường kia, chàng sẽ đi ngang qua trước gánh xi-rô nước đá của người chệt bày bán dưới bóng cây bút bút trước trụ sở hiến binh v.v... Chàng sẽ đi như mọi ngày, lẫn lộn trong mọi người, trong hoạt động của phố xá, như không có việc gì xảy ra – với bức thư Trang trong túi ! Và với bức thư của Trang trong túi, chàng sẽ trông thấy những hoạt động tầm thường của thành phố dưới một vẻ rạng rỡ khác thường."

Đó là những phác họa trong đầu của chàng về những gì sắp xảy ra khiến lòng chàng bồn chồn náo nức. Những kỷ niệm trong quá khứ của lần gặp gỡ đầu tiên cũng được chàng ôn lại với tất cả lòng trìu mến:

"Chàng quay nhìn ra ngoài trời. Đêm trăng thật đẹp. Mọi người đều thấy thoải mái như đang dong xe dạo chơi hóng mát chứ cuộc đi không có mục đích thực tế nào khác. Hai bên đường không có nhà cửa. Toàn là

đồng ruộng vừa gặt xong, trơ gốc rạ, trông rộng rãi, khoảng khoát. Mắt có thể trông tận xa cùng, chỗ ánh trăng lù mù như khói tỏa. Người đánh xe không giục con ngựa đã mỏi, để cho nó thủng thẳng gục đầu xuống chạy chậm chạp trên con đường tỏi tệ, đá trồi lởm chởm. Thỉnh thoảng chân ngựa vấp mạnh vào một viên đá, móng sắt quẹt vào đá tóe lửa. Con ngựa gục chồm tới, giật mạnh chiếc xe, rồi gượng lại bước đều đều... Chuyện gì vừa xảy ra ? Chàng chỉ nhớ lại những bóng cây dừa lù mù trong xóm xa, những ao rau muống cạn khô bên con đường mà ba người vừa đi qua, tiếng chó sủa ran lên, sủa chuyền từ đầu xóm đến cuối xóm ngay từ lúc ba người vừa bước chân xuống xe ngựa. Dưới ánh trăng, chàng không trông thấy rõ những con chó chạy ở phía nào trên đồng ruộng rộng, nhưng chàng nghe tiếng chân chúng chạm vào gốc rạ khô lẹt sẹt. Thỉnh thoảng từ trong sương trắng một con chó chạy xổ đến tận chân ba người rồi dừng lại nhìn theo... Chỉ có vậy thôi. Nhưng mà mãi về sau, cho đến bây giờ, mỗi lần đi về miền quê vào dịp đêm trăng trong mùa khô ráo, lúc bước chân chàng khua những gốc rạ lẹt sẹt, tai nghe tiếng chó sủa rộn trong xóm, tự nhiên lòng chàng cũng thức dậy những xôn xao vừa lo lắng vừa sung sướng. Trong lúc đi, tất cả năm giác quan chàng mở rộng đón chờ, như một tấm lưới mong manh mà giăng ra mênh mông, đến nỗi mỗi hơi gió nhỏ, mỗi tiếng khua đều làm cho nó rung rinh xao động. Tấm lưới cảm quan của chàng trong đêm đó bị xúc động và ghi giữ mãi mãi ấn tượng, đến nỗi về sau chàng vẫn còn lẫn lộn ánh sáng trăng, mùi đất khô, sương ướt, đồng ruộng trơ gốc rạ và tiếng chó sủa, lẫn lộn những thứ tiếng đó với hạnh phúc và hy vọng."

Võ Phiến cách đây gần 40 năm là như thế đó, một ngòi bút lão luyện, một tâm hồn hết sức nhạy cảm, một óc quan sát vô cùng tinh tế, một tấm lòng bao la tha thiết đối với cuộc sống, một nỗ lực không hề mệt mỏi trên con đường dò tìm những uẩn khúc trong lòng người. Thế Võ Phiến bây giờ ra sao ? Tuổi đã cao, sống cuộc đời tha hương lữ thứ, ông vẫn không ngừng sáng tác, biên khảo. Sự nghiệp văn chương của ông càng ngày càng đồ sộ về lượng cũng như phẩm. Ông như một cánh rừng, tôi chỉ mong nhảy xổ vào một ngọn cây ngắm nghía. Và tôi chọn cây gồi trong truyện *Khách Xá Qui Tâm* xuất bản cách đây mấy năm.

Cây gồi của Võ Phiến xui tôi nhớ đến cây sồi của Tolstoy trong *Chiến Tranh và Hòa Bình*. Đầu mùa xuân tiết trời còn buốt giá, cây sồi đứng vượt lên trên cao hơn tất cả rừng cây quanh vùng, to lớn, sần sùi, thân cây mang đầy vết sẹo cũ, cành lá trơ trụi, trông có vẻ cô đơn, lầm lì, giận dữ. Đó là con quái vật già nua gắt gỏng, muốn chối bỏ ánh sáng, mùa xuân, và bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng chế riễu đám rừng phong chúm chím cười

và những cây anh đào dại sắp đâm chồi đứng thấp lè tè bên dưới: "Mùa xuân, tình yêu, hạnh phúc ! Chưa thấy chán ngấy cái trò ngu xuẩn, vô nghĩa đó hay sao ? Vẫn muôn đời cái ảo tưởng đó ! ("Spring, and love, and happiness! " this oak seemed to say. " Are you not weary of the same stupid, meaningless tale ? Always the same delusion ! "). Nhưng rồi ngày tháng ấm dần, vạn vật kết nụ đơm hoa, chim họa mi cất tiếng hót lúc gần, lúc xa. Cây sồi già chợt nhận ra nguồn sống mới, và liền thay hình đổi dạng: Cành lá sồi trên cao mọc thành vòm, nụ non đầy nhựa trổ ra cùng khắp thân mình, ở cả những nơi trước kia là lớp vỏ dày trăm năm. Trước biến thái đó, nhân vật chính của Tolstoy, sau những giây phút bàng hoàng, lại nuôi niềm hy vọng. Anh lẩm bẩm:

" Không, đời mình không chấm dứt ở tuổi ba mươi mốt đâu."

Cây gồi của Võ Phiến khác hẳn. Trải qua bao nhiêu sóng gió, bão tố, hàng gồi vẫn giữ được bản sắc của mình, không quay quắt, không hoảng hốt, không tuyệt vọng, không hận thù. Hàng gồi luôn luôn mang vẻ an nhiên tự tại, trung hậu, sâu sắc, và đầy ân tình. Nhiều đoạn trong truyện *Khách Xá Qui Tâm*, một truyện vừa khoảng 60 trang, mô tả cây gồi một cách hết sức thú vị. Tôi chỉ trích dẫn dưới đây vài đoạn ngắn:

"Ra đi muôn dặm, sau mỗi ngày cặm cụi với công việc để nuôi thân, chiều chiều trên đường về vợ chồng ông Nguyễn không mong chờ được cả làng đón rước, không chờ gặp bà con xa gần con cháu đầy đàn kéo ra tíu tít, cố nhiên. Tuy vậy, dần dần cảnh chiều về cũng không đến nỗi quạnh hiu. Đám cây gồi thân thuộc vẫn bền lòng đón đợi ngay từ đầu xa lộ, chúng đứng giăng hàng luôn luôn đủ số, không một hôm nào không một cây nào thiếu mặt...

"Có những đêm bão lớn, trời đất náo động tơi bời, không biết gồi đã bị quấy phá phiền nhiễu đến chừng nào. Sáng dậy, ra đường, thấy hàng gồi vẫn nguyên vẹn. Tất cả hàng cây gầy ốm tong teo không thiếu một cây. Tất cả vẫn đứng thẳng, tỉnh bơ, như không có chuyện gì xảy ra. Suốt đêm, bị vầy vò qúa lắm, chúng chỉ bực mình giũ xuống mặt đường mấy tàu lá khô vậy thôi. Còn toàn thể hàng gồi cây nào cây ấy y nhiên tự tại, bình thản tâm hư, tàn lá trên chót đỉnh hoàn toàn không chút dấu vết xao động về trận bão vừa qua, vẫn tiếp tục câu chuyện nghìn đời muôn thuở với cụm mây trắng trên một nền trời mới trở lại tưng bừng. Ban ngày giữa nắng sáng chói chang trời xanh lồng lộng, cùng từng cơn gió, cùng với các đám mây trắng nhẹ phới, các tàn gồi chúng đàm đạo về những bí ẩn muôn đời; ban đêm cùng với từng ngôi sao trên trời sâu thăm thẳm tàn gồi gật gù mặc tưởng suốt năm canh, suốt đêm dài bất tận về lẽ huyền vi của vũ trụ.

" Gồi như thể là những đạo sĩ già. Gồi đẹp phải là gồi già, thật già. Phải là những bô lão gồi. Càng già càng đáng yêu càng đáng kính. "

Ngồi trên xe hơi, có ông Võ Phiến ngồi bên cạnh, đi trên những xa lộ dài, được nghe ông kể chuyện, còn gì vui sướng bằng. Cảnh vật liên tiếp thay đổi ở hai bên đường xuất hiện rồi lùi lại đằng sau xa, máy lạnh trong xe được vặn nhỏ lại một tí để bớt ồn, để tiếng nói của ông nghe được rõ hơn, tiếng nói còn mang nhiều âm sắc vùng Bình Định, thỉnh thoảng tiếng của bà ở ghế sau góp vào cho câu chuyện thêm đậm đà, cứ thế con đường dài biến thành ngắn, ngày vui qua mau. Ông không bao giờ muốn vẽ vời, màu mè; ông có lối nói chuyện đơn sơ, mộc mạc nhưng thật duyên dáng, sâu sắc; và từ những tiếng, những lời đầy chân tình đó, người nghe có khi còn nhận được cái hảo ý ngầm của ông muốn truyền cho đám hậu sinh những điều cần ghi nhớ thuộc thời đại đã qua: Phong tục, tập quán, món ăn, thức uống, nếp sống, tình tự, Hà Nội-Huế- Sài Gòn mới ngày nào... và đặc biệt là những sinh hoạt văn nghệ của những lớp người đi trước. Lẽ dĩ nhiên ông có đề cập đến ông, không phải " cái tôi đáng ghét " như người ta thường nói, mà là những lời tự chế riễu, tự thuật có khi hồn nhiên, có khi hóm hỉnh, có khi cảm khái bùi ngùi, nhưng luôn luôn nhũn nhặn, tinh tế. Tôi nghĩ đến những bài thơ tự trào của Nguyễn Khuyến, của Tú Mỡ.

Một lần ông tâm sự – tôi không nhớ trọn nguyên văn, tôi cố ghi lại cho trung thực:

" Anh biết không, sau trận mổ tim, tôi bắt đầu sợ, sợ chết. Đứng trên lầu bệnh viện nhìn xuống con đường dưới kia, thấy người qua lại, thấy xe chạy liên hồi, tôi khóc. Khóc thổn thức, nước mắt ràn rụa. Trái tim thổn thức như người ta vẫn nói. Trái tim tôi vừa bị mổ cơ bắp co thắt chưa đều đâm ra thổn thức làm nước mắt tuôn chảy không thể nào ngăn nổi... "

Tôi im lặng nghe, xúc động. Lúc đó tôi không biết nói năng ra sao, nhưng bây giờ tôi đã tìm thấy một câu trả lời:

Nhà văn Võ Phiến thời trẻ cũng như lúc tuổi đã cao, dù trải qua bao cơn lao đao thăng trầm, dù nhân vật của ông nhiều khi nhìn đời qua màn khói mù mù bàng bạc khắp nơi, qua làn nước mắt, bao giờ cũng trải rộng tấm lòng tha thiết yêu thương cuộc sống và ghi nhận lấy nó, một cuộc sống thiên hình vạn trạng gồm đủ người lẫn vật lẫn thiên nhiên cây cỏ. Người đọc ông sẽ không bao giờ quên được những cặp mắt nhìn làm cả hai người bối rối, những ngón tay trắng nõn lần dò bóc vỏ quít, nụ cười âm thầm bắt gặp trên cùng một chuyến xe, tiếng chuông leng keng của đứa bé bán kem xa dần, chiếc xe ngựa lọc cọc trên đường quê, tiếng chó sủa ran từ đầu xóm đến cuối xóm dưới ánh trăng trên cánh đồng trống, đàn sẻ kêu

lách chách rộn ràng ngoài sân một buổi sáng hoặc mổ lung tung vào mái chòi, rỉa một đôi hạt thóc khô còn dính trên đuôi rạ... và gần đây, nơi đất khách quê người, hàng gồi thân yêu không một cây nào thiếu mặt ngóng đợi ông về. Cuộc hôn phối giữa ông và đời sống còn bền chặt lắm, có nghĩa là tuổi thọ của ông còn dài. Và cũng như cây gồi bô lão, ông càng già càng đáng yêu càng đáng kính.❐

Võ Phiến: một đời để tùy nghi

Trần Long Hồ

Nếu cuộc đời có những sự tình cờ thú vị thì có lẽ tôi đã có được điều đó. Vào khoảng năm 1963, tôi còn nhớ rõ, tôi đã biết đến cái tên Võ Phiến. Dạo đó tôi là một cậu bé còn cắp sách đến trường. Tôi đã không biết Võ Phiến là một nhà văn thì tức nhiên, chuyện biết đến tên ông không phải vì ham mê văn chương, cũng chẳng phải vì đọc tác phẩm, rồi tò mò mà tìm hiểu tác giả.

Chuyện biết đến tên Võ Phiến chỉ là tình cờ. Tuy vậy, lý do đó đã là một nguyên nhân khiến cho tôi, sau này, cảm thấy gần gủi với ông. Giữa ông và tôi có một cách biệt quá lớn về tất cả mọi phương diện. Chỉ tuổi tác không thôi, ông đã cách tôi một thế hệ đời.

Tôi nhớ vào năm 1963, một người trong họ của tôi từ Vĩnh Long lên tá túc tại nhà ba má tôi, để đi học và tìm việc làm. Người này có liên hệ bà con cô cậu với tôi, vai em nhưng lớn tuổi hơn tôi. Chị mê thích văn chương từ nhỏ và có mộng trở thành một nhà văn. Người chị đó là Nguyễn Băng Lĩnh tức là nhà văn Nguyễn Thị Thụy Vũ sau này.

Thụy Vũ ở trong nhà ba má tôi, chị đi dạy Anh ngữ cho một số người muốn làm việc cho Mỹ. Còn lại tất cả thời giờ, chị cắm cúi viết. Tôi không biết chị viết thứ gì. Tôi chỉ biết chị viết thật mê say. Chị viết hết ban ngày rồi đến đêm. Thuở đó, vùng nhà tôi ở ngoại ô Gia Định, không có điện, Thụy Vũ chong đèn dầu leo lét để viết. Tuy rằng tôi không biết chị viết những gì, nhưng biết chắc, chị viết thật nhiều.

Được vài tháng, một người em trai của Thụy Vũ đến. Người này, có lẽ rất nhiều người đã biết, là Hồ Trường An. Tuy là em nhưng Hồ Trường An dấn thân vào văn giới trước. Anh là kẻ vạch đường, chỉ lối, rồi bày mưu tính kế cho người chị để làm sao thực hiện cho được mộng viết văn.

Lúc ấy, Thụy Vũ viết được chừng vài trăm trang giấy học trò. Đó là

những truyện ngắn đầu tay của chị. Tôi thấy Thụy Vũ và Hồ Trường An hay ngồi bàn chuyện có vẻ nghiêm trọng lắm. Hồ Trường An nhắc đến tên Võ Phiến, rồi Thụy Vũ lắc đầu không chịu. Hồ Trường An lại thuyết phục. Như thế, cái tên Võ Phiến được hai người nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Tôi chẳng biết người mang tên Võ Phiến là ai. Ông ta làm chức gì? Chắc rằng, ông có quyền hạn cao và thế lực lắm.

Thời gian qua, tôi vẫn nghe Thụy Vũ và Hồ Trường An bàn luận và cái tên Võ Phiến được nhắc đến, lúc này, lúc nọ. Mỗi khi nói đến tên Võ Phiến, hai người lộ vẻ nể trọng lắm. Tôi cũng cảm thấy nể nang lây. Nhưng chuyện đó chẳng tác động lâu vào tâm hồn một đứa trẻ, ở lứa tuổi còn thích đọc truyện tuổi hoa. Cho đến khi Thụy Vũ in xong và khoe quyển truyện ngắn đầu tay của chị. Đó là quyển "Mèo Đêm". Tôi mới biết ra, Võ Phiến là một nhà văn. Và câu chuyện nghiêm trọng kia, chẳng qua là sự môi giới của Hồ Trường An, để Thụy Vũ gặp Võ Phiến và nhờ ông viết lời bạt hay giới thiệu. Từ đó, tôi mon men tìm đọc Võ Phiến. Tôi nhờ Thụy Vũ và Hồ Trường An cho mượn vài quyển sách của Võ Phiến hay tạp chí có bài của ông. Tôi hăm hở sắp xếp thời giờ để đọc. Nhưng, cũng giống như trường hợp của Tô Thùy Yên bên thơ, tôi từ hớn hở, qua ngỡ ngàng, rồi gượng gạo, tôi không thể đọc được Võ Phiến. Tôi không đủ kiên nhẫn và không cảm thấy hay vì những chuyện như một anh chàng tham ăn cố tranh từng miếng trên bàn hay một tên con trai chỉ thấy cô gái rửa chân mà cảm thấy rụng rời. Tuy nhiên, tôi vẫn rán đọc Võ Phiến. Nhưng càng cố gắng, tôi càng chán nản thêm. Cuối cùng, tôi để sách Võ Phiến sang một bên và bắt đầu hoài nghi khả năng nhận xét của Thụy Vũ và Hồ Trường An. Thú thật, dạo đó tôi chỉ thích Mai Thảo và Nguyên Sa, vì hai ông đã giúp tôi dễ dàng thả hồn qua cửa sổ, bay lướt thướt trên cỏ nhung, và phiêu diêu trên bao tầng mây lãng đãng. Thế rồi... tôi quên mất Võ Phiến.

Qua một thời gian rất dài, phải vật lộn với chuyện học hành và chiến đấu với mưu sinh, tôi tự tách mình ra khỏi sinh hoạt văn học trong rất nhiều năm. Cho đến khi ra hải ngoại, tôi gặp lại Hồ Trường An và liên lạc thường xuyên với anh. Trong các lá thư của Hồ Trường An, thỉnh thoảng anh vẫn nhắc đến Võ Phiến. Mỗi lần nhắc Võ Phiến, Hồ Trường An vẫn giữ cung cách nể trọng và yêu mến nhà văn này. Tôi cảm thấy xao xuyến lẫn ngạc nhiên về chuyện đó. Phải có một lý do gì, rất lạ, mà đã qua bao nhiêu năm, Võ Phiến vẫn làm cho những người như Hồ Trường An nể phục.

Thế là, bao kỷ niệm cũ cùng với lòng yêu mến văn chương đã thúc giục tôi tìm lại Võ Phiến.

Qua mấy thập niên, lúc đó, đọc lại Võ Phiến, tôi cảm thấy khác hẳn. Lạ quá, tôi đọc và say mê những điều mà ngày xưa tôi không thích. Anh chàng tham ăn quả nhiên có sự tính toán và thủ pháp thật tài tình. Tên con trai có đủ lý do để rung động khi nhìn bàn chân một người con gái, đứng rửa bên sàn nước, chắc hẳn sự rung động đó phát sinh bởi tình yêu. Rồi tôi phải bật cười và thán phục khi đọc anh bồi bàn đã làm hai nhà văn lớn phải xốn xan và ray rức. Hai vị đã vận dụng bao nhiêu khả năng viết văn, suy nghĩ hết sức để diễn tả cho được chuyện một người muốn uống cà phê sữa và một người chỉ muốn uống sữa nhưng cho vào một ít cà phê. Hai vị đã cực nhọc diễn tả rất lâu về điều đó. Thế mà, anh bồi bàn chỉ hô lên "cà phê sữa và sữa cà phê" là giải quyết mọi chuyện dứt khoát và êm ru.

Còn nhiều chuyện nữa, tôi càng đọc càng mê, rồi truy lùng tất cả sách Võ Phiến để đọc.

Lúc đó, năm 1989, Hồ Trường An thúc giục tôi viết lại và liên lạc với Võ Phiến. Tôi nghe lời anh, cầm lại bút sau 14 năm xa rời nó. Nhưng tôi không liên lạc với Võ Phiến cho đến vài năm sau, khoảng năm 1994, tôi mới viết thư đến ông.

Sau một thời gian liên lạc với Võ Phiến qua thư từ và đến khi giao tiếp với ông, tôi nhận thấy có một điều lạ. Điều này, nếu ai đã đọc Võ Phiến và tiếp xúc với ông đều nhận thấy như vậy. Chúng ta đều nghĩ rằng, Võ Phiến phải là một người rất chi li trong sinh hoạt, từ trang phục cho đến mọi thứ, chắc là phải cầu kỳ. Nói chuyện sẽ rào trước đón sau, sử dụng ngôn từ cũng rắc rối và nhiêu khê. Nhưng không. Có một sự tương phản rất lạ. Trước tiên, có một sự khác biệt rất lớn giữa cách viết văn của ông và cách viết thư. Văn Võ Phiến, tôi xin nhấn mạnh là trong phần lớn sự nghiệp ông và ngoại trừ lối viết trong "Truyện Thật Ngắn", thường đi vào sự phân tích chi li, một cách từ tốn và tỉ mỉ. Thư Võ Phiến lại khác, ông viết ngắn gọn, diễn tả sự việc một cách sơ sài. Tuy thư không quá ngắn nhưng người đọc đã quen đọc văn ông, khi đọc thư cảm thấy hụt hẫng.

Đến khi gặp Võ Phiến, vào cuối tháng 05/1995, tôi nhận thấy rằng, con người Võ Phiến thật phù hợp với thư Võ Phiến hơn là văn Võ Phiến. Nhân dáng và cung cách Võ Phiến hiền hòa và khiêm tốn, dễ làm cho người đối diện cảm thấy thân thiện ngay trong phút đầu tiên.

Võ Phiến là một người đàn ông Việt Nam tầm thước, có chiều cao trung bình, khoảng độ 1 thước 65 phân, cân nặng độ 55 ký. Đây là cân nặng (tôi độ chừng) của ông vào lúc tuổi già, lúc 70 tuổi, vào năm 1995. Nếu so sánh với thời trẻ, ông đã lên cân rất nhiều.

Võ Phiến có dáng dấp của một người đàn ông Á Châu, sinh sống lâu năm ở Hoa Kỳ, có nghĩa là hơi quá cân nặng một chút. Ai đã gặp qua Võ

Phiến cũng phải công nhận một điều, ông hiền hậu, khiêm tốn, và thành thật một cách tự nhiên. Điều này không những thể hiện trên vẻ mặt mà cả trong giọng nói. Cái giọng nói của Võ Phiến theo phát âm của người Bình Định, hơi nặng ở những âm "o" và "a". Không những ở giọng nói mà cả trong cung cách, hình như Võ Phiến còn giữ trọn cốt cách đơn giản, tính tình chân chất và hiếu khách, và giọng nói mộc mạc của người dân Bình Định.

Tôi đã có dịp xem ảnh của Võ Phiến lúc còn trẻ. Lúc đó người trên ảnh chỉ khoảng độ bốn mươi, dáng dong dỏng cao, trông rắn rỏi, khuôn mặt thon, có vẻ hơi khắc khổ. Ở Võ Phiến trẻ và Võ Phiến lúc về già, đương nhiên có quá nhiều thay đổi. Nhất là về cân nặng, về già Võ Phiến đã lên cân, mập và nặng nề hơn. Tóc ông thưa thớt tuy không bạc nhiều, trán trợt hẳn đi. Trên mặt có quá nhiều nếp nhăn. Nhưng ở cả hai người, Võ Phiến trẻ và già đều có cái nét không thay đổi là sự hiền hậu và khiêm cung. Nếu ai đã tiếp xúc Võ Phiến qua một thời gian dài đều thấy những điều này không thay đổi theo tuổi tác. Trong hình đó, bên cạnh Võ Phiến còn một thanh niên ốm, nho nhã. Anh ngồi trên cái ghế dài, hai tay để trên bàn. Người đó là nhà văn Lê Tất Điều, tức nhà thơ Cao Tần.

Có lẽ, tôi gặp Võ Phiến vào thời điểm hơi muộn màng, ở giai đoạn mà ông thường hay khôi hài là đang sửa soạn một chỗ nằm.

Lúc tôi gọi Võ Phiến từ Virginia, báo cho ông biết tôi sẽ sang thăm ông. Tôi nghe cái âm vang vui mừng và hớn hở của ông qua điện thoại. Tôi báo cho ông biết tôi đã sắp xếp xong xuôi mọi việc, từ chuyện xe cộ cho tới chuyện nơi ăn chốn ở. Nhưng Võ Phiến khẳng định rằng, ông sẽ cho người ra đón tôi ở phi trường, còn mọi chuyện khác sẽ tính sau.

Lần đó cũng là lần đầu tiên, tôi gặp Võ Phiến, tại phi trường Los Angeles. Cùng đi với ông, không ai khác hơn là bà Võ Phiến. Tôi loay hoay cố tìm người nào lái xe đưa hai ông bà nhưng không thấy ai. Trong sự suy nghĩ của tôi, một ông già 70 tuổi, bị bệnh tim, sau hai lần giải phẫu thập tử nhất sinh thì khó có thể lái xe trên xa lộ được. Nhưng tôi lầm, Võ Phiến đã tự lái xe cùng bà ra đón chúng tôi ở phi trường.

Tôi nhìn kỹ hai ông bà. Ông còn nhanh nhẹn, khỏe mạnh lắm, trông trẻ hơn số tuổi của ông. Còn bà Võ Phiến thì nhanh nhã, vừa tầm một người phụ nữ Việt Nam. Nét mặt bà hiền hậu, thông minh, và nhất là vẫn giữ được nét thanh cảnh của một người phụ nữ Á Đông. Trông nét mặt bà Võ Phiến, tôi nghĩ khi xưa bà rất đẹp.

Lần đó, chúng tôi tá túc tại nhà ông bà Võ Phiến trong 3 ngày. Cung cách giản dị của ông bà Võ Phiến, sự khiêm tốn của ông, sự vui vẻ và hiếu khách của bà đã xóa ngay sự ngỡ ngàng ban đầu và sự ngăn cách tuổi tác

của đôi bên.

Trong mấy ngày đó, tôi có gặp nhà văn Lê Tất Điều cũng là nhà thơ thơ Cao Tần. Hôm sau tôi lại có dịp gặp ông Lê Ngộ Châu, chủ nhiệm tờ Bách Khoa nổi tiếng một thời. Lúc đó tôi mới thấy rõ hơn chân tình của Võ Phiến đối với bạn hữu. Chúng tôi đang ăn cơm chiều, có điện thoại reo, Võ Phiến liền buông đũa. Ông bắt điện thoại, khi nhận ra người bên kia đầu dây là ông Lê Ngộ Châu, Võ Phiến không màng tới ăn uống, ông ôm điện thoại nói say sưa. Ban đầu ông còn đứng, sau ngồi xổm xuống, rồi mỏi quá, lăn kềnh ra sàn nhà. Ông lăn qua lăn lại, lật tới lật lui, mắt ông sáng rỡ, miệng ông cười hể hả. Lúc đó, ông không phải là nhà văn Võ Phiến nữa, mà là một ông già đang say sưa tình bạn, y hệt như một đứa trẻ đang hào hứng trong cơn vui đùa. Tính hồn nhiên của Võ Phiến là như thế đó.

Trong suốt thời gian 3 ngày, tôi thấy rõ một điều, người góp phần rất lớn trong sự nghiệp văn học của Võ Phiến chính là bà Võ Phiến. Bà tên thật là Viễn Phố. Như thế, đủ thấy bút hiệu Võ Phiến phát xuất từ đâu.

Lần sau, tôi gặp ông bà Võ Phiến tại Virginia, vào khoảng đầu tháng 10/1995. Võ Phiến vẫn vậy. Ông lúc nào cũng từ tốn, hiền lành, và đơn giản. Nhưng chỉ khoảng nửa năm, tôi nhận thấy Võ Phiến có yếu hơn. Ông đi đứng có phần chậm chạp. Trong sự suy nghĩ và hành động, Võ Phiến bắt đầu chậm lại. Tôi biết, tuổi già đã xâm lấn quá nhiều vào cuộc sống của ông.

Người đời thường nói, sau lưng một người đàn ông thành công luôn luôn có bóng dáng một người đàn bà. Câu này chưa đúng với trường hợp của ông bà Võ Phiến. Không phải là sau lưng mà là tứ phía, mọi bề, trước sau, tả hữu. Chung quanh Võ Phiến lúc nào cũng có bà Võ Phiến. Nói bà là cái bóng của ông cũng không đủ, thiếu sót lắm, phải nói bà người được sứ mệnh của bề trên gởi xuống để lo cho Võ Phiến. Có phải bà là một phụ nữ Việt Nam vào cái thời "The Last Emperor" chăng? Tức là người phụ nữ Việt Nam đúng nghĩa, cuối cùng của thời đại. Bà gợi cho tôi nhớ tới mẹ tôi, cũng như bao người mẹ Việt Nam khác. Tôi thấy rõ một điều, bà đau với cái đau của ông, vui với cái vui của ông, chính thật bà sống với cuộc sống của ông. Hình như ở bà, không có cái phần đời của riêng bà.

Võ Phiến không phải chỉ là một kỳ tài của văn học Việt Nam mà còn là một mẫu người sống thật nề nếp, rất khiêm cung, cung cách thật đơn giản, tính tình hòa nhã, trải hết tấm lòng mà thương yêu đất nước, gia đình, bè bạn.

Về thân thế, Võ Phiến tên thật là Đoàn Thế Nhơn, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1925, tại làng Trà Bình, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Tổ tiên

Võ Phiến thuộc dòng họ Đoàn, gốc ở Hải Dương (Bắc Phần). Ông tổ trong dòng họ ông tên là Đoàn Thế Hầu, rời quê vào Nam đã mười hai đời, nghĩa là vào độ 300 năm, khoảng giữa thế kỷ XVII. Lịch sử ghi vào thời Trịnh Nguyễn phân tranh.

Khoảng năm 1648, trong số quân chúa Trịnh vào đánh, bị thất trận, có độ ba ngàn người bị chúa Nguyễn bắt sống ở Quảng Bình rồi bị đưa vào định cư tại vùng Nam Ngãi Bình Phú ngày nay. Có thể ông tổ của Võ Phiến là Đoàn Thế Hầu thuộc trong số những người bị bắt ấy? Tức là một người lính trong đoàn Nam xâm của chúa Trịnh.

Bốn đời sau, trong họ ông có một vị tên Đoàn Thế Nhiệm đã lập võ nghiệp vào thời tranh chấp giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn. Từ đó về sau, không còn thấy ai tiếp tục binh nghiệp nữa. Có lẽ các bậc đời trước đã chuyển từ võ nghiệp sang văn nghiệp.

Về văn hóa, tỉnh Bình Định khai hóa muộn so với một số vùng khác nên Bình Định không có được bao nhiêu khoa bảng. Hình như những vị tiến sĩ đều ở hai quận giàu là Tuy Phước và An Nhơn (thuộc phía Nam của tỉnh). Từ quận Phù Cát ra đèo Bình Đê, tìm khó lắm mới có được một ông nghè.

Ông cố và ông nội của Võ Phiến cùng vài anh em đậu được tú tài. Còn thân phụ Võ Phiến và chính ông thì gặp nhiều lận đận trên đường học vấn.

Trong họ hàng, người em trai út của ông nội Võ Phiến, tên Đoàn Thế Đại (Võ Phiến gọi là ông Chín) cùng bà Chín, chính là những người chăm nuôi săn sóc Võ Phiến nhiều nhất. Ông Chín có ảnh hưởng nhiều đến đời sống Võ Phiến và đó là lý do mà hình ảnh gia đình này đã hiện diện trong tác phẩm Võ Phiến.

Trong giòng họ Võ Phiến cũng có ông tú Từ Lâm, là em ruột bà nội ông, tên là Lê Đình Mẫn. Chính cụ tú Từ Lâm là người đã giảng giải cho Võ Phiến về thơ Đường. Cụ đã bỏ ra nhiều thì giờ để hướng dẫn và cùng Võ Phiến thưởng thức thơ Đường. Ngoài ra, còn một người nữa là ông Ngô Lê Tố, biệt hiệu Hồi Chi, cháu gọi bà nội ông bằng cô ruột. Ông này là hiệu trưởng một trường sơ học, ở Đề-Gi thuộc quận Phù Cát, sau 1945, có làm đốc học Bình Định trong vòng mấy tháng dưới thời chính phủ Trần Trọng Kim. Ông Hồi Chi giao du rộng. Trong số bằng hữu có đôi Đông Hồ và Mộng Tuyết. Ông Hồi Chi có liên lạc với cụ Đào Duy Anh, trong giai đoạn Võ Phiến tá túc tại nhà cụ Đào, để nhờ sưu tập tài liệu. Chính ông Hồi Chi là người đã ghi chép "Ngọa Long Cương Vãn" và "Từ Dung Vãn" của Đào Duy Từ giúp cho Bùi Văn Lăng khi soạn sách địa dư tỉnh Bình Định. Đề Gi là cửa bể, có thể các dân chài lão thành vùng đó

còn nhớ tác phẩm của Đào Duy Từ?

Có lẽ, vì những chuyện đó trong dòng họ Võ Phiến mà ông Nguyễn Hiến Lê có nhắc trong sách hồi ký rằng: "Gia đình ông (Võ Phiến) chắc có truyền thống văn học?"

Võ Phiến được sinh ra trong một giai đoạn mà gia đình ông gặp nhiều biến cố. Cha ông tên là Đoàn Thế Cần. Mẹ ông tên là Ngô Thị Cương. Ông có nhiều người em là Đoàn Thế Hối, Đoàn Thị Tỉnh, và sau đó là Tâm, Hòa, Tòng, và Ngọc.

Lúc Võ Phiến chào đời, mẹ ông mười tám tuổi. Lúc đó cha ông không có mặt ở nhà. Võ Phiến được đặt tên là Cẩn, do chữ Cần của cha. Nhưng ông cũng không giữ cái tên này được lâu, khoảng 9 năm sau khi làm giấy khai sinh để thi yếu lược, lúc đó cha ông có ở nhà, bèn đổi Cẩn thành Nhơn.

Cha ông làm giáo học ở huyện Hoài Ân, vì xích mích với tri huyện Hoài Ân mà bỏ việc rồi vào Sài Gòn. Sau đó cha ông biệt tích, không còn liên lạc với gia đình. Bà nội ông ở Bình Định phải quyết định lên đường tìm con. Nhưng bà không tìm gặp con và cha ông biệt tích luôn trong bảy năm trời.

Vì có nhiều biến cố trong gia đình như vậy mà suốt quãng đời thơ ấu, Võ Phiến đã chịu nhiều cô đơn. Năm ông bảy tuổi, vào một chiều cuối tháng chạp, lúc ông đang đứng chơi ở một bờ ruộng gần cổng nhà, bỗng có một người mặc Âu phục màu vàng, xách cái va-li da đến. Thời ấy âu phục hiếm hoi lắm nên bà con trong xóm kéo nhau đến nhìn người khách. Người trong nhà ông cũng chạy ra, lúc bấy giờ, cha ông và ông mới được người khác giới thiệu cho nhau. Lúc ấy, mẹ ông đang trỉa đậu, nghe tin nhưng vẫn phải làm xong việc mới dám về.

Sau lần trở về ấy, cha ông ở nhà được vài năm rồi ông có thêm một em trai và một em gái. Cha ông đặt tên hai người em là Hối và Tỉnh. Phải chăng cha ông ngụ ý cho sự hối hận và tỉnh ngộ, vì hình như, cha ông đã có vợ khác trong Nam và đã có con. Ông Đoàn Thế Hối về sau viết văn, lấy bút hiệu là Lê Vĩnh Hòa. Còn Đoàn Thị Tỉnh mất lúc được 4 hay 5 tuổi.

Sau đó, gia đình ông vào Nam nhưng để ông ở lại với ông bà nội. Từ đó, ông xa mẹ, cha, và các em. Dần dần ông cũng quen với tình trạng ấy và tình cảm của ông đối với những người thân ở trong Nam cũng phai lạt dần.

Cha mẹ ông vào Nam ở làng Vĩnh Hòa, huyện Gò Quao, tỉnh Rạch Giá. Cha ông vừa dạy học vừa trồng trọt. Trong thời kỳ kháng chiến, cha ông có làm việc ở cơ quan tài chánh và đã ký giấy xuất tiền để in tác phẩm

đầu tiên của Sơn Nam (tức cuốn "Bên Rừng Cù Lao Dung" được giải nhất giải thưởng Cửu Long 1950-51, lúc đó Sơn Nam ký tên thật là Phạm Anh Tài). Cũng trong thời gian này cha ông có dịp quen biết Nguyễn Bính. Thi sĩ từ Bắc vào Nam trước mùa thu 1945, rồi bị kẹt lại vì cách mạng tháng Tám.

Vì đường xa cách trở như vậy nên suốt thời kháng chiến cho tới sau hiệp định Genève, hơn 10 năm, gia đình ở hai nơi Bình Định và Rạch Giá mất liên lạc. Năm 1955, Võ Phiến phải đăng báo tìm thân nhân mới biết tin tức của cha mẹ ông. Bấy giờ cha ông đã hồi ngạch giáo viên, dạy học ở Trà Vinh. Bấy giờ Võ Phiến mới biết, ông có thêm mấy người em là Tâm, Hòa, Tòng, và Ngọc. Rồi gia đình cha mẹ ông dời về Bình Định, cha ông hưu trí, mua nhà ở Qui Nhơn.

Cha ông mất năm 1983, hưởng thọ 80 tuổi. Lúc ấy Võ Phiến được 58 tuổi. Suốt đời ông sống chung với cha mẹ không tới ba năm, còn thời gian ông sống gần mẹ được hơn chín năm. Có thể vì vậy mà hình ảnh cha, mẹ, các em của Võ Phiến ít hiện diện trong các tác phẩm của ông.

Trong giai đoạn tuổi thơ của Võ Phiến, tự buổi đầu đời ông đã chịu đựng nhiều xa cách với cha, mẹ, và các em, trong số đó có ông Đoàn Thế Hối là người mà Võ Phiến thương yêu nhất.

Quê Võ Phiến ở xóm Bồ Địch. Do đó ông tự đặt tên cho mình là bé Bồ Địch. Xóm này qui tụ chừng vài chục gia đình sống gần nhau, nhưng nhà của ông bà bé Bồ Địch ở ngoài xóm, tách riêng ra. Do đó mà bé Bồ Địch bị bỏ rơi, ít tới lui với các trẻ hàng xóm. Có phải, hoàn cảnh ấy đã khiến cho Võ Phiến khi lớn lên, sau này ông cảm thấy khó hội nhập vào đám đông. Ông có ít bạn bè, ít giao thiệp. Võ Phiến đã có tâm lý hướng nội và đã thể hiện nhiều trong tác phẩm mang tên "Một Mình". Ở đó hay trong những tác phẩm khác của Võ Phiến, chúng ta bắt gặp những nhân vật, dù mang tên gì đi nữa, vẫn cưu mang bàng bạc một nỗi buồn man mác khôn nguôi của một tâm hồn cô đơn.

Về sự nghiệp văn chương của Võ Phiến, suốt hơn 50 năm sinh hoạt văn học, lúc nào Võ Phiến cũng là một người tận tụy với cuộc đời và trung thành với con người thật. Trong đó tình yêu quê hương, dân tộc, và đồng bào đã thủy chung gắn bó với hành trình sáng tác của ông.

Đề tài của ông đều thoát thai từ cuộc sống và con người sống thực. Những nhân vật của Võ Phiến là những người dân bình thường trong xã hội, thường đến độ, đôi khi bị người đời xem như hèn mọn, chẳng hạn như anh nhà quê, anh Tàu bán hủ tiếu, người bồi bưng cà phê... Những câu chuyện của ông được viết ra thật giản dị. Những sự việc được chọn làm đề tài trong văn Võ Phiến cũng rất bình thường, như chiếc áo dài,

chuyện ăn uống, bát trà, chè, bánh tráng, mắm, chìa khóa, ổi tàu.... Hay khác đi một chút như sách, nắng, mộng, cà-phê... Hoặc thơ mộng hơn như nhà em tâm sự, thư nhà, chiều sương, nụ cười, tình yêu đơn sơ ở quê nhà,....

Tất cả đề tài của Võ Phiến hết sức bình thường, chúng có mặt ở khắp nơi, chúng xảy ra hàng ngày. Nếu chúng ta nhớ lại thử xem, có phải chính mình cũng từng nói: "thằng cha chệch bán hủ tiếu", "con mẹ nhà quê đó", "hủ mắm đó hôi tổ mẹ", "chè gì ăn lạt nhách", "nắng nóng thấy mụ nội", v.v... Nhưng chúng ta nói khác còn các đề tài ấy đi vào văn chương Võ Phiến lại khác. Chúng ta nói về chúng rồi cho qua, không để ý đến, hay xem thường, có khi miệt thị. Thế mà chúng đã hiển lộng trong văn chương với ngòi bút Võ Phiến. Chúng ta thường thấy một anh ba tàu, bụng phệ, bán mì hay hủ tiếu, nhưng ít khi ta quan sát những hành động "rụp rụp" của hắn, có qui củ, nhanh nhẹn, hiệu quả không thua gì hệ thống dây chuyền trong các cơ xưởng hiện đại của Hoa Kỳ. Chúng ta cũng thường vào quán cà phê, không phải một mà là nhiều lần trong đời, thế nào cũng có lần ta phải lúng túng khi dùng ngôn ngữ để diễn tả làm sao cho ổn. Trong giai đoạn sống ở hải ngoại khi mà hồn Việt ngày càng khô và chữ Việt ngày càng cạn, ta càng thấm thía về cách xử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ của mình. Mấy ai đã diễn tả chuyện cà phê sữa hay cho một ít cà phê vào trong ly sữa với cái câu thần kỳ như kiểu này: "cà phê sữa, sữa cà phê". Hoặc là, chúng ta cũng đã từng đứng ở một chiều cao nào đó, trước mặt là quang cảnh hùng vĩ như ở Grand Canyon, ta thấy trời-mây-đất-đá-chim, ta tán thưởng rồi khen đẹp, nhưng mấy ai như Võ Phiến, không phải là vẽ mà ông đã chụp hình cảnh vật đưa vào văn chương cho người đời thưởng ngoạn.

Có phải, chúng ta đã tìm lại được trong văn Võ Phiến những điều hết sức nhỏ nhặt và bình thường trong cuộc sống nhưng chúng trở nên vô cùng quan trọng. Những điều được xem như đơn giản, những nỗi niềm đơn sơ tưởng như chìm khuất trong cuộc sống bận rộn thường ngày, đã được Võ Phiến vẽ lại, làm sáng tỏ và sống động cực kỳ. Sự tinh tế và chi li của Võ Phiến đã có hiệu quả thần sầu. Người đọc đi vào cõi văn ông như được trở lại vùng kỷ niệm đã mất hút trong dĩ vãng và tìm lại được bóng mát của một thời. Người đọc có cảm giác như đang thấy lại con người Việt Nam thuần túy, nhìn lại quê hương, nơi mình đã sống thuở xa xưa.

Suốt hơn nửa thế kỷ, Võ Phiến đã viết liên tục về đủ mọi thể loại, dĩ nhiên tác phẩm của ông quá nhiều.Chúng ta hãy nhẩn nha đi lần vào cái kho tàng văn chương của ông, theo thứ tự thời gian.

1943: Võ Phiến bắt đầu viết bài tùy bút đầu tiên, đăng trên Trung Bắc

Chủ Nhật, có tựa đề là "Những Đêm Đông", ký tên Đắc Lang.

1943-1952: Võ Phiến cho biết đây là giai đoạn ông đọc chơi, viết chơi nên nhất định không chịu thố lộ những gì ông viết trong thời kỳ này. Ông đã đọc nhiều hơn viết, khi viết, chỉ viết lai rai, rồi bỏ.

– Sau năm 1945, ông rời nhà ông Đào Duy Anh ở Hà Nội, về Bình Định, tập trung đọc Hán văn, rồi khi dạy ở trường Trung học bình dân ông có viết một tiểu luận về hát bộ Việt Nam, dày chừng 50 trang. Ông giữ tập này đến tháng 04/1975 ở Sài Gòn nhưng không có dịp sửa chữa để đăng báo hay in sách.

– Trong giai đoạn làm việc và sinh hoạt trong chi hội văn hóa khoảng ba năm kể từ năm 1945 ông có viết:

+ khoảng 10 truyện ngắn.

+ một truyện dài dày chừng 250 trang và ông đốt kịp một tuần trước khi bị bắt vào tháng 09/1952.

+ một tập luận triết tựa là "Tiêu Khiển" dày chừng 100 trang được ông chép cẩn thận và giữ đến tháng 04/75.

+ một cuốn sách về thiên văn nhan đề là "Trên Trời", dày chừng 60 trang, ký tên là Ngô Thiên. Ông viết trong một dịp sau khi đọc cuốn Astronomie.

+ làm nhiều bài thơ nhưng đọc xong rồi bỏ.

09/1952 đến 09/1954: Võ Phiến bị ở tù, không viết gì cả.

09/1954 đến 12/1954: Võ Phiến gần như bị quản thúc tại nhà, có dịch khoảng 100 trang trong bộ Hoàng Hán Y Học của bác sĩ Thang-Bản-Cân-Chân.

1955: Từ năm 1955, Võ Phiến bỏ trốn ra Huế, trong thời gian trốn tránh này ông đọc nhiều tác giả thuộc Liên Xô và Đông Âu như: Arthur Koestler, Virgil Georghiu, Kravcheseko...; các tác giả Mỹ như: Hemingway, Steinbeck, Faulkner...; tác giả Pháp: 15 cuốn À La Recherche Du Temps Perdu của Marcel Proust. Đến khi Võ Phiến gặp Võ Thu Tịnh và Đỗ Tấn trong năm 1955, ông mới chính thức bắt đầu văn nghiệp của mình. Ông viết thơ khôi hài và truyện ngắn, góp bài cho tờ Mùa Lúa Mới của hai người bạn này.

1956-1957: Võ Phiến về Quảng Trị, ông cho in 2 tập truyện ngắn "Chữ Tình" năm 1956 và "Người Tù" năm 1957, hai cuốn này đều do Bình Minh xuất bản tại Qui Nhơn.

1957 đến 1960: Võ Phiến bắt đầu gởi bài cho các báo Bách Khoa, Sáng Tạo. Trong thời gian này, 1959, ông Hà Thượng Nhân từ Sài Gòn ra Qui Nhơn có gặp Võ Phiến và mang bản thảo tập truyện ngắn "Mưa Đêm Cuối Năm" vào cho cơ sở Tự Do của Phạm Việt Tuyền in thành sách tại

Sài Gòn năm 1958, được giải thưởng văn học toàn quốc năm 1960.

1960 đến 1961: Võ Phiến về Sài Gòn vào năm 1960, nhân cơ hội thế chỗ của sử gia Phan Khoan lánh nạn vì lý do chính trị. Ông bắt đầu làm giám khảo Giải Thưởng Văn Học Nghệ Thuật toàn quốc hàng năm từ 1961 cho đến 1974. Ông có làm giám khảo Giải Thưởng Văn Chương Bút Việt nhưng không ghi rõ năm nào.

1961: Võ Phiến có hai tập truyện ngắn được xuất bản tại Sài Gòn: "Đêm Xuân Trăng Sáng", Nguyễn Đình Vượng xuất bản và "Thương Hoài Ngàn Năm", Bút Nghiên xuất bản.

1962: Võ Phiến chủ trương nhà xuất bản Thời Mới (1962-1975), nhà xuất bản đặc biệt chú trọng phát hiện các tài năng mới, đã in tác phẩm đầu tay cho nhiều nhà văn. Ông có giao cuốn truyện dài "Giã Từ" cho Bách Khoa xuất bản tại Sài Gòn. Về tùy bút ông có quyển "Thư Nhà" do Thời Mới xuất bản tại Sài Gòn.

1963: Võ Phiến có cuốn tiểu luận "Tiểu Thuyết Hiện Đại", về dịch thuật ông có cuốn "Hăm Bốn Giờ Trong Đời Một Người Đàn Bà" (của Stéfan Zweig). Tất cả đều do Thời Mới xuất bản tại Sài Gòn.

1964: Về dịch thuật Võ Phiến có cuốn "Các Trào Lưu Lớn Của Tư Tưởng Hiện Đại" (của André Maurois) do Thời Mới xuất bản tại Sài Gòn.

1965: Võ Phiến có cuốn truyện dài "Một Mình", tập truyện ngắn "Về Một Xóm Quê", về tiểu luận có 3 cuốn "Tạp Bút 1", "Tạp Bút 2", và "Văn Học Nga Xô Hiện Đại" Về dịch thuật ông có 2 cuốn "Truyện Hay Các Nước 1" và "Truyện Hay Các Nước 2" (cùng dịch với Nguyễn Minh Hoàng). Tất cả đều do Thời Mới xuất bản tại Sài Gòn.

1966: Võ Phiến có cuốn truyện dài "Đàn Ông" Thời Mới xuất bản tại Sài Gòn, về tiểu luận có cuốn "Tạp Bút 3" do Thời Mới xuất bản tại Sài Gòn.

1967: Võ Phiến có cuốn tùy bút "Ảo Ảnh" do Thời Mới xuất bản tại Sài Gòn.

1968: Không thấy Võ Phiến cho in cuốn nào.

1969: Võ Phiến có cuốn tùy bút "Phù Thế" do Thời Mới xuất bản tại Sài Gòn.

1970-1971-1972: Không thấy Võ Phiến cho in cuốn nào, có lẽ do ông bận rộn trong công việc Hội viên Hội đồng Văn Hóa và Giáo Dục Việt Nam (1970-1974).

1973: Võ Phiến có cuốn tùy bút "Đất Nước Quê Hương" do Lửa Thiêng xuất bản, và 2 cuốn tiểu luận "Tạp Luận" do Trí Đăng xuất bản, và "Chúng Ta Qua Cách Viết" do Giao Điểm xuất bản. Về dịch thuật ông có cuốn "Ông Chồng Muôn Thuở" (của Féodor Dostoievski). Đăng trên nhật

báo Tiền Tuyến, 1973 nhưng chưa được in thành sách. Tất cả các cuốn trên đều được in tại Sài Gòn.

1974 đến 04/1975: Không thấy Võ Phiến cho in cuốn sách nào cho đến ngày ông di tản.

Về mặt viết báo: Chủ yếu Võ Phiến viết cho tờ Bách Khoa liên tục từ năm 1957 cho đến năm 1975. Khi viết trên Bách Khoa ông còn lấy bút hiệu khác là Tràng Thiên. Ngoài ra ông còn cộng tác với hầu hết các tạp chí văn nghệ, khảo luận khác ở miền Nam Việt Nam từ năm 1954 cho đến 1975.

Về mặt xuất bản, Võ Phiến chủ trương nhà xuất bản Thời Mới từ năm 1962 cho đến 1975.

Bên cạnh chuyện sinh hoạt văn học, Võ Phiến cũng bị liên lụy về chính trị vì các tác phẩm của ông.

Thông cáo của chính quyền Cộng Sản sau năm 1975 về trường hợp Võ Phiến. Ngày 20-08-1975, bộ trưởng bộ Thông Tin Văn Hóa nước Cộng Hòa Miền Nam là Lưu Hữu Phước ra thông tri số 218/CT-75 về việc cấm lưu hành sách báo xuất bản tại Miền Nam. Sau đó cũng bộ này lại ra thông tri số 15/TTVH/MCTH ngày 08-03-1976, và sở Thông tin Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh ra thông tri số 12030/STTVH/XB ngày 03-05-1977 về vấn đề nói trên. Ba văn kiện đều có kèm theo một bản danh mục sách cấm của ông.

Trong cuốn "Văn Hóa, Văn Nghệ Nam Việt Nam 1954-1975" (do nhà xuất bản Thông Tin tái bản ở Hà Nội năm 1993), ông Trần Trọng Đăng Đàn đã lập một danh mục, trong đó sách Võ Phiến bị cấm toàn bộ. Ở phần liệt kê tác phẩm Võ Phiến (trang 720) có cuốn "Bơ Vơ", nhưng thật sự ông không hề có tác phẩm này.

Trong giai đoạn khi Võ Phiến đã ra nước ngoài.

1976: Võ Phiến chủ trương nhà xuất bản Người Việt. Ông có cuốn tùy bút "Thư Gửi Bạn" và cuốn "Đất Nước Quê Hương" được tái bản. Hai cuốn này đều do Người Việt xuất bản tại Hoa Kỳ.

1977: Võ Phiến có cuốn tùy bút "Ly Hương" do Người Việt xuất bản tại Hoa Kỳ (Cùng viết với Lê Tất Điều).

1978-1979: Võ Phiến chủ trương tạp chí "Văn Học Nghệ Thuật". Đây là tờ tạp chí văn nghệ đầu tiên của người Việt ở hải ngoại. Cùng làm việc với ông có Lê Tất Điều, Mặc Đỗ. (Tờ tạp chí này tục bản vào tháng 5.1985 với ban chủ biên gồm Võ Phiến, Lê Tất Điều và Nguyễn Mộng Giác. "Văn Học Nghệ Thuật" tục bản ra được 9 số, thì đình bản. Nguyễn Mộng Giác tiếp tục duy trì tờ tạp chí, đổi tên thành "Văn Học" và đều đặn xuất bản hàng tháng cho đến ngày nay)

Trong giai đoạn này Võ Phiến có cuốn truyện dài "Nguyên Vẹn" năm 1978 và cuốn tùy bút "Lại Thư Gửi Bạn" năm 1979, đều do Người Việt xuất bản tại Hoa Kỳ.

1980 đến 1985: Không thấy Võ Phiến cho in cuốn nào.

1986: Võ Phiến có 2 cuốn "Văn Học Miền Nam Tổng Quan" do nhà Văn Nghệ xuất bản tại Hoa Kỳ, tái bản lần 2 năm 1988; và cuốn "Tùy Bút I" cũng do nhà Văn Nghệ tái bản.

1987: Võ Phiến có 2 cuốn "Tùy Bút II" và "Tạp Luận", do Võ Phiến sắp xếp lại và nhà Văn Nghệ tái bản tại Hoa Kỳ.

1988: Võ Phiến có 4 cuốn gồm 2 cuốn tiểu luận: "Chúng Ta Qua Tiếng Nói" và "Tiểu Luận", và 2 cuốn "Truyện Ngắn I", "Tiểu Thuyết II", do Võ Phiến sắp xếp lại và tất cả đều do nhà Văn Nghệ tái bản tại Hoa Kỳ.

1989: Võ Phiến có 2 cuốn "Truyện Ngắn II" và "Tạp Bút" do ông sắp xếp lại và nhà Văn Nghệ tái bản tại Hoa Kỳ.

1990: Võ Phiến có cuốn "Tiểu Thuyết I" do ông sắp xếp lại và nhà Văn Nghệ tái bản tại Hoa Kỳ.

1991: Võ Phiến có cuốn "Truyện Thật Ngắn", và cuốn tiểu luận "Thơ Miền Nam 1" do Văn Nghệ xuất bản tại Hoa Kỳ.

1992: Võ Phiến có cuốn tùy bút "Quê" và cuốn tiểu luận "Truyện Miền Nam 1" đều do Văn Nghệ xuất bản tại Hoa Kỳ.

1993: Võ Phiến có 4 cuốn tiểu luận, 2 cuốn trong bộ "Văn Học Miền Nam" là "Ký Bút Kịch 1" và "Truyện 2" và 2 cuốn khác "Viết" và "Đối Thoại", tất cả đều do nhà Văn Nghệ xuất bản tại Hoa Kỳ.

1994-1995: Võ Phiến có 3 cuốn "Thơ Miền Nam 2" (1995), "Truyện Miền Nam 3" (1995), Ký Bút Kịch Miền Nam 2" (1995), tất cả đều nhà Văn Nghệ xuất bản tại Hoa Kỳ.

1996: Võ Phiến có cuốn "Thơ Thẩn", gồm hầu hết các bài thơ của ông được làm từ thời trẻ cho tới lúc về già, sách này cũng do nhà Văn Nghệ xuất bản tại Hoa Kỳ. Ngoài ra ông có cuốn tùy bút "Sống Và Viết", cũng do nhà Văn Nghệ xuất bản tại Hoa Kỳ.

1977: Không thấy Võ Phiến cho in cuốn nào.

1998: Tôi biết nhà văn Võ Phiến vẫn đang đọc và viết nhưng chưa thấy ông cho in cuốn nào khác.

Về các thể loại tác phẩm của Võ Phiến. Kể từ năm 1955, ông chính thức viết "thiệt" như ông cho biết. Trên hành trình sáng tác, gần như ông đọc và viết liên tục. Có những khoảng thời gian ngắn chừng một hay vài năm, chúng ta không thấy sách Võ Phiến ra đời, kỳ thật lúc đó ông đang "thai nghén" một tác phẩm lớn hay nhiều tác phẩm. Đôi khi ông bận rộn vì công việc xuất bản hay trong Hội Đồng Văn Hóa và Giáo Dục Việt

Nam.

Sau các năm 1970-1971-1972 chúng ta không thấy có cuốn sách nào của Võ Phiến thì trong năm 1973, ông cho in 4 cuốn: "Đất Nước Quê Hương", "Tạp Luận", "Chúng Ta Qua Cách Viết", và truyện dịch "Ông Chồng Muôn Thuở" (truyện này có đăng trên nhật báo Tiền Tuyến vào năm 1973 nhưng không thấy in ra sách). Sau các năm từ 1980 đến 1985 không thấy cuốn nào của Võ Phiến thì năm 1986 ông cho in cuốn sách thật giá trị là "Văn Học Miền Nam Tổng Quan".

Chúng ta biết tác phẩm của Võ Phiến rất đa dạng. Ông viết truyện ngắn, truyện dài, tùy bút, khảo luận (biên khảo, tạp luận, tạp bút), phê bình, dịch thuật, thơ, và... tựa cho sách của các nhà văn trẻ hơn ông. Ông viết sách, viết báo, làm nhà xuất bản, làm giám khảo cho các giải thưởng văn học, làm hội viên cho Hội Đồng Văn Hóa và Giáo Dục,...

Ông viết trên nhiều lãnh vực khác nhau: văn học, chính trị, triết học, nghệ thuật, xã hội, và cả... thiên văn. Nhưng lãnh vực mà ông sở trường nhất phải nói là tùy bút và truyện (ngắn, dài, và thật ngắn). Kể từ lúc xa xưa khi Võ Phiến đưa những sáng tác đầu tiên cho Hoài Thanh và Chế Lan Viên xem, đó là những bài tùy bút. Chính tùy bút mới là cái "cốt" của văn chương Võ Phiến. Nếu chúng ta xem lại tác phẩm của Võ Phiến qua các thời kỳ, ta nhận ra rằng, lúc nào ông cũng gắn bó đối với tùy bút và truyện. Mà trong truyện Võ Phiến, nét tùy bút vẫn nắm phần chủ lực.

Đối với tùy bút và truyện của Võ Phiến, chúng ta nhận thấy rằng, tùy bút hay truyện của ông giống nhau lắm. Đôi khi, chúng ta phân vân, ta đang đọc truyện hay tùy bút của ông. Rồi ta nhận ra rằng, à, cái truyện này khác tùy bút ở chỗ Võ Phiến cho tên nhân vật vào.

Hiện tại, Võ Phiến đã vào tuổi 73, sức khỏe ông không còn tốt như xưa, nhưng tôi biết ông vẫn đọc và viết, mặc dù gần đây, ông có thố lộ với nhà văn Hồ Trường An rằng, ông đã gác bút. Suốt hơn nửa thế kỷ miệt mài đọc và viết, Võ Phiến đã chứng tỏ lòng dạ trung trinh với văn học Việt Nam. Ông đã chứng tỏ một sức lực không hề mệt mỏi với số lượng tác phẩm khổng lồ và sự nghiệp văn chương đồ sộ. Võ Phiến đã minh chứng khả năng không hề suy suyễn theo thời gian. Ông đã nói lên được nhịp chuyển của xã hội Việt Nam, nỗi băn khoăn, ray rức của con người Việt Nam, và tâm tình nồng nàn của dân tộc Việt Nam.

Tuổi già không thể buộc chân, trói tay, hay vây hãm tâm tư Võ Phiến. Ông mãi mãi là ánh đuốc rạng ngời và soi sáng cho bao thế hệ văn chương Việt Nam. Võ Phiến đã làm tròn chức năng và phận sự của một nhà văn Việt Nam. Ông là một mẫu mực cho người Việt Nam, luôn đọc và viết, chưa hề và không hề mệt mỏi.❐

Vài cảm nghĩ rời nhân đọc "Hoan Ca" của Võ Phiến

Ngô Nguyên Dũng

Văn học Việt nam, cổ cũng như kim, không thấy có những vụ tự sát ngoạn mục. Sao vậy? Vào đầu thập niên 60, xảy ra vụ tự sát của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Nhưng cái chết của ông có nên được đánh giá như là cái chết cho văn nghiệp, hay chỉ thuần chính trị tính? Đem so sánh, cân đo chuyện chết chóc của văn hào, văn sĩ Việt nam và của vài người thuộc chủng tộc khác là chuyện không phải. Gẫm lại, còn thấy bất xứng. Nhưng phải nhìn nhận, quả có khác.

Trong "Mishima hay là hoang tưởng của tính không" (*Mishima oder die Vision der Leere*, dịch từ *Mishima ou la vision du vide*), bà Marguerite Yourcenar đã kết thúc như sau: *"Hai vật đẫm của dòng nước hành xử đã được con sóng hung bạo xô vào bờ cát trong nháy mắt trước khi mang chúng trở ra khơi"*. *"Hai vật đẫm"* ở đây, có lẽ được Yourcenar dùng làm biểu tượng ám chỉ tính nhị nguyên trong đời sống và văn nghiệp của Yukio Mishima; của hai cái đầu tự xử trảm kiểu seppuku theo tinh thần kiếm sĩ đạo Nhật bản (tự mổ bụng và để cho người khác chặt đầu) của Mishima và người bạn đời đồng phái tính Morita; của chính tác giả và nhân vật mang tên Honda trong bộ trường thiên "Biển năng sinh" (*Meer der Fruchtbarkeit*). Hai mà thật sự chỉ một, là ý niệm bất nhị ẩn trong văn nghiệp tương đối ngắn (27 năm), nhưng đồ sộ (hơn 100 ấn phẩm gồm nhiều thể loại) của Mishima.

Trong tập tiểu luận này, Yourcenar đã viết một câu đáng chú ý: *"Những định giá, dù bằng tính luân lý, chính trị hay thẩm mỹ, được xét đoán qua sự hiện hữu của chúng bằng sự câm lặng, ít ra cũng trong nháy mắt"*. Viết vậy, nhưng bà đã bình phẩm tỉ mỉ và rất nhạy cảm văn nghiệp của Mishima qua hơn 100 trang sách. Đây là một cảm quan, thoáng nghĩ,

có vẻ lạ, nhưng không phải không hiểu được vì xét kỹ, nhân sinh quan của Mishima rất gần với nhân sinh quan của người Tây phương: hiếu động và cực đoan. Tư tưởng và cách sống của ông hoàn toàn không mang tính thoả hiệp. Cả việc đi tìm cái chết cũng dứt khoát rõ rệt, không một chút do dự. Nó khiến mọi người tự hỏi: Tại sao? Văn giới khắp nơi đều chấn động, còn thương xót hay không, tuỳ.

Năm 1968, Yukio Mishima và Yasunari Kawabata, một bạn văn vong niên của Mishima, cùng được chọn vào chung kết tranh giải Nobel văn chương. Kawabata đoạt giải. Giới phê bình văn học bấy giờ cho rằng: sở dĩ Mishima không được chọn vì ông còn quá trẻ (43 tuổi) so với số tuổi của Kawabata (lúc bấy giờ là 69). Theo lời báo chí tường thuật, khi Mishima đến chúc mừng, Kawabata đã nói: "Anh bạn là người xứng đáng đoạt giải hơn tôi." Nhìn chung, cả hai đều có văn tài ngoại hạng. Nhưng không giống nhau. Văn phong của Kawabata đắm đuối trầm tĩnh, của Mishima phóng túng mạnh mẽ như một người vướng hội chứng cuồng dâm. Hai văn phong, hai cực của một thỏi nam châm. Điều này được biểu lộ rõ rệt qua văn chương và đời sống tính dục của Mishima. Càng rõ rệt hơn nữa, qua hai phong cách tự kết liễu cuộc đời. Cũng tự sát như nhau, Mishima bằng cách mổ bụng (1970), Kawabata bằng hơi ngạt (1972).

Đọc đoản văn "Lòng ái quốc" của Mishima (*Làng Văn*, số 54, 2.1989, dịch giả Nguyễn vạn Lý), sẽ thấy cung cách tân kỳ đậm nét trong văn của ông. Ông viết về cái chết bằng hơi văn thản nhiên, đầy đam mê, cực kỳ lãng mạn, đượm nhiều ấn tượng bóng bẩy; như thể ông đang yêu đương cuồng nhiệt với người vợ trẻ, không, với cái chết. Không chừng ông đã lẫn lộn cái chết với dục lạc, tình yêu tổ quốc với tình yêu nam nữ. Dụng ngữ của ông về những vấn đề này không làm độc giả chau mày như cắn phải hạt sạn trong miếng cơm ngon: *"Vẻ trắng mịn, nở nang của bụng và mông như sữa tràn từ một chiếc tô lớn, và chỗ hõm của rốn có thể là dấu vết của giọt nước mưa vừa rơi xuống"* là đoạn tả phần bụng của người vợ, và: *"Làn da trần của Sơn Điền lóng lánh như một cánh đồng lúa mạch, khắp nơi những bắp thịt nổi hằn lên, cuộn lại phần dưới bụng quanh chiếc rốn khiêm tốn. Nhìn chiếc bụng trẻ và rắn chắc, có lông mọc khá rậm, Mộc Châu nghĩ chỗ đó chỉ lát nữa sẽ bị lưỡi kiếm đâm vào và rạch ra..."* của người chồng. Đó là khi sống, còn lúc cận kề cái chết? *"Mắt viên trung uý nhìn vào vợ chăm chú dữ dội như mắt con diều hâu. Đưa lưỡi kiếm quanh về phía trước, chàng nhổm mông lên, để phần trên của thân mình tựa vào đầu mũi kiếm. Rồi chàng tập trung tất cả sức mạnh đâm sâu vào bụng phía trái."* Rồi tiếp đó: *"Dường như không biết chủ nhân đau đớn, ruột xổ ra gây cảm tưởng của một sức khoẻ mạnh mẽ, hầu*

như ngược lại với sinh khí khi xổ ra và lan trên háng." Trong vài đoạn trước của đoản văn, Mishima có nhắc tới "Sức Mạnh Thiêng Liêng", "Chân Chính", "Cái Đẹp" và "Sự Thực". Đã mấy ai, khi viết, có đủ khả năng hoặc chỉ hờm nghĩ tới chuyện gom lại những tư tưởng trên trong một áng văn, mà không gợi cho người đọc cái cảm giác lấn cấn vì không bắt được những tương quan? Mishima làm được việc đó. Khi ông viết về tình dục, ta có thể bắt được mùi mồ hôi mới. Khi ông viết về cái chết, ta có thể ngửi được mùi máu tươi. Nếu cho rằng ông là một thiên tài, chắc không đúng. Có điều phải nhìn nhận, ông là một người khác thường. Ông là một dấu hỏi trong muôn trùng dấu chấm. Ông đứng khi người khác đi. Ông đỏ khi mọi người trắng. Ông cực đoan khi người khác hoà hoãn. Ông dấn thân bằng hành động, không bằng ngôn ngữ suông. Ông đã tận dụng thiên ân (Charisma) trong quãng đời tương đối ngắn ngủi. Kawabata đã nhận xét rằng, cái chết của Mishima là một phí phạm. Nhưng có lẽ đối với Mishima, việc ông tự tử là một cách để được sống mãi, như một nhà phê bình Nhật bản đã viết: "Ông tự sát để hoàn tất sự nghiệp văn học của ông."

Cũng cần ghi thêm, vài năm trước cuối đời, Mishima đã sống thật với bản năng tâm sinh lý của ông: đồng tính luyến ái. Điều đó cũng được ông biểu lộ ít nhiều trong "Tự thú của chiếc mặt nạ" (*Gestaendnis einer Maske*). Có phải chính bản tính này là mấu chốt dẫn tới những khích động trong đời sống cũng như trong văn nghiệp ông? Để lấn át nó, ông trở thành một người ái quốc quá khích, cực đoan tuyệt đối trong hành động biểu dương nam tính. Để lấn át nó, ông rèn luyện thân xác bằng môn thể dục thẩm mỹ. Để lấn át nó, ông chứng tỏ tính can đảm bằng cuộc tự sát báo trước.

Ở Tây phương, trước cái chết của Mishima gần chục năm, cũng xảy ra chuyện tự sát của Hemingway. Thật ra, đời tư cũng như văn nghiệp của Hemingway và của Mishima có nhiều điểm khác hơn là giống nhau. Ở đây chỉ nhắc tới, bằng cảm quan riêng, cung cách biểu dương nam tính của Hemingway. Nó nhan nhản cùng khắp. Trong "Cái chết buổi chiều" (Death in the afternoon), trong "Tuyết trên đỉnh Kalimanjaro" (The snows of Kalimanjaro) cho tới "Ngư ông và biển cả" (The old man and the sea). Tuy nhiên, văn chương ông không báo trước chuyện ông tự sát bằng súng săn vào ngày 2.7.1961. Thân nhân ông cho rằng, đó là một tai nạn. Dù rủi ro hay tự nguyện, cái chết của Hemingway (dường như) đã không mang một thông điệp nào. Vào cuối thập niên 50, sức khoẻ ông đang thời hoại diệt. Có phải đó là nguyên nhân khiến ông kết thúc cuộc đời?

Mishima sử dụng chủ nghĩa biểu dương nam tính như một tấm mặt nạ, không phải để chắn mắt dư luận, mà để tự trấn áp thể xác yếu đuối (ông đã không được nhập ngũ vì bị nghi mắc bệnh lao) và phần tâm sinh

lý khác thường của ông. Trường hợp của Hemingway xem chừng phức tạp hơn. Các nhân vật của ông, thoáng nhìn, thấy oai phong ngạo nghễ thế (đi săn, đấu trận, chuộng trò đấu bò, mang ý tưởng chinh phục thiên nhiên), vậy mà tiềm ẩn nội tâm nhếch nhác, dễ vỡ dễ đứt làm sao! Họ lờ mờ tiên liệu một chung cuộc không mấy lạc quan, một cái chết bắt phải bận tâm. Cách thế tự sát, ngẫm lại, phản ảnh được tính người. Kẻ mổ bụng, người ngậm họng súng, ông dúi đầu vào lò hơi, ... Ngẫm kỹ hơn chút, lại thấy đượm chất bi hài.

Ở xứ mình có ông Võ Phiến. Ông không cần chứng tỏ gì cả. Không biết có giây lát nào ông nghĩ tới những cái chết "bi tráng" kia? Chỉ biết ông thích sống, thích chơi. Sống nô nức, chơi tưng bừng. Đúng hơn, ông viết về cái sống cực kỳ quyến rũ. Mishima viết về cái chết, cho thấy rõ cái bứt lìa tanh tưởi. Võ Phiến viết về cái sống, bắt được tạp hương ngồn ngộn của kiếp người. Hãy đọc "Hoan ca"! (*Thế kỷ 21*, số 16, 6.1991)

Nhiễu sự bắt đầu bằng "nỗi buồn tháng giêng, con chim cái cú nằm nghiêng thở dài", rồi bước sang "nỗi tháng năm", cũng buồn như tiếng than "chưa đặt mình nằm gà gáy chim kêu". Đó là ở ta, còn ở người, đặc biệt ở Hạ-uy-di, cái buồn là một món xa xí phẩm. Ngày khởi sự bằng tiếng huýt sao của "người đàn ông bưng cái khay nhựa, trên có năm chiếc ly nhựa đậy nắp trắng toát". Ông ta vắn tắt: "ở hàng lang khách sạn". Chỉ vậy thôi mà ông Võ đã tưởng tượng đến bạo: dám chừng ở hành lang "đang diễn ra một vũ hội bán phần loã thể". Đọc vậy, đã thấy thinh thích. Nhưng làm gì có cảnh thô tục đó, khi nội tâm người đọc chưa nguôi nỗi buồn 12 tháng, buồn quanh năm buồn mệt nghỉ, mà chỉ có cà-phê miễn phí để thưởng cho những ai biết sống, biết chơi, biết dậy sớm chiêm ngưỡng cái rạng đông hưng hửng ở Hạ-uy-di. Hãy nghe ông Võ bàn sơ khởi về cái sống hối hả, thậm thụt ấy: *"Sự sống của hôm trước không chịu tắt, chịu nghỉ; sự sống của hôm sau lại không chịu chờ. Vì vậy mà hôm trước với hôm sau suýt nữa va chạm nhau."* Còn may, vì chỉ suýt thôi, chưa chạm, chỉ "tiếp cận" thôi chứ chưa "giao thoa". Nếu không, biết đâu chừng, đã xảy ra tai biến vì sống lạm phát, như nham thạch quặn ứ trong lòng đất, phún ra, dựng nên sự sống mới. Hạ-uy-di chẳng phải là đảo nham thạch đó sao?

Ví von như vậy là đã hơi hí lộng, chẳng thích hợp chút nào với dăm ba cái cớ mà Võ Phiến đã trưng ra để chứng minh cho người đọc về cái nỗi đê mê ngoạn cảnh ngoài bãi bể buổi rựng sáng ấy: những mẩu tàn thuốc vương vãi, nhiều lắm; rồi cảnh anh chàng hai tay cầm hai ly cà-phê, có thiếu nữ toạ vị trong lòng, cười ngặt cười nghẽo; và thêm kiểu phà khói

thuốc, điệu đi cách đứng của một người Phi-luật-tân. *"Khắp người ông bạn là một niềm hân hoan. Không phải là thứ hân hoan e dè, mà là thứ hân hoan rậm rật nó không cho phép một đường gân thớ thịt nào được uể oải, được yên nghỉ."*

Đọc tới đấy, đâm hồ nghi, không chừng biết sống, biết chơi cũng cần có năng khiếu và lòng kiên trì tập luyện. Nếu không, làm gì có thể giao cảm được hết cả sinh hoạt chơi, và sức đâu mà tham gia nhiều thế? Dân mình đã mấy ai có được năng khiếu và chịu khó tập luyện? Người viết xứ mình đã mấy ai dám sờ tới cái độ bén của lưỡi dao chơi, lưỡi lam sống; nói chi tới trường hợp rạch da xẻ thịt, cho người khác ngửi được mùi tanh tưởi của huyết lệ ngôn ngữ? Ông Võ không cần sờ mó mạnh tay, nghe như sàm sỡ, ông chỉ nhắc tới mấy chuyện ăn chơi bình thường: lặn xem cá màu đáy bể, phóng ngựa đồi hoang, ngồi trực thăng ngắm cảnh, theo du thuyền ra khơi, ... Cách chơi, cách sống, cách phục vụ nhân sinh ở Hạ-uy-di nó kênh kiệu tách rời những biến động thời sự, những thịnh suy vật chất, những bộ máy lao động cật lực thường ngày của người Mễ-tây-cơ, của người Nga-sô, hay xa lắc xa lơ, của người Việt mình.

Nói như vậy, có vẻ muốn "cô lập hoá" hay "kềm toả" nhịp sống rạo rực lưng tưng của Hạ-uy-di. Không phải, ông Võ đã khẳng định: *"Cái chơi ở đây (Hạ-uy-di) là cái thiêng liêng."* Không thiêng liêng sao được, khi truyền thuyết đã cho rằng, ngày xưa ấy *"có hai tiên đồng xuống trần gian giỡn trăng vui đùa mải mê mà quên về. Lúc mặt trời loé sáng, cả hai bị hoá đá"*, dựng nên mỏm đá Tiên Đồng trên một ngọn đồi trong thung lũng Kakalau thuộc đảo Kauai. Truyền thuyết đã như vậy, còn tiểu thuyết thì sao? Ông Võ thuật lại, trong cuốn "Haiwai" của James A. Michener, thời đệ nhị thế chiến *"có một phái đoàn Hoa kỳ sang đảo Bora Bora lo quốc dân trọng sự... Mỗi vị có một túp lều tranh với một...quả tim vàng. Riêng phần đại tá Hale, cô bé tiếp ông chỉ lớn hơn con gái ông có một tuổi."* Hãy lắng nghe lời cô bé nói với "người tình già" trong buổi sáng cuối cùng, khi cô được ông ta cho biết rằng ở lục địa Hoa kỳ không có phong tục như thế: *"Thật đáng tiếc, năm tháng qua nhanh lắm mà. Chẳng mấy chốc mọi chuyện rồi sẽ xong, và chúng ta không còn vui chơi nữa."* Gạt ra ngoài những nghi ngờ tính xác thực của lời nói đượm nhân sinh quan hiện sinh của một cô bé 15 tuổi, để cảm nhận nỗi lạnh lẽo đến rợn người của sự sống. ừ, cứ sống, cứ chơi đi, vì chẳng mấy chốc... Nhưng đừng quên lời (tự nhắn?) ông Võ ở đoạn cuối, khi ông nhắc tới cái viễn vọng kính đài Keck trên đỉnh núi Mauna Kea: *"Thành thử tại Hạ-uy-di, chúng ta có khung cửa sổ lớn nhất để loài người nhìn ra vũ trụ, ra cái Mênh Mông hãi hùng. Cái Mênh Mông còn có lời nhắn nhủ nào khác lời*

bé Tehani."

"Giữa Mênh Mông Vô Thuỷ Vô Chung, mỗi đêm khuya mỗi sớm mai, bên mép nước đại dương, tay bưng cốc cà-phê, ngồi mà rình xem cái chân diện mục của từng hút giây. Hồi hộp, run lên vì cái rạo rực ngấm ngầm trong mỗi phút giây. Chẳng phải là điều nên làm sao?"

Mỗi người có mỗi cách chọn lựa câu trả lời. Riêng cái đám văn thi sĩ, họ chơi họ sống đến độ táo tợn. Như Mishima đã chọn cách tự sát ngoạn mục để phô trương cái sống. Như Hemingway đã nhớn nhác phô diễn chủ nghĩa dương tính bành tính bất lực tuyệt vọng của người đối người, người đối thiên nhiên, người đối bản ngã.

Riêng Võ Phiến có cách lựa chọn của riêng ông khi viết "Hoan ca": **Sống.**❐

AN TIÊM

THƠ THẦN VÕ PHIẾN

"...Thơ Võ Phiến có đủ các đặc tính dí dỏm, tế nhị của văn Võ Phiến, mà lại truyền đạt được nhiều; thơ ông đi vào lòng người đọc nhanh, thẳng, sâu và bền hơn, để lại dư vị đượm đà như chung trà quí..."

Đỗ Quý Toàn, Thế Kỷ 21

"...Trong chừng mực nào đó, có thể nói Thơ Thần cô đúc nhân sinh quan của Võ Phiến, "diễn ca" tâm tình mà tác giả muốn gửi gấm cho thân hữu, một loại thơ người xưa thường gọi là "ký hữu". Thơ Võ Phiến không tìm độc giả, không tạo quần chúng. Có lẽ chỉ là lời nhắn cố nhân..."

Đặng Tiến, Diễn Đàn, Paris.

Nhà văn thích xuề xòa mà viết tinh tế

Trần văn Nam

Trong một cuộc phỏng vấn mới đây trên đài truyền hình "Little Saigon" vào tháng 6 năm 1998, nhà văn Võ Phiến so sánh mình với nhà văn Mai Thảo, một bên là gốc gác thôn quê, một bên là nhà văn của thành thị. Và ông tự nhận đã chịu ảnh hưởng và tiếp thu cái đẹp của văn nói từ các nhà văn miền Nam như Lê Xuyên, Vương Hồng Sển và mới đây là Nguyễn Văn Trấn. Ông muốn viết sao cho giản dị tự nhiên như nói chuyện, truyền thống khởi xướng từ Nguyễn Đình Chiểu, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Hồ Biểu Chánh. Quan điểm này của ông không mấy khác với những bài báo ông viết cách nay độ ba mươi năm mỉa mai "văn chương hôm nay" của nhóm *Sáng Tạo* và "văn học viễn mơ" của văn chương bên lề cuộc chiến. (Xin đọc bài Đặng Tiến viết về thi tập "Thơ Thẩn".)

Nhưng có phải Võ Phiến là nhà văn viết xuề xòa, dễ dãi, thiếu chăm sóc văn chương. Có lẽ là không, vì ông đã từng nổi tiếng là nhà văn chẻ sợi tóc làm tư, quan sát và phân tích tinh tường cảnh vật và con người (Ví dụ đoạn ông viết về cách ăn uống biểu lộ cá tính trong tập truyện "Thác Đổ Sau Nhà".). Và trong văn của ông còn có chất thơ, cái thi tính không do cấu trúc của hành văn như Mai Thảo mà do óc quan sát tinh tế vẻ khác thường của cảnh vật bình thường (như đoạn viết về hình ảnh người mẹ chới với giữa mây trắng bên kia bờ sông cao). Trong tập "Tùy Bút I", nhà văn Võ Phiến thường cảm hứng viết về những đề tài bình dân như món mắm dân tộc, món bánh tráng Bình Định, thú uống trà bằng tô lớn, ông chủ quán làm việc rụp rụp hào hứng, những món ăn phổ biến nhờ thời cuộc... Đọc vẫn thấy ông như một người đứng ở ngoài nói về những điều bình dân, chưa thực sự nhập cuộc bằng văn phong dân gian miền Nam như Hồ Biểu Chánh và Lê Xuyên. Cũng qua tập tùy bút đó, ông ưa phân tích đặc điểm địa phương ở Việt Nam như tiếng Huế có âm vực hẹp nhất

nước (đều đều, ít trầm bổng); giọng nói Bình Định gần giống như giọng nói miền Nam (nếu ta nghe danh hề Hoài Linh hát đúng giọng dân ca Phú Yên qua bài "Trách Thân" thì thấy nhận xét của Võ Phiến thật chính xác); tại sao món "cao lầu" chỉ quanh quẩn ở phố Hội An; người miền Nam khai khẩn đất mới ở đâu thì lấy tên mình đặt tên cho vùng đó (khai thác tới Sài Gòn thì có Bà Điểm Bà Quẹo, tới Cà Mau thì có sông Ông Đốc, gần tới biên giới phía Tây thì có núi Bà Đen...)

Như đã nói trên, trong văn Võ Phiến có chất thơ, và ta có cảm tưởng tùy bút mới là thể thơ thích hợp cho ông, nhà văn ưa quan sát tỉ mỉ, thích phân tích chi li, và với tâm hồn thi sĩ. Ta nhận ra được tâm hồn thơ đó qua một số bài tùy bút (không phải tất cả) và qua sự nhạy cảm của ông về một vài nhà thơ miền Nam (Tập I và Tập II). So sánh Thơ Võ Phiến và Tùy Bút Võ Phiến, ta thấy thơ như con sông đào khuôn khổ quy định bởi vần điệu, còn tùy bút như con sông thiên nhiên mặc tình trổ nhánh quan sát, tự do đi vào ngõ ngách phân tích. Không cố ý kỳ vọng mà các bài tùy bút sau đây đã là Thơ Võ Phiến. Ít nhất ta lấy ra được ba bài thơ trong tập Tùy Bút I: Mùa Xuân Con én; Hạt Bọt Trà và Những Đám Khói. Ta bay chơi cùng con én: én có mấy tên, én ăn gì, én ngủ ra sao, én kêu thế nào, én Phan Thiết, én Hà Tiên, én Khánh Hòa... Ta thưởng thức một bát trà Huế qua văn chương của Võ Phiến: cách nấu trà lắm lần ém nước sôi cho có nhiều bọt, cách rót trà ra bát; cách bưng trà cho khách, cách uống trà một hơi thật ngon, cách quệt râu dính bọt trà sau khi uống... Và những đám khói đốt cỏ trên đồng ruộng mênh mông miền Kiến Tường cứ vất vưởng chất thơ vào tâm hồn ta, lần đầu tiên đọc trên tuần báo *Khởi Hành* cách nay chừng 25 năm, vậy mà vẫn là "những hình ảnh tan biến chậm chạp" trong cảm quan người đọc:

"Chao ơi, những đám khói đốt cỏ ở chân trời trong nắng trưa, sao mà xúc động, cảm hoài. Những đám khói kể lể nỗi niềm bao la cuối một chân trời mênh mông. Đứng him mắt mà trông: khói lặng lờ, không vội vã, khói bát ngát, nhẫn nại, xa vời; hàng giờ, hàng giờ, khói tỏa, vừa hiền từ vừa mơ mộng... Sau một ngày đi, mệt mỏi, tê mê, đến đêm ta vừa đặt lưng xuống nằm ngủ, những đám khói ấy lại ùn lên trong giấc mơ. Và trong giấc mơ, không gian mênh mông càng vắng lặng, khói tỏa càng chậm, càng bát ngát...".

Xin trích một đoạn văn dài kể trên để thấy chất thơ của ông do óc quan sát tinh tế, thấy vẻ khác thường của cảnh vật bình thường. Cấu trúc văn chương Võ Phiến không cầu kỳ, không dùng những chữ mới lạ, nhưng đâu phải là thiếu cái ma lực ngôn ngữ của tiếng thơ vang vọng và bàng bạc. Giai đoạn viết những bài báo quy tụ thành *Tùy Bút I* là lúc ông chưa

chủ trương triệt để viết văn như nói chuyện.

Ta cũng nhận ra tâm hồn thơ đó qua một số bài nhận định về các nhà thơ Tô Thùy Yên, Phạm Thiên Thư, Phạm Công Thiện, Nguyễn Bắc Sơn, Nguyễn Đức Sơn, Quách Tấn, Nhã Ca, Trần Dạ Từ... Những rung động về thơ của ông nghiêng về mỹ cảm giao lưu với thiền cảm, tìm thấy chất thơ trong vẻ giản dị mà không thô sơ, vẻ khác thường siêu hình trong cảnh vật bình thường. Ví dụ về Quách Tấn, ông viết:

"Quách Tấn là người như thế. Ông không đi nhiều, không thấy bao nhiêu cảnh lớn lao hùng vĩ, không vào Nam ra Bắc gì ráo. Ông chỉ vào ra một thư phòng, một mái hiên, một khoảnh vườn, nghe một tiếng lá, nhìn một tia nắng của thường nhật, và chỉ viết về những cái như thế. Nhưng thơ ông, nhất là những bài thơ con con của ông sau này, gây một sợ hãi vu vơ, mơ hồ, mà mênh mang. Sợ hãi trước sự tịch mịch."

Nhận định tinh tế do rung cảm về thơ sâu sắc. Một tâm hồn không thơ thì có thể nào nhặt ra được những hạt vàng lóng lánh trên một bãi cát. Họ thu lượm những viên sỏi khuôn sáo mà tưởng lầm là các câu thơ hay. Một thi sĩ khác, với đề tài giản dị, lời thơ đơn sơ (trừ hai câu cuối) và đặt câu văn phạm bình thường, như bài thơ dưới đây của Nguyễn Đức Sơn (nhà văn Võ Phiến sưu tập trong tập *Thơ Miền Nam*), chứng minh cái giản dị đó không phải là thiếu mỹ cảm, thiếu cấu trúc:

Xem cha đốt cỏ ngoài rừng
Nâng niu mẹ ẵm theo mừng không con
Có vài chiếc lá còn non
Gió xua lửa khói nổ giòn trên không
Nắng tà trải xuống mênh mông
Bước theo chân mẹ cha bồng hư vô.
(Đốt Cỏ Ngoài Rừng - Nguyễn Đức Sơn)

Cả bài thơ tập trung xuống hai câu cuối, những lời đơn sơ ở đoạn trên chỉ nhằm để chuẩn bị. Hình ảnh thơ quyện lấy tứ thơ. "Bồng hư vô" âm vang tư tưởng Phật Giáo, có sinh thì có diệt, có hiện hữu thì có hư vô, hiện tượng chỉ là sắc sắc không không vô thường. Và hai câu này có lẽ là một linh cảm của Nguyễn Đức Sơn: Sau năm 1975, ông có một người con chết vì ăn phải nấm độc khi gia đình sinh sống vất vưởng ở một miền rừng trên cao nguyên Trung phần.

Trở lại điều đã nói: *Tùy bút mới là thơ của Võ Phiến*. Đọc trong thi tập "Thơ Thẩn" của ông, thỉnh thoảng ta gặp vài câu thơ mà nếu là tùy bút thì sẽ là những dịp ông triển khai óc quan sát, đi vào ngõ ngách phân tích như

con sông rẽ nhiều nhánh khi đến chỗ trũng thấp, chỗ mời gọi của vẻ đẹp tinh tế. Nhưng vì là thơ, câu và vần gò bó; nên chỗ mời gọi của tiếng vọng, của âm vang, của bàng bạc, phải đành khép cửa, chấm dứt ở ngõ cụt. Ví dụ, đi sau câu thơ "Trời gần sáng mới có mưa rón rén" đáng lẽ phải còn nhiều tiếng tí tách của giọt mưa, của bao nhiêu tiếng động chung quanh, của bao nhiêu liên tưởng, khi mà lúc gần sáng còn nằm trên giường, trí óc dễ dàng phiêu linh. Và như câu "Sáng thức giấc mình nghe quạ kêu ngoài công viên. Nghe tiếng chân con chim khua trên mái thiếc." Cũng buổi sáng, cũng tiếng động rón rén, vậy mà câu thơ đến đó thì thôi, đã bắt qua ý tưởng khác, không liên quan gì nữa đến tiếng con chim mời gọi quan sát và phân tích. Con chim này thật thiệt thòi so với "Con én mùa xuân" trong văn tùy bút của Võ Phiến.

Thiết nghĩ đem cái "Minh Triết Chân Quê" (chữ dùng của Đặng Tiến) vào văn học thì chỉ là về mặt nội dung, còn hình thức văn chương của Võ Phiến thấy không có tính chân quê. Võ Phiến với đề tài về bánh tráng Bình Định hay mắm mòi Phan Thiết, rõ ràng là không sang trọng như "Mười Đêm Ngà Ngọc" hay "Để Tưởng Nhớ Mùi Hương", nhưng văn phong của ông và Mai Thảo vẫn cùng trong nhóm các nhà văn được đào tạo từ lò hàn lâm chữ nghĩa. Có thể ông muốn đem lại một giá trị văn học cho những tiểu thuyết viết như nói chuyện, mà thực ra người viết tiểu thuyết không chắc đã có ý định làm văn học, nghĩa là viết tiểu thuyết chỉ để sinh sống trong các nhật báo. Khi Lê Xuyên viết "Chú Tư Cầu" hay "Rặng Trâm Bầu", có lẽ ông không định tâm phát huy cái đẹp của văn nói. Nhà văn Bình Nguyên Lộc viết cuốn "Tình Đất" hay tiểu thuyết "Đò Dọc", chắc có ý thức về việc đó vì Bình Nguyên Lộc là nhà văn hơn là người viết tiểu thuyết định kỳ để sinh sống như Lê Xuyên. Thi sĩ Nguyễn Bính viết bài thơ "Chân Quê" với những câu:

Hoa chanh lại nở vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê

Ta nghĩ đây là những lời nói tế nhị, không chân quê, vì tác giả dùng lối ẩn dụ thơ mộng để khuyến dụ người yêu đừng bắt chước tỉnh thành. Cũng vậy, trong bài đó, Nguyễn Bính lại một lần áp dụng tu từ pháp:

Hôm qua em đi tỉnh về
Hương đồng cỏ nội bay đi ít nhiều.

Ta đừng nghĩ hễ trong thơ có những từ "thầy u", hoặc trong văn có

những hình ảnh "bánh tráng, mắm nòi" thì tác giả đã là người chân quê. Có thể chân quê do nơi sinh trưởng, do nguồn gốc tự lấy làm hãnh diện, nhưng văn phong biểu hiện là những người viết tinh luyện Việt ngữ. Tinh luyện Việt Ngữ, hoặc do đào tạo từ trường ốc, hoặc là do viết lách già dặn, nhưng trước hết có năng khiếu đặc biệt về văn chương, có tâm hồn thi sĩ.

Ta nói nhà văn thích xuề xòa là nói về chủ trương đi tìm cái đẹp của văn nói, không nói về cách sống tư riêng của nhà văn, vì thực sự ta không biết nhiều về cá nhân của Võ Phiến. Bài này viết trước khi đọc cuốn sách biên khảo rất đầy đủ của Nguyễn Hưng Quốc về nhà văn này. Nếu đã đọc trước thì chắc không còn hứng để viết cho hết bài, vì những nhận định của Nguyễn Hưng Quốc gần như bao trùm những điều có thể nói về nhà văn chủ trương đi tìm cái đẹp của văn nói: *"Có thể nói đặc điểm nổi bật nhất trong văn phong Võ Phiến là ưu thế của lời nói... Võ Phiến có công văn chương hóa khẩu ngữ... Năm 1959 (Võ Phiến) khen văn phong miền Nam bằng một thứ văn phong tề chỉnh của miền Trung miền Bắc... Năm 1986, Võ Phiến nói về văn phong miền Nam bằng chính văn phong miền Nam, cũng "nhanh nhẹn thoăn thoắt", cũng "tuồng tuột ngon ơ"... đặc điểm nổi bật nhất của văn phong miền Nam chính là việc khai thác đến tận cùng khả năng của khẩu ngữ... Theo Võ Phiến, sức hấp dẫn chính của các truyện phơi-dơ-tông (tiểu thuyết đăng từng kỳ trên nhật báo) là ở đàm thoại... Tại sao gần đây Võ Phiến lại nói nhiều? Tôi ngờ lý do chính là vì Võ Phiến sợ. Trước hết là sợ cái cũ, cái sáo... những sáo ngữ có lúc tràn lan khắp nơi, ông nổi dóa xổ nhôm... ông nói nhiều vì ông sợ những cái đọc vội vàng, lúc nào cũng gấp gáp của con người đô thị cuối thế kỷ 20.*

[Nguyễn Hưng Quốc trong tập biên khảo "Võ Phiến", từ trang 32 đến trang 43].

Qua vấn đề đặt ra giữa văn nói và văn viết, ta chợt có ý nghĩ riêng về thơ. Người nào thích thơ biểu hiện cái tự nhiên vui khỏe của đời sống sinh động thì chọn văn nói. (Một khi đi vào văn chương thì những đàm thoại trơn lu tuồng tuột vẫn có sự sắp xếp mang tính cấu trúc). Và người nào thích làm thơ thiên về mỹ cảm của ngôn ngữ thì chọn văn viết (Nhà thơ thường tránh các từ ngữ đẹp đẽ khuôn sáo, đi tìm rung cảm nghệ thuật dưới những bề ngoài cũng đơn sơ, cũng thường nhật). Nhìn cho rõ, cả hai đều đăm chiêu về cấu trúc, đều mang tính văn chương (có ý thức làm văn học), và cả hai đều muốn tỏ ra giản dị. Vấn đề là vì người đọc đã nhàm chán những khuôn sáo cổ điển, những cũ mòn ước lệ. Cái sợ của nhà thơ cũng đồng dạng với cái sợ của nhà văn mà Nguyễn Hưng Quốc đã nói ở đoạn trên.❐

Gợi hứng từ Võ Phiến
SỬ MẶC

Đêm tùy bút

Đêm phiến gỗ trầm thơm tùy bút
ngọn bạch lạp soi chiếc hòm vạn kỷ
y trang còn đấy nguyên từng nếp gấp hương băng
chẳng cung tần sao lộng lẫy
con mắt liếng nụ cười tinh
vuốt dọc lưng niềm da thân thiết
tàn nhang vết chủng dời
thả lười một cơn du mộng

Đêm sáng trăng xuân
những chiếc lọ thủy tinh nhảy múa
bếp lửa nhân quần dánh hơi con chữ
sợi tóc ngoại vi bò về trang sách
mở lén ra cổng trời
rạng hồng về sáng thảnh thơi.

Đất của con người
(Collage - Võ Phiến, Tùy Bút I, trang 226)

Sấm vãng dậy tư bề
Kinh khuya lắc khuya lơ
Sớm, trời vừa tỉnh giấc
Ngâm, đã tự bao giờ.

Viễn

Hoàng Xuân Sơn

Trong các từ Hán-Việt, có một chữ tôi rất thích, đó là chữ VIỄN. Mặc dù chữ XA đọc lên nghe vẫn giàu âm điệu nói về khoảng cách, sự chia lìa, ly biệt nhưng tôi vẫn thích chữ VIỄN hơn, vì lúc viết ra, ngoài âm hưởng còn mang thêm một hình tượng sâu thẳm, hun hút cả không gian lẫn thời gian. VIỄN, với dấu ngã (~) như một ngọn cước, đá vút về cõi vô tận, hình dung một nơi chốn xa tắp nghìn trùng; VĨNH VIỄN, MIÊN VIỄN. Tôi thích viết những câu lồng chữ VIỄN bên trong:

Mai về sông núi lạ nhau
chờ trăng viễn vọng qua cầu gian nan

Thức viễn hoa lay trắng cửa..

Như thế, tôi chọn VIỄN PHỐ làm nhan cho tập sách đầu tay. VIỄN PHỐ... VIỄN PHỐ... gợi tưởng một cái gì thật gần gũi mà xa xôi lắm! Cơ duyên là đó, mà trùng hợp cũng là đó. Một cơ duyên bọt bèo.

Số là đầu mùa hè năm 1988, lúc tôi sang tiểu bang Virginia ra mắt thi tập VIỄN PHỐ, trong số bạn bè tham dự có anh chị Hồ Bửu, người cùng quê Bình Định với nhà văn Võ Phiến. Anh chị Bửu ngỏ ý muốn dành riêng một bản đặc biệt để gửi tặng ông bà Võ Phiến mà anh chị nghĩ rằng sẽ tạo một hứng thú bất ngờ cho ông bà ấy. Không phải do giá trị văn chương của tập thơ, tôi nghĩ như thế, mà chỉ vì một cái tên. Vâng, một cái tên, VIỄN PHỐ chính là phương danh của bà Võ Phiến. Được tiết lộ, tôi cũng rất vui mừng vì tác phẩm đầu tay bề gì cũng có dính líu tới người mình mến mộ.

Nói mến mộ Võ Phiến chỉ là một điều thường thôi, vì ai mà không

thích Võ Phiến. Cái đẹp vẫn nằm sờ sờ ra đó. Thật ra, từ lúc lấy sách ở nhà in về, tôi đã dành riêng một bổn, trang trọng đề tặng ông bà Võ Phiến với ý đồ láu cá là muốn... làm quen lớn. Không phải đợi tới lúc Hồ Bửu mua sách hay nhà văn, họa sĩ Võ Đình (người viết tựa cho cuốn Viễn Phố) nhắc nhở tôi gửi sách tặng ông bà Võ Phiến. Sự quen biết anh Võ Đình, một tài danh khác của văn học, do tình cờ cũng là một cơ duyên nhưng là một cơ duyên có đâm hoa kết trái: Anh Võ Đình có "chăm sóc" đến tôi nhiều lắm. Vô số kể! Với nhà văn Võ Phiến, có cơ mà chẳng thành duyên. Một cơ duyên váng vất, "phù thế", rất "hạt bọt trà".

Bàn về tài năng lừng lẫy, cái hay ho của Võ Phiến đã có lắm người rồi. Nói thêm vào e rằng vẽ rắn thêm chân, lòi ra cái thói a dua dây hương giành lấy chút phần. Tôi chỉ muốn kể trường hợp quen biết Võ Phiến như một kỷ niệm vui buồn trong cuộc đời có dính dáng ít nhiều tới ngòi bút. Nghĩ cho cùng, trong cái đám viết lách tài tử sồn sồn cỡ bọn tôi ai mà chẳng ham được các bậc đàn anh để bạt, ban cho vài chữ vàng ngọc, nhất là đàn anh cỡ Võ Phiến. Nên chi thái độ viết thư, tặng sách "tự tiến cử" chỉ là thói thường. Thói thường của kẻ mon men đi tìm dấu ấn, một thứ cầu chứng tại tòa. Dù thấp thỏm, dù không chắc chi được trân trọng hồi đáp như lòng mong mỏi vì mình tự biết mình quá xá: Tài cán được bao lăm! Hi vọng hão!! Cách cư xử của "Thầy Cả" Võ Phiến đối với kẻ hậu sinh trong sơ giao tuy chừng mực, giữ khoảng cách mà vẫn nhuốm mùi nhân ái. Có thân tình mà không đến nỗi quá vồn vã hay thờ ơ lãnh đạm. Đó là một lối ứng xử khéo léo như cách viết Võ Phiến. Để tỏ lòng kính trọng bậc trưởng bối, trong thơ ngỏ đầu tiên, tôi xưng hô với nhà văn Võ Phiến bằng Ông. Nhưng chính ông đề nghị: ta gọi nhau bằng anh, em cho dễ vì trong văn nghệ không có phân biệt cấp bậc tuổi tác (ông nhấn mạnh rằng đó cũng là một hậu ý láu lĩnh phần ông... để làm cho tuổi xuân co cụm lại). Về sách tặng, ông ngỏ ý là ông bà cũng rất thích nhan sách (Dĩ nhiên! VIỄN PHỐ, tên gọi của cam-kết-một-đời). Phần nội dung, ông cho rằng họa sĩ, nhà văn Võ Đình bạn ông, người viết giới thiệu cho tập thơ, là một người thưởng văn rất tinh cho nên "anh ấy đã nói hết rồi, tôi khỏi phải nhắc lại". Đó cũng là một lời nói khéo, khó làm mất lòng ai. Thật tình cũng không thể trách nhà văn Võ Phiến: ở hải ngoại này lần hồi nảy sinh ra lắm tài năng viết lách mới, ai cũng muốn dựa hơi Võ Phiến, làm sao ông bao cấp hết cho nổi. Thận trọng, cân nhắc là đúng. Thư từ trao đổi sau đó cũng được nghe ông luận bàn đến nhiều vấn đề lý thú khác: cập nhật hóa về cây ổi Tầu, cây Sakê v.v... và sự bày tỏ thái độ quyết liệt phản đối nhà cầm quyền Hà Nội đã gán ghép, sát nhập các tỉnh vào với nhau như Bình-Trị-Thiên, Quảng Nam-Đà Nẵng, Nghĩa-Bình v.v... mặc cho sự

khác biệt về địa phương chí: vấn đề đất đai và phương ngữ mỗi vùng mỗi khác, từ Quảng Bình vào đến Quảng Ngãi còn xài mô, tê, răng, rứa; đến Bình Định thì hết. (Đọc thêm: Người Bình Định - *Tùy Bút I* trang 138; Thành tích trên đầu lưỡi - *Tùy Bút I* trang 148)

Mùa thu năm 89, nhân có Đại Hội Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại tổ chức tại Montréal, hay tin ông bà Võ Phiến sẽ sang dự, tôi như mở cờ trong bụng, vẽ ra trong đầu biết bao cách tiếp rước hay ho và cũng hồi hộp không kém vì lần đầu tiên giáp mặt thần tượng. Vậy mà rồi xôi hỏng bỏng không vì ông bà cất bước đi đâu thì cứ y như là vầng thái dương thu hút cả đám vệ tinh lớn nhỏ bu theo. Tôi vốn người cả thẹn, không có lấy cơ hội để bày tỏ "một chút niềm riêng" nên chỉ biết lóng ngóng, ngẩn ngơ nhìn tượng thần mất hút vào đám đông. Tần ngần rồi mới nuối tiếc cơ hội ngàn vàng. Đúng là có cơ mà chẳng nên duyên.

Trong bài phỏng vấn của báo *Làng Văn* năm 1990, để trả lời câu hỏi của Đào Huy Đán: "Nếu phải chọn một nhà văn Việt Nam tiêu biểu, anh chọn ai?" Tôi nhớ là đã trả lời rằng nhà văn Việt Nam nào tôi cũng đều yêu mến cả, trong đó hàng đầu phải kể Doãn Quốc Sỹ, Võ Phiến là hai nhà văn, theo tôi, có những tác phẩm đánh động vào lòng người nhất. Nhưng nếu phải chọn một nhà văn tiêu biểu, tôi không ngần ngại chọn Võ Phiến: Ông gần gũi và thân mật xiết bao! Nói nôm na là giữa cốt-cách-đạo-nhân-Doãn-Quốc-Sỹ và Phong-Cách-Nghệ-Sĩ-Võ-Phiến tôi muốn nghiêng về đời sống thực tế hơn là lý tưởng cao vời. Phải nói là cả nhà tôi "mê" Võ Phiến, đọc ngấu nghiến, đọc đi đọc lại bất cứ cái gì ông viết ra. Chúng tôi biết ơn ông đã sắp xếp lại cho đời sống thường nhật những sinh hoạt nhỏ nhặt tưởng chừng như quên bẵng. Cám ơn ông đã cho những cái "đánh đét đùi thống khoái", "mồm lẩm bẩm... cái ông này thiệt..." khi bắt gặp những câu văn thú vị, tài tình. Cám ơn, cám ơn nhiều lắm! Nếu có người cho rằng Mai Thảo là nhà văn suốt đời trân trọng với chữ nghĩa thì tôi nghiệm ra rằng chính ông, Võ Phiến là người tận tụy, có cả một mối tình thắm thiết với chữ nghĩa văn chương. Dù nhẩn nha viết, nhưng không thể mường tượng rằng tới một lúc nào đó ông sẽ ngưng viết. Như nước trên nguồn róc rách, dường như ông luôn luôn có sẵn một cái gì đó để viết ra. Tình sâu nghĩa nặng là thế không trách gì ông đã khám phá được nhiều tài hoa mới cho văn học Việt Nam: từ Nguyễn Bắc Sơn, Vũ Hữu Định đến Hoàng Ngọc Tuấn, Nguyễn Mộng Giác v.v..., những cái tên lúc nào cũng được ông nhắc nhở đến với lời lẽ âu yếm vỗ về mà không kém phần trang trọng. Người được tuyên xưng sung sướng đã đành mà kẻ khám phá cũng thập phần thống khoái: y như trông thấy một cái gì đó đã thuộc về mình. Cả một sự tương tác giữa văn chương và cuộc đời.

Năm 1993, sau hơn một thập niên sinh sống ở nước ngoài, lần đầu tiên tôi mới có dịp xuất du sang thánh địa Ca li. Ngờ rằng kỳ này không thể để vuột mất cơ hội nữa. Thế nào cũng sắp xếp đi thăm cho bằng được ông bà Võ Phiến và một bậc trưởng thượng khác mà tôi rất quý mến, nhà văn Hoàng Liên ở San Francisco. Rứa mà, hỡi ôi, cuối cùng cũng lỡ dở cả. *Mea Culpa*! Tự tìm cho mình một lý do để bào chữa: đi theo gia đình không chủ động được, không thuộc đường đi nước bước v.v... Ôi núi Thái Sơn vẫn lừng lững đó mà mình chỉ mới mon men tới mép rìa thì thiệt là... tệ!

Giờ đây, dường như trong tôi vẫn canh cánh một nỗi ngậm ngùi: Người mình ưa thích, mong muốn được gặp thì đã ở vào tuổi thất thập cổ lai hi mà mình thì lại cư ngụ quá xa, tuốt tận bắc phương biệt mù. Bao nhiêu là cách trở! Cái ao ước được cùng nhà văn Võ Phiến ngồi nhâm nhi một tách trà, nghe chuyện đông tây kim cổ, để được sung sướng gãi đầu gãi tai xem chừng vẫn còn nằm trong chữ VIỄN, xa vời lắm!❐

Hạ chí năm 1998

Cây đa bên cầu

TRẦN HOÀI THU

Trong Quê Nhà,
nhà văn VP đã viết về cây đa bên cầu Lại giang.

Thị trấn nằm hai bờ quốc lộ
Vỉa hè loang lở đường mương con
Những quán bên đường nghèo trống gió
Những cô hàng buồn như tản cư

Bồng Sơn mùa nước dâng sông Lại
Ngày sũng loang trên những mảng dừa
Mặt trận đổ theo bìa Đệ Đức
Nghe cận kề lửa hướng Tam Quan

Bồng Sơn, mây ám toàn tin dữ
Chiều chưa buông, quận đóng năm giờ
Giặc chiếm cận sơn, người chạy loạn
Còn bên cầu, trơ trọi cây đa

Cây đa. Có mặt khi nào nhỉ
Có phải nơi này là quê hương
Có phải mỗi con người trôi dạt
Cất trong tim: bóng mát thiên đường

Cây đa. Vươn giữa trời bi lụy
Những thổ thần hoang lạnh lu nhang
Lửa cháy Trường Lưu, đò đã chặn
Chị ra sông, ơi ới đoạn trường

Cây đa. Ngàn rễ dâm lòng đất
Như tấm lòng người với Bồng Sơn
Đa bám làng, tôi đi bám đất
Đất và làng, thương quá quê hương...

chân dung võ phiến

qua ống kính nhiếp ảnh gia

Nguyễn Bá Khanh

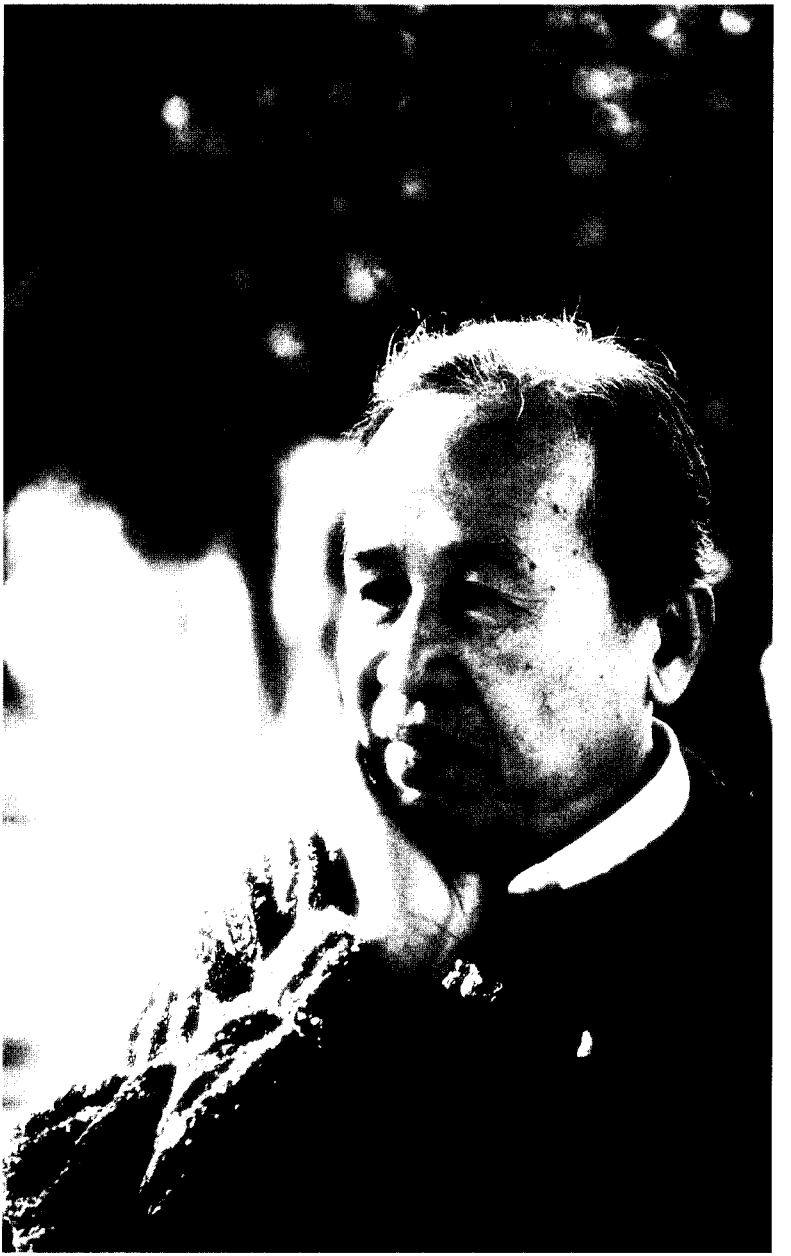

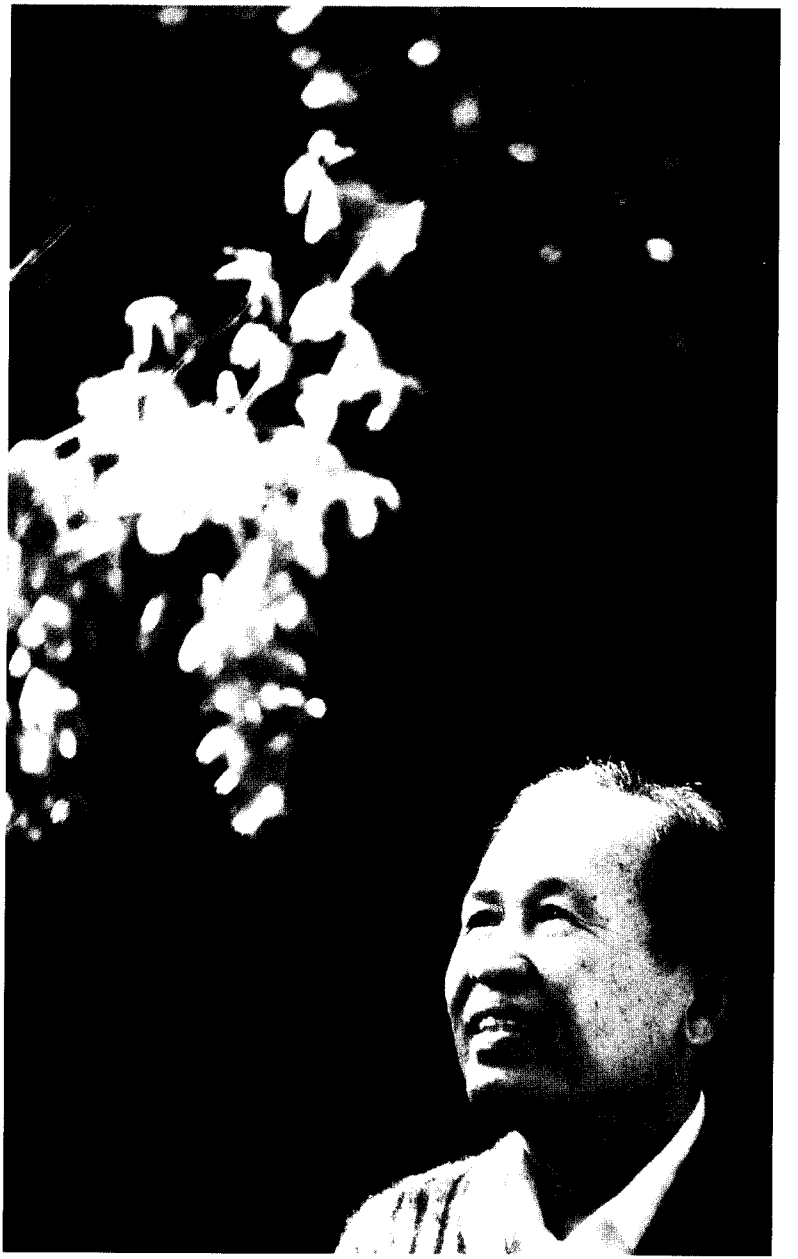

trích văn võ phiến

Theo đề nghị của Văn Học, nhà văn Võ Phiến chọn lựa một số bài tiêu biểu trong từng thể loại để in trong phần này, giúp cho các bạn đọc lâu nay chưa đọc Võ Phiến nhiều, có cái nhìn chung về văn phong của ông. Dĩ nhiên đây chỉ là một phần rất nhỏ trong văn nghiệp đồ sộ của Võ Phiến. Văn Học hy vọng sau khi đọc số báo đặc biệt này, nhiều bạn đọc (nhất là các bạn trẻ) sẽ tìm đọc *Võ Phiến Toàn Tập* do nhà xuất bản Văn Nghệ xuất bản và phát hành, hiện có bán tại các hiệu sách hay lưu trữ tại các thư viện đại học. *Văn Học*

Cái còn lại

Võ Phiến

Năm đó chàng độ hăm lăm hăm sáu tuổi. Không chừng đến ba mươi cũng nên. Chàng không nhớ rõ: vào khoảng từ hăm sáu tới ba mươi. Một đêm đầu tháng chạp mẹ chàng trở bệnh. Hai giờ sáng, chàng lấy tờ báo chiều hôm trước ra tìm bác sĩ trực.

- Đường Võ Di Nguy, số chừng ấy, khoảng nào nhỉ? Số lẻ, phía bên nào nhỉ?

Cả nhà không ai nghĩ ra. Một danh từ, một con số, không có gì đặc sắc cả, không ai để ý đến, không ai có một ý niệm gì hết.

Khi chiếc tắc-xi ngừng, chàng nhận thấy phòng mạch này cũng có vẻ quen quen, chàng đã đi ngang qua nhiều lần (Vả lại ai chẳng nhiều lần đi đường Võ Di Nguy?).

Thủy đỡ mẹ xuống xe. Chàng bấm chuông gọi. Đây là lần đầu chàng đến phòng mạch ban đêm. Trước nhà, dưới ô-văng, có một ngọn đèn đặt trong hộp kính mờ, bên ngoài vẽ dấu chữ thập đỏ. Ánh sáng lãnh đạm, buồn hiu. Năm ba con vật li ti có cánh bay lởn vởn. Một con thằn lằn rình trên vách, gần đấy. Làm sao biết có người thức nghe tiếng gọi của chàng vừa rồi?

Chàng ngần ngại, rồi bấm chuông lần nữa. Một ngọn đèn khác, cũng bóng đục, nhỏ bằng quả bóng bàn, bật sáng ngay phía trên cửa sổ. Bên trong đã trả lời.

Lát sau người y tá mở cửa, mời vào. Lại chờ đến năm phút nữa là ít. Phía trong phòng việc của bác sĩ, người y tá đi lại, mở đèn, khua động. Bên ngoài, chàng nhìn vơ vẩn từ tấm lịch đến mấy bức tranh cũ trên vách. Vách bẩn, đã quá lâu không quét vôi lại. Căn phòng có vẻ không được săn sóc.

Viên bác sĩ lặng lẽ làm việc, hỏi rất ít, nói rất ít, dáng điệu mang

nặng giấc ngủ. Ông chích cho mẹ chàng một mũi kim, pha trộn bằng hai thứ thuốc. Ông ta nói với cô y tá vắn tắt, thấp giọng một cách biếng nhác, thiếu cố gắng. Nhiều lần ông phác một dấu hiệu nhỏ thay cho lời nói. Họ hiểu với nhau. Không phải viên bác sĩ làm việc không cẩn thận. Lúc ngồi viết toa thuốc cho mẹ chàng, ông ta có lần ngừng lại để nghĩ ngợi, đắn đo. Ngón tay trỏ của bàn tay trái, một ngón tay to lớn đè lên cánh mũi, ấn xuống, buông ra, rồi ấn xuống. Mẹ chàng bận bịu với các khuy áo trong áo ngoài phải cài lại. Thủy và chàng theo dõi ngón tay băn khoăn của bác sĩ trong giây phút trở thành nghiêm trọng. Cô y tá nhìn nét mặt chàng, chia xẻ sự lo lắng.

Có lẽ vì sự lo lắng ấy, vì một ngón tay đã ấn trên một cánh mũi đồ sộ của viên bác sĩ, cũng có lẽ vì là một cuộc khám bệnh hai giờ sáng, vì là một con bệnh hiếm hoi, cho nên mẹ chàng được cô y tá đưa ra tận lề đường. Khi chiếc tắc-xi rồ máy, gài số, sắp chạy, chàng nghe cô ta đập gọi ngoài hông xe. Chàng vội mở cửa ra, để được chỉ cho thấy một chéo áo dài của mẹ chàng bị kẹt vào cửa xe, ló ra bên ngoài. Chàng nói cảm ơn, cô y tá quay vào không kịp nghe.

Sáng hôm sau chàng lại trở lại phòng mạch. Cô y tá ngồi một mình ở phòng khách, lom khom dũa móng tay. Vóc người rắn chắc, tròn trịa, đẹp. Nước da không được sáng, hai cánh tay phơi trần ngoài tay áo *blouse* có nhiều lông, không phải thứ lông tơ yếu ớt mà là những sợi lông đen khá dài. Nhìn vào mặt, chàng nhận thấy lông mày của người con gái cũng mạnh mẽ, rậm rạp. Hình như trong dòng dõi cô ta có pha một chút máu Ấn-độ? Có lẽ vì vậy nên cô ta có cái mũi tuyệt khéo, sống mũi cao hơn mũi phần nhiều người Việt nam.

Cô ta vội hỏi: "Cụ không bớt đau sao ông?" - "Bớt. Có khá. Nhưng có một thứ thuốc trong toa tìm mua không được. Tôi tới xin bác sĩ đổi cho thứ khác." - "Ông chờ tí. Bác sĩ chưa đến." - "Trực một đêm, mỏi mệt. Cô đến sớm nhỉ." Người con gái mỉm cười, cúi xuống móng tay. Một bà giúp việc, độ trên bốn mươi, mặc tạp-dề xanh, từ phía sau đi ra trước nhà, băng ngang qua phòng khách. Một lát rồi lại trở vào, băng qua phòng khách, đi luôn vô một phòng nào ở sau.

"Cụ được sáu mươi chưa...?" Chàng đáp: "Có lẽ chưa tới đâu cô, tôi không nhớ rõ." - "Trông cụ có vẻ yếu đuối... Cô đi theo đỡ cụ đêm hôm đó là..." - "Cô đoán coi là gì với tôi?". Người con gái nhếch cười nhưng không nói gì, vẫn cúi xuống móng tay, chờ đợi. Chàng hỏi: "Cô trông nó giống tôi không?" - "Nếu không giống tôi đã không hỏi." - "Đàn bà con gái ý tứ thật. Bọn tôi, cứ... thắc mắc là hỏi liền!" Hai người cười với nhau; chàng cười xòa, còn người con gái thì hưởng ứng lặng lẽ.

Cô ta hỏi tiếp: "Em kể?" - "Kể như kể. Nó có con chị, mất từ nhỏ. Chắc nó cũng một tuổi với cô." - "Cô ấy năm nay bao nhiêu?" - "Mười chín". Một chiếc xe chở gạch vừa chạy ngang qua trước nhà, cô y tá không nghe được tiếng chàng nói. Cô ta ngẩng đầu, hơi nghiêng mặt về phía chàng, nhướn mắt lên, nhướn riêng con mắt phía chàng, làm cho vòng mi bên ấy vươn cao lên, cong vòng. Cử chỉ thay thế một câu hỏi tỏ ý bảo chàng lặp lại câu nói vừa rồi. Cô ta tự cho phép một sự thân mật bất ngờ. Con gái khi phải đi bước trước, họ cũng đi một cách tài tình, kín đáo.

Một lát sau, khi viên bác sĩ đến, thì chàng đã kể cho cô gái biết chàng đang theo học ở đâu, tuần trước chàng tập nhu đạo bị trẹo xương như thế nào, và cô ta đã kịp nói cho chàng biết cô sắp thôi làm việc ở phòng mạch này, cô không phải là y tá, không biết thuốc men gì cả v.v...

Chàng hỏi bác sĩ xong, trở ra, phòng mạch vẫn chưa có thêm người khách nào. Cô y tá đứng vịn tay lên cửa nhìn theo chàng. Gọi được xe, chàng giơ tay chào, cô ta yên lặng cười, không làm dấu gì để đáp lại, nhưng tiếp tục cái nhìn săn sóc cho đến khi xe chạy.

Về nhà, chàng bắt đầu tẩn mẩn để ý đến vài vấn đề: phòng mạch này không phải là nhà ở, chỉ là một căn phố nhỏ thuê để tiếp khách, viên bác sĩ đến đó để khám bệnh rồi về, vậy những đêm trực chỉ có một ông với một cô y tá, họ ở lại như thế nào? cô ta là gì đối với viên bác sĩ? một cô em họ, một cháu gái? một người giúp việc? điều này có liên quan gì tới quyết định thôi việc của cô ta? Và chàng với cô ta sao gần nhau dễ dàng, giản dị quá, việc hai người sẽ thân nhau không có gì tự nhiên hơn, như không sao tránh được.

Nhưng không phải mỗi lúc người ta mỗi có dịp đi tới phòng mạch bác sĩ.

Một hay hai tháng sau, mua đôi giày ở một tiệm gần đấy, chàng sực nhớ, ghé vào xem thì quả phòng mạch đã có cô y tá khác.

Từ đấy căn phố nhỏ có chữ thập đỏ trên hộp kính mờ ấy trở lại lặn vào đám đông vô danh của nhà cửa đô thị. Chàng đi qua đi lại không chú ý đến nó, không nhớ gì về nó nữa. Nó lại trở về gia nhập vào những cái nhàm chán của cuộc sống thường nhật. Không ai có thể lưu ý đến từng ngôi nhà bên đường đô thành. Đường Võ Di Nguy, số lẻ, phía nào nhỉ? Cả nhà chàng lại không ai nhớ ra.

Có lần, độ chừng một năm sau đó, ở ngã bảy Chợ Lớn, đường bị kẹt vì một đám ma lớn kéo đi chậm chạp, chàng dừng xe ở đường này trông thấy ở đường kia một người con gái mặc chiếc áo vàng, tay xách chiếc

giỏ mây, đi bên cạnh một người con gái khác, vừa đi vừa nói cười, cả hai tiến sâu vào một ngõ hẻm. Trông như họ đi chợ vừa về. Chiếc giỏ có vẻ nặng, cô gái hơi nghiêng người nhưng bước đi vẫn nhanh. Chàng nhận ngay ra cô y tá năm trước, và đột nhiên nhận rõ mối cảm tình của mình đối với cô ta. Chàng nghĩ đến một chi tiết chưa bao giờ nhớ tới, từ hồi ấy đến giờ: lúc viên bác sĩ vào phòng mạch, cô ngừng câu chuyện đang nói với chàng, đứng lên, chợt bắt gặp mắt chàng đang nhìn vào cánh tay cô, cô ta nhoẻn cười lấy bàn tay kia xoa mấy vòng lên cánh tay bị nhìn. Nhiều sợi lông rối lại, rồi bung ra. Cô ta ngượng vì những sợi lông ấy, hay hãnh diện vì chúng? Chàng nghĩ: cô không nên ngượng nghịu, hãy cứ để yên thế, chúng nó kích thích.

Những cuộc gặp gỡ như thế không soi sáng, không giải thích gì thêm cho nhau. Chúng chồng xếp lên nhau, không liên hệ.

Bây giờ là ba mươi năm sau. Cuộc sống thường nhật càng đầy dẫy những cái vô danh mù mịt, lu lít, nối nhau kế tiếp lướt qua đời chàng, không một khua động. Một buổi sáng, bỗng nhiên chàng nhớ đến cô y tá đêm nọ ở phòng mạch một bác sĩ trực.

Bây giờ mẹ chàng đã qua đời trên mười lăm năm, tóc trên đầu chàng mười phần bạc đến bảy tám, và rụng mỗi ngày một nhiều, phơi lộ những khoảng da đầu láng bóng;

Bây giờ, sau khi chàng có một người vợ thứ nhất, người ấy chết vì một mụt độc sau lưng, đứa con lớn đăng lính, lấy vợ, ở lại ngoài Bắc, không tin tức, không buồn liên lạc với chàng, đứa con gái kế lấy hồng làm thợ sửa máy thu thanh, sau khi chàng có người vợ thứ hai, người này gian díu với một thằng bạn khiến chàng nhúng tay vào một vụ sát nhân, sau khi mãn tù về, ngán ngẩm chuyện vợ con, xế chiều chàng tình cờ gặp người đàn bà luống tuổi hiện đang ăn ở với chàng;

Bây giờ, khi hầu hết những hy vọng, dự định về cuộc đời của chàng đã tan vỡ hết, trong một trăm điều dự tính có chín mươi chín điều sụp đổ, chàng sinh sống bằng nghề chăm nom vườn hồng ba mươi tám giống hoa của một người chủ Huê kiều, thỉnh thoảng có dịp hưởng chút hãnh diện nhỏ nhặt khi được thi thố một vài hiểu biết chuyên môn. Một buổi sáng trời kéo dài một trận mưa lôi thôi sùi sụt, ngồi buồn với tờ nhật trình cũ ngày hôm trước, bỗng nhiên chàng sực nghĩ tới những gì loáng thoáng xảy ra giữa chàng với cô y tá nọ, chàng, ngót sáu mươi tuổi đầu, và cô con gái mười chín.

Giữa khoảng cách từ sự việc loáng thoáng xảy ra đó đến ngày nay chàng đã ba lần vào dưỡng trí viện (lần sau cùng ở mãi hai năm rưỡi,

tưởng không khỏi điên), chàng đã đền tội bốn năm ngoài Côn Lôn, sáng sáng cùng đoàn tù nhân khổ sai nối đuôi nhau trên con đường trải nhựa độc nhất trên đảo, lặp lại muôn lần như một cuộc hành trình duy nhất suốt năm này qua năm nọ từ lao xá đến rừng, để chiều đến lại nối đuôi thả bộ mười cây số trở về chỗ nằm của mình, chàng đã tự tử hụt một lần, suýt chết vì bệnh lao phổi một lần v.v..., và ngày nay, một buổi sáng trời mưa, trong không gian kéo dài một điệu hát nhão nhòe nhão nhoẹt từ một máy thu thanh nào phát ra, chàng bỗng nhớ đến sự việc nhỏ nhặt, loáng thoáng ấy.

Ngày nay sáu mươi tuổi già, đầu tóc mười phần bạc đến bảy tám, ngồi một mình với tờ nhật trình cũ và tách cà-phê ba đồng nhấm nghe chua chua, chàng chợt thấy lại sự việc cũ; giống như một hôm, trưa nắng, một người đứng trên miệng giếng cúi nhìn xuống lòng giếng quang tĩnh chợt trông thấy cả đáy cát trắng, thấy một mẩu dây dừa, một chiếc gàu rách đứt dây nằm đó từ năm nào, thấy chiếc gương con bỏ túi của chị hai bị tuột rơi hồi chị còn giúp việc trong nhà (bây giờ chị đã có chồng có con, đi làm ăn phương xa), và lẫn lộn giữa những thứ ấy là một món đồ chơi bằng nhựa (một chiếc máy bay, một chiếc xe hơi...) chính ta đánh rơi năm xưa. Hóa ra những cái ấy vẫn còn, còn cả, được giữ ở một nơi nào đó, giữ hầu như y nguyên mà vô dụng. Để một buổi trưa quang tĩnh, ta tha hồ nheo mắt nhìn, ngắm nghía.

Chàng ngồi với tách cà-phê chua và nguội; bên kia đường, trong một gian nhà cửa đóng, từ bên trong lọt ra qua các khe lá sách ánh đèn vàng cạch của một bóng điện độ bốn chục nến thắp suốt ngày. Cái ánh đèn bất động và ngoan cố ấy... À, đó cũng là ánh đèn chàng bắt gặp buổi sáng năm xưa, trong lúc ngồi nói chuyện với cô gái (vốn không phải là y tá) ở phòng mạch, mắt thỉnh thoảng nhìn sang căn nhà sát bên cạnh. Có lẽ đó là ngọn đèn chong trong kho chứa hàng của một tiệm Tàu.

Trời, một ngọn đèn vàng cạch tầm thường, khuất lấp trong cái thường nhật vô danh như thế, vẫn sáng đâu đó nơi chàng suốt ba mươi năm.❐

12-1966

Thời gian

Một ngày một ngày lại một ngày
Chân cứ đều chân lòng man mác
Trước mặt mây bay trời bát ngát
Cúi đầu bước tới, ngày lại ngày.

Dưới đống lá khô có ai hay
Những con bọ nhỏ còn lúc nhúc
Dăm tiếng khóc nhỏ còn tấm tức
Lấp vùi dưới những tháng năm xưa
Lấp vùi những tự buổi ngây thơ
Dăm tiếng cười vui còn rúc rích.
Như tia nắng lọt qua khe vách
Qua khe hở một thập niên xa
Có đôi ánh mắt còn thiết tha
Gửi đến ngày nay tia nhấp nháy.
Khởi bước ra đi từ buổi ấy
Một thân dầu dãi mấy phong trần
Mỏi mê nghĩ đến lúc dừng chân
Ngẩng mặt, mây bay trời bát ngát
Ta vỗ lên cái thi thể sắp lạnh của một đời người mà hát:
"Thời gian ơi thời gian."

8-1993

Văn phong, nhân cách

Võ Phiến

Nguyễn Tuân là một nhà văn lối lạc; khen ông không lo bị hố. Có nhiều người khen, có nhiều cách khen. Lắm kẻ khúc khích trầm trồ, chịu nhất cái chỗ Bá Nhỡ đàn cho cô Tơ hát: Tiếng đàn nghẹn ngào u uất của Bá Nhỡ, "nó là cái tấm tức sinh lý của một sự giao hoan lưng chừng." (*Chùa Đàn*). Cũng lắm người khoái kiểu ví von một chiếc roi chầu bị bẻ cong với hình ảnh người đàn bà uốn ngửa ra để tránh một chiếc hôn bạo.

Còn như nhà phê bình Vũ Ngọc Phan thì ông ta tấm ta tấm tắc khen mãi cái tài tả cảnh của Nguyễn Tuân. Tả thú uống trà thì "thật tuyệt". Tả cảnh đêm báo động đầu tiên tại Hà Nội thì "tuyệt khéo". Tả cảnh bà Tú chở đồ ăn thức đựng từ Thanh Hóa ra Hà Nội cùng là cảnh Nguyễn đi xe đạp kèm lũ thợ đẩy xe bò gỗ thì "hay tuyệt", "có thể làm đầu đề cho những họa sĩ nào ưa vẽ những cảnh đặc biệt Việt Nam". Tả cuộc hòa nhạc của đám ca kỹ Tàu ở Hương cảng thì "tuyệt hay, làm cho người đọc không lúc nào chán". Tả một kẻ vô tài mà có tính huênh hoang thì "cực hay" v.v...

Tóm lại "Nguyễn Tuân có ngòi bút tả cảnh lúc hùng tráng, khi ghê rợn, lời văn lại hàm súc, kín đáo, làm cho người đọc ham mê". (*Nhà văn hiện đại*, quyển ba)

Nhà phê bình nói đúng phóc: Nguyễn Tuân còn tả nhiều cái nữa, phần lớn đều cực hay, tuyệt khéo, đọc không chán. Nhà phê bình không sai không hố chỗ nào, nhưng tôi cứ ngờ ông chưa khen đúng, chưa nhấn mạnh đúng vào cái hay của Nguyễn Tuân. Một nhà văn lớn lại có thể lớn vì khéo tả cái này cái nọ sao? Cũng như một nhà văn lớn lại có thể lớn vì mấy ý nghĩ ngộ nghĩnh, vì những lối nói nghịch ngợm vậy sao? Tả như thế, ví von như thế thì tài thật, thì quả nhiên đọc không thấy chán, đọc ham mê lắm. Nhưng một tác giả mà mê hoặc được người đời có lẽ không mê hoặc vì cái tài nọ tài kia. Chữ "tài" ở đây nghe cứ phảng phất cái nghĩa

một kỹ thuật, một ngón nghề, một trò sở trường.

Người nghệ sĩ xuất hiện với đời là xuất hiện như một tâm hồn, chứ không phải như một tập hợp kỹ thuật, dù là kỹ thuật cao siêu. Người đời đến với một nghệ sĩ là tìm đến một tâm hồn; mấy ai buồn tìm hiểu các trò kỹ thuật làm gì đâu.

Thực ra, trong trường hợp Nguyễn Tuân, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan cũng có chú ý đến chỗ này nữa. Ông Vũ "chú ý đến lối hành văn đặc biệt của ông (Nguyễn) và những ý kiến cùng tư tưởng phô diễn bằng những giọng tài hoa, sâu cay và khinh bạc, lúc thì đầy nghệ thuật, lúc thì bừa bãi, lôi thôi, như một bức phác họa, nhưng bao giờ nó cũng cho người ta thấy một trạng thái của tâm hồn". Ông Vũ cho rằng "ông (Nguyễn) là một nhà văn đặc Việt Nam có tính hào hoa và có cái giọng khinh bạc đệ nhất trong văn giới Việt Nam hiện đại". (*Nhà văn hiện đại*, quyển ba)

Vũ Ngọc Phan có nói về cái "trạng thái của tâm hồn", nhưng nói không kỹ bằng nói về tài tả cảnh của Nguyễn Tuân; trong khi "trạng thái" mới là cái chính. Tôi buồn ông Vũ chỗ ấy.

"Trạng thái tâm hồn" theo cách nói của ông Vũ, hình như nó là cái phong thái riêng biệt của Nguyễn Tuân. Và nét phong thái ấy, cái cốt cách ấy của Nguyễn Tuân ông Vũ nói cũng đúng nữa: nó là một vẻ hào hoa mà khinh bạc đặc biệt Việt Nam. Thiết tưởng cái đó mới là chỗ độc đáo cốt tủy làm nên sức thu hút của nhà văn.

Phong thái con người nó xuất lộ ở một bản văn đầy nghệ thuật mà cũng có thể xuất lộ ngay ở những câu văn bừa bãi lôi thôi như ông Vũ nhận thấy. Đã có một cốt cách đẹp đẽ thì tả cảnh hay ho càng tốt. Mà tả không hay cũng... tốt thôi. Thậm chí không tả, không luận gì hết trơn cũng vẫn tốt được, vẫn đẹp được. Này nhé, Nguyễn Tuân có lần viết: "Chao ôi! Đêm tối như đêm giao thừa. Vẫn lại mưa rả rích. Mưa trên sông. Mưa xuống mái bồng. Mưa trong lòng, 'chuyện cũ... ới... ư hừ... ơ... ơi...". Lại có lần nữa viết: "Tôi tưởng còn lâu nữa mới về ở ngay dưới mái nhà của tôi bên sông Tô. Vừa tưởng thế và vừa hiểu luôn rằng như vậy là tôi đã phụ nhiều đến sự săn sóc, đến lòng gây dựng của hai đấng tác giả đời tôi. Chao ôi.''

(*Tùy bút*)

Ý chẳng có ý gì cao xa, cảnh chẳng có cảnh gì ra trò; nhưng trạng thái tâm hồn Nguyễn Tuân thì vẫn hiển hiện. Và đó là cái đáng yêu.

Hễ đọc thơ đọc văn mà đã bắt được nét đẹp của một phong cách, đã yêu nó, thì cứ thoáng thấy nó xuất hiện ở đâu là thích đấy, bất luận người nghệ sĩ đang nói gì, đang đề cập đến vấn đề gì, đang tả cái gì, đang kể lể con cà con kê về cái gì. Tả tiếng còi hụ nghe mà ghê, tả bà Tú thấy mà

thương v.v..., có tai mắt tuyệt hảo, có khiếu quan sát tinh tường, có nhận xét sắc bén v.v... là chuyện nhỏ nhặt quá, so với một phong cách. Phong cách, nó phản ảnh một quan niệm sống, một thái độ ở đời, nó phản ảnh một khung cảnh xã hội, một thời đại, nó thừa kế các đặc điểm của một dòng dõi, một đường hướng giáo dục, một bầu không khí văn hóa v.v... Nó là cái dung mạo của một tâm hồn.

Hãy khoan nói đến hạng độc giả đọc cho vui, đọc những loại truyện hay vì truyện, có lắm gút thắt rối ren được tháo gỡ tài tình. Ngoài trường hợp ấy ra, nếu ta tìm đến cuốn sách cốt để gần gũi một tâm hồn, để bắt gặp một quan niệm nhân sinh, một thái độ ở đời, thái độ của người đồng loại đối với cái sống, cái chết, đối với tình yêu v.v..., nếu thế thì một khi đối diện một phong cách đẹp đẽ, tự nhiên mê tơi. Lúc bấy giờ ta trở nên rộng lượng, không chấp nê những món lẻ tẻ: câu văn cẩu thả, lời lẽ mù mờ v.v... Tha thứ được cả.

Nói ta rộng lượng, e chướng tai chăng? "Ta" là ai mà hách vậy? mà có quyền rộng lượng hẹp lượng đối với các văn gia thi gia?

- Không, cái ta ấy không dính líu gì đến kẻ đọc người viết những lời bàn tán hôm nay. "Ta" đây là nói chung về độc giả, về khối quần chúng độc giả mênh mông, trải qua nhiều thế hệ, đã âm thầm thưởng thức, phán đoán, chọn lựa, đã tạo dựng nên tên tuổi của tác giả này, làm sáng tỏ giá trị của tác phẩm nọ.

Vừa rồi Nguyễn Tuân được nêu ra, rồi đây nếu có những tác giả khác lại được viện dẫn nữa, họ được nêu dẫn vì lẽ ấy: họ đã được quần chúng chọn lựa, họ đã trước tác hơn nửa thế kỷ; họ đã cách lớp chúng ta một khoảng thời gian khá rộng đủ để cho những phản ứng sôi nổi nhất thời kịp lắng xuống. Cũng vì vậy cái phần trước tác của họ được nói đến đây là cái phần trước 1945, cái phần đã cách xa, đã trải qua thử thách của thời gian, chứ không phải những gì họ mới viết sau này, khi trạng thái của tâm hồn họ đã đổi khác: phần sau còn chờ sự thẩm định trong tương lai.

Xin trở lại chỗ rộng lượng. Xuân Diệu có những câu thơ thế này:

Một ít nắng, vài ba sương mỏng thắm,
Mấy cành xanh, năm bảy sắc yêu yêu.
Thế là xuân. Tôi không hỏi chi nhiều.''

(Xuân không mùa)

"Vài ba sương mỏng thắm" là thế nào? Rồi lại còn "năm bảy sắc yêu yêu", sắc yêu yêu là cái sắc ra làm sao? là cái sắc quái quỉ gì vậy? Đó là một từ ngữ địa phương, một lối nói riêng của vùng quê cha ngoài Hà Tĩnh hay của vùng quê mẹ trong Bình Định chăng? Chắc không phải thế đâu.

Nếu "sắc yêu yêu" mà có đến từ một quê hương nào , thì cái quê hương ấy nên mang tên là Lúng túng, là Quýnh quáng. Đang ngon trớn, đang nói dồn nói dập, thi sĩ cứ phóng bừa tới, không muốn để cho những cân nhắc thận trọng, những trau chuốt tỉ mỉ chận mất đà của mình vậy thôi.

Trong cùng một bài thơ ấy, chúng ta còn có thể nhặt được những câu khác, đại khái cùng một lối như thế.

Xuân ở giữa mùa đông khi nắng hé;
Giữa mùa hè khi trời biếc sau mưa
Giữa mùa thu khi gió sáng bay vừa

hay:

Bình minh quá, mỗi khi tình lại hứa

Hồi trước, có kẻ bảo rằng Xuân Diệu chịu ảnh hưởng Pháp, rằng những câu nọ là Tây quá. Ối, Tây nó đâu có ngọng nghịu vậy?

Dù sao, Tây hay không Tây, những bài thơ như thế đã làm nên danh tiếng của Xuân Diệu. Nó ra đời năm 1939. Một năm sau khi xuất bản *Thơ thơ*, vào thời lẫy lừng nhất của thi sĩ.

Trong trường hợp khác, Xuân Diệu lại viết:

... Nhưng ta sẽ yêu nhau mãi mãi,
mãi mãi là trong những phút giây.
Lâu dài là bóng là mây,
là môi kỳ ngộ là tay hảo cầu.

(Mãi mãi)

Tại sao vậy? Tại sao phút giây lại là mãi mãi? bóng với mây lại là cái tồn tại lâu dài? Tác giả không giải thích những chuyện tréo tro ngược đời ấy, ông cứ nói, cứ tuông ra liên tiếp những cái kỳ cục, để... thuyết phục! Và ông đã thuyết phục được, không phải nhờ lý luận, mà nhờ sức lôi cuốn của một niềm tin, của một giọng say sưa dồn dập, của một "trạng thái tâm hồn": thiết tha, sôi nổi, nồng nàn.

Thành thử nhiều lúc hứng chí lên thi sĩ nói vội nói vàng. Chữ xô đẩy chữ, lời chen lấn lời. Cứ thế ông thu hút người, bất kể từ ngữ ông dùng có chính xác hay không chính xác, lập luận ông đưa ra có chặt chẽ hay không chặt chẽ. Một phong cách, nó quan trọng là thế.

Nhưng làm sao "bắt" được phong cách của một tác giả? Muốn thưởng thức, muốn phân tích, khen chê một cái tài tả cảnh, một lời văn điêu luyện: dễ hơn nhiều. Câu văn nằm chình ình trên trang sách; tha hồ đè nó ra, xem đi xét lại, vạch kẽ từng chữ mà bình mà phê mà giảng mà luận; tha hồ tách bạch từng ý mà hạch hỏi. Còn phong cách, nó phảng phất ở đâu? nó nương mình vào chỗ nào? vào câu nào chữ nào? trong hàng trăm hàng nghìn trang sách?

Biện biệt cho được cái phong cách của một tác giả cũng như của một con người, là cả một rắc rối. Không phải cách nói cẩu thả, vội vàng, bộp chộp nào cũng là một biểu lộ của nhiệt tình sôi nổi, không phải cứ tung bừa ra những lầm lỗi vấp váp thì bỗng dưng có một tâm hồn thiết tha say mê.

Nguyễn Tuân chỉ viết có hai chữ "chao ôi'' rồi chấm dứt, rồi sang hàng: thế là tài hoa, là khinh bạc ư?

- Ối! gì chứ hai chữ sang hàng thì có gì khó? Đời nay khối kẻ cứ một chữ sang một hàng, liên tiếp năm lần bảy lượt còn dám nữa là một lần! Một chữ, chấm sang hàng. Một chữ nữa, chấm sang hàng. Cứ ngúc nga ngúc ngắc, cà khục cà khặc. Đời nay thiếu gì kẻ dám làm thế? người ta đâu có ngán những trò đó. Khó khăn gì đâu? Phong cách học giảng thuyết dông dài liệu có chắc giúp người ta phân biệt được cái nhăn mặt của Tây Thi với những lối nhăn nhó của các nàng Đông Thi chăng? phân biệt một phong cách đích thực với những bản sao lem nhem chăng?

Biện luận thuyết giảng thì rối rắm, nhưng phong cách là một sự thực. Lấy lương tri ra trực nhận có vẻ giản dị. Bà mẹ của Tôn Quyền không phải là nhà tướng số, thế mà chỉ cần nhìn qua anh chàng Lưu Bị một cái là đủ biết ngay con người đàng hoàng xứng đáng cho cô gái cưng gửi thân trọn đời. Lại như cái gã Hồ Ban nọ, đã chấp lệnh quan thái thú Huỳnh Dương đem củi khô chất quanh quán dịch, đã đem cả nghìn quân vây chặt, chỉ còn chờ một ngọn lửa châm là đốt cháy tiêu luôn chị em Quan Công, thế nhưng lỡ tò mò ghé mắt nhìn thử bộ dạng Quan Công ngồi đọc sách dưới đèn có một tí ti mà buột miệng kêu:

- Quả thật đúng là người nhà Trời!

rồi cúi lạy, rồi mở cửa ải mời Quan Công vọt thẳng.

Ấy, người có cái cốt cách của người nhà Trời, nhác trông qua là biết, không cần phải thử tài cao thấp, phải theo dõi hành trạng một đời, phải nghe biện giải dông dài. Văn cũng có cái cốt cách của văn: cốt cách văn chương nhà Trời, cốt cách phong nhã, cốt cách sát phạt bạo liệt, cốt cách kiểu mỵ lâm ly... Hợp thì thoáng qua một cái là thấy hợp, là bắt được ngay, là chịu liền.

Chịu như thế, e có thể bị bắt bẻ. Anh chàng Hồ Ban chịu Quan Công người nhà Trời, đó là tất nhiên. Bà mẹ Tôn Quyền chịu Lưu Bị, cũng là phải cách. Còn như đọc văn sao lại chịu một cái văn phong khinh bạc kiêu kỳ? có phải là nhảm không? có phải là chính trong cái nết na của mình đang có chỗ khiếm khuyết trầm trọng, khiến mình xa lánh kẻ khiêm nhu mà mỗi khi bắt gặp một dáng vẻ cao ngạo lại bất giác hớn hở tưng bừng

như thể trâu gặp trâu ngựa gặp ngựa?

Mắng như thế là mắng đến nơi đến chốn. Kẻ độc giả phải lấy làm sợ hãi, vội vàng kiểm điểm lại lòng mình; và - thành thực mà nói - thấy quả có điều oan ức. Có sự ngưỡng mộ căn cứ trên các tiêu chuẩn đạo lý; có sự thưởng thức căn cứ trên các tiêu chuẩn thẩm mỹ. Bao nhiêu vẻ đẹp bày ra trong văn chương Đông Tây xưa nay không phải đều là vẻ đẹp cao khiết đoan chính cả. Bằng bạc một niềm nhân ái bao la như thơ Đỗ Phủ là đẹp, thấm thía nỗi u sầu hắc ám như thơ Edgar Poe, Baudelaire cũng là đẹp, hùng hồn dũng mãnh như Victor Hugo là đẹp, mà chán chường não nề như Verlaine, thê thiết như Hồ Dzếnh cũng lại có nét đẹp riêng v.v... Bắt được cái đẹp của phong cách Đỗ Phủ, Victor Hugo, chớ vội vênh váo cho là rồng gặp rồng; rung động trước cái đẹp của phong cách Verlaine, Baudelaire, vị tất đã là rắn khoái rắn.

Văn chương nghệ thuật không phải là chỗ phô trương những phong cách người Trời, những phong cách anh hùng chí sĩ. Thường khi, trái lại. Trong hội họa có thứ tranh quyến rủ vì sắc màu xanh lướt bệnh hoạn, vì những chiếc cổ dài ngoẳng, những bộ mông tục tĩu, trong thi ca có thứ thơ thu hút người vì vần điệu âm u, ảm đạm.

Nhân cách được phân biệt theo thiện ác; văn phong không có văn phong thiện với ác, chỉ có văn phong đẹp với xấu. Và cái hỏng nặng nhất cho người làm văn thơ là không có được một phong cách, dù chuyên làm văn thơ yêu nước thương nòi. Ì ạch viết suốt một đời mà xem ra chẳng thấy một phong cách gì: Chuyện khổ não ấy lại xảy ra đều đều.

Ta liên tưởng đến một chuyện khổ não trần gian khác, cũng lại thường xảy ra: tô phở không mùi.

Trong tác phẩm của Thế Giang có lần hai người trẻ tuổi nói chuyện về phở Thìn ở Hà Nội. Một người bảo: "Cậu thử tưởng tượng xem, về khuya đi ngược gió đông, cách cả trăm thước mà cái thằng phù thủy ấy nó giở nắp thùng lên thì có sởn gai ốc không hả...? Trong túi không có tiền thì bỏ mẹ!" Rồi người ấy lại bồi thêm câu nữa: "Thế mới là phở chứ những chỗ cậu kể đi sắp ngã vào nồi cũng không hay, bát phở bưng đến trước mặt, mở mắt ra mới biết thì còn gì là phở?" (*Thằng người có đuôi*) Ôi! thật xứng đáng là những lời vàng ngọc về cái chân lý phở.

Hình như cổ nhân đã bận tâm nhiều lắm về mùi thơm của các món ăn. Trong vài món phổ biến như phở Bắc như bún bò Huế, mối bận tâm ấy từng thể hiện nơi chiếc muỗng và cái tô chẳng hạn. Tôi có cảm tưởng bát bún bò ngày xưa bưng ăn ở Huế nó nhỏ hơn ngày nay nhiều. Xưa kia, nó là cái bát tai bèo, vừa bé vừa cạn lại vừa dày cộm: dung lượng được

mấy? Vì thế, thực khách có thể thanh toán bát bún bò tiền chiến thật nhanh chóng, thanh toán trong khi nó còn nóng hôi hổi, bốc hơi ngào ngạt. Bát bún bò mỗi ngày mỗi nở lớn thêm. Bát lớn quá, ăn mãi một hồi lâu chưa chịu hết, tất nguội lạnh, còn có mùi thơm nào bốc lên từ đống đồ ăn lạnh lẽo ấy nữa? Vả lại, bạn nghĩ coi: người hàng bún chỉ rắc hành tiêu lên mặt một lần, lúc làm xong bát bún bưng mời bạn xơi, chứ có ai đứng mãi bên cạnh mà hầu bạn, mà thỉnh thoảng lại chồm vào rắc hành rắc tiêu cho bạn đâu? Chút hương liệu rắc lên mặt làm sao thơm đến tận đáy bát? Thành thử bảy tám phần mười bát bún lớn, bạn ăn không mùi.

Tô phở nó lại càng lớn mạnh hơn nữa theo thời gian: phở tàu bay, phở tàu ngầm, phở xe lửa v.v... Toàn thể các loại phở *jumbo* ấy là những đấng khổng lồ làm khiếp vía các bậc phở tiền bối. Tại sao không tiếp tục giữ kích thước khiêm tốn cũ: mỗi lần ngon trớn, có đầy đủ yên-sĩ-phi-lý-thuần, ta gọi tiếp tô phở *mini* thứ nhì, có sao đâu?

Đó là chuyện cái tô. Lại còn vấn đề chiếc muỗng. Ngày còn học ở Huế, mỗi khi ăn bún bò, cả bọn chúng tôi ở cùng một nhà trọ thường ăn cái bún bò gánh đi bán dạo. Bà hàng bún làm xong bát bún hình như chỉ đặt ngang một đôi đũa trên miệng bát trước khi trao cái bát tai bèo đang bốc hơi vào tay thực khách. Tôi không nhớ có kèm theo muỗng. Chúng tôi vừa ăn vừa húp nước xùm xụp.

Trước kia, trên đường Nam tiến món phở chưa vượt qua sông Gianh, tôi không biết lối ăn phở theo phép tắc ngày xưa nó ra thế nào. Bây giờ thỉnh thoảng có bậc tuổi tác gốc miền Bắc nhắc rằng ăn phở trước kia cũng không hay dùng đến muỗng. Lý do là muỗng nó hại mùi.

Hãy tưởng tượng, nấu một món ăn vương giả thơm lừng dưới bếp, mà bao nhiêu vị khách quí thì say sưa bàn những vấn đề quốc quân trọng sự trên phòng khách. Để tỏ lòng ngưỡng mộ một vị thượng khách kính yêu nào đó, ta muốn cho vị ấy nếm thử món ăn đang ở thời điểm thơm ngon nhất. Ta lấy chiếc thìa con múc đầy một thìa, run rẩy mang lên phòng khách trút vào mồm thượng khách kính yêu. Kết quả ra sao? Kết quả là thượng khách đớp phải một món ăn vô vị: món ăn còn đó mà mùi thơm đã chết mất dọc đường. Món ăn dù quí đến chừng nào mà chỉ trích tuyển ra một muỗng con, mang đi vòng vo, thì cũng không còn giữ được hương vị nữa.

Vì thế cái muỗng phở trích tuyển đưa lên mồm nó cũng chịu ít nhiều thiệt thòi. Chịu khó bưng tô phở lên mà húp thì mồm chỉ húp một ngụm mà mũi hưởng được cái thơm của cả tô. Nếu quả thật trước kia ăn phở không dùng muỗng thì, một lần nữa, các bậc tiền hiền lại đáng ca ngợi.

E có kẻ cho rằng tôn kính tiền nhân thì nên để trong lòng, còn ngoài

mặt hãy nên dung hòa với phép ăn uống của địa phương: ngồi ở một tiệm ăn trên đất Hoa Kỳ, bưng nguyên cái bát to tướng lên mà húp, có khó coi chăng?

- Lấy con mắt người Mỹ mà coi, có khó thật. Nhưng một khi người Mỹ cũng bưng bát lên húp, thì cái coi không còn khó nữa. Tại các tiệm ăn Nhật, thỉnh thoảng người ta vẫn có dọn những món xúp không ăn bằng muỗng. Thật tình mà nói, riêng phần tôi, tôi chỉ gặp một thứ xúp lòng, ngửi qua mùi chẳng thấy thơm tho gì, thế nhưng theo phép vẫn bưng cả tô để thưởng thức cái mùi mà mình chưa quen. Các thực khách người Mỹ chung quanh cũng vui vẻ làm như thế cả. Không khó coi là mấy.

Mùi thơm của một món ăn, người ta bảo vệ nó cẩn thận như thế, vai trò nó quan trọng như thế, cái thế giá của nó cao như thế, mà sự lợi ích cụ thể của nó ra làm sao? Nói về phở chẳng hạn: Phở là món để ăn, không phải để ngửi. Xưa nay thiên hạ hăm hở vào tiệm phở không phải cốt mua lấy tô phở, ngồi ôm hít một lát rồi ra đi thỏa mãn. Đó không phải cách thưởng thức phở chính thống. Ấy thế mà cái phở không thơm, cái phở "đi sắp ngã vào nồi cũng không hay'' thì lại không còn gì là phở! Có kỳ cục không chứ?

Phở cốt để ăn, vậy cái thực chất của phở là bánh phở, là nước dùng, là miếng thịt, là những sách những nạm v.v..., đó mới là những cái cụ thể để hưởng, còn thơm với không thơm thì hưởng ra làm sao? Thơm không phải là cái ngon của phở; chẳng qua nó chỉ báo hiệu cái ngon. Thưởng thức cái ngon thì được, thưởng thức cái... báo hiệu thì thưởng thức làm chi? Vậy mà không báo hiệu thì... còn gì là phở! Kỳ cục thật.

Kỳ cục như văn thơ. Đọc Nguyễn Tuân chẳng hạn là để xem chuyện cô Tơ chuyện cậu Lãnh Út, chuyện cái da cái tóc của chị Hoài, cái cười cái nói của phu nhân họ Bồ v.v... nó ra làm sao. Đó mới là thực chất cụ thể. Ăn phở thì ăn thịt ăn bánh, còn cái mùi chỉ để... ngửi chơi. Đọc sách thì đọc chuyện đọc ý, còn phong thái là cái vô hình phảng phất, chỉ để... ngửi chơi. Vậy mà chính cái đó mới làm cho Nguyễn Tuân thành Nguyễn Tuân, Nguyễn Bính thành Nguyễn Bính, Phan Khôi thành Phan Khôi, cũng như xưa kia cái văn phong đó đã làm cho Lý Bạch thành Lý Bạch, Tô Đông Pha thành Tô Đông Pha v.v... Cái đó chứ không phải là những tài tả cảnh hay ho, là những tư tưởng cao siêu nào.

Hôm nay chúng ta nói lếu nói láo về cái mùi của văn thơ, về chuyện ngửi văn thơ, đừng tưởng là có gì mới mẻ. Người xưa đã từng có lần mắng cái mũi vô duyên của mình khi nó sục sạo, ngửi phải câu thơ thi xã đấy.❐

9-1989 (Viết, Văn Nghệ xuất bản, California, 1993*)*

Xong cả

Võ Phiến

Trong chuyến đi Úc năm đó, tôi ghé thăm anh bạn ở Melbourne, ở chơi ba hôm. Trước, Tân và tôi chơi thân; từ ngày anh ta vượt biển sang Úc, chúng tôi chưa gặp nhau. Hôm đầu tôi đến Melbourne, Tân đưa đi loanh quanh cho biết: cây cầu West Gate, khu Springvale, bờ sông Yarra, nơi anh ta thích ngồi câu lươn và câu cá hanh, ngày có đêm có v.v... Sáng hôm thứ hai, anh chở tôi lên núi Dandenong; đường đi cây cối hai bên đẹp: tôi thích. Chủ ý của Tân là bữa ăn trên đỉnh núi. Ngồi ăn trong nhà hàng, nhìn qua tường kính, thấy bao quát Melbourne xa xa bên dưới. Ăn mấy lát bánh mì với cá hun khói, uống chút ít vang. Bên ngoài hơi lạnh, khắp trời mây một màu tro đậm. Ăn xong ra khoảnh sân nhỏ trước mặt nhà hàng, chống tay lên một bờ tường thấp trông xuống cái sinh hoạt của một đô thị sầm uất; tận cuối tầm mắt nhà cửa li ti san sát: cả một nhốn nháo không tiếng động. Ngang trời, mấy cánh chim trắng lượn nhanh qua lại. Đầu óc thảnh thơi quá. Tôi thích luôn cả buổi sáng hôm ấy. Tuy nhiên trên đường về, vào một lúc nào đó, tôi tình cờ buột miệng kêu thèm một bữa cơm mắm. Xa nhà hơn tuần lễ, toàn ăn thịt cá và món tàu món tây, thèm mắm dữ rồi đa. Tân cười: Chiều nay, cơm mắm. Có cả rau luộc.

Tôi chợt nhớ: Tân vẫn giống tôi chỗ ấy, cùng thích mắm. Hồi ở Sài gòn, cả nhà tôi đều biết chuyện ấy, thế mà xa nhau mấy năm, suýt quên. Tôi nhắc lại, cả hai đứa cười vui vẻ, thêm gần gũi.

Trước bữa ăn chiều một lúc, Tân bảo sẽ có khách. Tôi hỏi: Thế mất bữa cơm mắm sao? Tân khoát tay: Không, không. Sẽ có thêm mắm. Khách mang mắm tới. Ông ấy là chủ chiếc ghe đưa tụi này vượt biên. Tình cờ rồi cùng được Úc thu nhận, cùng ở một thành phố. Thỉnh thoảng qua lại, gặp bữa thì ăn, có gì ăn nấy. Khách mà không phải khách...

Quả nhiên ông Thất là người giản dị, dễ thân mật. Ông đến, cầm theo

một thẩu mắm cơm. Ông mở bọc ni-lông, rút thẩu mắm ra đặt lên mặt bàn, hỏi:

- Ở bên Mỹ, ông có món này không?

Tôi chịu, lắc đầu. Không có được đâu. Mười mấy năm rồi, ngay từ hồi còn ở Sài Gòn cũng không hề thấy thứ mắm cơm này. Ông Thất cho biết đó là tự ông làm lấy. Tại đây ở cái chợ nhỏ của người Phi-luật-tân có bán cá cơm đông lạnh. Trông giống hệt, đồng cỡ với cá cơm bên ta. Ông Thất mua cá về, lần đầu làm thí nghiệm một bọc cá chưa đầy một *pound*. Lường muối đổ vào, bịt kín nắp thẩu. Mỗi ngày mở nắp thăm chừng một lần. Qua ngày thứ tư thì biết chắc là thành công. Từ đó thỉnh thoảng vẫn làm mắm. Nghe nói có người ở Mỹ sang chơi lại thích mắm, ông bảo vừa muốn thết người đồng điệu, vừa muốn nghe chuyện sinh sống của bà con ta bên Mỹ.

À, thì ra ông Thất đã biết cả. Ông tới chơi không phải chuyện tình cờ. Ra Tân và ông Thất, họ đã nói với nhau về mình rồi.

Ông Thất bảo muốn đến nghe chuyện, nhưng thực ra trong bữa ăn hôm ấy tôi nghe ông được nhiều hơn là ông nghe tôi. Ông không phải kẻ hay nói, nhưng câu chuyện tự dưng đưa đẩy.

Ông là người ở Châu Đốc, chuyến vượt biển của ông đưa đi 27 người. Không có trẻ con, tất cả cuối cùng rồi đều đến bến bờ cả. Chuyện ông nói, nay tôi nhớ đâu Ngô mình Sở, chỗ còn chỗ mất. Ông thuận đâu nói đấy, hỏi đâu nói đấy thôi. Có lúc ông nói về mía. Bảo ghe ông chở theo độ ba trăm cây mía. Trước là để ngụy trang: mía xếp lên trên, phía dưới giấu giếm dầu mỡ lương thực v.v... Cán bộ trông qua lại có thể nghĩ là ghe chở mía đi bán các chợ. Thế mà rồi về sau mía được việc lắm: lạc đường, ghe hư máy, mưa bão, cạn lương, hết nước uống. Bấy giờ không có mươi cây mía cho mỗi đầu người e mệt ngất ngư.

Từ cái mía vượt biển, ông Thất liên tưởng tới cây mía lãng mạn ở chợ Châu Đốc ngày nào. Ông bảo ở đây có thời cứ chiều chiều có những chiếc xe lôi chở các thiếu nữ đi lòng vòng hóng mát, chuyện trò, ngắm cảnh, và... nhai mía!

Tân và tôi cười rộ:

- Tiết Thanh minh mà các nàng Kiều biết cách du xuân kiểu này thì... thoải mái quá. Thúy Kiều Thúy Vân mỗi nàng múa một khúc côn. Nhưng lỡ gặp Kim Trọng, Kiều nép vào dưới hoa có chỗ bất tiện, vì lòi hai khúc côn ra ?...

- Thường là bốn cô. Xe lôi ở Hậu Giang hồi đó có hai băng bọc nệm đối diện, ngồi được bốn người. Mía bán tại chợ Châu Đốc có cái đặc biệt: róc vỏ sẵn cả cây dài, phủ vải che đậy sạch sẽ. Khách chọn lựa dễ dàng:

chỗ nào bị hư bị sâu là thấy liền. Chọn cây thật ngon thật giòn, bảo dứt ra mấy đoạn, mang lên, mạnh cô nào nấy múa. Cuộc du hành của các nàng đâm vui thêm.

Cảnh chiều Châu Đốc độc đáo quá.

Anh Tân chỉ có mắm mua: mắm mực mới trộn của Đại Hàn, mắm cá mòi đóng hộp ở Thái Lan v.v... Không xuất sắc bằng món mắm tự chế của ông Thất. Tôi gắp một con mắm nguyên, cắn một miếng ớt tươi, còn xanh. Ông Thất bảo:

- Ông ăn ớt giỏi hơn chúng tôi nhiều. Nghe nói người Huế ăn cay lắm, không biết đúng không?

Một kỷ niệm thoáng qua trong đầu, tôi khựng một chút rồi đáp:

- Tôi ăn ớt... đại khái cũng bằng người Huế.

Bắt gặp ánh mắt thăm dò kín đáo của ông Thất, tôi giật mình. Có lẽ nét mặt, giọng nói tôi có tiết lộ gì chăng? Đâu có gì? chẳng qua một thoáng... Nhưng mỉm cười như thế có âm thầm quá chăng?

Ông Thất đã bắt lảng qua chuyện khác nhanh nhẹn, tự nhiên. Ông bảo người Thái Lan ăn cay mới khiếp. "Tụi nó ăn hàng tô ớt. Chính mắt tôi thấy tụi nó ăn cơm với cả tô ớt băm nhỏ trộn đường! Sáu đứa, một tô ớt, không phải mỗi đứa một tô. Như vậy cũng là dữ quá chứ gì nữa?"

"Tụi nó" đây là bọn hải tặc đã bắt ghe ông. Tôi bỏ chuyện ớt, nhảy liền sang chuyện hải tặc, hỏi liên tiếp mấy câu. Hải tặc giữ ghe từ xế hôm trước tới trưa hôm sau thì thả đi. Ghe có chín người phụ nữ, kẻ có chồng người không. Nhóm ngư phủ Thái Lan này, đối với nhóm tị nạn trong chuyến đi ấy tội có tội, ơn cũng có ơn. Hoàn cảnh phức tạp, khó nói được lời dứt khoát. Ghe hư máy, hết lương, nếu tụi nó bỏ qua, tất chết. Tụi nó sửa máy giúp, cho dầu cho nhớt, cho người ăn, lúc từ biệt còn cho cả một bao gạo và mắm muối.

Tại sao có thế? Theo ý ông Thất thì do một sự tình cờ. Thoạt tiên tụi nó tỏ ra là một lũ cướp hung ác thô bỉ tàn bạo. Buổi chiều, trên tàu có một đứa tự dưng để ý đến hai bà già Việt đang ngồi niệm Phật, lần tràng hạt. Nó dừng bước, nhìn rồi đi. Lát sau, hai đứa khác tới hỏi chuyện, về tôn giáo. Tất nhiên qua loa thôi, vì ngôn ngữ bất đồng. Nhưng sau đó tụi nó thay đổi thái độ. Tên chủ ghe có vẻ là đứa tỏ ra ân hận nhất. Trước, nó tệ hết chỗ nói.

Ông Thất chỉ nói về cái ơn. Còn cái tội. Tất nhiên ông hiểu sự tò mò của tôi; nhưng ông lờ đi. Những chuyện gì xảy ra trong chuyến đi, dù ông có là chủ ghe, cũng không ai có thể coi là ông phải chịu trách nhiệm. Ông tránh nói chẳng qua vì ông là người lành. Cái lành của ông, trông qua thấy ngay. Ông lớ quớ, lúng túng. Chỉ lỡ chân bước đến gần nỗi đau

thương của người khác ông đã khốn khổ rồi, làm sao ông động vào nó được.

Vậy là cho qua, cái tội. Ông chỉ có một câu mơ hồ: "Số phần... Kẻ may người rủi... Số phần cả..."

Anh Tân tiếp sức, đưa câu chuyện tách ra xa thêm:

- Chỉ có hăm bảy người mà bây giờ tản mác khắp nơi, nhiều người chắc không bao giờ có dịp gặp lại. Anh Thất nhỉ, như chú Tạo chẳng hạn, dễ gì gặp chú ấy nữa!

Tân cười. Trong thời gian ngắn ngủi ở trại tị nạn Phi-luật-tân, Tạo dính vào một mối tình địa phương. Chú ta mết nặng, cưới luôn cô ta, ở lại bên Phi.

Những người còn lại, có gia đình đi Pháp, có kẻ đi Gia-nã-đại, đi Hoa Kỳ, có người đang sống bên Đức v.v... Tân kết thúc: "Rồi đâu vào đấy cả. Cũng xong cả." Ông Thất cười lành.

Xong cả. Chúng tôi lại tản mạn, như những lúc tâm hồn thanh thản. Có người bảo dân Việt tị nạn phiêu bạt tứ phương, nhưng vẫn còn có chỗ gặp nhau: đĩa mắm. Ngôn ngữ và y phục đổi nhanh theo địa phương; nhưng thói quen ăn uống trong nhà với nhau vẫn ít thay đổi đấy.

Ông Thất nhận xét:

- Hồi ở trong nước, nghe mấy người Tàu quen biết khen cá mặn, những thứ mã dầu, xám ngà hoặc là ngon, dân Quảng Đông ưa thích. Sang đây hôm nọ vào chợ Tàu, có người lại mách Lũy-xôông hoặc là ngon. Tôi nghĩ thứ cá đó chắc là ở vùng đảo Luzon (Lũy-xôông); e những người này trước khi đi sang Úc đã có thời sinh sống bên Phi- luật-tân. Tàu thì vẫn ăn hàm dỉ, nhưng gần đây tôi để ý thấy người Tàu Hương cảng ít người nhớ cá mặn. Có lẽ dân thành phố Hương cảng, sát mép nước, họ ăn cá tươi quen rồi, họ lại dồi dào tiền bạc, không cần muối cá để dành... Thành thử sau biến cố tháng 5-1975, người Việt tản mác một thời gian e rồi cũng không chắc còn gặp lại nhau trước đĩa mắm. Tôi nghĩ vậy, không biết đúng không.

Câu chuyện đã lang thang xa xôi như vậy, bất ngờ một lúc nào đó, ông Thất nghe Tân bảo tôi ở San Diego, ông hỏi:

- San Diego, gần San Jose phải không?

Rồi ông quay sang bảo Tân:

- Vợ chồng ông Phụng ở San Jose.

Tôi hỏi vội vàng:

- Phụng... Tố Nga?

Tân đáp:

- Đấy.

Trong các chuyến đi xa, thỉnh thoảng tôi lại được mách cho biết địa chỉ của một bạn bè quen biết hay bà con vẫn ở gần mình. Di cư kẻ trước người sau, không liên lạc nhau, lắm khi người này đến lập nghiệp kề bên người khác mà không hay.

Trường hợp Tố Nga thì đặc biệt.

Tố Nga với tôi, có lúc đã tưởng sắp nên vợ chồng. Khi ông Thất khen tôi ăn ớt giỏi, tôi khựng là vì Nga, vì chợt nghĩ tới Nga. Tố Nga là gái Huế. Hôm đó chúng tôi bốn năm đứa trai có gái có, chúng tôi ăn hủ tiếu trong tiệm. Trong cái đĩa trước mắt tôi chọn được trái ớt xanh ngon lành, cắn đánh bụp. Tên bạn bên cạnh nhìn tôi nhai ngấu nửa trái ớt, nó ngạc nhiên, tri hô om sòm. Mấy đứa nói nọ nói kia. Tôi không chú ý, mãi sung sướng vì Tố Nga. Nga bắt gặp tôi cắn ớt trước thằng bạn, tôi biết thế. Nhưng nàng không nói gì. Nàng lặng lẽ mỉm một nụ cười lặng lẽ. Như thể nàng bảo: Khá! Không chỉ là khen. Vừa khen, vừa giễu, giễu mà âu yếm, hãnh diện về tôi. Và như thế hoàn toàn lặng lẽ, không ai biết. Chỉ có Nga biết, tôi biết. Như vậy tôi không sung sướng sao được?

Tôi không phải dân Huế. Tôi là người Quảng, Quảng Nam. Tự dưng tôi ăn cay dữ tợn, như dân Huế chính cống. Nhưng thế có gì đáng... hãnh diện? Tố Nga cứ hãnh diện, cứ âu yếm, như đó là lý do chính đáng làm cho tôi hay ho thêm. Một người mẹ vẫn hãnh diện về đứa con bé tí của mình vì những cái không đâu như thế.

Lúc ấy tôi quen Nga chưa được một năm. Ban đầu hình như cũng không xảy ra chuyện gì đặc biệt, nhưng dần dà ngày một ngày hai cứ có những việc (vẫn không hẳn là đặc biệt) lần lượt xảy đến như thế. Khi để ý tới thì đã rõ là hai đứa đã yêu nhau kỹ, còn tán tỉnh gì nữa. Thành thử trước sau chưa lúc nào có sự tán tỉnh.

Câu nói của ông Thất thình lình gợi lại trong trí tôi sự việc ở quán hủ tiếu ngày xưa. Tôi xao xuyến, âm thầm.

Trở lại chuyện xưa. Giữa tôi với Tố Nga không có tán tỉnh, cũng không có lời tuyên bố nào cả. Nhưng không phải không có sự đoan quyết, lặng lẽ mà công khai. Tôi nghĩ Nga cũng hiểu như tôi. Một lần, ngay tại nhà nàng, tôi đang ngồi nói chuyện với mọi người: có thằng nhỏ em nàng, có mẹ nàng. Một lúc, tự dưng thằng nhỏ bỏ chạy đi đâu mất; mẹ nàng đứng lên xuống bếp. Tôi ngoảnh lại nhìn nàng, nàng nhìn tôi. Bốn mắt ngừng lại đối nhau. Tôi gan lì, gan lì... Nga cũng liều lĩnh, bướng bỉnh. Trời, không tả được. Nhiều cảm xúc diễn ra, xuất hiện, biến đổi nhanh chóng, xôn xao rộn ràng quá sức. Không thể biết được như vậy là bao lâu. Hai giây, ba giây đồng hồ chăng? Tôi chịu hết thấu, bỏ cuộc trước khi có

tiếng chân mẹ nàng trở lại.

Sau chuyến đó, tôi xao xuyến rất lâu, biết rằng chúng tôi đã đến giai đoạn quyết định. (Kể ra còn một lần nữa, nhưng không đáng kể lại. Lần thứ hai thì coi như hỏng. Tình cờ chúng tôi lại gặp mắt, lại dừng mắt nhìn nhau. Tôi bạo dạn hơn. Tôi cố thủ. Nhưng lần này, nửa chừng Tố Nga bỏ cuộc, quay đi. Tôi kiểm điểm, nhận ra nàng có lý: nàng bỏ cuộc không phải vì xúc động. Lần này xúc động ít hơn lần trước, mà sự đương đầu của tôi như là có một dụng ý nghịch ngợm. Vì thế nàng bỏ. Nàng có mỉm cười nhẹ. Vậy là hỏng. Không đáng kể.)

Tuy nhiên tôi nghĩ bụng: Tôi về Quảng, rồi trở lại Sài Gòn sẽ xếp đặt việc hôn nhân cho xong. Chẳng có lý do gì để kéo dài tình trạng này ra. Lằng nhằng, mất thì giờ.

Tôi về Quảng, ở tù một năm hai tháng, bệnh tình trầm trọng của mẹ tôi giữ tôi lại gần bốn tháng nữa. Tôi trở lại Sài Gòn thì Tố Nga đã có chồng.

Thật ra bảo tôi ở tù không đúng. Chẳng có tù tội gì. Người tỉnh tôi vẫn ham hoạt động chính trị. Đảng này đảng nọ, phe này phái kia, thời nào, chế độ nào thanh niên miền tôi cũng có thái độ. Thường là chống đối. Và chống đối thường là ác liệt, gay gắt, cực đoan. Trong vụ này, thực ra không có tôi; nhưng tụi bạn nhiều đứa hoạt động mạnh. Tụi nó tới lui hẹn hò tại nhà tôi đều đều. Tôi bị hiểu lầm. Nhóm ngoài Quảng đổ bể lúc nào tôi không hay. Tôi vừa về tới nhà hôm trước thì hôm sau bị tóm liền. Chuyện chính trị đảng phái mà, chơi toàn đòn ngầm, bí mật. Tôi bị giấu kỹ, gia đình còn không biết tìm đâu nói gì Tố Nga.

Thằng Phụng với tôi quen nhau từ lâu. Có thể nó không biết về chuyện tình cảm giữa tôi với Nga. Lặng lẽ quá, ai mà biết? có thấy gì đáng biết đâu? Có thể chính ngay Tố Nga khi tôi bặt tin hoàn toàn cũng có lúc đâm ra hoang mang, ngờ vực cả tôi, nghi ngờ về ý định, về tình cảm của tôi. Có thể Nga đã nghĩ bấy lâu mình hiểu lầm, suy đoán tưởng tượng sai lầm về tình ý tôi v.v...

Về Sài Gòn, nghe Nga có chồng, tôi không lai vãng. Chúng tôi không có dịp gặp nhau trước tháng 5-1975. Tuy vậy thỉnh thoảng cũng có một vài lời nói, một vài mẩu tin bên này bay sang tai bên kia, ngẫu nhiên, qua trung gian bạn bè. Chẳng hạn có lần Tố Nga bảo trong thời gian tôi bặt tin ngoài Quảng nàng đã nghe nói tôi theo cánh đấu tranh rồi lên núi rồi ra Hà Nội, lại nghe bảo tôi bị sát tử trên đường trốn lên Trường sơn v.v...

Còn tôi, tôi có câu nói cay đắng, nghĩ lại xấu hổ. Trong câu chuyện, có cô bạn gái nói gì đó về cái ý một ngày cũng nghĩa. Khi ai nấy nói xong, tôi một mình nhận xét: Một ngày mà cũng à? Một ngày là quá đấy. Ba

giây đậm đà đã là nghĩa rồi.

Nếu tôi bảo ba phút, chắc cả đám đã kêu tục tĩu, đã phản đối. Nhưng ba giây, ...ba giây yêu đương là thế nào? Tôi giải đáp qua quít. Rồi lặng lẽ, loáng thoáng một nét cười âm thầm. Vậy mà việc cũng tới tai Tố Nga. Chắc là do Hồng thuật lại. Hôm đó có mặt Hồng.

Nga nghe Hồng kể hồi nào tôi không biết. Mãi sau này, đến với Tố Nga mấy lần ở San Jose mới nghe nàng nhắc.

Đến với Tố Nga làm gì? Thoạt tiên tôi không có chủ đích rõ ràng. Nhưng tôi cảm thấy phải đến. Nàng lấy chồng là không gặp nhau nữa, tuy cùng ở Sài Gòn, như thế trong nhiều năm: vậy là quá đáng rồi, không hờn giận cũng hóa như hờn giận, không cay đắng cũng như cay đắng. Bây giờ đã đổi đời, bây giờ cùng trôi giạt cả, bây giờ cùng trải qua bao tai biến, biết nơi nàng ở không xa mà không đến một chút là thế nào?

Hôm ở Úc, tôi hỏi, ông Thất trao cho tôi cái địa chỉ và số điện thoại mà lúng ta lúng túng. Tôi hiểu ông định nói, rồi thấy không nói được một lời nhẩn, đại khái: Ông chuyển giùm tới vợ chồng ông Phụng: chúng tôi gởi lời thăm. Tôi hiểu ông Thất không muốn đề cập tới việc tôi và ông đã gặp nhau, đã nói chuyện về chuyến đi, về vợ chồng Phụng v.v...

Kết cuộc việc xảy ra khá đơn giản. Tôi đến tận San Jose mới gọi điện thoại, gặp Nga ở đầu dây, bảo nhân đi công việc, tới đây nghe có người bảo cho biết địa chỉ ông bà... Nga bặt một lúc, rồi nói:

- Mười một năm rồi đó nghe... Chừ đang ở mô?

- Ở ngay đây.

Tôi cho biết vị trí, Nga chỉ đường đi: lên xa lộ này, bắt qua xa lộ kia, rẽ xuống đường nọ v.v... Nga trông mỏng người, so với trước. Phần đông qua Mỹ người nặng nề ra, Nga thì mỏng. Nhưng ấy là nói về thân người, còn khuôn mặt thì không gầy mà chảy xuống, mỏi mệt. Nàng đã có hai cằm.

Trông thấy tôi, mắt nàng ánh lên niềm sung sướng. Vẫn như xưa, chúng tôi vẫn không giấu giếm gì nhau qua ánh mắt. Chúng tôi đơn giản, ngay thực. Có gì trong lòng là có cả ở mắt. Cho nên chúng tôi không cần trung gian ngôn ngữ. Không thấy cần phải nói năng gì.

Nàng bảo Phụng hôm ấy làm thêm giờ ở sở, sẽ về đến nhà trong vòng nửa giờ nữa, mời tôi ở lại ăn cơm. Tôi ở lại. Trong vòng nửa giờ, Tố Nga nói về chuyện gia đình. Tất nhiên không do tôi hỏi. Tôi không đề cập xa gần gì đến cuộc sống gia đình nàng trước kia ở Sài Gòn cũng như ở đây, sau cuộc vượt biển. Và nàng nói chuyện gia đình, không phải chuyện tai biến giữa biển, chuyện tình cảm ái ân, chuyện tính tình hòa hợp hay xung

khắc gì ráo. Cái nàng phàn nàn với tôi là vấn đề gõ tay của Phụng. Và từ đấy về sau, mỗi lần chúng tôi gặp nhau, nếu có đề cập tới gia đình thì cũng là chuyện gõ tay thôi.

Thoạt tiên, nàng nói qua, tôi không chú ý. Kể ra, chắc ai cũng phản ứng thế thôi: Gõ tay, có gì đáng chú ý? Nàng nhắc lại:

- Khó chịu lắm anh.

Tôi vẫn lờ mờ, hỏi hờ hững:

- Vậy hả?

Tố Nga không đáp ngay. Lát sau nàng trở lại chuyện ấy, và kêu:

- Khó chịu rứa tê.

Tôi trông qua nét mặt của Nga, thấy là cái quan trọng. Nhưng từ lúc ấy đến lúc Phụng vào nhà chúng tôi không có nhiều thì giờ, Nga lại bận tay, nên không kịp đi sâu vào vấn đề.

Phụng trông thấy tôi, bình tĩnh, thản nhiên. Thoạt đầu, tôi có cảm tưởng như có nét lãnh đạm: Anh ta khó chịu vì tình cờ bắt gặp chỉ có tôi và Nga trong nhà chăng?

Nhưng chuyện trò qua lại một lát, tôi nhận ra ngay là mình hiểu lầm. Phụng không quan tâm đến chuyện ấy. Và hình như anh ta không quan tâm đến chuyện gì nhiều. Tính tình như già hẳn. Hững hờ, lạnh lạt, thỉnh thoảng xa vắng.

Sau bữa ăn, hai chúng tôi ngồi uống cà-phê, trong lúc Nga dọn bàn, rửa bát. Nga liếc mắt, tôi để ý: Phụng đang gõ tay. Nghĩa là gõ các đầu ngón tay xuống mặt bàn. Móng tay đánh lắc cắc, khi lớn khi nhỏ khi nhanh khi chậm... Đang hào hứng, chợt nhận thấy bị quan sát, Phụng ngừng tay. Một lát, lại có tiếng gõ nhẹ. Rồi gõ mạnh dần. Trông đàng lưng, tôi biết Tố Nga đang bực dọc, biết mơ hồ.

Khi tôi ra về, Phụng đưa tôi ra ngoài đường, tận bên cửa xe. Tôi hiểu, không phải anh ta có ý ngăn cản tôi và Nga điều gì; chẳng qua Phụng hơi đãng trí.

Từ nam Cali, lâu lâu tôi có liên lạc với gia đình Phụng-Nga qua điện thoại. Lần nào nói riêng với nhau, Nga cũng nhắc:

- Anh thấy không? Gõ tay như rứa phải bình thường mô? Đồng ý không? Bực mình... nghĩa là đối với một người ngày nào cũng phải nghe hoài nghe hoài... bực mình, sốt ruột chớ, phải không?

Tôi bảo:

- Nga có lần nào nói cho Phụng nó biết chưa?

- Khó... nhưng Nga cũng có nói rồi...

- Trước, không thấy Phụng có thói quen ấy. Bắt đầu hồi nào vậy? Lâu chưa?

- Răng biết được? Bắt đầu khi mô răng mà nhớ ra được? Cứ mỗi ngày mỗi quá. Chừng năm rưỡi nay thì Nga hết chịu nổi. Muốn phát bịnh. Cứ rứa hoài, e Nga phát bịnh.

Dằn dà rồi có lúc tôi phải nói xa xa đến những dằn nén, ẩn ức, đến chuyện bác sĩ bệnh tâm trí v.v... Nói rụt rè, dè dặt hết sức. Hình như không đi tới đâu.

Chừng bảy tám tháng sau, tôi lại có dịp ghé nhà Phụng-Nga. Tình cờ thôi, tôi không có ý nối lại liên hệ gì cả, thực tình là thế. Vả lại, giả có ý như thế cũng hỏng thôi. Giữa Nga và tôi, nguội lạnh rồi. Giữa Nga và tôi, trước kia không có sự tán tỉnh nào mà tự nhiên mối tình thành hình. Rồi bây giờ không có xung đột nào, tự nhiên nó nguội dần, cũng lặng lẽ. Quan hệ giao hảo vẫn tốt. Gặp nhau thì vui êm ả. Nhắc cái nghĩa ba giây vẫn không quên. Nhưng sự tình đã rõ: hết rồi. Bây giờ Tố Nga đang khốn khổ với thói gõ tay của chồng, một tai ương không gỡ nổi.

Lần ấy, tôi đến, Nga vắng nhà. Nàng đi Santa Ana thăm bà cụ nằm bệnh viện. Đi ăn tiệm với Phụng, tối ngủ lại với Phụng, tôi có nhiều thì giờ để ý đến anh ta. Có những cái ngồ ngộ. Mặt anh ta bỗng nổi mụn như mặt con trai mới lớn. Mụn đầu đen, mụn trứng cá, sưng từng cục. Có chỗ mụn bọc đỏ rần lên. Tôi mỉm cười, anh ta xoa xoa bàn tay lên má, tỏ ý cho qua. Tôi đùa:

- Mụn à? Kỳ vậy?

Anh ta xoa má, cười cười, bí mật.

Hôm ấy Phụng với tôi hào hứng. Chúng tôi hào hứng hơn là Nga với tôi. Phụng nói nhiều, và gõ tay cũng nhiều, quên giữ gìn.

À, bây giờ tôi mới biết thế nào là gõ tay. Hoặc móng tay chạm mặt bàn lắc cắc, hoặc đầu ngón tay chạm mặt bàn lộp bộp, đàng nào tiếng động cũng rất là rộn ràng. Có khua động nhịp nhàng thì có một thứ âm nhạc nào đó, nhưng cái nhạc móng tay không có điệu du dương, điệu êm ả, dịu dàng v.v... Không có đâu. Toàn những tấu khúc khẩn trương, dồn dập, náo nhiệt. Có khi còn... ác hơn. Chẳng hạn trong trường hợp Phụng.

Crụp cụp cắc, crụp cụp cắc, crụp cụp cắc, cắc, cắc cắc.

Crắc cắc cụp, crắc cắc cụp, cắc cụp, cắc cụp. Cắc! Cụp! Cắc! Cụp! Chợt anh ta vụt phóng lên tưng bừng:

Crắc cắc cụp cụp cụp cụp cụp! Crụp cụp cắc cắc cắc cắc cắc. Cắc cắc crắc cắc cụp. Cụp! Cụp cụp cụp! Crắc cắc cắc cụp. Crắc cắc cắc cụp cắc cụp cắc cụp. Cắc! Cụp! Cắc! Cụp! Cụp cụp!... Cứ thế ào ào như mưa sa gió táp, như ngựa phi, như hổ rượt từng đàn, như hỗn loạn bùng nổ tới nơi. Phụng đâu rồi? Phụng có còn là đứa bạn ngồi nói chuyện với tôi nữa

không? Cái gì xảy ra vậy? Phụng, mắt nó sáng lên, người nó cứng đờ; nó thoát rồi, nó thăng hoa rồi, nó đâu còn bên tôi nữa? Ôi, cái gì, chuyện gì vậy?

Thình lình: Crụp! Crụp!

Hai tiếng dứt khoát, mạnh mẽ, rồi im phắc.

Ngỡ ngàng một chút, rồi chúng tôi tiếp tục chuyện trò. Tôi lên tiếng trước, như làm một cử chỉ lễ độ, như vờ chối rằng mình vừa không nghe thấy gì, không để ý đến cái gì bất thường cả. Phụng ngần ngại, rồi cũng bắt theo. Như một kẻ dại dột vừa lỡ... phát trung tiện giữa đám đông và được xung quanh bỏ qua. Đôi bên lúng túng, khổ sở thấy rõ. Rồi cũng qua.

Lát sau, khi câu chuyện đã trôi chảy, có bề hào hứng, thì khe khẽ lại bắt đầu lụp cụp thưa thớt. Rồi nhanh, rồi rộn ràng, tới tấp v.v... Đại khái bắt đầu máy động một ít thắc mắc, băn khoăn, ray rứt, máy động rụt rè, thăm dò. Sự khua khuấng dần dần mạnh dạn, rồi hóa hùng hổ, rồi lồng lộn, thành hẳn ra cơn cuồng nộ.

Có nói, có lụp cụp, lắc cắc. Không nói, ngồi trầm ngâm nhấm nháp cà-phê, cũng lụp cụp lắc cắc liên hồi. Tôi thầm nghĩ: Gõ tay, rối ruột thật. Tố Nga có lý. Một vấn đề trầm trọng, phải giải quyết, nếu không làm sao sống với nhau được. Sẽ nói chuyện với Nga về việc này...

Nói với Nga, Nga mừng húm. Mừng vì có người chia xẻ với nàng, thông cảm với nàng về cái tai nạn kỳ quặc. Nga hỏi:

- Anh đã trông thấy anh ấy gõ tay một mình chưa?

- Gõ tay... một mình? Tôi chưa hiểu. Thì lúc nào chẳng một mình?

Nga bật cười:

- Nói gõ một mình không phải là gõ tay xô-lô, độc tấu, không có hòa âm. Ý tôi muốn nói về cái lối gõ tay khi không có chuyện trò, không ngồi với ai cả, khi anh ấy tưởng chỉ có một mình, không ai trông thấy. Gõ một mình tức là gõ... tự do...

- Tức gõ không có khán thính giả?

Nga im lặng một lúc, rồi buồn buồn:

- Thấy tội nghiệp rứa tê... Chi mà dị rứa không biết nữa.

Tôi chưa chứng kiến. Chỉ mường tượng trong đầu cảnh gõ tay một mình, đã thấy quả có dị. Một mình mải miết đuổi theo các điệu lồng lộn nọ, người gõ dám bị dẫn dắt tới những điệu bộ lố lăng, dị hợm: gục gặc, lúc lắc, vung vẩy, ngắc ngứ... Ôi! Người Huế bảo dị rứa tê, tức ở trong Nam cho là kỳ cục thấy mồ, quái đản chết luôn.

Sáng tác nghệ thuật nào cũng thể hiện một phong cách. Người nghệ nhân gõ tay một mình bày ra một nhân dạng nhân hình không ra làm sao

cả. Bất lợi cho mình hết sức. Vậy mà Nga chỉ nói: Khó chịu lắm anh. Tôi thấm thía cái nết chịu đựng âm thầm, nhẫn nại dịu hiền của Nga.

Nhưng cái hào hứng của Phụng hôm ấy không liên quan đến gõ tay. Liên quan đến chim.

Phụng bảo hồi gần đây đêm đêm nằm ngủ anh mơ thấy mình hóa ra con chim. Một con chim trống. Nói cách khác: ban ngày anh là một nhân viên của hãng Hóa chất Westco, cặm cụi làm việc tám giờ, ngoan ngoãn. Nhưng đêm đến, Phụng là một con chim trống, đeo đuổi theo một con chim mái. Cứ theo những gì biểu lộ trên nét mặt anh ta, theo cái cách kể chuyện, giọng to giọng nhỏ, theo nụ cười ánh mắt anh ta, thì đây là một mối tình đầy hứng thú. Tôi hỏi:

- Đêm nào cũng vậy hả? Cứ tối đến là ông có hẹn hò?

- Không hẳn. Không tuyệt đối đêm nào cũng gặp nhau. Nhưng đại khái gần như thường xuyên...

- Thường xuyên? Đêm đêm cô cậu thường xuyên rập rợn khắp rừng nọ rú kia? Trời ơi...

Phụng cười hí hí. Rõ là có sự thích thú. Tôi tò mò về cái bay. Cái bay, Phụng đồng ý cũng là một thích thú. Bay ràn rạt trên các ngọn cây, trên đầu đám cây xanh ngút ngàn tràn ngập núi non, phải chịu là một thích thú, Phụng bảo thế. Riết rồi quen thói, không bay mấy đêm lại nhớ. Bỏ con chim mái qua một bên, nguyên một cái nhớ bay đã là vấn đề. Mình di chuyển bằng chân ngót nửa thế kỷ rồi, ít sao? vậy mà chưa bao giờ mình nhớ cái đi. Khi đau ốm khi tù tội, bị buộc phải nằm bẹp dí một chỗ thì có nhớ. Là nhớ cảnh, nhớ người nọ người kia, nhớ quán cà-phê, nhớ thành phố v.v..., hình như không có chuyện nhớ... đi. Phải không? Mình không chắc chắn lắm. Cậu soát lại coi. Cậu kiểm điểm, rồi bổ túc ý kiến cho mình chỗ ấy. Nhưng về cái bay thì mình có thể nói chắc: Thích lắm. Nhớ lắm.

Tôi không nghi ngờ. Trông bộ dạng Phụng, thấy rõ mồn một. Vả lại việc gì anh ta lại nói dối? Cái anh ta muốn khoe, cái chính, đâu phải là chuyện bay? Hễ đã làm chim tất nhiên là bay thôi, có gì đáng khoe khoang? Cái chính là mối tình, là con chim mái.

Thoạt đầu tôi vô tình, không xem là chuyện nghiêm chỉnh. Ái tình gì lại thế? lại người với chim? Chẳng qua chơi thôi, đùa thôi. Chú ý làm gì? Thoạt đầu, trong ý tôi, cái lý thú, mới lạ là cái bay; tôi chú ý cái đó.

Sau, nói một hồi, tôi ân hận đã cầm chân Phụng vào một đề tài thứ yếu: Phụng đang nôn nao muốn vọt ngay sang đề tài chính.

Nhưng phải nhận rằng đây không phải chuyện vui mừng, sung sướng.

Đây là một mối tình trắc trở. Không phải Phụng kém cỏi về phương diện nào, không phải lỗi ở anh ta. Phụng biện bạch:

Nghĩ coi: Chim có hoàn cảnh của chim, đâu phải như người? Chim mái lớn lên không như các thiếu nữ, không là nữ sinh nhí nhảnh, trao đổi ánh mắt nụ cười rộng rãi, mê hoặc cậu nọ cậu kia, chọn lựa kỹ càng rồi mới trao duyên. Chim đâu có chim ngồi bên song cửa, chờ đợi trai lành bốn phương. Đâu có thế? Thấy không? Chim sinh ra lắm loại có đôi có lứa sẵn sàng. Mình đơn thân độc mã ở đâu lạc loài bay đến. Mình khốn khổ ngay.

À! Anh này. Đoạn trường. Ngoài đời khổ, trong mơ khổ. Làm người khổ, làm kiếp chim lại khổ. Sao không chọn làm cây thông?

Nhưng coi chừng, Phụng không hẳn thấy khổ. Vẫng mơ là vẫng bay, nhưng rõ ràng Phụng không nhớ bay bằng nhớ con chim mái đâu. Và nhớ cả những nỗi truân chuyên trắc trở xung quanh cuộc rượt đuổi con mái. Nó có chồng. Nó có phong tục riêng: Vợ chim không ở nhà lo nội trợ để chồng ngược xuôi lưng trời kiếm ăn. Chim thì vợ đâu chồng đó, Phụng chen vào khoảng nào trong cuộc sống lứa... ba? Lẽ nào anh ta thích thú hào hứng trong cảnh chầu rìa? Vai trò anh ta là thế nào?

Phụng phân giải: Đời sống ở đâu cũng có phép tắc, anh chàng không được hưởng hạnh phúc công khai. Tuy nhiên không thể gọi là thất bại. Phụng nhấn mạnh: Không hề thất bại.

Anh ta dân dà phân giải kỹ hơn: Nghĩa là cặp chim kia vẫn một cặp, nhưng con mái đã... san sẻ tình yêu. Mọi san sẻ như thế - ở chim cũng như ở người - mọi san sẻ tình yêu đều kín đáo, ý tứ; nhưng trong cuộc với nhau thì nhận biết ngay... "Tụi nó ở đâu, tôi ở đó, nghĩa là gần đó. Thỉnh thoảng nhìn nhau, âm thầm sung sướng..."

Tôi thắc mắc: Làm cách nào Phụng "chinh phục" được tình yêu con mái? Hót à? Chim vẫn quyến rũ chim bằng tiếng hót, Phụng biết hót hồi nào? hót hay tới đâu?

Anh ta ngần ngừ, rồi giải thích, cách thận trọng: Không phải do hót... Có lẽ do gõ... Do mình gõ... hơi xuất sắc. Nghĩa là có cốt cách riêng... Nó để ý... Nó "chịu".

Tôi ngạc nhiên. Như thế là thế nào? Chim gì lại chim khoái nghe gõ tay? Phụng nói thêm: Chim gõ kiến ấy mà. Thật ra không phải là gõ kiến. Xứ mình không có loại chim ấy, các tự điển dịch đại khái vậy thôi. Tức con *woodpecker*. *Woodpecker* nó không ăn kiến, nó ăn hạt. À, không phải là gõ tay. Đây là gõ bằng mỏ. *Woodpecker* nó mổ vào thân cây, đục thành lỗ, có loại nhét hạt cây vào lỗ để dành mà ăn, có loài thì lỗ khoét rộng dùng làm tổ. Phải, phải, có nhiều giống *woodpecker*, mình làm sao biết

hết! *Gilda woodpecker, Acorn woodpecker, Hairy woodpecker, Downy woodpecker* v.v...

- Thế ông... thuộc giống nào?

Phụng khựng lại, nhìn tôi trách móc:

- Ông thật lắm chuyện! Giống nào, sao biết được? Một đêm nào đó mình nằm ngủ, tự dưng bay lượn, với cái mào đỏ trên đầu. Biết vậy thôi...

Tôi nhìn Phụng, thằng bạn từ xưa ở trường, thằng chồng của người tôi yêu, thằng Phụng đó bây giờ ngồi trước mặt tôi mặt lốm đốm mụn đỏ, sưng vêu lỗ chỗ, tay lộp bộp gõ nhặt gõ khoan dưới mặt bàn, trông láo ngáo lơ ngơ, và thằng Phụng đó đêm đêm bay rần rật đuổi theo con tình nhân có cánh... Thằng Phụng đó đang tâm sự với tôi đầy hào hứng. Đây là một sự hí hửng buồn cười, lố lăng... Nào, xem...

Phụng đầy hào hứng, nhưng kể ríu rít một hồi, loanh quanh cũng không thêm được mấy điều cụ thể.

Tôi về nhà mấy hôm, Tố Nga gọi điện thoại nói chuyện. Bảo mẹ nàng có đỡ bệnh, nhưng suy nhược nhiều lắm, bảo rất tiếc hôm nọ tôi đến thăm mà nàng không gặp, bảo độ này nàng cao máu, phải uống thuốc thường xuyên v.v... Nàng lại đề cập đến gõ tay: Căng lắm. Căng dữ lắm, anh. Chừ không mần răng chịu nổi nữa... Tôi hỏi dò, thấy hình như nàng không hề biết việc chồng đã hóa chim.

Một thời gian sau, chừng tháng rưỡi sau, Tố Nga lại xuống Santa Ana thăm mẹ. Tôi gặp nàng, thấy nàng hốc hác. Nàng kêu: "Khổn trương lắm, cứ ri hoài chắc chết, cách mô chịu nổi!"

Tôi thầm nghĩ: E không phải một người có vấn đề, mà là cả hai. Phụng gõ tay thế có quá đáng, bảo là bệnh hoạn cũng được. Nhưng còn Tố Nga: nàng cũng nên tự xét xem mình có tâm lý bình thường không? Người ta gõ tay, việc gì mà mình xúc động quá vậy? Dị ứng đối với tiếng gõ tay như vậy, lạ lùng chứ không à? Vì nghe tiếng gõ tay mà đến nỗi sinh ra suy nhược thần kinh, mà tăng cao huyết áp, mà hốc hác võ vàng.

Trong trường hợp này hình như tiếng động không phải chỉ là tiếng động. Sự khua khuấy ấy, âm thanh ấy, không đủ lớn để chấn động thần kinh. Chẳng qua chỉ đủ để khuấy động một u ẩn tâm lý nào đã bị dìm sâu. Có vậy chăng? Chẳng hạn tiếng gõ tay tố cáo một băn khoăn đau đớn ngấm ngầm nơi người gõ, một đau đớn đã bị trấn xuống mà không chịu nằm im trong thâm tâm người gõ. Người nghe bắt được cái tố cáo vô ý thức ấy, mơ hồ đọc được tội lỗi của mình. Ngón tay như tiếng trống đập vỗ ầm ầm vào ngực, như đao búa đổn sâu vào sào huyệt ẩn trốn của tội lỗi, như mũi nhọn xoáy vào vết thương v.v... Có vậy chăng? Có vậy thì

quả kinh hoàng.

Tôi lo lắng nhìn Nga. Nga nhìn tôi, lờ mờ đọc sự nghi ngờ của tôi. Nàng có vẻ bối rối. Đến lượt tôi lẩn trốn, tôi tạm thời tránh đề cập tới chuyện gõ tay.

Nhưng chuyện bay theo chim thì Tố Nga vẫn chưa biết gì. Phụng hào hứng kể lể với tôi, mà không hé răng với vợ. Cái đó cũng dễ hiểu.

Lần kế tiếp, tôi gặp Phụng thì tình trạng đã tệ lắm: Hai gò má anh chàng đỏ rần từng mảng. Có chỗ lở lói. Cả cái mũi cũng bị rồi. Chót mũi bị nặng: sưng to, đỏ ửng. Rõ ràng không còn liên hệ với chuyện mụn miếc của trẻ thanh niên nữa.

Tôi nghiêm nét mặt: Bác sĩ nói thế nào?

Phụng không trả lời thẳng. Anh ta lấy tay xoa qua má, rồi dừng lại ở chỗ sống mũi, rồi mân mê, bóp nhẹ chót mũi. Nói: Nó tấn công. Nó mổ mình dữ tợn.

Nó? Tôi nghĩ đến con mái, ngạc nhiên. Hỏi:

- Chim à? Chim nó mổ ông à?

Phụng điềm tĩnh hơn bao giờ hết. Anh ta tủm tỉm. Anh ta thong thả:

- Cái gì phải đến, đã đến.

Thoạt đầu tôi chưa hiểu, dĩ nhiên. Nhưng trông cái điệu anh ta cứ bí mật, cứ tủm tỉm, rồi cũng đoán ra đại khái:

- Đồ quỉ! Chuyện gì vậy, nói nghe coi. Ông... đạp mái cả chim à?

Câu phát biểu sỗ sàng của tôi làm Phụng cụt hứng, bất bình. Anh ta khựng lại một lúc. Mãi anh ta mới kể từ từ, kể một mình, không để tôi chen vào những câu vớ vẩn:

- Hôm đó, buổi sáng, trời mù, lành lạnh. Không một hơi gió nào. Khắp núi rừng, phăng phắc cả. Cây lá không lay không động. Mây khắp trời cũng tuyệt không xê xích. Tự dưng nhớ những ngày tháng hai âm lịch bên nhà. Nhớ có những lần như thế mình đứng giữa cánh đồng, trên một bờ ruộng hẹp, ngẩng nhìn, ngơ ngẩn, hoặc dừng chân ở khúc quanh của một bờ suối, chợt nhìn lên khối mây khổng lồ xuất hiện sừng sững trước mặt mà sững sờ.

Buổi sáng hôm đó, cũng một buổi sáng sững sờ như thế. Mình đậu bám vào một thân cây sồi già. Một khối mây thật nặng nề, màu bầm tím, nằm trên đầu núi, nằm im lặng hàng giờ.

Cũng như thường lệ, mình vẫn loanh quanh bên cạnh... Nghĩa là chúng nó ở cây này thì mình tìm một cây nào gần đó. Sáng hôm ấy, con trống đi đi về về. Nó bay đi kiếm ăn, một lát bay về. Con mái, nó cách mình chừng trăm thước tây. Thỉnh thoảng nó cũng bay đi, rồi về. Về bên cạnh mình. Hai đứa ý thức là gần nhau. Ý thức thôi, không có phát biểu nào, ngoài

việc lâu lâu nhìn nhau...

Núi rừng mênh mông yên lặng, mây trời yên lặng. Duy có cặp gnatcatcher cứ kêu đều đều, kêu mãi kêu mãi bên tai, làm mình sốt cả ruột. Ờ, *gnatcatcher*, chúng ta nhiều người vẫn gọi là con chim đớp muỗi ấy. Thực ra không phải đâu. Nó đớp những loại bọ có cánh gì đấy, không hẳn là muỗi đâu. Chim đớp muỗi, bên ta có. Nhưng bên ta, nó đớp đúng con muỗi. Muỗi sống về đêm. Bên ta, tôi thường gặp những con chim đớp muỗi đậu ở các gò, đậu sát hẳn mặt đất. Ban đêm, ta đi ngang qua gò, bước gần đến nó, nó tung lên bay. Đó mới chính thị là con chim đớp muỗi. Trông không giống con **gnatcatcher** bên này mấy đâu.

Hình dáng đã thế, mà cái sinh hoạt của hai bên cũng khác đấy. *Gnatcatcher* từng cặp quấn quít nhau chặt lắm. Rừng cây thì rậm rạp, chim thì bé nhỏ. Dẫu kiếm ăn quanh quẩn gần nhau, nhưng khuất cây khuất lá, đâu phải lúc nào cũng trông thấy nhau được. Lỡ rủi ro, chim dữ bất thần tấn công, bắt nhanh, biết đâu! Vì thế, con trống con mái gọi qua gọi lại liên hồi, suốt ngày không dứt. Để theo dõi, để con này biết chắc con kia vẫn còn đấy, và vẫn được an toàn.

Mây mù, trời đất im vắng sững sờ. Mình nhớ mây trời quê xưa, nhớ muốn chết luôn. Mà *gnatcatcher* chúng nó cứ kêu tha kêu thiết. Bồn chồn cả người. Mình và con mái, hai đứa - chắc nó cũng như mình thôi - không thể không nôn nao. Mình nhìn nó, nó đăm đăm ngó lại mình. Mắt gặp mắt, dừng lại chịu đựng thật lâu. (Tôi kêu thầm trong trí: Ba giây chăng? Chết, cái nhìn ba giây đây rồi, gì nữa?'')

Thế rồi, giữa lúc ấy một tiếng kêu ngắn phát ra trên không. Chúng tôi cùng trông lên: Hai con chim ưng quấn vào nhau buông mình rơi xuống, từ từng không cao tít chúng rơi xuống... Khắp bầu trời hàng giờ không một lay động nào. Bỗng nhiên xảy đến. Cặp chim ưng cùng rơi là cái hình ảnh động duy nhất... Hình ảnh ấy thôi miên hết thảy mọi sinh vật có mặt. Tôi, cả hai chúng tôi nhìn sững, bàng hoàng...

Phụng chợt để ý đến nét mặt tôi, anh ta hỏi:

- Anh không biết hả... À, không biết đâu. Khi chim ưng, giống chim ưng sói đầu biểu tượng của nước này, khi chúng nó rớt cả cặp giữa trời như thế là... là chúng nó đang làm tình đấy.

- Thế à?

Phụng tiếp tục:

- Tôi không tự giác, không biết mình làm gì, không biết mình bay lúc nào, không biết đến bên cạnh nó lúc nào. Biết ra thì mình đã ở ngay cạnh nó. Nó không có phản ứng. Tôi sát lại, nó vẫn đứng yên. Nó như cũng tê liệt vì cái xúc động bất ngờ. Rồi... rồi... rồi...

Phụng lúng túng. Tôi nhắc:

- Rồi chuyện gì phải đến đã đến.

Anh ta ngượng ngùng:

- Lần đầu tiên... Lần duy nhất... Xong, rời nhau, chúng tôi xa nhau. Tôi bay về cây sồi của tôi.

Phụng ngừng. Tôi có cảm tưởng câu chuyện đã được kết thúc. Nhưng một lúc, anh ta cho biết thêm: Lát sau con chim trống bay về. Mọi chuyện đã qua cả, thế mà hình như do một linh tính con trống biết rằng có điều không lành vừa xảy ra. Không khí căng thẳng khác thường. Thình lình con trống xông đến mổ cắn Phụng túi bụi...

Phụng bất giác đưa bàn tay xoa xoa lên má, lên những cục sưng đỏ, có cục lan rộng mấp mé mí mắt, xoa lên chỗ chót mũi phồng lớn... Có phải như vậy là ý Phụng muốn bảo cách gián tiếp rằng những mụt, những cục sưng, lở loét ấy, do vụ chim mổ trong giấc mơ mỗi đêm?! Ối! có phải Phụng định gợi ý như vậy không? Nếu có thế thì còn kỳ cục hơn chuyện anh ta... đạp mái con chim!

Còn về chuyện con chim con thú đánh đuổi đồng loại xâm phạm khu vực của nó, khu vực riêng nó đã chiếm hữu để săn mồi, để giữ con mái..., chuyện đó cũng thường. Nhưng trong trường hợp này có gì đột ngột. Trước, Phụng chưa từng gặp cơn thịnh nộ dữ dội như thế. Từ đó về sau, con trống tự dưng quyết liệt. Nó mổ vào đầu vào mặt Phụng túi bụi, hễ trông thấy hễ bắt gặp là mổ ngay, đánh ngay. Ơ, cái mỏ con chim gõ kiến, phải biết, nó mổ lủng mái nhà, lủng tường, lủng cả mái thiếc nhà người ta là thường. Dân cư vùng núi kêu trời...

Rồi thì sao? - Bao nhiêu cái còn lơ lửng: tật gõ ngón tay, bệnh cao huyết áp, cuộc sống vợ chồng, má lở mũi sưng v.v... Nhưng tôi có cần tiếp tục theo dõi và tiếp tục kể lể nữa không? Kể đến đâu thì gọi là xong?

Lẽ ra một cuộc ra đi, đến bến bờ tự do là xong chứ gì.

Giả sử có gặp điều bất trắc dọc đường thì sau đó, hỏi lại, nghe vợ nào chồng nấy, ông nào bà nấy vẫn tiếp tục cuộc sống chung, xây dựng cuộc đời mới, vậy là êm xuôi, ta có thể yên lòng bảo (như lời ông Thất bảo) là "xong cả" chứ gì?

Lại giả sử có mụn có mơ v.v... thì, có ai mà chết vì mụn vì mơ? tệ lắm bất quá đi bác sĩ cũng xong cả thôi.

Nếu chú ý tỉ mẩn, kể lể thêm nữa, hóa ra vẽ chuyện, rắc rối quá, biết đâu cho cùng!

Tuy vậy nếu cần phải thanh toán những vấn đề đã nêu ra, cũng nên thanh toán. Và tôi xin vắn tắt:

- Cho đến bây giờ, Phụng vẫn còn gõ ngón tay, tuy có ý thức, có cố gắng hạn chế. Bất cứ khi nào, đang gõ mà bắt gặp ở Nga một chú ý khó chịu, anh ngưng tức khắc. Tương kính như tân.

Những sưng lở trên mặt Phụng vẫn tiếp tục. Tố Nga coi nhẹ: *Rosacea*. Tôi đã có hỏi, bác sĩ bảo *rosacea* đấy. Nhưng anh ấy có nghe đâu, có chịu đi chữa đâu.

- Vụ *woodpecker* thì rồi một hôm con chim trống chết bất đắc kỳ tử. Không biết lý do. Bị chim lớn đâm? bị tai nạn? Không biết. Chỉ biết từ đó đêm đêm Phụng sống yên lành bên cạnh con chim mái. Nhưng khổ cái con mái đã già mất rồi. Loài chim, đời nó ngắn hơn đời người nhiều quá mà. Con mái già, rồi qua đời, Phụng tự dưng mất phái tính, không phân biệt âm dương, quên hẳn thú ân ái...

Hiện giờ, anh ta trông già hẳn, già trước tuổi nhiều. Ăn mặc lùi xùi, qua quít. Trên đầu đội cái mũ kết cũ kỹ, đỏ sậm, bạc màu. Nửa như màu mũ lính dù hồi trước, nửa hơi giống túp lông trên đầu con woodpecker. Ấy, bây giờ anh ta trông như thế, vẫn ở San José.❐

5-1995

(Truyện thật ngắn, Văn Nghệ tái bản, California, 1995*)*

Thơ dịch

Võ Phiến

- Bạn nghĩ thế nào về thơ dịch?

- Tôi nghĩ: Thơ dịch không phải là thơ, dịch thơ không phải là dịch.

- Thế à?

- Thế.

- Nghĩ thế không nghĩ còn hơn. Nhảm quá.

- Thế à?

- Thế. Thơ dịch đang đóng vai trò quan trọng trong sinh hoạt văn học quốc tế. Bạn xem: Ngày nay trên các tạp chí văn học nước nào mà thỉnh thoảng không giới thiệu sáng tác nước ngoài qua thơ văn phiên dịch?

- Từ từ. Hãy nói chuyện giá trị trước, chuyện vai trò sau. Về giá trị: Thơ dịch không phải là thơ.

- Thế nó là cái gì?

- Là ý thơ. Ý thơ đâu phải là tất cả bài thơ? Cũng không phải là phần quan trọng của bài thơ. Không quan trọng chút xíu nào.

- Từ từ. Xem nào: Bạn bảo thơ dịch là ý thơ?

- Vâng. Thì chỉ là cái ý, cái nghĩa của bài thơ gốc thôi. Bạn còn đòi dịch được cái gì nữa?

- Thế ngoài cái ý ra, bài thơ còn có những gì?

- Ngoài cái ý ra, còn lại bài thơ. Nói cách khác, khi bạn vắt cái nghĩa bài thơ đi rồi thì cái còn lại là phần cốt tủy của bài thơ.

- Gớm. Sao mà phét lác thế. Còn lại những gì? Nói cho cụ thể xem.

- Điệu thơ này, thể thơ này, giọng thơ này, lời thơ này, không khí bài thơ này... Bao nhiêu là cái, cái nào cũng quan trọng hơn ý thơ.

- Bạn có thể nói mà không huênh hoang được không? Nói cho rõ ràng, cho cụ thể xem nó quan trọng như thế nào?

- Thì nói. Bạn nhớ bài *"Tống biệt hành"* của Thâm Tâm chứ? Hãy thí

dụ bây giờ ta dịch bài ấy ra... lục bát. Vẫn là một bài thơ bằng tiếng Việt, nhưng theo thể lục bát. Thế thôi. Như vậy ta tránh cho nó sự chuyển biến từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác. Ta hạn chế bớt sự thay đổi, mất mát. Chỉ có đổi từ thể thơ này sang thể thơ kia mà thôi. Cái đổi ấy cũng không lớn lao gì: Từ một thể thơ Tàu đã Việt hóa sang một thể thơ Việt thuần túy. Gần như từ Việt sang Việt. Đâu thấm thía gì nếu đem so sánh với trường hợp dịch một bài sonnet ra một bài thất ngôn bát cú, hay dịch những câu thơ *alexandrin* ra những câu song thất lục bát. Phải không?

Đó, tôi chọn trường hợp thuận lợi nhất cho bạn,tôi tỏ thiện chí tối đa đối với bạn. Tôi đố bạn dịch thế nào cho thành một bài *"Tống biệt"* lục bát có khả năng truyền đúng những xúc cảm chứa đựng trong bài hành của Thâm Tâm.

Tôi không có ý chê bạn là người kém lỗi lạc. Tôi bênh vực bạn: Tôi cam đoan không một ai trên đời này có thể dùng thể lục bát để truyền lại đúng cái xúc cảm của một bài hành cả.Mỗi thể thơ có cái phong thái của nó. Cũng như mỗi ngôn ngữ, mỗi giọng thơ có cái phong thái riêng của nó. .. Dịch thế quái nào được?

Mỗi bài thơ làm ra nhằm gây một tác động xúc cảm nhất định đối với độc giả. Khi bài gốc gây xúc động này bài dịch gây xúc động khác thì thay thế nhau thế nào được? bài này đòi quyền đại diện cho bài kia thế nào được?

- Nào xem:

Đưa người, ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một giã gia đình, một dửng dưng...

Lục bát quả không có được cái rắn rỏi ấy.

- Còn nữa, bạn ơi!

Ly khách! Ly khách! con đường nhỏ,
Chí lớn chưa về bàn tay không,

Lục bát có chuyển được giọng ấy không?

Ta biết người buồn chiều hôm trước:

Bây giờ mùa hạ sen nở nốt,
.....
Ta biết người buồn sáng hôm nay:
Trời chưa mùa thu, tươi lắm thay,
.....
Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!
Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
Chị thà coi như là hạt bụi,
Em thà coi như hơi rượu say.

Đó, bạn dịch xem! "Người đi! Ừ nhỉ, người đi thực!" Bạn dịch đi. Tôi rộng lượng, tôi khoan hồng: Tôi không đòi bạn dịch ra tiếng Mỹ, tiếng Nga, tiếng Mông cổ, tiếng Lèo... gì ráo. Chỉ nhờ bạn dịch hộ ra thơ lục bát thôi: Hay là bạn muốn dịch ra bài vè tứ tự? Cũng được luôn. Nhưng tôi cấm bạn biểu diễn một màn lố bịch xung quanh bài thơ danh tiếng một thời.

- Quả thực có một cái gì dính liền với thể thơ cổ phong Tàu, không truyền sang thơ ta được.

- Thế bạn không nghĩ có một cốt cách riêng dính liền với thể thơ *haiku* của Nhật sao? không có một cái gì dính liền với thể song thất lục bát của ta sao? với mỗi thể thơ của Nga, của Pháp, của Thổ-nhĩ-kỳ, của Ai-cập v.v... sao? Chắc chắn phải trải qua nhiều đắn đo trăn trở, phải có lý do đích đáng, rốt cuộc bài *tanka* năm câu nó mới quyết định rụng đi hai câu để thành bài *haiku* ba câu mười bảy âm chứ? Sự hi sinh hai câu với mười bốn âm, hi sinh ngót nửa bài thơ, một hi sinh lớn lao như thế tất nhằm một cái gì chứ? Tác dụng gì? Hiệu lực gì? Bạn đếch cần! Gặp năm câu bạn phụt ra năm câu, gặp ba câu bạn phết cho ba câu, hoặc lục bát, hoặc ngũ ngôn, hoặc thất ngôn, tiện đâu bạn xài đó. Bạn dịch thế có chết thơ người ta không?

- Ơ hay! Bạn gây gổ đấy à? Tôi không hề dịch haikai haiku, không hề dịch tanka tankiếc gì cả. Cũng không hề dịch cổ phong ra lục bát theo đề nghị lố bịch của bạn.

- Vâng. Thế thì tốt. Dù sao xin bạn nhớ kỹ cho: Thể điệu của bài thơ là cái gì rất quan trọng, và chúng ta không hi vọng tìm được những thể điệu thực sự tương ứng trong các ngôn ngữ khác nhau.

Bây giờ, chúng ta hãy bước sang một cái gì dịu dàng,thoải mái hơn.

- Cái gì dịu dàng? Bạn trở nên dịu dàng à? Có tin được không?

- Không cần. Hãy thưởng thức mấy lời tình tứ du dương:

Nhà em có một giàn trầu,
Nhà anh có một hàng cau liên phòng.
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông
Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào?

Bạn thấy sao?

- Từ ngày ra khỏi nước tới nay, giữa chúng ta với cái mộc mạc quê mùa của Nguyễn Bính như có sự cách biệt cả một kiếp người.

- Ở đây không phải chỉ có cái mộc mạc. Chàng trai này mộc mạc mà lại ỡm ờ. Thế mới tình chứ lại. Bạn nghe thêm một chút giọng nữ nhé:

Em nghe họ nói phong thanh
Hình như họ biết chúng mình... với nhau
Ai làm cả gió, đắt cau,
Mấy hôm sương muối cho trầu đổ non?

Bạn thích không? Bạn dịch ra bài thơ tiếng Mỹ nhé.

- Tôi ngờ bạn bị quỉ ám. Bạn có những sáng kiến hành hạ người đời cách vô cớ. Những thôn Đoài và thôn Đông, những cau nhớ trầu, những sương muối và trầu, những gió và cau v.v..., nó liên hệ với tình yêu ở xứ này một cách lố bịch, những cái đó có thể làm khối người Mỹ chết sặc vì cười. Hoặc dãy *palm* ngoài phố, hoặc hàng cau liên phòng, thì nó tình tứ, nó lãng mạn chỗ nào? Bạn nhiễm nặng tính hiểm ác vào người, e bất trị.

- Thông cảm thì Đông với Đoài cau với trầu là tình tứ, mà không thông cảm thì tai nghe lòng cứ dửng dưng, không chút rung động. Muốn có những xúc động giống nhau không phải chỉ cần nghe hai câu thơ có nghĩa giống nhau; mà phải cùng chung sống một phong tục, cùng thấm sâu một không khí sinh hoạt chung.

Nhưng tôi sẵn sàng bỏ qua cho bạn những cái lẻ tẻ ấy. Lần này tôi chỉ đòi bạn có một điều: là cái giọng. Chúng ta vừa thấy: cái giọng của anh chàng thôn Đoài nghe mộc mạc mà lại ỡm ờ. Còn cô gái "chúng mình với nhau'' thì cả thẹn, thì chất phác, mà lại đong đưa. Và cả hai, họ ỡm ờ họ đong đưa theo lối riêng, theo cái lối cách xa chúng ta hàng thế kỷ, cách chúng ta một môi trường sinh sống lạ hoắc.

Sau khi đã miễn trừ, đã bỏ qua một số lỉnh kỉnh, liệu tôi có thể nhờ bạn dịch hộ mấy câu ấy ra thơ Mỹ được không?

- Ơ hay!

- Không, không! Tôi không có ác ý. Tôi không hề muốn chứng minh rằng cái Anh văn của người bạn công dân Mỹ mười lăm năm là chưa

vững.

- Thế thiện ý của bạn là muốn chứng minh cái gì?

- Tôi ao ước được bạn nghiệm thấy rằng tìm cho được một cái giọng thích hợp là thiên nan vạn nan. Giờ đây trên nước Mỹ mênh mông, ở đâu có kẻ nói năng bằng cái giọng như thế? Dù là ở chỗ đông quê hẻo lánh nhất, liệu có còn ai chất phác mộc mạc kiểu ấy chăng?

Cách đây gần nửa thế kỷ, ông Hoài Thanh viết thế này: *"Cái đẹp kín đáo của thơ Nguyễn Bính (...) khó lọt vào con mắt các nhà thông thái thời nay. Tình cờ có đọc thơ Nguyễn Bính họ sẽ bảo: 'Thơ như thế này thì có gì?' Họ có ngờ đâu đã bỏ rơi một điều mà người ta không thể hiểu được bằng lý trí, một điều quí giá vô ngần: hồn xưa của đất nước."*

Bạn mà không tìm ra được một giọng Mỹ thích hợp, thực sự tương ứng với giọng Nguyễn Bính, nhất định độc giả Hoa Kỳ sẽ kêu: *"Thơ như thế này thì có gì?"* Bạn đắc tội với thơ Nguyễn Bính, bạn đắc tội với hồn xưa đất nước. Tội của bạn không biết để đâu cho hết. Nhưng cái giọng đặc biệt ấy đã khó tìm thấy ở thị thành Việt Nam thời tiền chiến, còn làm sao tìm được ở Mỹ ngày nay nữa, hỡ Trời! Bạn có là người Mỹ da trắng ở xứ này hai ba trăm năm, bạn cũng đến ngẩn tò te thôi: Dịch thế nào được?

- Gớm. Nói năng cứ ba hoa chích chòe.

- Ấy, đó là giọng của tôi. Cũng khó dịch đấy.

Giọng thơ, lời thơ, nó là một phần phong cách của người thơ. Mỗi người một giọng, một phong cách. Mỗi thời một giọng, một phong cách. Mỗi xã hội, mỗi nền văn hóa, một phong cách v.v... Lấy cái phong cách của người này, thời này, dân tộc này, "dịch" cái phong cách của người khác, của thời khác, của dân tộc khác?...

- Tôi hiểu. Cũng như mỗi thể thơ có một phong cách, không thay thế nhau được, không dịch nhau được.

- Bạn là người có thiên tư. Nghe đâu hiểu đó. Tốt. Tuy vậy tôi muốn trở lại chỗ giọng thơ một chút, cho nó... cụ thể. Tôi muốn bạn nghĩ giùm tôi đến cái liếc mắt mỗi khi bạn tiếp xúc với một giọng thơ.

- Bạn là thứ gì mà muốn điều kỳ cục vậy?

- Hai món không khác nhau. Cất lên mấy câu ân tình cũng như liếc nhau, cùng một ý nghĩa: là tán tỉnh cả. Hoặc tán tỉnh bằng lời, hoặc tán tỉnh bằng mắt. Mỗi người một cách tán tỉnh, mỗi người một cách liếc. Có cách tán tỉnh mộc mạc, chất phác, có câu tán tỉnh láu lỉnh, trai lơ. Có cái liếc rụt rè e ấp, có cái liếc lẳng lơ, có cái liếc sắc như dao, có cái liếc kín đáo ngại ngùng v.v... Thử tưởng tượng: Một đám trai tài gái sắc, anh hùng hào kiệt, sắc nước hương trời, cùng ngồi bên nhau, *"tình trong như đã"*. Chợt hô Liếc! một cái, thôi thì mạnh ai nấy liếc, người nào liếc cách nấy.

Con dao vàng rọc lá trầu vàng,
Mắt anh anh liếc, mắt nàng nàng đưa.

Đố ai lấy cái liếc của người cái liếc của người kia được. Mặc dù ý nghĩa không có gì khác nhau...

- Biết rồi, khổ lắm...

- Bạn quả là người có thiên tư. Do đó bạn được mời tham dự một thí nghiệm khác: Dịch thơ *Lá hoa còn* của ông Bùi Bàng Giúi ra bất cứ thứ ngôn ngữ Á, Âu, Phi, Mỹ nào. Bạn dự nhé.

- Đồ quỉ. Đang nói chuyện thơ văn chuyện nghiêm chỉnh, bạn nghịch như quỉ.

- Nghịch là một phong cách. *Lá hoa còn* là một khía cạnh trong phong cách của ông Bùi Bàng Giúi. Bạn mà bỏ qua nét ấy là bạn không truyền thần được nét nghịch ngợm của Bùi Giáng nhé.

- Những trò lái liếc chẳng qua là một đặc điểm bất thường của Việt ngữ. Chọn cái éo le như thế để bắt bí nhau: Không... quân tử gì cả.

- Tôi biết thế nào bạn cũng chê. Tuy nhiên ở đây tôi chỉ muốn bạn chú ý đến cái đặc tính của mỗi ngôn ngữ. Có chỗ éo le, có chỗ không éo le.

Cửa son đỏ hoét, tùm bum nóc
(Hồ Xuân Hương)

Cái đỏ như thế, mới đọc lên nghe nó đã sỗ sàng; cái nóc như thế, tự dưng nghe không được... trọng vọng. Màu đỏ thì cứ tha hồ đỏ, việc gì mà sỗ sàng? Người ngoài viện cho được cớ để bắt tội nó: khó đa. Nhưng lỗ tai Việt nam nghe qua cái oét, biết ngay! không chối cãi được.

Này nữa:

Quê nhà xa lắc xa lơ đó
Ngoảnh lại tha hồ mây trắng bay
(Nguyễn Bính)

Dịch ra tiếng Pháp, tiếng Hoa, tiếng Maroc v.v..., bạn có dịch chữ "đó" không? Bạn dịch ra sao, xin cho nghe... Bạn lại mắng tôi kém... quân tử! Bạn chỉ dịch cho xong ý nghĩa câu thơ, rồi bạn bỏ qua cái tiếng thừa thãi hả? Bạn khôn ơi là khôn!

- Kìa, bạn đay nghiến tôi đấy à? Thì tiếng nước nào chẳng có tiếng hư tiếng thực, nghĩa nổi nghĩa ngầm v.v...

- Đấy. Chúng ta nhất trí với nhau gần hoàn toàn. Cái rắc rối là những hư, thực, nổi, ngầm ấy nó không trùng hợp nhau. Tiếng nói của bạn hư

chỗ này, tiếng nói của người hư chỗ khác. Dịch không nổi.

Thơ là nghệ thuật vận dụng ngôn ngữ. Thi sĩ khai thác đến tận cùng cái tinh vi của ngôn ngữ, tất nhiên chỉ là ngôn ngữ dân tộc ông ta thôi. Cho nên trong thơ hay của người nước nào mà lại không có ít nhiều chất Bùi Giáng? (Ý tôi muốn nói: ít nhiều liên hệ với các đặc điểm ngôn ngữ bản xứ?) Giữa lời thơ với ngôn ngữ được sử dụng có đầy âm mưu thầm kín. Đôi bên chúng nó toan tính, đông lõa với nhau, nháy nhó nhau, chúng phối hợp nhau gây nên những nét đẹp đẽ, ngộ nghĩnh, những xúc động lâm ly v.v... mà kẻ ngoại-thủy không ai tham dự được. Đứng bên ngoài, kẻ dịch thơ nghệch người ra.

- Bạn cực đoan vừa thôi. Cứ nghe bạn nói riết một hồi, tưởng chừng thơ không cần ý. Không có ý thơ, tứ thơ, làm sao có thơ? Cái nảy ra trước tiên trong đầu thi nhân, cái gây ra cảm hứng của thi nhân, cái đó là một tứ thơ chứ đâu phải là chữ nọ lời kia, giọng này giọng khác? Cái gì nó chủ trì toàn bài thơ, làm nòng cốt cho bài thơ, cái đó là một ý tưởng, đâu phải là những đặc diểm ngôn ngữ lặt vặt như lá hoa cỏn, như sư cụ đáo nơi neo?

- Bạn nói trúng phóc. Thơ cần có ý: đúng. Ý thơ là nòng cốt: đúng nữa. Cái ý đối với bài thơ cũng như bộ xương đối với con người. Người cần có bộ xương, bộ xương là nòng cốt con người. Khởi đầu, thi nhân nảy ra một cái ý. Khởi đầu, Thượng Đế lấy một cái xương, để gầy ra con người.

Gầy xong cái nòng cốt, nhìn lại bộ xương, Thượng Đế rụng rời khiếp hãi vì sự xấu xí của tác phẩm mình. Người lấy làm xấu hổ, Người vội vã lấy đất sét đắp lên, bao bọc kín cả xương.

Thơ cũng như người: đẹp vì thịt, không đẹp vì xương. Khi chỉ còn là hai bộ xương xếp nằm cạnh nhau, Tây Thi và Chung Vô Diệm trông như nhau.

Thơ cũng như người: sống nhờ thịt, không sống nhờ xương. Khi thịt rữa nát rồi, chỉ còn lại bộ xương, chỉ còn lại cái nòng cốt, thì không còn sự sống nữa.

Thơ cũng như người: mọi biểu hiện phong cách đều ở thịt, không ở xương. Làn thu thủy nét xuân sơn, bộ dạng ranh mãnh, vẻ phúc hậu, nỗi buồn phiền, ưu tư, hân hoan, tha thiết v.v... đều là thịt cả. Xương, không có bộ xương buồn. Không có bộ xương nhí nhảnh. Bộ xương không có cá tính, bản sắc, không có phong cách. Cái nòng cốt không có phong cách.

Nếu bạn chọn cái đẹp, chọn sự sống, chọn tìm hiểu một phong cách..., bạn chọn thịt. Chọn lời thơ, giọng thơ, chọn câu, chọn chữ v.v... Trong những cái đó có hơi thở của con người.

Hoặc giả bạn nhất định chọn cái nòng cốt chăng?

- Còn bạn, cứ đà này không khéo dần dần bạn tiến đến những bài thơ không có ý!

- Rất có thể. Có thể lắm. Xưa nay vẫn có những bài thơ vô đề, không từng có bài thơ nào vô ngôn. Thơ là lời, là chữ, là nhịp điệu, vần vè. Thơ là thể xác. Mất thể xác đi là mất tất cả. Thác rồi thể xác, còn là ...khỉ meo! Không có cái tinh anh nào còn lại cả.

- Bạn hung hăng như con bọ nguậy.

- Tôi hung hăng như người đi đúng chính đạo, nắm đúng chính nghĩa.

Hãy nghe một người tiền chiến sành thơ nói về một bài thơ tiền chiến, tức Hoài Thanh nói về "Tống biệt hành'': *"Điệu thơ gấp. Lời thơ gắt. Câu thơ rắn rỏi, gân guốc.''*

Đó là một người biết cách nói. Ông ta chỉ nói đến điệu thơ, lời thơ, câu thơ. Ông ta không hề nói đến ý thơ.

Trở lại chuyện dịch. Ý tống biệt, bạn dịch được. Toàn bài có bao nhiêu ý lớn ý nhỏ, chịu khó mần mò bạn có thể dịch được tuốt hết. Nhưng như vậy là bạn chưa hề động chạm gì đến cái hay, cái đặc biệt của bài thơ. Bởi vì bạn làm thế quái nào dịch được cái gấp, cái gắt, cái rắn rỏi, cái gân guốc? Tức những cái không nằm trong ý thơ mà trong xác thơ. Như vậy bạn dịch làm chi? Bản dịch của bạn có thể dùng vào việc gì khi nó không có công dụng truyền đạt cái hay, cái đặc điểm của bản gốc? Bạn dịch làm chi, bạn nói tôi nghe? Dịch như thế... Tôi nghĩ đến cái ngày mà *Truyện Kiều* được dịch sang đủ 160 thứ tiếng của các nước trong Liên hiệp quốc, cái ngày xương cốt Kiều tung tóe đó đây, bấy giờ thiên hạ sẽ khóc Tố Như râm ran khắp nơi. Lo gì thiếu kẻ xót thương?

- Điệu này e phải cấm dịch thơ.

- Xin can. Vì vai trò quan trọng của nó trong sinh hoạt văn học quốc tế mà bạn đã nêu lên từ đầu. Vì "có còn hơn không''.

- Tự dưng bạn mở lượng hải hà!

- Không mở không yên. Nhu cầu cảm thông của nhân loại quá khẩn trương, quá lớn lao. Ngày nay bốn bể một nhà. Người tứ xứ muốn hiểu nhau, bằng bất cứ giá nào. Một nước Đông Âu vừa xóa bỏ chế độ cộng sản: Ai nấy muốn biết đời sống bên xứ đó ra sao, vật giá bên đó ra sao, văn thơ bên đó ra sao. Một thi sĩ Nam Mỹ hay Bắc Phi chẳng hạn vừa được giải Nobel văn chương: Lập tức, ai nấy muốn biết ông ta viết cái gì v.v... Người ta sẵn sàng trả cho cái biết ấy một giá cao: Điệu thơ? giọng thơ? lời thơ? - Hi sinh luôn.

- Biết như vậy rồi có... ngưỡng mộ được không?

- Được tất, bạn ơi. Thời nào tục nấy. Thời nay khối người kiếm vợ qua văn phòng xe duyên: kẻ Âu người Á, trông qua tấm ảnh mà yêu nhau,

mà nên vợ nên chồng. ảnh với thơ dịch, đại khái như nhau. Người thì chỗ cao chỗ thấp, ảnh thì bẹt; người khi e ấp khi suồng sã đều hay, khi mát rượi khi nóng bừng đều hay, ảnh cứng đờ bất động; người thì thơm tho, ảnh vô vị; người sờ vào có điện giật, ảnh vô tri v.v... Thơ dịch, khác gì đâu? Nhưng xem xong một bài thơ Nga xô dịch ra lục bát, vẫn có thể cả tiếng tuyên bố là đặc biệt yêu thích tác giả: Sợ gì? Miễn ông ta nổi tiếng lớn.

- Hừm! Thời nay tục nay như thế rồi đi tới đâu?

- Tới thơ trí tuệ.

- Bạn nghĩ vậy thật đấy à?

- Không nghĩ vậy không xong. Một mặt bạn, chính bạn, bảo rằng thơ dịch bây giờ xuất hiện trên khắp tạp chí văn nghệ các nước; một mặt tôi nhớ ông Nguyễn Hưng Quốc có lần cũng nhận thấy bây giờ nhiều thơ trí tuệ. Người nào cũng đúng cả. Tôi chỉ thêm vào một ý kiến: E giữa hai sự việc có mối liên hệ.

Bạn nghĩ coi: Khi bạn sống giữa một thời đại mà các đại danh gia quốc tế, các con đại bàng trên đỉnh Thi sơn (Parnasse), các thi hào thi bá tiền tiến nhất của thế kỷ đều trao gửi đến ta toàn thơ xương cả thì ai còn lòng nào ngó ngàng tới chất thịt của thơ nữa. Trăm trường hợp như một: thơ các vĩ nhân dịch ra đều chỉ còn trơ cái ý thơ thôi. Thơ như thế đang thành công lớn; họa có điên mới làm khác.

Dạo xem riết những con vật trưng bày trong bảo tàng viện, dám có ngày thấy động vật toàn xương trông dễ coi, dám có lúc nghĩ rằng động vật thời tiền sử thường không có thịt. Phải cố gắng vận dụng tưởng tượng mới hình dung được cách khác.

- Tôi không nghĩ có thể giải thích xu hướng thơ trí tuệ bằng luận điệu của bạn.

- Bạn có lý. Chúng ta đang nói chuyện thơ dịch, chúng ta không có chủ đích đi giải thích thơ trí tuệ. Thơ trí tuệ có thể do năm chục nguyên nhân chính đáng để phát sinh. Tìm những nguyên nhân lý lẽ ấy là công việc của người giải thích thơ trí tuệ. Tôi chỉ xin phép bạn giành lấy một phần cho thơ dịch thôi. Bạn nghiệm xem: nó có phần đóng góp đấy, không sao?❐

11-1990

(Đối thoại, Văn Nghệ xuất bản, California, 1993*)*

Tạp ghi

Nguyễn Quốc Trụ

● Stefan Zweig, nhà văn Âu-châu

Since then, at an uncertain hour,
That agony returns,
And till my ghastly tale is told
This heart within me burns.(1)
Coleridge, *The Rime of the Ancient Mariner.*

Tháng Tám 1941, Zweig và vợ tới Brésil, ở Rio vài tuần lễ, sau đó về ở ẩn tại Pétropolis, trên những triền cao ngó xuống Rio, từ 17 Tháng Chín. Tại đây, ông viết *Người Chơi Cờ* (Le Joueur d' échecs), *Montaigne*, *Thế Giới Hôm Qua*. Tinh thần ông ngày càng suy sụp. Cuộc chiến khốc liệt, và nhất là cuộc tấn công Trân Châu Cảng làm ông càng thêm bi quan.

1941, trong khi tham dự lễ hội tại Rio, được tin Singapour thất thủ; choáng váng, Zweig và vợ trở về Petropolis thu xếp hậu sự, rồi cùng tự tử, vào ngày 23 tháng Hai, 1942.

"Làm thế nào gìn giữ linh hồn sâu thẳm, vốn chỉ thuộc về tôi như hình hài, sức khoẻ, tư tưởng, tình cảm... trước nguy cơ phải hy sinh cho sự khùng điên của những kẻ khác vì những lợi ích chẳng liên quan gì đến tôi? Câu hỏi này, chỉ với nó, Montaigne đã bỏ ra hết đời mình..." (*Montaigne*).

Trong bức thư tuyệt mệnh của Lotte, gửi cho một người em/chị dâu, bà vợ Zweig cho biết, cái chết là sự giải thoát cho Stefan, 'đã đau khổ trong bao nhiêu năm như tất cả những con người đã từng đau khổ dưới sự thống trị của Nazi'; Zweig tự tay viết thêm vài hàng, vào tuổi sáu mươi, rằng ông không thể tiếp tục cuộc sống lang thang, tạm bợ, xa quê hương

và bè bạn.

Nhà cầm quyền Brésil cho tiến hành một cuộc giảo nghiệm vội vàng tại hiện trường, ngăn cấm mọi điều tra sâu rộng, tịch thu bức hình của một ký giả, và sau đó đưa ra một bức hình chính thức. Qua hai bức hình ngày nay người ta có được, là hai câu chuyện. Trong một bức hình, Zweig nằm ngửa, bà vợ nằm nghiêng kế bên, tay trái đặt lên tay chồng. Nét mặt cả hai cho thấy sự tuyệt vọng. Trong bức hình khác, bà vợ ôm lấy chồng, cho thấy sự dịu dàng; đây là bức của nhà cầm quyền. Những tài liệu sau này cho biết, họ không sử dụng cùng một loại độc dược, không cùng chết một lúc, và có lẽ cũng không cùng một nguyên nhân. Mặc dù cả hai đã sửa soạn cho cái chết của họ từ lâu, và mười ba lá thư tuyệt mệnh, nhưng tới phút chót mọi chuyện đã diễn ra không đúng như ước muốn của họ.

Từ những năm 30, Stefan Zweig là một nhà văn viết văn bằng tiếng Đức được biết, và được đọc nhiều nhất trên thế giới. Cái chết của hai vợ chồng, và cuốn tự thuật mà ông hoàn tất trước đó không lâu, *Thế Giới Hôm Qua*, nhiều hoặc ít, đã góp phần vào huyền thoại. Ngày nay, tại Cựu Lục Địa, rõ rệt nhất ở Pháp, ông được coi như một nhà văn Âu-châu tuyệt hảo, do gốc gác Do-thái, kẻ thừa kế một trong những văn hóa giầu có nhất của Tây-phương, nạn nhân lý tưởng của Nazi.

Chỉ một năm sau khi Zweig tự tử, Hitler bắt đầu thực hiện điều được gọi là giải pháp chót, huỷ diệt hoàn toàn dân tộc Do-thái, chỉ với lý do độc nhất họ là Do-thái, vậy là kẻ thù tuyệt đối.

Có lẽ cũng nên nhắc đến trường hợp rời bỏ Đức sang Hoa-kỳ năm 1932, của nhà văn Thomas Mann. Vào năm 1943, ông viết *Luật, La Loi* (*Das Gesetz*), trong đó ông vẽ lại những điều kiện ra đời của dân tộc Do-thái, cuộc rời bỏ Ai-cập, và nguyên nhân thiết yếu của sự giải phóng của họ, nói rõ hơn, *Luật, Lệnh, La Loi, le Décalogue*: hãy kính trọng nguyên lý của tự do, không được ăn trộm, giết người, hãy kính trọng Kẻ Lạ, không được biến đồng loại thành nô lệ... Khi viết *La Loi*, T. Mann không chỉ tố cáo chế độ Hitler vì những hình thức, bộ dạng này nọ của nó mà ngay chính nguyên lý tạo nên chế độ đó... *La Loi* ở đâu? Tơi tả giữa những bàn tay đầy máu... con người quên một điều, nó được sinh ra, rằng cội nguồn của cuộc sinh phải vượt qua con người, không được ngưng lại... Raphael Drai, tác giả bài viết *Le Reich et le Sinai* (trong *La Loi*, nhà xb Mille et Une Nuit, 1996), cho rằng Thomas Mann, từ những sử liệu, huyền thoại, khảo cổ, truyền thống Do-thái... đã quyết định tin theo trực giác của mình, và những đòi hỏi của một nhà văn tự do, cố soi sáng lương tâm Âu-châu vào lúc xế chiều, thời điểm thức giấc của những con quỉ đêm từ đáy sâu linh hồn con người. Ông nhìn Âu-châu trong cơn địa chấn

của nó, nghe mặt đất nứt ra dưới những mảnh vụn của một đại lục quá tự mãn bởi những giá trị từ những thế kỷ ánh sáng.

'Tôi phải kể cuộc đời nào, trong những cuộc đời của tôi?', Zweig mở đầu *Monde d'Hier*. Qua tự thuật là một định mệnh không thể tách rời khỏi những biến động quyết định của thế kỷ.

Đằng sau tuổi nhỏ, thiếu thời của ông, là thành phố Vienne những năm cuối thế kỷ. Cuộc Chiến Lớn I cho thấy những chấn động đầu tiên của nó. Ông nhận ra thân phận của mình: làm sao yêu nước, mà không phải từ bỏ những giá trị phổ cập thâu lượm được từ những nhà văn Pháp, thí dụ vậy? Rồi ông chứng kiến, sự thắng thế của phát-xít, trước sự bất lực của phe quốc gia, ở Đức. Đối với Zweig, và những nhà văn viết bằng tiếng Đức, giờ phút của những nhục nhã, tủi hổ, sự cần thiết phải 'thiên di', trong khi Hitler và những thế lực phù trợ ông, sau sự sát nhập của nước Áo, tháng Ba 1938, đang từng bước nắm trọn Âu-châu.

Cuộc đời, tác phẩm của Zweig là một trận lẫn với những bước đi vừa mâu thuẫn, vừa tàn bạo của lịch sử. Mọi tin tưởng vào những giá trị vĩnh cửu, kể như xong. Những đòi hỏi cá nhân, đứt đoạn. Từ đó, quyết định tự tử, *phán đoán sáng suốt cuối cùng*, (chữ của Zweig, trong thư tuyệt mệnh gửi nhà cầm quyền Brésil), trước một chủ nghĩa man rợ sẽ nuốt trọn, trước mắt là Âu-châu, sau đó, thế giới?

● Võ Phiến, nhà văn Bình Định

Làm thế nào để gìn giữ linh hồn sâu thẳm... qua cuốn *Võ Phiến* của Nguyễn Hưng Quốc, phần tiểu sử, chúng ta được biết, từ những người thầy như Chế Lan Viên và Đào Duy Anh, Võ Phiến đã làm quen rất sớm với văn chương Pháp, đặc biệt là Proust và Alain.

Tuy là thuộc địa, văn minh 'mẫu quốc' cho tới nay vẫn sâu đậm tại Việt Nam, nhưng không qua những nhà văn như Proust, hoặc Alain. Họ không thuộc hệ chính thống, với nhiệm vụ khai hóa.

Ta là Kim, nhưng Kim là gì?, nhân vật của Kipling đã từng tự hỏi.(2) Kim, Lord Jim, và Kurtz là những con người với những ước muốn 'tuyệt vời', về những cuộc phiêu lưu ngoài-Âu-châu, phiêu lưu-chủ nghĩa đế quốc; tiền thân của T. E. Lawrence, người hùng sa mạc, hay Perken, trong *Con Đường Vương Giả* (Malraux). Cái cảm giác *ở nhà* của Kim, (... *slowly Kim begins to feel at once with himself and with the world*. Said) cho thấy ý nghĩa đích thực của chủ nghĩa đế quốc đối với những đất đai ngoài Âu-châu: những Âu-châu thứ nhì, thứ ba. Kim là 'thiên sứ' tại mảnh đất 'thổ

dân đã được thuần hóa', (*Native Under Control*, chữ của Said).

Mọi nhân vật tiểu thuyết đều bước ra từ cái bóng của Don Quixote. Cùng với họ, là nỗi âu lo về 'căn cước'; nhân vật tiểu thuyết đều là những kẻ truy tìm không ngừng nghỉ, những kẻ suốt đời lang thang. Như Don Quixote, họ cố làm bật ra, từ thế giới tiểu thuyết, điều được gọi là 'sự siêu việt đã mất' của nó, *its 'lost transcendence'* (G. Lukács, *Lý Thuyết Về Tiểu Thuyết*). Ông nói, mọi nhân vật tiểu thuyết đều toan tính tái dựng cái thế giới tưởng tượng đã mất.

Nếu tiểu thuyết là sản phẩm của Âu-châu (Kundera), như vậy cái thế giới tưởng tượng đã mất đó, họ tìm lại được, nhờ thuộc địa, nhờ chủ nghĩa đế quốc. Họ đều là những con người bị Âu-châu từ bỏ, và 'lại' tìm thấy *quê hương*, ở thuộc địa. (Kinh nghiệm chỉ tìm thấy quê hương khi xa nó, của dòng văn chương di dân viết bằng tiếng Anh hiện nay biết đâu là một lật ngược kinh nghiệm này? Trong cuốn *Chuyến Đi Khác Thường của Rudyard Kipling*, Augus Wilson đưa ra một chi tiết: ngay từ khi chưa tới tuổi 16, trong một cuộc thảo luận tại nhà trường, cậu bé Kipling tuyên bố: Cuộc tiến tới của Russia tại Trung Á, là thù nghịch đối với Quyền Uy Anh.

Vĩnh hằng, là sự thần phục của giống không-trắng. (Said).

Đừng đụng tới ngư(c)i Anh, họ sẽ biến bạn thành thuộc địa ngay tức khắc (Alain).

Sự thống trị và bất bình đẳng về quyền lực và tài sản, là những sự kiện bắt đầu cùng với lịch sử con người, nhưng ở cuối thế kỷ, chúng ta đều biết, bộ mặt thế giới như hiện nay, không thể hiểu được, nếu bỏ qua chủ nghĩa đế quốc, lịch sử của nó, những hình thức mới mẻ của nó. Những quốc gia tại Á-châu, Mỹ-châu La-tinh, Phi-châu hiện nay độc lập về chính trị, nhưng trong rất nhiều đường hướng, họ vẫn bị thống trị, như khi còn bị cai trị bởi những quyền lực Tây-phương. Mặt khác, có những tác giả như V. S. Naipaul lại khẳng định: 'họ' (ai cũng biết 'họ' ở đây là chỉ những người da mầu) mới đáng bị trách cứ vì cái điều họ là gì, ('*they* are to blame for what *'they'* are), không mắc mớ gì đến chủ nghĩa đế quốc. Vả chăng, trách cứ người Âu-châu về tình trạng hiện nay cũng chẳng đi đến đâu, và không phải là một giải pháp (cho vấn đề). Điều chúng ta cần là nhìn lại mớ bòng bong những câu chuyện, những lịch sử tròng chéo, và cố gắng hiểu thay vì xô đẩy nó (Said).

Thí dụ như trường hợp Võ Phiến. Tại sao ông lại 'rơi đúng' vào Proust, và Alain? Văn minh Âu-châu, với nhiệm vụ khai hóa, như một tất yếu, đưa tới chủ nghĩa Cộng sản. Một cách nào đó, Võ Phiến, khi không chấp

nhận hệ văn chương chính thống của Pháp, ông tin rằng có thể ái quốc mà không phải từ bỏ Proust, Alain.

Bởi vì Võ Phiến đã từ chối con đường của những bậc thầy của ông, như Chế Lan Viên, hay Đào Duy Anh: chấp nhận văn hóa Pháp, như một tiền đề, một 'cái cớ' để đi làm cách mạng. (Cách Mạng Nga chẳng đã một thời chỉ mong được như Cách Mạng Pháp, chỉ thiếu cái máy chém!) Võ Phiến nhận ra bóng ma ám ảnh, của 'cái mã tấu' ở phía sau những người cộng sản cuồng tín, như trong phần tiểu sử đã dẫn, *'sau Cách Mạng Tháng Tám, ở Huế, Võ Phiến gia nhập bộ đội một thời gian ngắn, rồi vào đội Tuyên Truyền Xung Phong, hoạt động khắp các tỉnh miền Trung. Giữa 1946, từ Bình Định ông ra Hà-nội học trường trung học Văn Lang. Tháng Chạp, 1946, cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, Võ Phiến về lại Bình Định, tham gia sinh hoạt văn hóa kháng chiến... dạy học... sinh hoạt chung với lớp cán bộ cuồng tín ấy, càng ngày ông càng chán ngán, cuối cùng thành 'phản động' hẳn...'*. Chi tiết về *'phản động'* hẳn, Võ Phiến chưa từng viết lại, theo như tôi biết, nhưng 'tác phẩm ông viết trong thời gian này không dính tới khí hậu chung của thời cuộc.

Và chăng, nấp sau chiêu bài kháng chiến chống Pháp, trong không khí bừng bừng của cả nước thời kỳ 1945, ít người nhận ra con quỉ của hận thù, nhưng những tác phẩm 'không dính đến khí hậu chung của thời cuộc' cho thấy một điều: bằng trực giác của một nhà văn, Võ Phiến đã nhận ra, nơi bạo lực tổn thương con người, cũng tổn thương ngôn ngữ (where violence is inflicted on man it is also inflicted on language. Cynthia Ozick: *Mẩu giấy tuyệt mệnh của Primo Levi*)(3). Những lời dối trá, và sự độc ác không thể gói trọn cuộc đời. 'Một điều gì đó sẽ xảy ra cho những con chữ', (Something will happen to the words), Steiner cảnh cáo, trong bài viết *Phép Lạ Gượng Gạo, The Hollow Miracle*, về hậu-Lò Thiêu tại Đức.

Bất cứ một người Việt nào cũng hiểu 'nói như Vẹm' nghĩa là gì; Võ Phiến là một trong những người đầu tiên 'đau nỗi đau' này. Có thể ông đã toan tính 'vượt qua' nó, như trong tiểu sử cho thấy, ông dính líu đến một tổ chức chống Cộng. Khi từ bỏ những người CS, Võ Phiến tìm một thứ tự do thoát khỏi sợ hãi (freedom from fear), không chỉ cho bản thân, mà còn cho ngôn ngữ. Ông tin rằng con đường văn chương, là 'tối ưu' và có thể, độc nhất, đối với ông, trong cuộc chiến Quốc-Cộng.

Sau đó là gặp gỡ Proust, *Đi Tìm Thời Gian Đã Mất*. (*Võ Phiến*, Nguyễn Hưng Quốc)

Trước 1940, Zweig đã chinh phục người đọc, bằng tiểu sử Marie-Antoinnette, Fouché, Erasme. Nhưng phải đợi những truyện ngắn, và liền

theo đó, là vinh quang của ông: *Khúc mắc tình cảm, Hai mươi bốn giờ trong đời một người đàn bà, Thư của người đàn bà không quen biết, Bí mật nóng bỏng, Amok*. Rất nhiều truyện, trong số đó, ngay từ những năm 1930, đã được đưa lên màn ảnh, và là những phim rất thành công. Tại sao? Có thể vì, cả chữ nghĩa cùng hình ảnh đã khơi dậy, ở người đọc và khán giả, về cơn điên rồ, hay thói tò mò thiên thu bất diệt của con người, một đòi hỏi mang tính Prométhée (phải ăn cắp cho được nguyên nhân của sự sống, và cùng với nó, sự huỷ diệt: lửa). Nói gọn lại, chính con quỉ của sự tò mò, và trái táo đầu tiên.

Đam mê của ông, như sau này ông tuyên bố với với Frédéric Lefèvre, vào năm 1932, trong cuộc nói chuyện trên tờ *Tin Văn*, là cuộc đời, 'một cuộc đời toàn thể'. Văn chương chỉ là phương tiện khai quật hiện hữu; làm cho sáng sủa hơn, dễ nhận ra hơn, điều mà ông gọi là 'thảm kịch của cuộc đời.'

Như một con bệnh tự chẩn đoán chính mình, một cách thật sáng suốt, Zweig coi ông, một kẻ bị ám (possédé) bởi con quỉ của sự tò mò. Thế nào là một con quỉ? Như ông giải thích vào năm 1925, trong bài giới thiệu những nghiên cứu về Kleist, Holderlin, và Nietzsche mà ông tập hợp dưới nhan đề *'Cuộc chiến chống lại quỉ'*, qui ở đây là 'một chất men làm cho tâm hồn chúng ta vẩn đục, xúi chúng ta lao vào những kinh nghiệm hiểm nguy, với tất cả những thái quá, những xuất thần. Đối với những cá nhân bình thường, chỉ là những cơn khủng hoảng, dù thế nào chăng nữa cũng qua đi, con người lại trở lại với cuộc sống bình thường, nhưng đối với những con người ngoại hạng, những kẻ sáng tạo, nghệ sĩ, họ luôn luôn chiến đấu với nó, trong ước muốn vượt chính mình, tới được vô cùng. Goethe chẳng hạn, đã chế ngự được những sức mạnh ma quỉ đó. Nhưng chính Freud mới là người ảnh hưởng nặng nề nơi Zweig.

Người ta nói tới truyền thống Pháp, ở Zweig. Nhưng khác với Maupassant, vốn coi trọng những 'rối loạn tình cảm'; ở Zweig, là khúc mắc, hành động, sự nghẹt thở, của truyện ngắn. Kỹ thuật này thấp thoáng trong *Bí mật nóng bỏng, Brulant secret*, xuất hiện vào năm 1911, trong đó một đứa trẻ, trong khi tra hỏi bà mẹ, xuyên qua cuộc phiêu lưu tình cảm của bà, khám phá ra kinh nghiệm đầu tiên của khổ đau. Sau khi đọc Freud, Zweig đã viết một tiểu luận về ông, vào năm 1930; nghiên cứu tâm lý, nói rõ hơn, sự phát giác những bí ẩn đáng sợ của ngành tâm linh học (psychisme) đã làm nền cho nghệ thuật truyện ngắn của Zweig. Ông viết thư cho Freud, vào ngày 8 tháng Chín 1926:(4) ... nhờ ông, chúng tôi nhìn rõ nhiều điều. Nhờ ông, chúng tôi nói ra nhiều điều, nếu không có ông, chúng tôi chẳng nhìn (thấy), chẳng nói (ra được). Nhưng phải đợi

truyện ngắn viết vào lúc cuối đời, trước khi quyết định tự tử, *Người Chơi Cờ*, chúng ta mới có được nỗi hân hoan tuyệt vời của một độc giả mê thể loại truyện ngắn. Nhất là thứ truyện ngắn, giống như một lỗ đen, 'nhốt chặt' cả một thế kỷ!

Ông B. nhân vật kể chuyện, bị Gestapo bắt, ngay buổi chiều, ngày Hitler vào Vienne. Ông may mắn đốt kịp giấy tờ quan trọng. 'Chắc là ông nghĩ, tôi sắp kể cho ông nghe về những trại tù, nơi giam giữ những người Áo trung thành với đất mẹ, cũng như tất cả những đau khổ, nhục nhã tôi phải chịu đựng sau khi bị bắt? Chuyện đó không xảy ra cho tôi. Tôi được xếp vào loại khác... những người mà đảng viên quốc xã hy vọng vắt ra tiền bạc hoặc những tin tức quan trọng. Cá nhân tôi chẳng là gì đối với họ, nhưng họ tin rằng chúng tôi chỉ là những con người 'rơm', phía sau chúng tôi mới là cái mà họ nhắm tới.'

Và Gestapo đã giam lỏng ông, tại một căn phòng khách sạn. Tạo ra chung quanh ông một quãng không (*chung quanh tôi là hư vô, tôi ngập trong đó*). 'Phép lạ' xảy ra: trong một lần hỏi cung, ông 'ăn cắp' được một cuốn sách dậy chơi cờ, từ trong túi một chiếc áo treo kế áo ông nơi phòng cung. Nhờ nó, ông qua được 'địa ngục', 'sống sót', nhưng than ôi, 'con quỉ tò mò' đã không buông tha ông, và trở lại, một lần nữa...

Người Chơi Cờ, như một định mệnh, như một lời 'chúc dữ', mang trong nó tất cả những vinh quang, những đau thương nghiệt ngã của một người, hơn thế nữa, một người Do-thái, (nạn nhân lý tưởng, kẻ thù tuyệt đối), trong thế kỷ đọa đầy, là thế kỷ của chúng ta. 'Tôi bắt đầu viết một câu chuyện ngắn về cờ tướng, gợi hứng từ một sách dậy chơi cờ mà tôi mua để cho đỡ trống trải, nỗi cô đơn của mình, và hàng ngày, tôi chơi lại những ván cờ của những bậc thầy', ông viết ngày 29 tháng Chín, 1941, cho người vợ cũ, Friederike. Một cách nào đó, đây chỉ để cho qua thì giờ... nhưng thật ngỡ ngàng, khi (chúng ta) nhận ra, đây là lần duy nhất nhà văn đề cập thẳng tới lịch sử đương thời, mà không 'chuyển hóa' nó.... Một chứng tích nhức nhối, về những toan tính nhằm huỷ diệt con người của Nazi. (Lời giới thiệu bản tiếng Pháp, tủ sách bỏ túi).

Những độc giả say mê Võ Phiến, những tác phẩm đầu tay của ông như *Người Tù, Mưa Đêm Cuối Năm, Thác Đổ Sau Nhà*... chắc chắn là nhận ra khí hậu Zweig ở trong đó. Nhân vật của Võ Phiến, đều như bị con quỉ của sự tò mò hớp hồn, dẫn dụ, và khi đã 'hoàn hồn', (đôi khi) tỏ ra nhờm tởm thế nhân: cô gái trong *Thác Đổ Sau Nhà*, sau gặp lại người tình của một đêm, đã ngạc nhiên không thể tưởng tượng được tại sao mình lại đã có lần ngã vào một con người thô kệch, cù lần đến như thế! (Vì không

có văn bản trong tay, tôi viết lại theo trí nhớ, ở đây là những cảm giác còn giữ được, khi đọc Võ Phiến từ nhỏ. Không hiểu đọc lại, những chi tiết có đúng, và cảm nghĩ có thay đổi hay không).

Những nhân vật tiểu thuyết hiện đại đều bước ra từ cái bóng của Don Quixote; ta có thể lập lại, với những nhân vật của Võ Phiến: họ đều bước ra từ *Người Chơi Cờ*. Tôi không hiểu, ông đã đọc nhà văn Đức, trước khi viết, nhưng khí hậu 1945, Bình Định, và một Võ Phiến bị cầm tù giữa lớp cán bộ cuồng tín, đâu có khác gì ông B. (không hiểu khi bị bắt trong vụ chống đối, Võ Phiến có ở trong tình huống đốt vội đốt vàng những giấy tờ quan trọng...). Nhân vật 'cù lần' trong *Thác Đổ Sau Nhà*, đã có một lần được tới Thiên Thai, cùng một cô gái trong một căn lều, giữa rừng, cách biệt với thế giới loài người, có một cái gì thật quen thuộc với đối thủ của ông B., tay vô địch cờ tướng nhà quê vô học, nhưng cứ ngồi xuống bàn cờ là 'đã biến thiên hạ vô địch thủ?

'Nhưng đây là con lừa Balaam', vị linh mục nhớ tới Thánh Kinh, về một câu chuyện trước đó hai ngàn năm, một phép lạ tương tự đã xẩy ra, một sinh vật cầm đột nhiên thốt ra những điều đầy khôn ngoan. Bởi vì nhà vô địch là một người không thể viết một câu cho đúng chính tả, dù là tiếng mẹ đẻ, 'vô văn hoá về đủ mọi mặt', bộ não của anh không thể nào kết hợp những ý niệm đơn giản nhất. Năm 14 tuổi vẫn phải dùng tay để đếm.

Cuộc đụng độ giữa nhà vô địch với ông B. đúng là 'khí hậu' của cả thế kỷ được dồn nén vào trong một ván cờ!

Hãy so sánh với sự thất bại của hầu hết những nhân vật của Võ Phiến, trước cuộc đời: những ông Ba Đồng Thời, Bốn Thôi...

'Vết thương không thể lành', Levi viết trong *Những Kẻ Chết Đuối và Những Người Được Cứu Thoát*. Auschwitz địa ngục thứ nhất, post-Auschwitz, địa ngục thứ nhì. Tadeusz Borowski, tác giả *Quí Bà Và Quí Ông, Đường Này Tới Lò Thiêu*, thoát cả hai lò thiêu Auschwitz và Dachau; năm 1951, chưa tới 30 tuổi, 3 ngày sau khi cô con gái của ông chào đời, đã trở lại nơi lò thiêu ngày xưa: tự tử. Nhà thơ Paul Celan: tự tử. Còn nhiều nữa...

Người ta nói tới không khí hiu hắt, cô đơn trong văn phong của Võ Phiến. Phải chăng đây cũng là một tình trạng 'không thể lành', sau kinh nghiệm 1945? Tính cách bất toàn, luôn bám lấy một tư tưởng cố định, idée fixe, coi thường chính mình, của những nhân vật Võ Phiến? Nếu sau này, Võ Phiến có giọng viết như nói, như trò chuyện thoải mái, tôi nghĩ

đó là do ảnh hưởng Miền Nam. Võ Phiến thời đầu không có giọng văn này.

Có thể có người cho rằng người viết 'quá đáng', từ một văn phong hiu hắt, cô đơn suy ra hậu quả một thời gian sống dưới chế độ cộng sản? Nhưng hãy coi trường hợp Tam Ích, cũng một người đã từng được coi là Mác-xít, cuối cùng tự tử. Hãy coi trường hợp Văn Cao, sau 'Mùa Thu'. George Steiner còn đi xa hơn, khi khẳng định: so với phi nhân, văn chương nghệ thuật là vứt đi, kịch Racine là cái thá gì, so với Bastille, thơ Mandelstam chịu nổi một giờ của Stalin?(5) Nhìn như thế mới thấy vinh quang và bất hạnh của Võ Phiến, nhà văn Bình Định. Nên nhớ, ông đã có một người em theo CS và đã tử trận. Bạn văn cùng một thời Bách Khoa với ông: Vũ Hạnh.

Vết thương không thể lành, nhưng con người vẫn cố chữa trị, làm sao không? Giọng văn bỡn cợt ảnh hưởng Maurois, nói trạng ảnh hưởng miền Nam. Nhưng Maurois không phải là người học trò duy nhất, hiểu thầy nhất của Alain. 'Học trò cưng' của ông, phải là Simone Weil. Như Zweig, bà tự huỷ bằng cách tuyệt thực vào năm 1943. Trong bài viết *'Thánh Simone - Simone Weil'* (in trong *No Passion Spent*, nhà xb Yale University, 1996), G. Steiner cho rằng khí hậu thế kỷ của chúng ta sẽ không thể hiểu được nếu bỏ qua Simone de Beauvoir, Hannah Arendt, nhưng trên hết vẫn là Weil. Trong 'cuộc thoại với những người chết' (những nghiên cứu về những ngư(c)i như Weil), chúng ta cần đi sâu vào một Dostoevsky, và lòng từ bi, 'caritas', của một vị thánh, mới có thể hiểu được một người như Weil. Bà đã từng đưa ra nhận xét, ngay phút đầu tiên những binh đoàn Đức Quốc Xã tiến vào Paris: đây là một ngày trọng đại, cho Đông Dương (cho tất cả những dân tộc bị Pháp đô hộ), thấy hết sự thuần khiết lạnh lùng, của một câu châm ngôn khắc kỷ. Trong lúc dân tộc của bà đi vào lò thiêu, Weil đã từ chối rửa tội, 'vì Ca-tô-giáo La-mã vẫn quá Do-thái' (Roman Catholicism was still too Jewish).

Khi đọc Alain, Võ Phiến không nhìn ra một Weil ở phía sau. Do đó, ông không đọc được Đỗ Long Vân, một người cũng say mê Alain. Cuộc sống ẩn dật, từ chối mọi 'đặc quyền' của Đỗ Long Vân có thể bị coi là 'không bình thường', nhưng chưa trầm trọng như Weil: ngay cả người thân của bà, André Weil, cũng kết luận, 'tính khí của bà vượt quá mức bình thường'. Còn De Gaulle nói thẳng thừng: 'người đàn bà này khùng'. Đỗ Long Vân, theo tôi, không chọn con đường tự huỷ, có lẽ vì đã đọc Kim Dung, đã nhận ra: chỉ ở trong thế rỗng ruột (hư trúc), mới giải được ván cờ ma quái. Hư Trúc khi đi nước cờ, không hề nghĩ chuyện thua thắng: đấy mới là vấn đề. Võ Phiến khi đọc Zweig, không thấy Dostoevsky,

không nhận ra sự thiếu sót của phân tâm học, muốn đơn giản con người như một sinh vật bị bịnh. Theo như tôi được biết Võ Phiến không chịu được những trào lưu 'thái quá', không phải chỉ về tư tưởng, mà cả ở trong ngôn ngữ. Có vẻ như ông không chịu nổi thơ dịch. Không chịu nổi Thanh Tâm Tuyền.

Võ Phiến rời Việt Nam ngay 1975, ông không có 'cơ hội' ở lại chịu chung với cả miền Nam những cay đắng khổ nhục sau đó. Ở lại là chết. Nhưng bỏ đi 'sớm', ông không cảm nhận được nỗi vinh quang và nhục nhằn của kẻ ở lại: một cách nào đó, ông không cảm nhận sự thực, về 'thất bại trong chiến thắng', đối với những người CS, và do đó ông không 'trực giác' cơ hội thống nhất đất nước, không phải theo kiểu chiếm đoạt Miền Nam: chỉ ở trong nhục nhã cay đắng của Miền Nam thất trận, chúng ta mới có thể hiểu những năm tháng ghê rợn cả một miền đất sống dưới tai trời ách nước là chủ nghĩa CS; và ôm lấy những đồng bào ruột thịt Miền Bắc.(6)

Đây là một tất yếu lịch sử. Những chuyện Bắc tiến, giải phóng Miền Bắc, những ngày 1954 chỉ để nói cho vui, để lên tinh thần... tại sao vậy? Bởi vì nếu coi ngôn ngữ mới là căn phần của con người, văn chương Miền Nam không hề mang chất đế quốc, không hề nhắm tới quyền lực. Từ một văn chương như thế làm sao có thể đi xâm chiếm Miền Bắc, cho dù là để giải phóng?

Văn Học Tổng Quan, đoạn nói về nhà văn Miền Bắc thoắt chốc vào Nam ra Bắc, dưới những bút hiệu khác nhau, rồi giả dụ Miền Nam cũng làm như vậy, là quá tếu và không hiểu cả hai miền, còn hạ giá nhà văn Miền Nam. Bởi vì, văn chương Miền Nam, bản chất của nó, không mắc mớ gì đến tinh thần chiếm đoạt, tranh ăn thua, còn Miền Bắc, vẫn nằm trong dạng khai hoá, vẫn tự coi như là quyền năng chính thống, theo kiểu, cần dậy cho mày một bài học, và phải trả bằng xương máu, bằng đất đai: Đấy là ý nghĩa của nhiệm vụ khai hoá! Một cách nào đó, nếu chúng ta nhìn ra sự tương tự giữa Cách Mạng Pháp, và chủ nghĩa CS, cùng lúc chúng ta nhận ra tính thực dân của văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa: đây vẫn là một thứ văn chương quyền lực. Nhìn theo cách thế đó, chúng ta còn nhận ra tính giai đoạn của dòng văn chương phản kháng ở trong nước. Nó phải qua đi, để lộ ra con người với ngôn ngữ, những lời nói 'lành lặn' của nó...

'Tại sao ta không thể yêu, những gì chúng yêu, nếu chúng chiếm được cuộc đời, ta đành chọn hư vô', mê cung dành cho nhân vật trong *Cát Lầy* của Thanh Tâm Tuyền là vậy. Đừng nhìn thơ tự do, dòng văn chương Sáng Tạo, *Văn Chương Kinh Nghiệm Hư Vô* (Huỳnh Phan Anh), như là

một 'cái đuôi' của dòng văn chương hiện sinh Pháp. Chúng là những con chim báo bão, cho một hư vô huỷ diệt, của những trại tù sắp tới... Khi bị những nhà phê bình Miền Bắc 'tra hỏi', tác giả *Bếp Lửa* đã 'nhẹ nhàng' yêu cầu, hãy đặt những câu hỏi đó ra cho chính các ông. Nên nhớ, những nhà văn Miền Nam, những tác phẩm 'chống Cộng' của họ chỉ có, khi 'bị đòn': *Giải khăn sô cho Huế, Địa Ngục Có Thực, Mùa Hè Đỏ Lửa, Vòng Đai Xanh*... Ngay cả Võ Phiến cũng vậy; sợ CS, sợ mất Miền Nam quá ông mới la làng, còn nhẩn nha được là ông lại nghiên cứu chiều sâu con người, dò tìm cội rễ của một bài chòi!

Chúng ta đã lầm một cách thê thảm, Mac Namara nói vậy, không đúng mà cũng không sai: người lính VNCH không thua trên chiến trường, mà thua vì tính người: họ chưa bao giờ coi người lính Miền Bắc là kẻ thù tuyệt đối, nạn nhân tuyệt đối. Họ không hề được trang bị bằng một thứ văn chương quyền lực!

Nhìn theo cách đó, chúng ta mới 'thấm' được những dòng thơ 'thiền', giọng điệu cảm khái, tráng sĩ 'biên đình' của những Nguyễn Bắc Sơn, Tô Thùy Yên... hay những lời ca 'đôn anh đóng bên rừng hoang, thấy hoa mai nở...'. Đánh giặc, súng n(ầm ầm, thần chết hỏi thăm từng giây, từng phút, bất cứ lúc nào, nhưng cứ hở ra được một chút là lại 'thiền'! Vinh Danh người lính VNCH là đúng, chẳng có gì 'chuế' cả, nhưng cố vực họ dậy, giữa vòng dây oan nghiệt của lịch sử là bi thảm hoá một huyền thoại, là tự hài lòng với nỗi bi thảm: nạn nhân của phi nhân. Thua trận, nhục nhã thật, nhưng thà rằng thua, mà vẫn giữ được 'con người'! Làm người lính thiền, chắc chắn là hơn làm đao phủ thiền! Thi sĩ không bao giờ là nạn nhân (J. Brodsky). Mỗi người lính, như Nguyễn Bắc Sơn, Tô Thùy Yên, Khoa Hữu, Cao Thoại Châu, Luân Hoán... là một nhà thơ, người lính bảo vệ ngôn ngữ, và trong khi bảo vệ ngôn ngữ, chống lại những điều dối trá, phi nhân, họ bảo vệ con người. Nhà văn một kẻ sống sót, là vậy.

Nếu cần phải tìm cho Võ Phiến một nhãn hiệu, chúng ta có thể gọi ông là nhà văn của thế kỷ, thế kỷ XX.

(Nguyễn Hưng Quốc).

Nếu có thể coi Âu-châu, như một ghetto(7), một pháo đài, nơi trú ẩn cuối cùng của nhân loại, trước chủ nghĩa phát-xít (trước đây), và chủ nghĩa toàn cầu (bây giờ), chúng ta có thể nhìn ra số phận của Võ Phiến, nhà văn của thế kỷ 20, trong những giờ phút hấp hối của nó. Một cách nào đó, quê hương Bình Định của Võ Phiến, và những chao đảo lịch sử những năm 1945, đã quyết định ngòi bút của ông. Khi đi theo Việt Minh, có thể

ông đã muốn từ bỏ 'ghetto' (khác Zweig, những người như ông, đã nhìn chủ nghĩa CS như một cơ may) và khi thất bại, trở về, nó trở thành niềm tin cuối cùng của ông: thay vì tập thể, giờ chỉ còn quê hương, con người, với sự tò mò của một nhà văn, như một con quỉ muốn lật tung tất cả.

Những con đường đưa cá nhân đến tội ác / đưa xã hội đến cách mạng, là như nhau.

(Camus, *Thèse sur Dostoevsky: Les mêmes chemins qui mènent l'individu au crime mènent la société à la révolution).*(8)

Đại cầm ở tay cuốn Crime et Châtiment. Tôi hỏi:

Cậu đến trường luôn không?'

'Không.'

'Làm gì ở nhà?'

'Đọc sách và suy nghĩ.'

'Suy nghĩ về phép giết người?' Tôi nói đùa.

Đại không đáp. Chúng tôi đứng nhìn xuống khu xóm lao động phía dưới. Đại bỗng nói:

'Nó đến trường tìm mình dữ lắm.'

'Cậu quyết định thế nào?'

Đại trầm ngâm một phút'

'Chưa.'

Đại là sinh viên khoa học, đã qua được chứng chỉ căn bản. Hắn bị gọi động viên và đang trốn.

'Nghĩ gì về Dostoevsky?'

'Bệnh.'

Tôi không ưa lối nói cụt ngủn của Đại. Hắn rất say đắm chủ nghĩa cộng sản. Những căn nhà thấp đã bốc khói. Không khí ấm hơn. Tôi nhìn bâng quơ những ngọn cây.

(Thanh Tâm Tuyền, *Bếp Lửa*).

Nói về *Possédés*, vào năm 1955, nhân dịp đài Radio-Europe tưởng niệm Dostoevsky, Camus tuyên bố: Tôi gặp tác phẩm này năm 20 tuổi, và cơn bàng hoàng cứ thế kéo dài, hai mươi năm tiếp theo sau đó.

Cơn choáng váng mà Camus đụng phải khi đọc *Lũ Người Quỉ Ám* không chỉ kéo dài ở ông, mà còn lây sang nhiều người, khi đụng *Kẻ Lạ*. Một cách nào đó, *Bếp Lửa, Kẻ Lạ*, là những phiên bản của *Tội Ác, Possédés*... Zweig đã viết *Ba Bậc Thầy* (Balzac, Dickens, Dostoevky). Võ Phiến đã

dịch Zweig. Và Dostoevsky, *Người Chồng Muôn Thuở*, nhưng theo tôi đây không phải là tác phẩm quan trọng của nhà văn Nga này. *Những Người Quỉ Ám* mới là con chim báo bão về một chủ nghĩa toàn trị sắp tới (Lời giới thiệu trang bìa ấn bản tủ sách bỏ túi).

Tôi phải kể cuộc đời nào, trong những cuộc đời của tôi? Thay vì cuộc đời của tôi, là cuộc đời của những Bốn Thôi....❐

1. Cynthia Ozick trích dẫn trong bài viết về Primo Levi. Tạm dịch:
Kể từ đó, đâu biết giờ nào
Cơn hấp hối đó trở lại
Và cho tới khi câu chuyện thê lương của tôi được kể
Trái tim này trong tôi bỏng rát.
2. Edward W. Said trích dẫn, trong *Văn Hóa và Chủ Nghĩa Đế Quốc*. (Nhà xb Knopf, 1993)
3. Trong *Metaphor & Memory*, essays (nhà xb Vintage International, 1991).
4. Văn Học Pháp, số đặc biệt về Zweig, tháng Hai, 1997.
5. Cynthia Ozick trích dẫn.
6. *Không phải ngẫu nhiên, Gregor Samsa thức giấc, như một con bọ, ở trong nhà bố mẹ, mà không ở một nơi nào khác*. Walter Benjamin viết về Franz Kafka, nhân ngày giỗ thứ mười, (trong *Illuminations*, nhà xb Schocken Books, New York).
7. Nên hiểu ghetto theo cả hai nghĩa tốt và xấu của nó.
8. Trích dẫn bởi Roger Grenier, trong *Camus Mặt Trời và Bóng Đêm*. (nhà xb Gallimard, 1987).

hộp thư

● Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn:

Đặng thị Huệ (Alexandria VA), Thanh Nguyễn (Phoenix AZ), Tấn Nguyễn (San Diego CA), Lê Ngoan (Chicago IL), PBCC Corp. (Shelton, CT), Ngô Thanh Tùng (Alameda,CA), Phương Thảo (Artesia CA), Triều Hoa Đại (Middleburg FL), Lê Đình Quý (Lakewood CA), Nguyễn Huy Bích (Ontario Canada), Hoàng Chiêu Nhân (Brossard Canada), Lê Công Khanh (Pittsburg CA), Nguyễn Đình Hoà (Mountain View CA), Suzy Ngô (Canoga Park CA), Đỗ Tuấn Huy, Hoàng Ngọc Hiền (Langen Germany), Tôn Thất Sơn (Norway), Ngô Ngọc Tuấn (Silver Spring, MD), Lê Trung Định (Atascadero CA), Lưu Thành Đạt (Cabramatta Australia), D. Vu (NSW Australia, đổi địa chỉ), Nguyễn Trọng Hiền (Altadena CA), Huỳnh thị Tố Linh (Milpitas CA)

l Bài nhận được trong tháng:

"Yểu điệu thục nữ" gửi từ San Diego CA, "Một lần trao trọn vẹn", "Biển mưa tình", "Thu lặng lẽ", "Em sẽ chờ" gửi từ Babson Park Ma, "Báo cáo sức khoẻ", "World Literature Today" gửi từ Mountain View CA, "Đoản khúc mùa thu", "Sông Danhim chảy khúc Đơn Dương" gửi từ Houston TX, "Nói chuyện với tác giả Những Giọt Mưa Trên Giàn Bông Giấy" gửi từ Chino Hills CA, "Hai ngã" gửi từ Rosemead CA, "Tìm" gửi từ Montreal Canada, "Ngắm đóa hoa quỳnh", "Như đóa hoa quỳnh" gửi từ Lowell MA, "Thả trôi về biển" gửi từ Toronto, Canada, "Giờ em như cổ tích", "Thổi đi cơn gió chiều", "Để nhớ lúc em xa" gửi từ Phoenix AZ, "Khởi lên từ ngọn bút" gửi từ Middleburg FL, "Có thể" gửi từ Amsterdam Netherlands, Thư Anh Trương Tuệ (France), "V.P & Bài họa" gửi từ San Jose CA, "Tương tư", "Thức suốt cùng trăng" gửi từ Morrow GA.

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ.

● Nhắn tin cùng quí văn hữu gửi bài cho Văn Học qua e-mail:

Trong thời gian gần đây, Văn Học nhận được rất nhiều bài vở do các văn hữu gửi tới qua e-mail. Hiện nay, Văn Học dùng các nhu liệu Windows 97, font VNU (VNTimes) và Pagemaker 6.5 để làm báo. Nếu có thể được, trước khi gửi bài qua e-mail (dùng attach, text saved), xin quí bạn chuyển bài qua font VNU để tránh các khiếm khuyết khi chuyển font từ kiểu chữ khác qua font VNU. Cảm ơn các bạn trước.

Nhà xuất bản và Phát hành Văn Nghệ
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone & Fax: 714-527-5761

Những tác phẩm của nhà văn Võ Phiến
hiện có bán tại nhà xuất bản và Phát hành Văn Nghệ:

Tùy bút I (tái bản)	15 MK
Tùy bút II (hết)	
Tạp luận	14 MK
Tiểu luận	14 MK
Truyện ngắn I (hết)	
Truyện ngắn II (tái bản)	14 MK
Tiểu thuyết I	15 MK
Tiểu thuyết II	15 MK
Tạp bút 16 MK	
Văn học Miền Nam (Tổng quan)	14 MK
Thơ Miền Nam I	6 MK
Thơ Miền Nam II	11 MK
Truyện Miền Nam	**I** 6 MK
Truyện Miền Nam II	10 MK
Truyện Miền Nam III	10 MK
Ký, Bút, Kịch Miền Nam I	10 MK
Ký, Bút, Kịch Miền Nam II	10 MK
Quê	8 MK
Viết	10 MK
Đối thoại	8 MK
Sống và Viết, Văn Mới xb	10 MK
Thơ Thẩn, An Tiêm xb	10 MK

Võ Phiến
phê bình văn học, của Nguyễn Hưng Quốc 10 MK

THÁI ẤT TỬ VI

tử vi mạng số toàn niên
KỶ MẸO 1999

Do nhà tướng số nổi tiếng **Vương Dung Cơ**
Trung quốc luận giải
Lần đầu tiên được dịch ra Việt ngữ
Dịch giả **Khổng Trung Văn**

* Muốn biết chính xác vận mạng để làm chủ cuộc đời, bạn phải đọc Thái Ất Tử Vi
* Tổng quát cuộc đời, Công danh sự nghiệp, Tình cảm, Sức khoẻ.
* Hôn nhân, Hạp tuổi hay Xung khắc.
* Hùn hạp làm ăn: Hạp hay Kỵ.
* Vận mạng sao hạn từ 17 tuổi đến 90 tuổi.
* Ngày giờ xuất hành
* Màu sắc hạp kỵ.

Thái Ất Tử Vi đầy đủ, chính xác chưa từng có.

NGUỒN SỐNG PHÁT HÀNH
Giá 20 Mỹ kim. Dày 450 trang.

PRINTED BY MEKONG PRINTING
Tel: (714) 558-9595 • Fax: (714) 558-7960

DU KHÁCH NÀO TỚI VÙNG ORANGE COUNTY CŨNG ĐỀU GHÉ LẠI

VĂN KHOA

9200 Bolsa Ave., Ste. # 123,
Westminster, CA 92683
(Trong khu Phước Lộc Thọ)

Tel: (714) 892-0801

• Sách Mới Về Mỗi Tuần • Đầy Đủ Sách Báo Và CD's/ Băng Nhạc V.N., Tự Điển, Sách Học Anh Văn Có Băng, Videos, Băng Đọc Truyện, Postcards. Chuyên Xuất Bản Sách Mới Sáng Tác

SÁCH MỚI VỀ:

1.**Nói Thầm Với Đá** (177 p.) *Lệ Hằng* $10.00
2.**Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê** (309 p.) *Minh Võ* $15.00
3.**Nguyên Sa, Tác Giả Tác Phẩm 2** (373 p.) *Đỗ Cường soạn* $15.00
4.**Tổ Hợp Đầu Tư/Mutual Funds** (330 p.) *T.S.Hà Hưng Quốc* $16.00
5.**Giải Thoát Trong Lòng Tay** (966 p., 2 vol.) *Rinpoche, Trí Hải* $35.00
6.**Thơ Nguyên Sa I** (128 p.) *Nguyên Sa* $12.00
7.**Những Gương Mặt Tỷ Phú Saigon Trước 75** (193 p.) *D.D. Dũng* $9.00
8.**Hành Trình Cuối Đông** (346 p.) *Tiêu Dao Bảo Cự* $16.00
9.**Độc Cô Quái Khách** (777 p., 2 vol.) *Kim Dung, H.G. Nhạn dịch* $24.00

SÁCH VĂN KHOA MỚI XUẤT BẢN:
Góc Trời Ngô Thuỵ Miên (56 p. 8 x 11, tập nhạc) Ngô Thuỵ Miên $13.00

Nhà xuất bản Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683, USA
Tel & Fax: **(714) 527-5761**

Sách mới:

• Sài Gòn trong mắt tôi, biên khảo, *Phụng Nghi*	12 MK
• Dòng Thames thì thầm, phiếm luận, *Vĩnh Phúc*	12 MK
• Thực phẩm rau đậu trong lăng kính khoa học, biên khảo, *Tâm Diệu*	12 MK
• Lầu xép, 7 chuyện, 8 truyện, *Võ Đình*	11 MK
• Công lý đòi hỏi, tiểu luận chính trị, *Nguyễn Minh Cần*	18 MK
• Thư về Bloomington, IL..., truyện, *Lê Tất Điều*	11 MK
• Đạo Đức Kinh, Lão Tử, cựu luật sư *Đinh Sĩ Trang* dịch, chú thích, gồm Anh, Việt, Hán văn	20 MK
• Nhìn cây thấy rừng, 18 cuộc phỏng vấn liên quan đến VN với nhiều khám phá lý thú, *Đỗ Quyên*	18 MK
• Einstein, Đời sống và Tư tưởng, *Nguyễn Hiến Lê*	8 MK
• Ông già và Biển cả, *Ernest Hemingway, Mặc Đỗ* dịch	7 MK
• Màu tím, *Alice Walker, Nguyên Thi* dịch	15 MK
• Hành trình cuối đông, *Tiêu Dao Bảo Cự*	16 MK
• Miền thơ ấu, hồi ký, *Vũ Thư Hiên*	13 MK
• Những giọt mưa trên giàn bông giấy, tiểu thuyết, *Nguyễn Hùng Vũ*	14 MK
• Trăng góa, truyện ngắn, *Lê Minh Hà*	10 MK
• Thơ Khoa Hữu, Văn Học xuất bản	10 MK
• Tôi cùng gió mùa, thơ *Nguyễn Xuân Thiệp*	15 MK
• Tháp ký ức, truyện ngắn, *Phùng Nguyễn*	12 MK

SỐ ĐÔI: 8 MỸ KIM